

Thư Quán Bản Thảo

SỐ 52 THÁNG 6 - 2012



Chủ đề: Sự im lặng của cát bụi
Tưởng niệm nhà thơ Khoa Hữu và Nh. Tay Ngàn

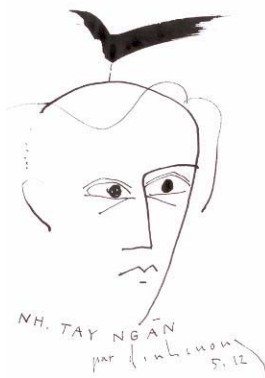
Trần Hoài Thư • Phạm Cao Hoàng • Phạm Văn Nhân • Trần Bang Thạch
• Đào Anh Dũng • Vương Thúy Nga • Nguyễn Mộng Giác • Diễm Châu
• Trần Doãn Nho • Nguyễn Thùy Song Thanh • Thị Vũ • Phạm Công
Thiện • Lê thị Huệ • Chân Phương • Trần Văn Nam • Hồ Ngọc Ngự •
Nguyễn Xuân Thiệp • Đinh Cường • Nguyễn Lệ Uyên • Đặng Kim Côn •
Nguyễn thị Hải Hà • Cam Li Nguyễn thị Mỹ Thanh • Nguyễn Dương
Quang • Hoài Ziang Duy • Trương Văn Dân • Tuyết Linh • Đinh Thắng
• Trần thị Nguyệt Mai • Đặng Đình Túy •

Thư Quán Bản Thảo số 52 chủ đề **Sự im lặng của cát bụi**
đặc biệt tưởng niệm hai nhà thơ miền Nam:



Khoa Hữu (1938 - 2012)

*Tấm lòng ta lười giương hành thích
đường ta đi sự thật ta đi
bạn bè ta đưa còn đưa mắt
ngó sau lưng cổ mộ xanh rì.*
(Thư Sài Gòn)



Nh. Tay Ngàn (1943 – 1978)

*Vườn sầu riêng tôi khóc với tên Liên
Là con đôi hoặc em còn ngó tôi biết nói
Miệt phố buồn vẫn lấy trần ai
Hay tơ nhện làm tằm nơi cát lộ
Bóng mờ xa con nước chảy huyền
Màn trời đất tôi cần ba con rắn lục
(ôc thổi than nước ruộng với lá trà lu...)*

Thư Quán Bản Thảo - Tạp chí văn học nghệ thuật
TẬP 52, THÁNG 6, NĂM 2012

Chủ đề: Sự yên lặng của cát bụi

Giới thiệu nhà thơ Khoa Hữu & Nh.Tay Ngàn

MỤC LỤC

Thư Tòa Soạn / 3

Sống và Viết / 5

Trần Hoài Thư (5) • Phạm Cao Hoàng (12) • Phạm văn Nhân (16) • Đào Anh Dũng (22) • Vương Thúy Nga (23) • Trần thị Nguyệt Mai (26) •

Tưởng niệm nhà thơ Khoa Hữu / 34

Nguyễn Mộng Giác: Đi vào cõi thơ Khoa Hữu (35)

Trần Doãn Nho: Khoa Hữu, nỗi bi phần bất tận (40)

Diễm Châu: Lục bát như một tín hiệu (55)

Nguyễn Thùy Song Thanh: Thi thể (59)

Di cảo Thơ Khoa Hữu / 62

Viết về nhà thơ Nh. Tay Ngàn / 78

Thi Vũ: Nh. Tay Ngàn lập lòe trí nhớ (79)

Phạm Công Thiện: Lettre à un poète vietnamien avant son suicide... (86)

Lê thị Huệ: Paris nhìn lên... (93)

Chân Phương: Một vệt sao mờ (95)

Trần văn Nam: Nghĩ về di cảo mấy ngàn trang... (101)

Giới thiệu thơ văn Nh. Tay Ngàn / 115

Truyện ngắn

Trần Bang Thạch: Bóng tối ngọt ngào (155)

Đặng Kim Côn: Tuyệt lộ (163)

Nguyễn Lệ Uyên: Về quê (175)

Nguyễn thị Hải Hà: Sỏi và đá (186)

Cam Li Nguyễn thị Mỹ Thanh: *Hành trình về đến trái tim* (196)

Truyện dịch /

Xiaolu Guo: *Bán Con Bằng Internet* – **Nguyễn thị Hải Hà dịch** (207)

Dino Buzzati: *Lettera d'amore* – **Trương văn Dân chuyển ngữ** (225)

Thơ

Hồ Ngọc Ngự: *Đêm đọc thơ Nh. Tay Ngàn* (109)

Nguyễn Xuân Thiệp: *Trong garage của Đinh Cường* (110)

Đinh Cường: *Muguet đầu tháng năm và lời ca treo cổ* (113)

Đặng Kim Côn: *Là Những Sớm Tình Mơ* (174)

Nguyễn Dương Quang: *Ở biển, khi xa người* (185)

Hoài Ziang Duy: *Bàn tay, có điều chưa nói hết* (194)

Tuyết Linh: *Một mình / Nỗi buồn còn nguyên* (214)

Đinh Thắng: *Tôi nghe trong Cõi Đá Vàng* (215)

Trần thị Nguyệt Mai: *Nỗi nhớ* (218)

Kịch bản

Đặng Đình Túy: *Vết thương* (219)

Giới thiệu sách báo

Phạm văn Nhân giới thiệu / 232

Giữa tòa soạn và bạn đọc / 234

Bìa: **Xúc Địa Ấn** - tranh sơn dầu đinh cường

Trình bày bìa: trần thị nguyệt mai

Tòa soạn:

P.O Box 58

South Bound Brook

NJ 08880

Email: tranhoaitu@verizon.net

Thư tòa soạn

Chưa có lúc nào như lúc này, internet lại được xem là một phương tiện không thể thiếu trong đời sống văn minh của con người. Riêng trong lãnh vực văn học nghệ thuật, internet giúp sáng tác của tác giả đến khắp cả cõi địa cầu với một tốc độ sấm sét, không phải bị giới hạn bởi biên thùy địa dư hay bởi chính sách cấm cản ở cửa hải quan của chế độ. Tiện lợi trăm bề, nhanh chóng vượt bậc, lại không tốn kém. Đó là một vài nguyên do chính để giải thích tại sao văn học ảo lại hấp dẫn tác giả và người đọc.

Trong hoàn cảnh và tình huống như vậy, sự ra đời của một tạp chí in thuần túy văn học nghệ thuật có lẽ là một chuyện không tưởng. Làm sao giúp độc giả tìm ở tờ báo một vài điều gì hữu ích hay tin cậy. Làm sao đừng bắt độc giả phải bực mình vì đọc đi đọc lại những bài đã post trên internet. Làm sao để bù với cái công sức chúng tôi bỏ ra quá lớn.

Chúng tôi đã cố gắng không ngừng để xứng đáng với lòng tin cậy của bạn đọc và thân hữu. Thứ nhất là thực hiện mỗi kỳ báo ít nhất một chủ đề, cố gắng tìm tòi sưu tập những di sản văn chương miền Nam chưa hề xuất hiện ở bất cứ đâu. Thứ hai, ngoại trừ các bài vở cần sưu tập cho số chủ đề, các sáng tác phải mới. Chúng tôi hy vọng các bạn văn/thủ hữu nếu đã thương mến tạp chí này thì xin thương mến cho trót. Xin đừng gửi cho TQBT những bài đã gửi cho các báo hay trang nhà khác. Và xin dành cho TQBT quyền ưu tiên được đăng trước hết, trước khi gửi bài đến các báo hay trang nhà khác.

Chúng tôi tự hào tạp chí TQBT là tạp chí hiếm hoi dám thực hiện thường xuyên nhất những chủ đề rất khó khăn mà từ trước đến nay chưa có một tạp chí dưới đất hay trên mạng dám làm hay có khả năng làm. Ví dụ giới thiệu nhà thơ Lâm Vĩ Thủy với thi phẩm *Sao Em Không Về Làm Chim Thành Phố*, nhà văn Nguyễn thị Thanh Sâm với tác phẩm *Cõi Đá Vàng*, hay tạp chí Bách Khoa, nhà thơ Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Bắc Sơn, Linh Phương, Vũ Hữu Định, Từ Thế Mộng, Nguyễn Nho Sa Mạc, Hoài Khanh, Phan Nhự Thức v.v...

Và giờ đây thêm hai nhà thơ miền Nam của chúng ta: nhà thơ Khoa Hữu và Nh. Tay Ngàn.

Nhân đây, xin thành thật cảm ơn hai bạn ẩn danh ở Hà Nội và Saigon đã ra công tìm 16 bài thơ Nh. Tay Ngàn trên những số Văn trước 1975. Xin cảm ơn nhà thơ Nguyễn Thanh Châu đã sưu tầm thêm một số thơ Nh. Tay Ngàn. Xin cảm ơn anh Lưu Quang Đức đã tìm được ba bài thơ và một truyện ngắn của Ngô Đình Khoa (bút danh của Khoa Hữu trước năm 1975) trên tuần báo Khởi Hành. Hy vọng những bài vở được sưu tầm này sẽ là nguồn tài liệu tham khảo cần thiết cho những vị quan tâm đến nền văn học miền Nam.

Số báo kỳ tới sẽ mang chủ đề viết về tạp chí Văn. Rất mong nhận được sự tiếp tay của quý thân hữu xa gần.

Cuối cùng là lời chúc của chúng tôi. Xin cho tất cả chúng ta được an mạnh và luôn luôn gặp mọi điều may mắn, tốt đẹp.

Trân trọng,

Trần Hoài Thư
Chủ trương TQBT

SÔNG VÀ VIẾT

Trần Hoài Thư
Em chưa đái...

Đêm ấy, trong số những người tham dự bữa tiệc tại nhà vợ chồng Ng/Đ, có hai người là độc giả của tạp chí Thư Quán Bản Thảo. Trong bàn tiệc, họ nhắc đến TQBT số 50, chủ đề giới thiệu nhà thơ Nguyễn Đức Sơn. Và đề tài bắt đầu nhắm vào thơ NĐS. N.L bèn đọc lớn:

*anh sẽ đến bất ngờ ai biết trước
miệng khô rồi nỏ cực lạc xa xôi
ôi một đêm bụi cỏ đáng thu người
em chưa đái mà hồn anh đã ướt*

Bạn ta khen nức nở câu cuối. Nhất là chữ đái. Thanh mà tục. Tục mà thanh. Anh bình: Thiếu gì chữ để bỏ vào, ví dụ rớt, nhưng tại sao ông ta lại dùng chữ đái. Rõ ràng NĐS phải có nội lực ghê gớm. Nhưng cô vợ của anh ta thì không chịu. Cô bảo chữ em là ánh trăng. Và chữ đái có nghĩa là chảy, lai láng... Có gì đâu mà tục tũ. Tại mình nghĩ bậy đấy thôi.

Thế rồi cuộc bình thơ càng lúc càng gay cấn. Chẳng khác một diễn đàn trên mạng. Chỉ khác chẳng là ở đây, chúng tôi ăn nói thả giàn, không bị tùy thuộc vào cái kéo của thầy kiểm duyệt administrator.

Bỗng nhiên ở cuối bàn, giọng một người bạn từ lâu ít nói, thốt lên:

- Tại sao chúng ta không đổi ngược anh thành em và em thành anh nhỉ?

Anh chưa đái mà hôn em đã ướt ?

Cả bàn ngưng một vài giây. Có lẽ ai nấy đều suy nghĩ về lời đề nghị. Rồi có người gật đầu, tỏ ý tán thưởng... Riêng anh bạn NL thì phụ đề thêm: Tại sao chúng ta không đổi chữ h bằng chữ ... (người viết tự kiểm duyệt). Lời đề nghị của NL đã làm cả bọn cười ré lên, cười đến chảy nước mắt sống.

Vâng, ý của ông bạn được tiếng là ít nói này quả thật còn có nội lực mạnh hơn cả ý thơ của NĐS. Câu thơ NĐS chỉ là một câu thơ đầy ẩn tượng. Nó biến tục thành thanh. Nó làm người đọc cảm nhận về một đêm trăng lai láng, mà chữ đái đã chuyên chở trọn vẹn.

Còn ý của câu thơ đột xuất thì cao hơn, xa hơn. Từ một đêm trăng lai láng ấy, nó còn mang một ý nghĩa khác nữa. Đó là một lời ví von rất thông minh và bốn cột như chúng ta tìm trong một bài thơ Hồ Xuân Hương. Có phải ?

Như vậy, thơ đột xuất là loại thơ tình cờ, ngẫu nhiên. Nó là loại thơ bất mạch. Nó hay ở chỗ là, dù chỉ một vài câu ngắn ngủi nhưng có một sức thuyết phục quá lớn. Nó giúp rượu càng thêm ngọt. Tiếng cười càng thêm rộn ràng. Để những hiền thê đầu tiên đỏ mặt sau đó như quên hết mắc cỡ, vịn tay chồng mà cười ra nước mắt. Có lẽ dù một danh hài nổi tiếng bậc nhất cũng không thể làm các bà các cô cười vui đến như vậy.

Như vậy, ai dám bảo rằng, văn chương đột xuất này không

góp phần mang tiếng cười và niềm vui cho con người trong khi cuộc đời đầy những phiền não lo toan và sinh lão bệnh tử?

Riêng chúng tôi, niềm vui ấy đã khiến chúng tôi quên cả dặm đường dài trong đêm tối, quên cả cơn buồn ngủ, để mà nhân bản đập gia tốc. Đó là những điều chắc chắn sẽ muốn giữ lại trong lòng, thay vì phải muốn gạt bỏ đi như trong những lần họp mặt tẻ nhạt, buồn nản khác. Khi mà người ngồi chỉ cách mình một khoảng ngắn mà cảm thấy như xa vạn dặm hay khi mình nói lên chẳng ai cần bận tâm hay chia sẻ với mình. Khi mà cái môi cái miệng, gương mặt ít thấy rạng rỡ mà chỉ thấy trầm ngâm, nghiêm trọng...

Đó là niềm vui mình mong đợi, để mà trở lại mái nhà của bạn, mỗi năm. Để có dịp gặp lại những bạn bè cũ và biết thêm những bạn bè mới. Để những cốc pha lê càng thêm long lánh niềm vui, và màu rượu hổ phách như đậm đà thêm tình xa xứ.

Có phải vậy không?

Một thân hữu ra đi

Vào một buổi tối cách đây khoảng gần hai năm, chúng tôi nhận được một cú điện thoại từ một người không quen ở tận tiểu bang Nevada. Anh nhờ tôi sao chụp dùm anh tác phẩm Vườn Cỏ Thụ mà anh được biết là được lưu trữ tại thư viện đại học Cornell. Anh cho biết anh đang bị ung thư vào thời kỳ thứ tư.

Tôi hứa là tôi sẽ làm theo lời yêu cầu.

Mồng bảy Tết vợ chồng chúng tôi lên đường lúc 4 giờ sáng. Khoảng 8 giờ, xe chúng tôi bị trượt trên con đường núi đông đá, trong khi một chiếc truck lù lù từ hướng

ngược chạy đến. Tôi nhắm mắt thẳng mạnh. Xe quay vòng, hết còn kiềm chế nổi, và lao vào ụ tuyết bên đường. Rõ ràng là cả sự mầu nhiệm. Trước đây, tôi ngại tuyết, nghĩ đến tuyết là nghĩ đến cảnh run rẩy buổi sáng sớm dọn driveway, phải xúc hàng thước tuyết dày... và ngao ngán trước cảnh từng đoàn xe dài đặc phải nhích từng thước vì đường chưa dọn tuyết kịp.

Bây giờ thì khác. Vùng tuyết kia là cái nôi ôm lấy chiếc xe của tôi, và che chở mạng sống của chúng tôi. Che chở đến độ thân xe không có cả một vết sơn trầy xước. Và khi xe được kéo ra khỏi đồng tuyết, mở máy, mở đèn, tiếng máy êm, hai ngọn đèn sáng... Xe kéo bỏ đi đến một chỗ khác, có một xe cũng lao vào ụ tuyết như xe tôi, gần đây. Chúng tôi ngần ngừ, không biết nên về nhà hay tiếp tục đi đến Cornell. Từ đây về lại nhà ít nhất là 120 dặm. Nhưng đến Cornell khoảng cách khoảng 40 dặm.

Chúng tôi quyết định đi Cornell.

Bởi vì có một người đang cần, rất cần Vườn Cổ Thụ. Bởi vì, chúng tôi nghĩ, may ra, nếu anh thấy lại đứa con tinh thần của mình, anh sẽ vui, và niềm vui có khi cũng là một phương thuốc mầu nhiệm...

Phải. Khi nhận cuốn Vườn Cổ Thụ mà anh xerox lại và đóng rất đẹp, với cái bìa chụp từ cái bìa cũ, trang đầu ghi: *Bản tặng Anh Chị Trần Hoài Thu, ân nhân của cuốn sách này, với lòng biết ơn và cảm tình quý mến đặc biệt của tác giả...* Chữ viết đẹp và rõ ràng, cứng cáp, chứng tỏ anh vẫn còn khỏe. Gọi anh, nói rằng, anh đừng bận tâm đến ân nghĩa, ráng tịnh dưỡng. Và sau đó vẫn là câu chuyện về thời gian làm lính thú ở vùng núi Tây nguyên... Chúng tôi nhắc bao nhiêu kỷ niệm. Cảm ơn văn chương đã khiến hai kẻ xa lạ trở thành hai người bạn văn. Và cảm ơn Kontum để chúng tôi có một nơi mà tự hào ít ra, chúng tôi cũng đã hiểu thế nào là vùng đất mà ai cũng hãi sợ...

oOo

Vậy mà anh lại ra đi. Sau mấy kỳ báo gởi đến địa chỉ anh nhưng không nghe tin anh cho biết đã nhận như thường lệ, chúng tôi lo. Bây giờ mới hiểu tại sao. Anh ra đi cách đây nửa năm, có lẽ. Chị Giao viết và yêu cầu tôi gởi tiếp TQBT.

Nghe chị kể, buồn đến rung nước mắt. Dù chúng tôi biết nhau quá muộn. Chỉ hai năm, khi anh đang ở vào một hoàn cảnh khắc nghiệt nhất, nhưng chúng tôi cứ nghĩ là thân nhau rất lâu. Mà anh, biết có ai chia sẻ cùng tôi những trang bản thảo này, những bài viết, những công sức này. Biết có ai nâng tôi đứng dậy giữa lúc tôi muốn bỏ cuộc. Biết có ai để kể lại những trận pháo, những đêm say, và những trang giấy được viết bằng mồ hôi và nước mắt.

Đây là lần thứ hai trên mục Sống và Viết tôi nhắc đến tai nạn đầu năm âm lịch này. Không phải nhắc để kể công. Kể công làm gì khi mình tự nguyện. Nhưng nhắc để kể về một sự huyền diệu mà Ông Trên đã ban cho mình. Có thấy bóng xe truck lù lù chạy về phía mình. Có thấy chiếc xe quay và trượt tự do trên con đường núi. Có thấy cả chiếc xe lún sâu vào trong ụ tuyết, mới hiểu được phép lạ. Vâng. Chỉ có phép lạ mới biến biển thành sông để con thuyền mong manh chở nặng người được bình yên đến bến bờ hay tuyết thành chiếc nôi êm ái để chiếc xe tiếp tục cho một món quà Xuân về một người bạn không hề quen biết.

Chỉ buồn là niềm mong mỏi vô biên của chúng tôi không được như ý. Mái nhà TQBT cánh cửa sổ mở ra nhưng bóng người không bao giờ thấy nữa. Nhường lại là sự yên lặng của cát bụi.

Anh Nguyễn Thu Giao – Vĩnh biệt anh !

Sự yên lặng của cát bụi

● KHOA HỮU, tên thật NGÔ ĐÌNH KHOA sinh ngày 21 tháng 8 năm 1938 tại Bắc phần. Đào thoát vào Nam tháng 3 năm 1953. Tốt nghiệp Bách Khoa hệ Cao đẳng 4 năm. Bị tù chính trị oan, mất sở làm. Sau đó đi dạy tư 4 năm. Đi lính tác chiến 10 năm, bị thương 2 lần. Đã đăng thơ và truyện ngắn trên vài tạp chí văn học tại Sài gòn. Đến tháng 4 năm 1975 giải giáp. Trong thời gian tại thế, ông sống tại VN và vẫn âm thầm sáng tác, không hợp tác với bất cứ tạp chí, tổ chức văn nghệ nào của chế độ hiện hành.

● Vậy thì, với một giọng văn học phát sinh từ những cây viết âm thầm trong nước như vậy, chúng ta gọi là giọng văn học gì? Lẽ trái? Văn học miền Nam nổi dài?

● Gọi là giọng văn học gì khi nhà thơ của chúng ta đã âm thầm thay mặt chúng ta để viết. Miệt mài viết. Viết trong những điều kiện khó khăn, nếu không nói là khắc nghiệt. Viết với tư thế của một kẻ sĩ. Như ngày trước 1975, ông đã thay mặt cho những người lính miền Nam để viết. Không phải viết cho những chiến công, chiến thắng, những huy chương treo trên ngực, những màu áo hoa rừng, người yêu của lính, mà ông đã viết cho những phận đời thấp hèn. Viết về nỗi gian truân, cơ cực của họ. Phải có một tấm lòng yêu thương đồng đội mới có những câu thơ như thế này:

*nón sắt thay nồi thuốc bồi môi lửa
cơm dọn ra nửa sống nửa khô vàng
miếng được miếng không nuốt ngày sống vội
như nửa đây chết vội đến phiên chẳng ?
(Lính thú – thơ Ngô Đình Khoa)*

Đoạn thơ trên do tạp chí TQBT sưu tầm trên báo cũ trước 1975, khi ông dùng tên thật làm bút danh. Đọc đoạn trên

tôi nhớ lại những buổi dừng quân giữa vùng hoang dã, không một mái nhà để trú quân. Trời mưa gió vần vũ. Ba người lính trùm poncho đứng sát nhau để che gió cho nồi cơm được chụm bằng những thanh củi ướt. Khói bốc cay tròng mắt. Nửa sống nửa khô vàng là may. Có khi cơm thành cháo nhão nhoẹt. Những miếng được miếng không này có khi ghen ở cổ vì lệnh lên đường lại ban xuống hay những tiếng rít cắc như tiếng tru của âm binh được nghe từ những quả đạn pháo, hay hỏa tiễn... Không biết có đến phiên mình nhận lấy một miếng gang, miếng thép đâm xuyên lồng ngực chăng?

Ngày ấy, trước 1975, với bút hiệu Ngô Đình Khoa, ông đã thay mặt nói hộ cho những người lính đánh giặc chúng tôi. Giờ đây, sau 1975, ông cũng nói hộ. Bài thơ Sự yên lặng của cát bụi được phổ biến trên tạp chí Văn Học và sau đó được in trong thi phẩm Thơ Khoa Hữu cách đây 15 năm đã gây một chấn động lớn trong giòng sinh hoạt văn chương hải ngoại bấy giờ. Nó chứng tỏ là văn chương miền Nam vẫn không chết, ngay cả trong nước. Nó chứng tỏ có những người âm thầm sáng tác, dù phải sống trong một nhà tù lớn của đất nước. Nhớ là thời điểm này vào đầu của những năm 1990, lúc mà người Việt chưa ồ ạt trở về quê hương, lúc mà sự đi lại vẫn còn khó khăn, vậy mà, từ trong nước, có những bài thơ của Khoa Hữu mang tên như: thăm mộ bạn ở nghĩa trang biên hòa, viếng mộ đồng đội ở Củ Chi, trở lại cô thành, qua đất quân trường vạn kiếp, tượng lính, về qua chiến trường cũ, trở lại an lộc, ký ức về chiến trường an lộc, v.v... Tựa bài thơ cũng như nội chôn bài thơ được sáng tác đủ chứng tỏ về tấm lòng của nhà thơ về một hàng ngũ thất thế là to lớn như thế nào:

*Lên Creck, Snoul chiều vĩnh biệt
xác tăng, thép sùng cháy thành than
xuống Ba Thu, đạn còn người hết
tiếp máu ta rửa sạch chiến trường*

Cây sùng trận trả về hậu cứ

*phòng xác Tổng Y Viện lạnh nằm
tắm ảnh bốc từ quân bạ cũ
dán lên tường hẹn chuyển lại thăm
(Sự yên lặng của cát bụi)*

Ông ra đi, tạp chí TQBT sẽ không còn được hân hạnh đăng những sáng tác mới của ông nữa. Những người cựu chiến binh miền Nam sẽ không còn được đọc những bài thơ của Khoa Hữu về màu áo mình nữa. Cát bụi bây giờ phủ lấy ông, như đã từng phủ bao nhiêu bạn bè đồng đội của chúng ta. Đành rằng cát bụi thì yên lặng, nhưng tại sao lòng chúng tôi phải thốn đau. Đau lắm. Và buồn lắm ông ơi.

Trần Hoài Thư

Phạm Cao Hoàng

Nguyễn Minh trong tình cảm bạn bè

Năm 1972, từ Tuy Hòa tôi được chuyển về dạy học ở Trạm Hành, Đơn Dương.

Tuy Hòa – Đơn Dương không có tuyến xe đồ trực tiếp nên mỗi lần từ Tuy Hòa đi Đơn Dương tôi vào Phan Rang, đổi xe tại đó, sẵn dịp ở lại chơi với Nguyễn Minh, Võ Tấn Khanh và anh em nhóm Ý Thức. Có dịp gần gũi với Nguyễn Minh tôi mới hiểu vì sao anh tập hợp được khá đông đảo những người cầm bút luôn luôn hết lòng với anh. Anh hiền lành, tốt bụng, chơn chất, sống tử tế với bạn bè, có một niềm đam mê văn chương mãnh liệt. Đây là những yếu tố làm cho anh được mọi người yêu mến. Anh có lối nói chuyện hóm hỉnh, nên cuộc họp mặt nào có Nguyễn Minh thì bữa đó không khí vui nhộn hẳn lên. Nhà anh nằm

trên một con đường yên tĩnh với những hàng cây rợp bóng mát, có một căn gác trên lầu dành riêng cho bạn bè văn nghệ tứ xứ tạt vào và ở lại. Bước chân lang bạt của dân văn nghệ phần lớn là gốc miền trung mà có một chỗ để ghé lại như vậy quả là thú vị. Đi đâu thì đi, vào Nha Trang phải ghé anh Nguyễn Huy Hoàng, Thanh Hồ, vào Phan Rang phải ghé Nguyễn Minh, Võ Tấn Khanh, vào Phan Rí phải ghé Huỳnh Hữu Võ, Tô Duy Thạch, vào Phan Thiết phải ghé Từ Thế Mộng.

Sau này, anh chuyển cơ sở Ý Thức vào Sài Gòn, ghé Phan Rang tôi không còn có dịp ở lại với anh ở căn nhà 11 Nguyễn Thái Học nhiều kỷ niệm. Phương tiện liên lạc duy nhất hồi đó là gửi thư qua đường bưu điện, còn gặp nhau thì không nhiều, vì mỗi người phải bận bịu với công việc của mình. Sau 1975, anh không có điều kiện tiếp tục thực hiện giấc mộng văn chương. Cả một quãng thời gian dài sau đó, Nguyễn Minh cũng như nhiều anh em khác chỉ cố gắng chăm lo cuộc sống gia đình. Cơm còn chưa đủ ăn, áo còn chưa đủ mặc, lòng dạ nào mà nghĩ đến chuyện viết văn, làm báo. Anh ngừng viết, về lại Phan Rang làm ruộng, làm vườn gần 20 năm. Nghe anh kể chuyện hai vợ chồng hái rau tập tàng ra chợ bán để có tiền mua gạo, mua thức ăn cho con mà ứa nước mắt.

Gần đây, tôi thật bất ngờ khi nghe tin anh lại làm báo, lần này là đặc san QUÁN VĂN. Bất ngờ vì chuyện làm báo văn học ở thời buổi bây giờ là chuyện thua lỗ thấy rõ. Vậy mà anh lại làm. Vẫn là giấc mộng văn chương thúc đẩy anh phải làm một cái gì đó. Hôm gặp anh và các bạn QUÁN VĂN nhân dịp về Việt Nam, tôi hỏi đùa, “Tình hình thua lỗ của QUÁN VĂN tới đâu rồi?” Anh cười tươi rói, “Không đến nỗi nào”. Anh nói vậy, chứ thật ra có thể không phải vậy. Tôi vẫn nghĩ đường dài nếu không có sự hỗ trợ của bạn bè và độc giả, QUÁN VĂN sẽ rất vất vả.

Tháng tư vừa rồi anh đến Mỹ dự một cuộc họp mặt của

cựu học sinh trường Quốc Học Huế, tổ chức ở San Jose. Bạn bè văn nghệ ở nam và bắc California nồng nhiệt đón chào anh. Dịp này anh có dịp gặp lại Trần Hoài Thu, một người bạn chí thân, một người có cùng cái nghiệp đam mê làm báo như anh. Nguyên Minh với QUÁN VĂN, Trần Hoài Thu với THƯ QUÁN BẢN THẢO. Tôi bàn với Trần Hoài Thu rủ Nguyên Minh về miền đông bắc Hoa Kỳ chơi.



Anh sang New Jersey ở lại với vợ chồng Trần Hoài Thu mấy hôm, sau đó cùng nhau sang Virginia dự buổi họp mặt ở nhà tôi, chào đón người bạn quý từ Việt Nam sang. Tối 28.4.2012, anh em thân tình thưở nào đều đến đủ để gặp Nguyên Minh. Anh Đình Cường, vợ chồng Hoài Ziang Duy, Nguyễn Minh Nữ ở gần chỗ tôi nên khi có việc chạy qua chạy lại cũng dễ dàng. Nhưng sự có mặt của vợ chồng Trần Hoài Thu và Trần Phù Thế thì không dễ dàng chút nào, vì họ ở xa. Từ chỗ Trần Hoài Thu đến chỗ tôi mất hơn bốn tiếng lái xe chạy trên đường cao tốc, tương đương với đoạn đường Sài Gòn – Đà Lạt, còn từ chỗ Trần Phù Thế, South Carolina, đến chỗ tôi thì xa gấp đôi, mất gần 8 tiếng lái xe. Các bạn đều không quản ngại đường xa, tẻ tự về đây. Điều này cho thấy Nguyên Minh lúc nào cũng được bạn bè yêu mến. Chưa kể, từ nơi Nguyên Minh đang rong chơi, California, đến chỗ tôi, Virginia, nếu lái xe phải mất khoảng 7 ngày 7 đêm, nếu đi máy bay mất khoảng 6 tiếng. Vậy mà cuối cùng anh em vẫn gặp được nhau trong một

buổi hội ngộ kỳ diệu ở miền đông bắc nước Mỹ. Vui biết là chừng nào. Câu chuyện vẫn xoay quanh làm cách nào để QUÁN VĂN và THU QUÁN BÀN THẢO có thể tồn tại lâu dài, nhắc lại những kỷ niệm với bạn bè và một thời Ỗ THỨC, một thời tuổi trẻ và chiến tranh, một thời hòa bình và lưu lạc.



Tối hôm sau, vợ chồng Trần Hoài Thu và tôi đưa Nguyễn Minh đến thăm anh Đinh Cường, chị Tuyết Nhung, và phòng tranh của người họa sĩ tài hoa này.

Nguyễn Minh có dịp xem tận mắt những bức tranh quý giá, những tài liệu văn học mà anh Đinh Cường kỹ công sưu tầm, lưu giữ trong nhiều năm. Anh Đinh Cường và chị Tuyết Nhung đọc rất nhiều. Trong nhà, anh có gần đủ bộ các tạp chí văn học ở miền Nam trước đây như VĂN, BÁCH KHOA, SÁNG TẠO... Nhiều người biết đến Đinh Cường như một con người của hội họa, nhưng không biết anh còn là một con người của văn học.



Đình Cường – Nguyên Minh – Trần Hoài Thư
Góc basement nhà Họa sĩ Đình Cường tối 29.4.2012

Từ già Virginia, Nguyên Minh trở lại New Jersey với anh Trần Hoài Thư và chị Yến trước khi về lại San Jose. Anh còn một tháng ở San Jose. Mong anh sẽ có những phút giây thật vui, thật thoải mái để khi trở về Việt Nam sẽ có thêm energy tiếp tục thực hiện QUÁN VẤN, tiếp tục thực hiện giấc mộng văn chương còn dang dở.

Phạm Cao Hoàng
Virginia, tháng 5.2012

Phạm văn Nhân
Đốc Mơ*

Buổi sáng ngồi uống trà, Hòa nghe tôi về tới thăm và rủ tôi đi uống cà phê. Tôi đồng ý nhưng chỉ thích uống cà phê ở vỉa hè hơn là vào những tiệm có máy điều hòa không khí.

Ngọt ngọt, khó chịu. Ngồi ở vỉa hè thoáng, nhìn ông đi qua bà đi lại vui hơn. Hòa nói, tôi nghĩ mấy ông ở bên đó quen ngồi uống cà phê có máy điều hòa, ngồi bên ngoài sợ “vi trùng xâm nhập”. Người bạn vừa nói vừa cười. Tôi hiểu cái hóm hỉnh trong câu nói của người bạn, rồi hai đứa cười xòa trong số tuổi mà người nào nhìn lại cũng già. Hơn nửa đời người rồi, có còn trẻ chi đâu. Tính trên đầu ngón tay, chẳng còn bao nhiêu đứa còn sống.

Hòa nói, ông thấy thế nào? Tôi nhìn hấn, thế nào là thế nào? Thì ngồi uống cà phê nơi vỉa hè này. Thích lắm, tôi yêu khoảng không gian này mà đã hơn hai mươi năm tôi không thấy được. Bên đó không có? Không. Tôi không biết thành phố khác như thế nào. Những thành phố có nhiều người Việt sinh sống tôi cũng chẳng biết, hầu như không quan tâm lắm. Còn ông thì sao, cuộc sống? Bình thường của một người làm “cu li” ngày tám tiếng trong hăng. Chừng tuổi này còn làm à, chưa về hưu à? Về rồi, nhưng ráng làm thêm kiếm chút thu nhập. Tiền hưu ít ỏi. Đói. Không thể về quê thăm nhà được thì làm sao ngồi đây với ông mà nói dóc.

Người bạn nhô râu cằm, nhìn ra đường. Một cậu bé trạc tuổi 13, 14 tuổi đi tới, “Ông mua cho con vài tấm vé số, tối nay xổ đó ông?” Tôi lấy 10 tấm cùng một con số như nhau, tôi nói trúng trở thành tỷ phú phải không? Đứa bé nói dạ phải, trở thành đại gia đó ông. Tôi cười vỗ đầu nó. Lạnh lắm, con nhà ai khéo ăn khéo nói. Hòa bảo con nít bây giờ là thế, lạnh mới kiếm sống được.

Mỗi thời mỗi khác, ngày xưa, tôi hay nói hai chữ “ngày xưa” của những năm 1966 của thế kỷ trước, những đứa trẻ như thế này cũng bập bẹ vài ba tiếng Mỹ để dẫn dắt những người lính Mỹ hay Đại Hàn đến chỗ ăn chơi trong một thành phố có quá nhiều quán bar và ổ giang hồ, để kiếm chút tiền còm từ mấy người con gái mua dâm. Còn bây giờ cũng những đứa bé chừng tuổi này đi bán từng tấm vé số

phụ cho gia đình để đi học thêm là điều đáng quý. Hòa bảo với tôi như vậy. Tôi quay qua đứa bé, hỏi: Cháu còn đi học không? Dạ còn. Nhìn trên gương mặt sáng sủa. Tôi tin. Hòa nói những đứa trẻ nhà nghèo tự nó phải tìm thêm thu nhập cho gia đình để mua sách vở. Tôi hiểu.

Cuộc chiến đã qua gần bốn mươi năm, sự yên bình đã trở lại trên quê hương. Không còn những cái chết và sợ hãi của người dân do bom đạn hai bên tham chiến trút xuống. Thành phố hôm nay mở rộng. Kinh tế phát triển. Nhưng hố sâu giàu nghèo trong dân vẫn còn cách biệt. Không thể giải quyết hết được. Hòa nói như vậy, còn bên ông có vậy không, giàu nghèo? Hút mẹ gì, ông tưởng tư bản là giàu hết chắc. Ai cũng có nhà lầu xe hơi? Còn có lắm người đi ăn xin nữa kìa. Ông giỡn? Không tin, ông lấy chuyến du lịch qua đó mà xem. Có điều họ ăn xin theo lối “tư bản”, viết vài ba dòng chữ trên tấm bìa, đứng ở ngã tư đèn xanh đèn đỏ. Thất nghiệp. Không nhà. Ai cho một đồng thì cảm ơn. Như vậy thì ở đâu cũng có người nghèo? Hòa đảm chiu. Tôi hóp một hóp cà phê nóng. Xã hội mà.

Ngồi cà kê với người bạn già trong xóm sau hai mươi năm gặp lại. Trước một chín bảy mươi lăm, Hòa là con một nên khỏi phải bị “động viên” vào lính. Tội bạn thường chơi với nhau bảo Hòa là “hủ mắm treo đầu giàng” của dòng họ. Còn chúng tôi thì cứ ung dung đón chờ cái giấy gọi lên đường. Trốn không được thì phải cầm súng, thế thôi. Chẳng có chút bận tâm. Không lấy đời lính làm cứu cánh. Như hôm nay, sau hai mươi năm về thăm quê, gặp lại vài người bạn cũ, lòng thấy thanh thản vô cùng.

Bỗng, Hòa hỏi ông còn nhớ Chừ không? Chừ! Nhớ chứ. Gần 50 năm tôi không gặp. Bây giờ hẳn ta là một nông dân thông dong, nhàn nhã cỡ như phú hộ thời còn “thực dân tây”. Mặc áo bà ba “sa-tanh” lảng bóng. Tôi cười, ông nói gì mà ghê thế. Giỡn cho vui. Chừ bây giờ có cuộc sống thoải mái của một nông dân với những khu vườn trồng

thanh long xanh mượt. Ông lên thăm Chừ không, tôi gọi nó?

Tôi vui lắm, khi gặp lại bạn bè. Ở cái tuổi đất gần trời xa gặp lại bạn cũ là một niềm vui. Tôi nói với Hòa như thế. Chừ, người bạn nhỏ khi còn ngồi ghế trường làng lớp nhì, lớp nhất năm nào. Bỗng dưng một hôm tôi gặp Chừ đôi đến đơn vị của tôi. Nhìn nhau trong ngõ ngang nhưng lại vui. Chừ đến khoảng đầu gần một năm, thì tôi lại ra đi nơi khác, không còn liên lạc với nhau. Khi đó tôi về hậu phương, một ngành không chiến đấu. Còn Chừ, nghe đầu đơn vị cứ biệt phái, tằng phái hết chỗ này tới chỗ khác. Đời sống mấy ông thích thật, đi nhiều nơi nhiều chỗ. Một bà lão đi tới trên tay cầm xấp vé số, mời mọc. Tôi lấy một xấp 10 tờ, bà già cảm ơn rồi qua bàn khác. Tôi nói thích cái con mẹ gì, thằng nào cũng sợ chết. Nhưng với Chừ tôi có một kỷ niệm buồn. Một cái chết của Mơ. Mơ nào? Ông đưa tôi lên thăm Chừ, sẽ biết.

Đã lâu tôi mới trở lại vùng quê này. Con đường vào nhà Chừ không còn là con đường dùng để xe trâu, hay xe bò đi mà là con đường nhựa thẳng tắp. Những ngôi nhà gạch khang trang, thoáng mát. Nhà Chừ không là ngôi nhà ngói nhỏ như ngày nào mà là ngôi nhà lầu, cao ráo, đồ sộ. Ngày xưa, chung quanh nhà trồng toàn mía. Một loại mía Tây, to tròn, ngọt nước. Mỗi lần thu hoạch, Chừ bó lại từng bó 10 cây, có thương lái tới mua. Còn bây giờ ruộng mía đó không còn thấy mà từ cổng vào là cả một khu vườn trồng thanh long xanh mượt. Hòa nói ban đêm thật đẹp, đèn sáng từ những bụi thanh long này trông rất đẹp mắt. Tôi thấy Chừ đứng trên bậc cấp của ngôi nhà chờ. Bộ áo bà ba lụa đúng như Hòa nói, mỡ gà. Tôi cười khi gặp Chừ sau cái bắt tay thật chặt. Không ngờ bọn mình cũng có ngày gặp lại sau cuộc chiến. Chừ nói. Làm sao chết được hả ông, còn sống là còn có ngày gặp lại. Tôi nói nhìn ông đúng là một nông dân nhàn nhã như Hòa đã nói. Thì lớn rồi, con cái nó nuôi, mình chỉ ngồi xem lũ nhỏ làm. Tụi trẻ bây giờ

năng động lắm. Còn giỏi nữa.

Ba chúng tôi ngồi trong bộ ghế salon làm bằng gỗ đánh bóng, gió từ ngoài thổi vào mát, cửa sổ mở toang. Tôi lại nhớ gương mặt Chừ của 50 năm về trước, còn trẻ lắm, tôi cũng vậy, không ngờ hai thằng bạn hồi còn học tiểu học trường làng lại gặp nhau tại đơn vị này. Lúc đó tôi nhìn trong đôi mắt của Chừ có cái gì đó buồn buồn, tôi rủ qua hầm tôi uống cà phê vì tôi mới gởi mua dưới thị trấn BS. Chừ qua hầm của tôi vẫn gương mặt buồn buồn ấy. Tôi hỏi có chuyện gì vậy? Tin nhà. Không, chuyện chiếc xe lam bị vướng mìn vào tuần trước. Thằng Chánh chưa kịp gờ thì chuyện xe đã qua... Bây giờ, 50 năm sau, gặp lại tôi, Chừ hỏi ông còn nhớ Mơ không sau khi chuyện xe lam bị vướng mìn?

Nhớ Mơ không? Tôi nhìn ra khung cửa sổ như muốn giấu một nỗi buồn mà câu chuyện ấy đã qua 50 năm rồi, nhiều khi tôi cũng không muốn nghĩ tới nữa. Công việc sau đó của tôi ngập đầu khi tới đơn vị khác, rồi sau này phải lo cho vợ, cho con, nhiều khi tôi lại muốn quên, ngay cả cuộc chiến mà bọn mình tham dự, tôi cũng không muốn nghĩ đến. Mơ, tôi nghĩ 50 năm qua, năng đã siêu thoát.

Nhưng lạ, sao hôm nay Chừ lại nói đến Mơ? Lòng bỗng dưng thấy buồn buồn ray rứt. Mấy mươi năm không gặp ông nhỉ? Chừ hỏi. Lâu lắm đấy, tính hôm nay vào khoảng 50 năm. Nửa đời người. Chừ thở dài. Thế mà hôm nay gặp là vui lắm rồi. Hòa nói. Vui thì có vui. Buồn cũng có buồn ông ạ. Bây giờ gặp lại ông, tôi nhớ con dóc đó. Hình như ông đặt cho nó là Dóc Mơ. Ừ, tôi nói. Nếu Mơ không chết trong chuyến xe lam đó, hai đứa tôi lấy nhau. Còn thằng Mít? Chừ hỏi thằng Mít cũng tán cô ấy? Tôi cười, với Mơ thì nhiều người theo lắm. Một cô gái thợ may, ít nói, mắt to gương mặt như trăng sáng, đôi môi chúm chím cười hoài, đỏ như son ấy, con gái xứ dừa mà cậu nào không muốn tán. Thằng Mít nói với tôi có lần thấy Mơ may cờ

“Mặt Trận”? 50 năm qua tôi vẫn không tin, tôi nói với Chừ như thế. Tôi hỏi, ông còn nhớ ngày đó tôi với ông tới hiện trường, trong cái giỏ mang theo của Mơ có rất nhiều quần áo trẻ con nào xanh, nào đỏ, nào vàng, nào trắng. Những xấp quần áo trẻ con mà Mơ mang xuống thị trấn BS để giao hàng có cờ “Mặt Trận” nào không? Hay chỉ toàn là máu của Mơ dính vào trong những bộ quần áo trẻ con còn thơm mùi vải?

50 năm qua, chiến tranh cũng lùi lại gần 40 mươi năm rồi ông nhắc lại để làm gì. Hòa nói như vậy là tôi hiểu Mơ mà ông nói khi này lúc ngồi uống cà phê vỉa hè. Tôi nhìn Chừ, nhìn Hòa chẳng có ai vui khi nghĩ đến cuộc chiến, nhất là cuộc chiến trên quê hương mình. Dân khổ vẫn là nông thôn. Bây giờ tôi nhìn ông, nhìn lại ngôi nhà của ông đã thay đổi nhiều quá không phải như mấy mươi năm trước mà tôi có dịp lên chơi với ông. Thanh bình rõ trên vùng quê này. Phải chi ngày xưa, con dốc nhỏ mà chỉ có tụi mình biết và đặt tên Dốc Mơ, sau cái chết của người tôi thương ấy, cô gái thợ may 17 tuổi, ông và tôi cũng khoảng đôi mươi thì đẹp biết bao nhiêu sau ngày im tiếng súng, như hôm nay, ông nhỉ?

Chừ ngồi im trong sự suy nghĩ của ba người bạn già, hai người tham chiến một người không, để tùy mỗi người theo đuổi sự suy nghĩ im lặng trong căn phòng khách nhà Chừ sau cái chết của Mơ mà Chừ vừa mới nhắc lại. Chỉ có tôi, Chừ ạ, vết thương năm xưa chừ bỗng nhiên sống lại. Tôi nghĩ người con gái thợ may 17 tuổi năm xưa đó, hồn nhiên đến rồi hồn nhiên ra đi, giờ chắc đã siêu thoát, cũng như con dốc mà tôi đặt tên Dốc Mơ chỉ có tôi và ông cùng một số người biết. Giờ này chắc không ai biết nó là Dốc Mơ ở nơi nào. Cái địa danh đó nó mù mờ quá. Chỉ có trong cuộc chiến mà thôi. Vâng, con dốc nào ông đã đưa tôi về với tuổi thanh xuân của tôi một thời buồn nhiều hơn vui trong cuộc chiến ấy.

Phạm văn Nhân

* một loạt bài viết khi về lại thăm quê sau hai mươi năm, gặp lại bạn bè.

Đào Anh Dũng

Cũng Một Tiếng Mùa Xuân

Năm nay thời tiết Bắc Mỹ thay đổi khác thường, mới đến giữa tháng ba mà tuyết đã tan hết rồi. Cuối tuần qua nhiều người ra đường đã mặc quần sọt, vậy mà sáng nay tuyết lại lất phất rơi khi ông đưa bà đi chợ Việt Nam. Về đến nhà, bà dọn ra bàn một chén chè trôi nước và pha cho ông một tách trà xanh, xong bà mới lui cui soạn sành các gói thức ăn vừa mua. Ông lật tờ báo “chợ”, đọc tin tức, bỗng nói lớn tiếng:

“Trời đất!”

Bà ngạc nhiên hỏi:

“Chuyện gì vậy ông?”

“Cái ông nhà báo này ngang nhiên dịch *Arab Spring* thành *Mùa Xuân Ả Rập!*”

“Vậy hả, vậy mà tôi tưởng chuyện gì quan trọng!”

Bà trả lời, cười mỉm. Ông lơ đi, nói tiếp:

“Hôm kia anh Ba nói ảnh nghe trên đài truyền hình bên Việt Nam đọc tin tức về *Mùa Xuân Ả Rập* ảnh muốn lấy chiếc dép chọi cái ti-vi cho hả giận. Ảnh rửa, cái bọn ngu dốt! Tui nói, không đâu, không phải vậy đâu, người ta dùng chữ *Mùa Xuân* là vì *Nổi Dậy* rất là nhạy cảm bên đó. Còn chú Năm thì nói trên internet có nơi giải thích rằng đó là cuộc cách mạng ở các xứ Ả Rập xảy ra vào mùa Xuân năm ngoái, mùa Xuân tươi sáng tương phản với mùa Đông đen tối; nếu vậy thì phải nói cuộc *Cách mạng Mùa Xuân Ả Rập* mới đúng. Bà thấy sao?”

Bà vừa mở cửa tủ lạnh cất gói rau sống vừa trả lời lầy

có:

“Ồi, hơi đâu mà mình lo chuyện thiên hạ! Mình lo là lo dầu xăng, đồ ăn lên giá, không biết tiền hưu trí có đủ chi dùng trong nhà không đây!”

Ông quay hẳn người về phía bà, nói giọng khá lớn tiếng hơn bình thường:

“Bà ... bà nói vậy nghe sao đặng! Còn cái ông nhà báo này không rành chữ nghĩa hay là ông cố tình hòa theo bên đó? Bà với tui qua đây, lớn tuổi rồi, tiếng tây tiếng u ù ù cạc cạc mà mình còn biết ngoài mùa Xuân chữ *spring* còn có nghĩa là gì, hưởng chi ...”

Chưa dứt lời, ông đã cảm nhận có hai bàn tay quen thuộc bóp nhẹ trên vai.

“Thôi ông, mình già rồi, thế sự mình thấy đó, nghe đó rồi buông đi mà vui sống với con, với cháu, với anh chị em, bạn bè. Nghĩ tới làm gì rồi lên máu. Tui nói vậy, rui mình bị đứt mạch máu nằm đó thì khổ tấm thân ...”

Ông vói tay ra sau, nắm tay bà, lòng lắng dịu, cảm nhận ra cái ấm áp của đôi bàn tay ấy. Ông thầm cảm ơn Trời Phật đã ban cho ông mùa Xuân ở cuối cuộc đời nhưng ông biết con quốc trong lòng của ông ngày ngày vẫn còn kêu tiếng quốc quốc ...

Ngoài kia, tuyết không còn rơi, nắng đã lên. Năm nay chắc Xuân đến sớm.

Đào Anh Dũng

Vương Thúy Nga
SÓNG VÀ NƯỚC

Câu chuyện xảy ra giữa đại dương bao la: một hôm có con sóng nhỏ cảm thấy phiền não vì kích thước quá nhỏ bé của mình. Nó nhìn ra xa, một con sóng lớn gấp mấy lần

nó, ngạo nghễ đánh vào bờ rồi hùng dũng kéo ra; nó thờ dài buồn bã:

- Tại sao mình nhỏ bé thế này? Tại sao tôi không được to lớn như bạn hả?

Con sóng lớn đáp: “Tại vì bạn không chịu nhìn kỹ gốc gác của mình nên bạn mới phiền não như vậy! Thật ra, bạn đâu có phải là con sóng nhỏ, tôi cũng đâu phải là con sóng lớn?”

Con sóng nhỏ ngạc nhiên: “Ồ hay, bạn nói lạ chưa? Bạn với tôi không phải là sóng thì là cái gì?”

Sóng lớn trả lời: “Bạn với tôi đều là nước; sóng chỉ là một hình thức của nước. Nếu nhìn ra bản chất của mình, gốc rễ của mình, không chấp chặt vào hình thức bên ngoài, cái vỏ bọc bên ngoài, thì mình sẽ không còn mặc cảm tự tôn hay tự ti, không còn phiền não khổ đau nữa.

Con sóng nhỏ chợt “ngộ” ra chân lý ấy và cảm ơn bạn sóng lớn đã mở con mắt trí tuệ cho nó.

Cũng vậy, tất cả chúng ta đều thích hướng ngoại, tìm cầu, so sánh với người này, hơn thua với người khác, vĩ đại hơn thì bay lên không gian để khám phá ra phía bên kia mặt trăng, sao Hỏa hay đời sống dưới đáy đại dương v.v... Nhưng chúng ta lại không có hứng thú khám phá những chiều sâu tiềm ẩn bên trong chúng ta. Cách đây không lâu, người ta phỏng vấn một phi hành gia không gian không theo đuổi nghề nghiệp của mình nữa. Được hỏi tại sao lại bỏ nghề thì ông trả lời rằng: “Sau khi du hành vũ trụ, được lên mặt trăng, tôi đã chứng kiến được thế nào là không gian bao la nhưng tôi nghĩ rằng lòng người còn sâu hơn rộng hơn những gì tôi được kinh nghiệm qua những cuộc du hành trong vũ trụ; vì thế tôi muốn tự chiêm nghiệm, khám phá những chiều sâu bên trong chính tâm hồn tôi.”

Thật đúng vậy, vũ trụ chỉ thực sự hiện hữu cho chúng ta khi và chỉ khi chúng ta kinh nghiệm được nó qua Thân và Tâm của chính mình. Vũ trụ không phải chỉ là

vùng trời bao la xanh thẳm trên cao kia, mà nó ở ngay trong lòng mỗi chúng ta và ở ngay trong giây phút hiện tại này. Khi chúng ta trở về với vũ trụ bên trong, chúng ta sẽ thấy chúng ta và mọi người cùng một bản thể - bất cứ con người “trần tục “ nào cũng tiềm ẩn tánh Giác (hay đức Sáng, tánh Chúa, tánh Phật, hay Đại Ngã, hay Thượng Đế, Atman, Alah, Brahma v.v ... tùy theo đức tin tôn giáo của mình, bạn muốn gọi tên gì cũng được, nhưng đó là phần cốt lõi, bên trong chúng ta, nó tuyệt đối trong sạch, không bị ô nhiễm dù chúng ta sinh ra trong giai cấp nào, sống trong hoàn cảnh nào, trong bất cứ xã hội nào v.v...). Muốn làm hiển lộ tánh Giác ấy, chúng ta cần một đời sống đạo đức - nghĩa là một đời sống tôn giáo đích thực: đó là một đời sống thanh tịnh, trong bình yên và hòa hợp với bản thân và đem lại sự bình yên và hòa hợp cho tha nhân. Đối với anh chị em chúng ta, những người có một đức Tin, một cuộc sống đạo đức với một cái Tâm được khéo kiểm soát và khép vào giới luật, với tấm lòng trong sạch luôn hằng say với từ ái và bi mẫn, đó chính là mục đích của TU - chữ “tu” theo nghĩa rộng, không phải là xuất gia làm tu sĩ PG hay Linh mục v.v... mới gọi là tu. Một con người như vậy thật là một viên ngọc quý dù ở xã hội nào, giai cấp nào, nam hay nữ, giàu hay nghèo, có học thức cao hay không biết chữ v.v... Đó chính là viên ngọc quý được cất giấu trong ché áo của mỗi người mà chúng ta mãi chạy theo thế giới bên ngoài, không tự biết... Tất cả chúng ta đều nỗ lực, tinh tấn làm hiển lộ tánh Giác, viên ngọc minh châu vô giá ấy. (Giác ở đây là sự tỉnh thức, chữ Giác trong “ giác ngộ”)

Đi từ quan điểm “tứ hải giai huynh đệ” của đạo Không đến “Không có gì khác nhau giữa người với người, trong giọt máu cùng đỏ và giọt nước mắt cùng mặn” của Phật giáo hay quan điểm bác ái của Thiên Chúa giáo v.v... Chúng ta thấy rằng tất cả chúng ta là một - không chỉ loài người mà cả đến muôn loài, tất cả đều tham sống sợ chết, tham vui sợ buồn v.v... Cho dù chúng ta nói bằng nhiều

ngôn ngữ khác nhau, sống trong những nền văn hóa khác nhau nhưng những biểu hiện của những tình cảm vui, buồn, giận dữ, thương yêu v.v... thì không cần đến ngôn ngữ, mọi người đều có thể hiểu nhau sâu sắc.

Tóm lại, mỗi người trong chúng ta, dù xuất hiện trong những hình thức khác nhau: sóng, băng, tuyết, hơi nước, mây, mưa, lụt, lũ v.v... bản chất vẫn là một: đó là NƯỚC. Nếu đã biết như vậy, chúng ta không còn kỳ thị về bất cứ vì lý do gì, đem tình thương không phân biệt, vô điều kiện và sự hiểu biết chân chính đó để đến với nhau thì chúng ta không còn thấy cách biệt về biên giới quốc gia, tôn giáo, chính trị, xã hội v.v... Chỉ khi nào giác ngộ được điều này thì mới không còn thù hận, khủng bố, chiến tranh nữa. Mà thôi, đừng nói gì tới xã hội, quốc gia, thế giới,... chỉ nói đến trong một cộng đồng nhỏ, nếu chúng ta không hiểu biết và thương yêu nhau, trái lại cứ phân biệt, cố chấp, kỳ thị, thành kiến... thì thế nào cũng có lục đục, chiến tranh (lạnh) hay biểu tình, phản đối v.v... Chiến tranh hay khủng bố đều xuất phát từ Tâm con người nên mới có câu nói “Tâm bình, thế giới bình” là vậy. Cầu mong cho Tâm chúng ta được an lạc và mọi người sống hòa hợp trong hiểu biết, thương yêu, để cho hòa bình hiện hữu trên hành tinh xanh của chúng ta.

Vương Thúy Nga

Trần thị Nguyệt Mai

Saigon - Nỗi nhớ trong tôi...

Tôi sinh ra và lớn lên ở Sài Gòn. Sài Gòn – hòn ngọc Viễn Đông. Sài Gòn của “Sài Gòn đẹp lắm, Sài Gòn ơi, Sài Gòn

ơì...” như một bài hát của nhạc sĩ Y Vân. Hay của “Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát...” như thơ của thi sĩ Nguyễn Sa.



Nhớ đến Sài Gòn là nhớ đến một cô thiếu nữ hồn nhiên ngây thơ bước đi trên “con đường Duy Tân, cây dài bóng mát” của thuở sinh viên. Tôi yêu sao những con đường lá me với những chiếc lá li ti hay những con đường có cây phượng đỏ và lũ ve râm ran suốt mùa hè. (Bạn còn nhớ cánh phượng năm xưa ép gỏi để bạn đỡ nhớ Sài Gòn?) Nhớ những cuối tuần đi dọc các quán sách ở vỉa hè đường Lê Lợi để mua sách, mua nhạc vì giá bán rẻ hơn trong tiệm. Nhưng thỉnh thoảng tôi cũng ghé vào tiệm sách Khai Trí để mà lùng kiếm một cuốn sách nào đó không tìm thấy ở bên ngoài. Nhớ đường Tự Do giống y như một con đường của Pháp (mà tôi được nhìn thấy trong sách) có tiệm sách Xuân Thu chuyên bán các sách ngoại quốc (tuy cũng có sách Việt Nam). Tôi cũng thích khu vực nhà thờ Đức Bà và Bưu Điện mang vẻ đẹp Âu châu mà thỉnh thoảng tôi ghé đến để gửi thư cho người xa xứ. Nhớ quán nước mía Viễn Đông trên đường Pasteur và cạnh đó là ông Tàu già chuyên bán phá lấu (với ghim tằm) rất ngon mà ba có lần dắt tôi đi ăn. Cũng nhớ đến những hàng quà gánh rong, giá rẻ nhưng hợp khẩu vị, vừa túi tiền của bọn trẻ con thời đó. Nhớ món chè mè đen ngây thơm của một bà người Hoa vừa lắc cái rao hàng tròn tròn có tiếng kêu ngộ lắm vừa rao

với cái giọng kéo dài buồn buồn: “Chí...mà...phù”. Nhớ chiếc xe đẩy bán bánh “ca-dé”, bánh bao chỉ, bánh bò, bánh tiêu, trụ ngay ngoài đầu ngõ nhà tôi mỗi khi ghé tới. Cũng như cái xe bán mía lạnh và mía hấp hay đến vào buổi chiều tối. Nhớ tiếng tắc tắc của hai thanh tre gõ vào nhau của hàng mì hay hủ tiếu ban đêm... Nhớ rạp chiếu bóng Casino Đa Kao ở gần nhà mà hồi nhỏ tôi mê đi xem phim lắm. Có lần dù đã được ba má dắt đi coi tuồng “Quan Âm Thị Kính” rồi mà tôi vẫn còn muốn coi nữa. (Có lẽ tôi thương bà Thị Kính chịu hàm oan, coi phim này tôi khóc quá chừng từ đầu đến cuối). Tôi đến rạp hát một mình và ... cả gan nhờ một cặp vợ chồng (không quen biết gì với ba má) dắt vô coi (thuở ấy con nít đi với người lớn không phải mua vé)...

Sài Gòn của tôi đó. Đơn sơ, mộc mạc và giản dị biết bao. Những hàng cây xanh, những tà áo trắng. Xe cộ không quá đông và mọi người như rất hiền hòa. Tôi đã cảm thấy rất yên bình trong khung cảnh ấy. Nói như vậy, không phải tôi phủ nhận Sài Gòn không có những quán bar, những vũ trường, những địa điểm ăn chơi... Nhưng mà, dù sao, bạn ơi, bạn có công nhận rằng Sài Gòn thuở đó hiền hòa hơn Sài Gòn bây giờ nhiều lắm, mặc dù thời mới chiếm được miền Nam, kẻ chiến thắng đã gọi đây là “ô gái điểm”:

Một ngàn chín trăm bảy mươi lăm

Các anh từ Bắc vào Nam

Cuộc trường chinh 30 năm dằng dặc

Các anh đến

Và nhìn Sài Gòn như thủ đô của rác

Của xì ke, gái điểm, cao bồi

Của tình dục, ăn chơi

“Hiện sinh – buồn nôn – phi lý!!!”

*Các anh bảo con trai Sài Gòn không lưu manh cũng lính
nguy*

*Con gái Sài Gòn không tiểu thư khuê các, cũng dĩ điểm
giang hồ*

Các anh bảo Sài Gòn là trang sách “hư vô”

Văn hóa lai căng không cội nguồn dân tộc
 Ngồi bút các anh thay sủng
 Bắn điên cuồng vào tủ lạnh, ti-vi
 Vào những đồ tiêu dùng mang nhãn Hoa Kỳ
 Các anh hần học với mọi tiện nghi tư bản
 Các anh bảo tuổi trẻ Sài Gòn là “thú hoang” nổi loạn
 Là thiếu thân ủy mị, yếu hèn
 Các anh hùa nhau lập tòa án bằng văn chương
 Mang tuổi trẻ Sài Gòn ra trước vành móng ngựa!!!
 (Đỗ Trung Quân - Tạ lỗi Trường Sơn)

Gần đây, đọc bài viết “Sài Gòn bây giờ” của bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc đăng trên trang nhà của ông, tôi thấy buồn quá. Ông than rằng Sài Gòn bây giờ không thấy có người đẹp nữa. Khi ra đường người con gái nào cũng trùm kín mặt, mang vớ dài tay, găng tay kín mít, áo khoác sùm sụp, đầu đội mũ bảo hiểm, chỉ chừa hai con mắt lom lom qua kính bảo hộ... ! (không thấy được dung nhan thì làm sao biết được đẹp hay xấu) do không khí quá ô nhiễm, bụi bặm. Con gái không mặc áo dài khi đi phố, nhưng mặc quần short thật ngắn ra đường bất kể sáng trưa chiều tối. Con gái vì thế mà không còn yếu điệu, dịu dàng, tha thướt nữa. Mọi người ở đủ mọi tầng lớp đua nhau sửa sắc đẹp, không còn nét đẹp tự nhiên. Con người trở nên béo phì do ăn fastfood, thức ăn thức uống toàn hương liệu, hoá chất, bột nêm... Trẻ con cạnh thị nhiều hơn do vì tính, game online, TV.... Và trẻ con bông dậy thì sớm, vì những thứ kích thích đầy dẫy chung quanh: phim ảnh, sách báo, internet... Tỷ lệ phá thai vị thành niên tăng một cách đáng ngại. Tình trạng vô sinh cũng nhiều. Ly dị cũng mau. Người ta đua nhau mở để cho đúng giờ hoàng đạo. Trẻ sanh non, suy hô hấp, thiếu dưỡng khí não, lớn lên tâm thần cũng bện! *

Ông chỉ nói lên những vấn nạn của Sài Gòn với con mắt của một người thầy thuốc và một nhà thơ, nhưng qua thực tế và qua trang mạng tôi được biết nhiều hơn.



Cách đây vài năm khi về thăm quê hương, tôi có làm một bài thơ thật đơn sơ nói lên cảm nghĩ của tôi lúc đó:

Nhớ Một Sài Gòn

*Giữa Sài Gòn tôi nhớ một Sài Gòn
Của ngày cũ, một thời mới lớn
Sài Gòn đơn sơ, Sài Gòn yên ổn
Tà áo dài quần quýt bước chân em...*

*Sài Gòn của tôi: Thành phố êm đềm
Không có tiếng còi xe inh ỏi
Những cuối tuần lang thang Lê Lợi
Ghé vỉa hè quán sách thân quen*

*Sài Gòn của những hàng cây lá me
Thật êm ả tháng ngày đi học
Những sáng đến trường, những chiều thư viện
Những mùa thi thức trắng đêm đen...*

*Sài Gòn đã xa. Thành phố đổi tên
Nên cũng đã không còn như trước...
Thành phố quá xô bồ, náo nhiệt*

Tôi hiểu rằng tôi chẳng còn em...
(Thơ Trần Thị Nguyệt Mai)

Sài Gòn đã thiếu hẳn bóng cây xanh lọc cho môi trường được trong sạch. Cây xanh bị chặt bỏ để xây những ngôi nhà, biệt thự. Đất đai mắc như vàng nên đã được tận dụng tối đa. Không khí ô nhiễm. Sông rạch ô nhiễm. Thức ăn ô nhiễm. Dân ta bị ngộ độc đã hơn ba mươi năm rồi mà giờ đây mới được biết đến. Hãy nghe nhà văn Dương Thu Hương kể lại trong bài “Lột trần chế độ Cộng Sản”:

Cách đây ngót ba thập kỉ, khi những lượt hoa quả đầu tiên từ phương bắc tràn vào nước ta, các phòng phân tích thuộc Bộ Nội vụ đã báo cáo lên bộ chính trị rằng các thứ hoa quả này đều tẩm formaldehyde (thuốc ướp xác chết) vô cùng độc hại cho người tiêu dùng vì nó phá hủy mô liên kết của các tế bào và là tác nhân gây ra bệnh ung thư. Bộ chính trị ra lệnh cấm phổ biến sự thực trên vì “sợ mất lòng nước bạn”. Các sĩ quan công an chỉ có thể ngăn cấm chính vợ con họ và rỉ tai những người thân cận nhất (anh em ruột, cha mẹ vợ chẳng hạn). Đối với người ngoài, họ tuyệt đối tuân thủ mệnh lệnh cấp trên. Tuyệt đối im lặng. Tuyệt đối thản nhiên nhìn đồng bào mình ăn thứ đồ ăn nhiễm độc, biết chắc chắn rằng ngày một ngày hai họ sẽ ung thư và sẽ chết vì bệnh đó.

(nguồn: <http://www.danchimviet.info/archives/55461>)

Thật sự tôi không yêu cái xô bồ náo nhiệt, tiếng còi xe bóp inh ỏi mỗi phút giây. Khu vực nhà tôi ở thuở xưa rất yên tĩnh mà bây giờ đã không còn nữa. Hàng quán mọc đầy khắp phố. Nhất là nhà ở mặt đường được người ta tận dụng tối đa để làm chỗ buôn bán. Nhà nhà buôn bán, người người buôn bán... Buồn nhất là khi đi ngang qua những cái nhà ngủ ghi bảng giá mướn từng giờ có ở khắp nơi. Sài Gòn cũng là nơi tập trung của những mối lái buôn người xuất cảng lao động sang Đài Loan, Mã Lai, Hàn Quốc, ... mà những người lao động này phải trả một chi phí không

nhỏ để được rời khỏi nước bán sức lao động của mình hy vọng sẽ có dư một ít tiền để giúp đỡ cho gia đình. Nhưng sự thật không phải như vậy. Họ đã phải làm việc cật lực, ở trong phòng trọ chật chội tù túng mà vẫn không đủ sống. Có người bị tai nạn lao động cụt mất cánh tay mà không dám tin về cho gia đình biết vì sợ gia đình buồn. Đó cũng là nơi tụ tập các cô gái đẹp ở miền quê Miền Nam để đưa cho các mối lái Tàu, Đại Hàn... mang về “làm vợ”. Họ không khác chi những món hàng hoặc con thú bị người ta mang ra mua bán. Có khi còn tệ hơn nữa. Theo tục lệ ngàn xưa, khi nhà trai qua coi mắt, cô gái chỉ việc ăn mặc trang điểm đơn sơ gọn gàng mang trà nước, bánh trái ... ra mời. Người ta chỉ cần nhìn gương mặt, vóc dáng, tìm hiểu tính tình, nét na ... chứ có đâu như thời đại hiện nay. Tôi coi một đoạn video clip mà nước mắt đầm đìa thương cho các em quá đỗi. Con gái, nhất là con gái miền Nam, vốn rất thương cha mẹ. Thấy cha mẹ cực quá nên đã nghĩ rằng thôi thì mình hy sinh phận gái để có chút ít tiền lo cho cha mẹ lúc tuổi già. Bởi vậy, các em đã phải trần trụi, uốn éo, khoe cả cái “ngàn vàng” cho bọn nam nhân ngoại quốc nhìn để thỏa mãn thú tính. Đổi lại, sau khi trừ đầu trừ đuôi, các em được chừng vài trăm đô la đưa cho cha mẹ và bản thân mình thì phải lấy chồng xa xứ. Thân gái mười hai bên nước. Người may mắn thì gặp được chồng khá giả, thương yêu, lo lắng đầy đủ. Số đó rất hiếm hoi. Đa phần, phận bạc, lấy phải người chồng khuyết tật, về nhà chồng bị hành hạ dã man, hoặc như kẻ tôi đòi, phải hầu hạ, kể cả hầu hạ xác thịt, cho cả gia đình nhà chồng, có khi còn bị bán lại cho các động mại dâm. Đó là chưa kể những bất đồng ngôn ngữ, vợ chồng không hiểu nhau, hoặc chồng hà khắc, đánh đập vợ khiến một số cô gái đã tự tử vì quá buồn rầu, nhục nhã. Đây là một đoạn tin đăng trên báo tại Việt Nam ngày 12-7-2004:

Hàng chục nghìn cô gái làm dâu xứ người đang bị hành hạ, ngược đãi ngày đêm. Không ít cô bị chồng trói dằm miệng, kiêng bán cho tú bà; bị chồng dùng kim đâm vào 10 đầu ngón tay rồi nhúng vào nước muối, lấy ná thun bắn

vào mi mắt và lấy dao cứa chẳng chịt vào lưng.
Trên báo chí Đài Loan thường xuyên có những bài phản ánh nhiều trường hợp nàng dâu Việt bị hành hạ thậm tệ. Điển hình như vụ việc xảy ra ngày 23/6. Cảnh sát Đài Loan đã phát hiện 2 thanh niên đang chở cô Vũ Thanh Thảo, 21 tuổi, hai chân bị trói chặt bằng dây, hai tay bị quấn bằng keo trói quặt ra sau và miệng cũng bị dán kín bằng keo đi bán cho ổ mại dâm.

(nguồn: <http://vietbao.vn/Xa-hoi/Tham-canh-cua-nhung-co-gai-Viet-lay-chong-Dai-Loan/10870036/157/>)

Các cô gái bị bán đi xứ người như thế. Còn người ở lại, cũng chưa xót không kém. Bây giờ bạn vào trang mạng Google search “gái gọi ở Sài Gòn”, bạn sẽ thấy đầy đủ, kể cả các nữ sinh viên, chuyện mà trước năm 1975 không bao giờ có.

Vậy thì, thử hỏi, mỗi lúc nhớ đến Sài Gòn làm sao tôi không buồn cho được? Và tôi xin được mãi mãi ghi nhớ công ơn của những người lính đã đổ xương máu của mình xuống mảnh đất quê hương để cho tôi ngày xưa có một cuộc sống yên lành ở Sài Gòn như thế.

Trần thị Nguyệt Mai
 12-5-2012

** Những chữ in nghiêng của đoạn này được trích từ bài viết “Sài Gòn bây giờ” đăng trên trang mạng của bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc:*

<http://www.dohongngoc.com/web/goc-nhin-nhan-dinh/ghi-chep-lang-thang-8/>

Tưởng niệm Khoa Hữu



Tiểu sử nhà thơ:

KHOA HỮU, tên thật NGÔ ĐÌNH KHOA sinh ngày 21 tháng 8 năm 1938 tại Bắc phần. Đào thoát vào Nam tháng 3 năm 1953. Tốt nghiệp Bách Khoa hệ Cao đẳng 4 năm. Bị tù chính trị oan, mất sở làm. Sau đó đi dạy tư 4 năm. Đi lính tác chiến 10 năm, bị thương 2 lần. Đã đăng thơ và truyện ngắn trên vài tạp chí văn học tại Sài gòn. Đến tháng 4 năm 1975 giải giáp. Trong thời gian tại thế, ông vẫn âm thầm sáng tác, không hợp tác với bất cứ tạp chí, tổ chức văn nghệ nào của chế độ hiện hành.

Đã xuất bản sau năm 1975:

- 1/ Tập thơ LỤC BÁT do nhà xuất bản TRÌNH BẦY và nhà thơ ĐIỂM CHÂU ấn hành tại PHÁP năm 1994.
- 2/ Tập thơ THƠ KHOA HỮU do tạp chí VĂN HỌC phát hành tại MỸ. Tập thơ này được bảo trợ tài chính bởi Tạp chí HỢP LƯU, Tạp chí VĂN, Tạp chí VĂN HỌC cùng nhà văn NGUYỄN MỘNG GIÁC và các thân hữu của anh.
- 3/ NỬA KHUÔN MẶT, tập thơ lục bát do Thư Ấn Quán Hoa Kỳ xuất bản 2010

Đi vào cõi Thơ Khoa Hữu*

Người viết: **Nguyễn Mộng Giác**

Trong tập *Thơ Phùng Quán*, tuyển tập thơ duy nhất được xuất bản sau khi ông mất năm 1995, nhà xuất bản dành một trang thủ bút tác giả ở ngay phần đầu. Trang thủ bút chỉ có mấy dòng:

Thơ đề trên thơ

*Có những phút ngã lòng
Tôi vịn câu thơ mà đứng dậy!*
(1965. Phùng Quán)

Nhiều người đã nói về vai trò của thi ca trong đời mình và ảnh hưởng của thi ca đối với xã hội. Nhưng cách nói của Phùng Quán cụ thể nhất, gọn ghẽ nhất, và có lẽ chính xác nhất.

Vịn câu thơ mà đứng dậy! Thơ không còn là món trang sức đua tranh sức chói lợi để lọt vào mắt quân vương nơi cung đình. Thơ không còn là món đưa cay trong những cuộc say túy lúy. Thơ không còn là cái áo giáp cho người ta phùng xoè trước đám đông và che giấu những thân thể suy nhược. Thơ không còn là khẩu hiệu cho những cuộc biểu dương lực lượng...

Thơ là chiếc nạng vững cho người già, là chỗ tựa cho những người thất thế từ đó đứng lên làm lại cuộc đời, là lời mẹ ru dành cho đứa con ốm đau, là lời cầu kinh cho người sắp từ giã cõi đời. Thơ gần với tôn giáo, và lòng tin cậy nơi Thơ của Phùng Quán chẳng khác nào lòng tin nhiệt thành của một tín đồ hướng về Đấng Thiêng Liêng của tôn giáo mình.

Vịn câu thơ mà đứng dậy! Người làm thơ có một lòng tin tuyệt đối như thế về vai trò của Thơ, như Phùng Quán, là một người hạnh phúc. Những người quen thân với Phùng Quán kể rằng bất cứ ai xưng mình là thi sĩ đều được Phùng Quán niềm nở đón tiếp, như một người bạn thân lâu ngày không gặp. Và nhiều khi ông đề thơ lên vạt áo của những "cố nhân" ấy, với niềm tin hồn nhiên rằng tất cả "cố nhân" đều quý những nét bút lưu niệm của ông hơn quý chiếc áo trắng. Niềm tin hồn nhiên ấy là thơ, cũng như sự đau khổ của cuộc đời ông là thơ. Suốt đời ông đã "ngã lòng" về mọi sự: cách mạng, lịch sử, quyền lực, thể thái, nhân tình, cơm áo... Ông chỉ còn Thơ. Cho nên không có gì kinh ngạc khi đọc qua suốt tập thơ Phùng Quán, bài hay nhất vẫn là bài ông dành cho Đỗ Phủ: *"Đêm Nghi Tàm đọc thơ Đỗ Phủ cho vợ nghe."*

*...Thơ ai như thơ ông
Lặng im mà găm thét
Trang trang đều xé lòng
Câu câu đều đầm huyết ...*

*Thơ ai như thơ ông
Mỗi chữ đều như róc
Từ xương thịt cuộc đời
Từ bi thương phần uất*

*Thơ ai như thơ ông
Kể chuyện mái nhà tóc
Vác củi, làm chuồng gà
Đọc lên trào nước mắt!*

*Giữa tuyết trong đò con
Đỗ Phủ nằm chết đói
Đắp mặt áo bông sồn
Kéo hoài không kín gối*

*Ngàn năm nay sông Tương
Sông còn nước nở mãi
Khóc chuyện áo bông sờn
Đắp mặt thơ chết đói !...*

Tôi không biết ở quê nhà, đã có lần nào Phùng Quán gặp một "cố nhân" như Khoa Hữu chưa! Tôi nghĩ là chưa. Có nhiều điều ở ngoài Thơ phân cách hai nhà thơ tôi yêu mến. Họ khác nhau về thể hệ, tuổi tác. Phùng Quán lớn lên vào lúc đấu tranh giành độc lập đối với các dân tộc bị trị trở thành một sứ mệnh thiêng liêng. Ông xông pha vào cuộc đấu tranh ấy, và mặc dù bị dày dọ áp bức, ông vẫn xem cuộc đấu tranh ấy là một huyền thoại. Vinh nhục của đời ông gắn liền vào vinh nhục của thể hệ ông, các đồng chí của ông. Khoa Hữu thuộc vào thể hệ chịu đựng những tàn phá khốc liệt đầm máu của thể lực đã dẫn Phùng Quán vào huyền thoại, đã mất cả tuổi thanh niên vì tham vọng của thể lực ấy, đã mất cả tuổi trung niên vì gông cùm của thể lực ấy. Phùng Quán, Đỗ Phủ dù bất hạnh khôn khổ nhưng vẫn còn được sống trong khung cảnh "của mình", những vần thơ họ viết ra còn có người sao chép, truyền tụng, chia sẻ, cảm phục, thông cảm. Khoa Hữu không được những may mắn ấy.

Thơ của anh là máu, là lệ, là nỗi thống khổ của chính anh, gia đình anh, đồng đội anh - những người thua trận, đồng bào anh - những kẻ mất tiếng nói... Nhưng anh phải làm thơ giấu giếm, anh phải đóng vai người câm suốt bao nhiêu năm, nên tiếng thơ của anh đúng là "tiếng gầm thét của im lặng". Anh không dám có "cố nhân", và dĩ nhiên đủ sáng suốt về thân phận mình để không hồn nhiên dấn vạt áo người khác ra chép thơ lưu niệm. Tất cả chung quanh Khoa Hữu đều đầy đe dọa, muốn sống còn (chứ đừng nói muốn làm nhà thơ trung thực), anh phải như người làm xiếc nín thở đi trên sợi dây mỏng manh:

Thấy mặt trời gần

*trong mắt ta mở
thấy tay thời gian
vuốt qua ghê sợ*

*Bình minh như lửa
hoàng hôn như than
ta thấy cùng cháy
ta tàn cùng than*

*Ngẩng đầu ngang núi
sững một niềm đau
rừng rung thân mỗi
hòn suốt biển sâu*

*Đi dọc đời sống
tựa như đi dây
một hồn vực thăm
hai bờ căng thây*

*Ta làm thi sĩ
gỗ cửa đa đoan
tìm kẻ dưới mộ
thương người hồng nhan*

*Vắt kiệt sự sống
đốc cạn máu ta
thơ là máu nóng
thơ là thịt da
(Điệp khúc, Thơ Khoa Hữu*)*

Những vần thơ cất lên từ thân phận nghiệt ngã (trước hết của hơn hai mươi triệu người thua cuộc sau tháng Tư 1975, sau đó của tất cả đồng bào từ Nam ra Bắc) của Khoa Hữu, những vần thơ mà anh đã "vắt kiệt sự sống" để sáng tạo trong sự rình rập đe dọa, có công dụng như một chỗ vịn đáng tin cậy để đứng lên như Phùng Quán viết. Khoa Hữu là Đỗ Phủ của thời hiện đại, ở một đất nước liên tiếp đau

thương suốt nửa thế kỷ nay. Những lời Phùng Quán viết về thơ Đỗ Phủ rất đúng với thơ Khoa Hữu (*Thơ ai như thơ ông / Mỗi chữ đều như róc / Từ xương thịt cuộc đời / Từ bi thương phần uất*).

Và một khi thi nhân đã dốc cả xương thịt, máu huyết, vinh nhục... của đời mình vào thơ, mặc dù không biết sẽ dùng thơ ấy làm gì, gửi thơ ấy cho ai... thì tất nhiên sức thu hút của thơ Khoa Hữu phải mãnh liệt. Anh không cần, mà cũng không có thì giờ để tìm cách đổi mới câu cú, chữ viết. Anh cũng không đặt lên vai thơ những gánh nặng trần thế. Nếu xét bằng hình thức, thơ Khoa Hữu cổ điển: không khí thơ biên tái bằng bạc ở nhiều bài, chất dân gian lục bát ở nhiều bài khác. Nhưng trong lúc những người khác vay mượn thơ cổ điển và dân gian như một thứ dây leo ký sinh, thì Khoa Hữu đưa hình thức cũ lên một cung bậc mới, nuôi sống nó bằng chính chất liệu phong phú và tài ba của mình. Từ trong nước, sống âm thầm như một kẻ vô danh, anh gửi những vần thơ huyết lệ ra nước ngoài. Và không cần chờ lâu, thơ anh xuất hiện trên hầu hết những tạp chí văn chương quan trọng ở hải ngoại, nhiều nhất là trên Văn Học.

Có thể so sánh trường hợp Khoa Hữu với trường hợp Tô Thùy Yên, bạn anh. Tô Thùy Yên được đánh giá như một nhà thơ lớn gần bốn mươi năm, trước khi tập thơ Tô Thùy Yên được in ra. Khoa Hữu được bạn đọc hải ngoại yêu mến suốt mười năm nay, mười năm sau tập thơ của anh mới ra đời. Muộn còn hơn không. Nhất là trong tình cảnh Khoa Hữu, người đặt trọn ý nghĩa còn lại của đời mình vào tay nàng Thơ.

Nguyễn Mộng Giác

* Thơ Khoa Hữu, Văn Học xuất bản tháng 11.1997.
Nguồn: Văn Học số 141&142, tháng 1&2 năm 1998

Khoa Hữu, nổi bi phần bất tận.

- **Trần Doãn Nho**

Đặt bút viết về thơ Khoa Hữu, cảm giác đầu tiên không tránh khỏi của tôi là: anh là một nhà thơ phản kháng. Anh đang ở trong nước và những bài thơ của anh là “có vấn đề” đối với nhà nước chuyên chế ở đó. Do vậy, động lực thúc đẩy việc viết có thể không phải bắt nguồn từ bản thân thơ anh, mà từ thái độ “chính trị” của anh, từ sự can trường của anh. Nó nhắc nhở ta đến những trường hợp của một số nhà văn, nhà thơ bất đồng chính kiến khác ở trong nước.

Tất nhiên là có như thế. Từ khi đọc thơ anh trên báo, tôi vẫn nghĩ thơ anh được bí mật gửi ra nước ngoài và nhà nước Cộng Sản không biết anh là ai. Nghĩa là anh đã không hoặc chưa bị làm khó dễ ở trong nước. Nhưng khi cầm tập thơ, bìa sau ghi rõ lý lịch và hình ảnh của anh, tôi có phần sững sốt: anh can trường đến thế sao? Sau đó, tôi được biết là anh đã từng bị nhà cầm quyền Cộng Sản gọi lên thẩm vấn nhiều lần về những bài thơ đăng tải ở nước ngoài. Cũng phải thôi. Chỉ cần một, hai câu thơ với nghĩa nước đôi, mập mờ là có thể bị làm khó dễ huống hồ gì, xuyên qua toàn bộ những bài thơ của anh, thái độ của anh được bày tỏ thẳng thắn, không cần qua một ẩn dụ nào. Trong tập “Thơ Khoa Hữu”, thái độ đó còn được bày tỏ rõ hơn ở bài đầu tiên “Tuyên Ngôn Của Thơ”:

Vì Hoà Bình, vì Tự Do
vì con người vì hạnh phúc
mỗi chữ viết oằn một niềm đau
thơ không khuất phục (tr. 15)

và bài cuối “Bản Nháp Tờ Di Chúc”:

Ta say quên chỗ ta nằm
 đọc ngang thước đất nhớ trăng bốn bề
 tháng ngày ta đã hôn mê
 thân phơi bóng núi hồn về cửa sông (129)

Phải chăng qua “Bản Nháp Tờ Di Chúc” này, anh đã trù liệu đến những hệ lụy không lường trước được khi tập thơ được in ra ở hải ngoại. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác viết trong lời tựa “Từ trong nước, sống âm thầm như một kẻ vô danh, anh gửi những vần thơ huyết lệ ra nước ngoài” (tr. 12).

Giờ thì anh không còn vô danh nữa, hiểu theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

*

Có thể đó là lý do để viết về Khoa Hữu, hay nói đúng hơn về tập “Thơ Khoa Hữu” (1) vừa được Văn Học xuất bản cuối năm rồi (1997). Nhưng khác với nhiều người khác cũng ở trong một hoàn cảnh na ná như anh, ở đây, vấn đề không phải chỉ như thế. Giữa khu rừng thơ văn hải ngoại bạt ngàn, bề bộn, hoa và lá và cỏ đua chen, thơ Khoa Hữu nổi bật lên đầy cá tính, với một phong cách rất riêng, một hơi thở rất riêng, một không khí rất riêng và tất nhiên, với một tâm cảnh rất riêng, nếu không muốn nói là vô cùng riêng. Tôi không làm thơ (hoặc làm nhưng chỉ để tự thưởng thức), nhưng rất thích đọc thơ. Trên báo chí trong nước cũng như ở hải ngoại, tôi tìm thấy nhiều bài thơ hay - và rất hay - nhưng lạ là, lại hay, hoặc rất hay một cách chung chung. Chúng hay hao hao, tựa tựa nhau. Nghĩa là, dường như ít, hay khó, hay có thể không nhận ra lý lịch bài thơ chỉ bằng cách đọc bài thơ đó nếu không nhìn tên tác giả. Còn những bài thơ gọi là “hay hay”, tôi vẫn thường mang máng lầm giữa tác giả này và tác giả khác. Tất nhiên, trừ những bài thơ với kỹ thuật, hoặc ngôn ngữ quá tân kỳ, quá bạo, khiến ta không thể lẫn

được.

Riêng Khoa Hữu, chỉ qua một vài bài thơ là cá tính, phong cách và tâm cảnh anh định hình, tạo nên một chất thơ *khoahữu* riêng biệt, rất khó nhầm lẫn, đặc biệt là trong thể thơ “thất ngôn tứ tuyệt”. Trường hợp này nhắc ta nhớ đến Nguyễn Bắc Sơn với bài thơ đầu tiên đăng ở tờ Khởi Hành dạo nào:

Mai ta đừng trận ta còn sống
Về ghé sông Mao phá phách chơi
Chia sót nổi sầu cùng gái điểm
Đốt tiền mua vội một ngày vui

Chỉ với một đoạn thơ trên, chúng ta có ngay một chất thơ *nguyễnbắcson*.

Nguyễn Mộng Giác nhận xét: Khoa Hữu “không cần, mà cũng không có thì giờ để tìm cách đổi mới câu cú, chữ viết” (tr. 11). Cách ngắt câu, xuống hàng, vần điệu... hoàn toàn làm theo lối cổ điển bình thường. Hầu hết là thơ lục bát. Phần còn lại làm theo thể “thất ngôn tứ tuyệt”. Một hai bài “ngũ ngôn tứ tuyệt”. Chỉ có bài đầu tiên và một bài thơ ngắn khác là được làm theo lối “tự do”.

Đọc từng bài riêng lẻ của anh trước đây, cũng như đọc lại toàn bộ thơ anh trong tập thơ, lúc nào tôi cũng có một cảm giác u hoài, man mác rất cổ điển, cứ như đọc một bài cổ thi hay một bài văn thời xa xưa nào. Ừ, thì cũng buồn, chán, thậm chí thù hận. Nhưng cảm giác man mác, tựa như cảm giác khi ta đi dạo quanh một khu thành quách cũ rộng lớn, cứ đeo đẳng lấy ta. Nguyễn Mộng Giác bảo: “Không khí thơ biên tái bằng bạc ở nhiều bài” (tr.11). Vâng, “biên tái”. Nhưng từ đâu ta có cái cảm giác đó?

Trước hết, có lẽ là cách dùng chữ của Khoa Hữu. Anh sử dụng rất nhiều từ ngữ và hình ảnh cổ điển trong thơ. Nhiều từ hay cụm từ loại này trở đi trở lại nhiều lần, hoặc giống nhau hoặc pha pha đôi chút: *vằng dương, nhật nguyệt, niên sử, bóng hạc, gương báu, trăm họ, mài*

guom tạo hóa, anh hùng mạt lộ, thân phơi bóng núi, trang sách ước, chiến bào, vong quốc, mảnh áo bào, chiều hoa, gió bạt oán cừu, thiên tử, thứ dân, hưng phế, côi vô lượng, tà dương, nhà nghiêm, da ngựa bọc thây, bể bai...

Nhiều câu thơ của anh phẳng phát mùi Đường thi:

- Đêm gối đầu đất Sở
mai thức về đất Yên
- Cởi chiến bào súng trận
trải vàng trắng Xuân Thu

Có những câu khiến ta sống trong khung cảnh Chinh Phụ Ngâm hay Cung Oán Ngâm Khúc:

- Đồng trụ chiết, rung chiều cổ độ
- Vó ngựa sắt tung mùi thư sử
- Người đi tui giấc mơ kinh sử
một hồn trắng treo bóng giang đầu

Đoạn sau đây khiến ta liên tưởng đến hình ảnh một tráng sĩ trong một giai đoạn lịch sử thời nào xa ngán ngát:

Ta về kẻ đường xa lỡ vận
chuyện tử sinh nặng bước phong trần
áo giang hồ đi chưa đủ ấm
ngày về ta vẫn bóng phù vân

Một số lượng lớn thơ Khoa Hữu được làm theo thể lục bát, một lục bát hoàn toàn, không cách tân, không đổi nhịp, rất cổ điển, rất bình dân, vần điệu ôm nhau rất chặt chẽ.

- Sài Gòn/tháng chín/đêm mưa
ta như/khách lạ/về thưa/bóng người
- Mấy lời/đau gửi/non sông
khép thân/bức tử/mở vòng/bi ai
- nghe trong/đất nấc/tiếng trời
nghe trong/tâm huyết/bóng ai/trở về

Họa hoằn lắm, ta mới bắt gặp một cách ngắt nhịp khác:

- Mười lăm năm/vết ung thư
- Bốn mươi năm/khúc đoạn trường

Riêng trong thể thơ “thất ngôn tứ tuyệt”, đa phần các câu thơ được anh ngắt theo nhịp 3/4, chứ không theo

kiểu 4/3 (hoặc 2/3) như nhiều nhà thơ khác vẫn làm khi chọn thể thơ này (Tô Thùy Yên, Mai Thảo chẳng hạn). Cách ngắt câu này mang máng giống cách ngắt hai câu đầu thể song thất lục bát.

Bốn mươi năm/lạc phương trời khách
vẫn như chung/chia nỗi dọa dày
lời thề cũ/mừng khi gặp mặt
sao lạnh lòng/đau thuở chia tay

Có nhiều câu đọc lên nghe không khác gì hai câu đầu thể song thất lục bát:

- Nén hương cháy/ hắt hiu đời trước
ngọn nến chong/vĩnh biệt đời sau
- Ta mong ta/gió giam đầu núi
hạ đi đây/mưa tui qua sông
- Đây bằng hữu/đây con đây vợ
đây ngôi nhà giam giữ chung thân

Tuy làm thơ theo lối cổ điển như thế, anh hoàn toàn không lưu ý đến luật bằng trắc cổ điển “nhất tam ngũ bất luận, nhị tứ lục phân minh” áp dụng trong thể thất ngôn tứ tuyệt. Điều này trái hẳn với nhà thơ “tự do” Tô Thùy Yên. Hầu như trong tất cả những bài thơ thuộc loại bảy-chữ-bốn-câu, Tô Thùy Yên rất nghiêm chỉnh tuân theo luật bằng trắc nói trên

Hùng đông hùng vĩ và thanh thân
Sương hứa nguyên ngày nắng rực say
Ta đây khi gà truyền nhiễm gáy
Chân mây rách đỏ vết thương dài
(TTY, Thơ Tuyển, tr. 39)

Ở điểm này, Khoa Hữu “tự do” hơn Tô Thùy Yên nhiều. Tuy nhiên, tôi lưu ý một điểm đặc biệt ở thơ anh: anh rất chính ở cách gieo vần các chữ cuối trong những bài thơ thể bảy chữ bốn câu, cả vần trắc lẫn vần bằng, trong lúc Tô Thùy Yên chỉ lưu ý đến vần bằng.

Ồ Tô Thùy Yên:

Ta gọi thời gian sau cánh cửa
Nổi mừng ràn rụa mắt ai sâu
Ta nghe như máu ân tình chảy

Từ kiếp xưa nào tưởng lạc nhau
 Trong lúc đó, ở Khoa Hữu:
 - Phát đạn nổ chiến tranh, đã bắn
 tuyên án ta - bản án tử hình
 đem sợi tóc treo ngàn cân nặng
 vận mệnh trời hai chữ đỉnh ninh
 -Ta mong ta, gió giam đầu núi
 hạ đi dày mưa tủi qua sông
 mùa xuân ơi xanh trời trần trối
 cánh đào rơi như giọt máu đông
 Ở mấy câu trên, ta thấy bắn vần
 với nặng, hình với ninh, núi với trối, sông với đông
 Vần bằng, anh gieo đại loại như: trắng - bằng, may-
 đầy, xanh-tinh, chông-không, đầu - đầu, hôn-hôn, thù - ta,
 lưng - trầm...
 Vần trắc, anh gieo: sử-sự, xứ-tử, biệt-hết, trước-
 được, chết-hết, lá-lạ, giặc thật, trắng-thắng, bề- rề, thật-
 trước, núi-trối...
 Chính vì thế, những bài thơ của anh rất giàu âm
 điệu, luyện láy nhịp nhàng, khiến cho âm hưởng của thơ
 càng thêm đậm đà, bàng bạc không khí cổ điển.

*

Tôi đồng ý với nhận định sau đây của Nguyễn Hưng
 Quốc: “ Hầu hết các nhà thơ miền Nam, trong những năm
 đầu, tức là vào cuối thập niên 50, hăm hở làm thơ tự do, từ
 đầu thập niên 60 trở về sau, dần dần quay lại các thể thơ
 cách luật, nhưng các thể thơ cách luật ấy, dưới ngòi bút
 của họ, khác hẳn các thể thơ cách luật cũ: thứ nhất là họ
 thường bỏ niêm; thứ hai là họ thường ngắt theo nhịp lẻ,
 nhịp 3/4, tức nhịp thất ngôn truyền thống hơn là thất ngôn
 Đường luật; thứ ba là mật độ các thanh trắc tăng lên; thứ tư
 là tần số xuất hiện của các từ láy, các từ đệm ngày một
 thưa thớt dần; cuối cùng, thứ năm là hệ thống vần cũng
 lỏng lẻo hơn” (NHQ, Thơ, VV...và V.V..., tr.212-213).

Rõ ràng là, cách tân gì thì cách tân, người ta không

thể loại bỏ được thể loại thơ cũ mà nguyên tắc căn bản vẫn là vần điệu và các giới hạn về câu, chữ. Đọc thơ trong các tạp chí trong nước cũng như ngoài nước hiện nay, thơ cách luật vẫn chiếm ưu thế về số lượng và cả về chất lượng, vẫn được người làm thơ và người đọc thơ ưa thích. Tại sao có sự quay lại đó? Tôi cho rằng lối làm thơ tự do, trong lúc giải thoát nhà thơ ra khỏi một số ràng buộc hình thức vô lý để họ thoải mái bày tỏ tâm cảm họ, thì đồng thời cũng đẩy nhà thơ xa dần cội nguồn của thơ, theo đó thơ là một tổng hợp giữa âm thanh, cảm xúc, ngôn ngữ và ý thức. Nhà thơ “quay lại”, mang theo hơi hướm của tự do và do đó, thối vào các thể thơ cũ một sinh khí mới, giúp nhà thơ điều hòa được hai đòi hỏi trái ngược nhau. Hình như khi muốn diễn tả một tình cảm mãnh liệt nào đó về cuộc đời, về tình người, về sự thống khổ, về hạnh phúc..., nhà thơ thường chọn lối cổ điển. Gọn, hàm súc, cô đọng. Mặt khác, nhờ tùy nghi châm chước về luật bằng trắc, vần điệu, khổ, nhà thơ vẫn có tự do khi muốn diễn đạt cho tận cùng cảm xúc cũng như ý tưởng của mình. Tô Thùy Yên chẳng hạn, đã chọn lối bảy chữ bốn câu với bố trí chặt chẽ về luật bằng trắc, về vần điệu trong khá nhiều bài. Khoa Hữu là một trường hợp khác tương tự. Dường như cũng tâm trạng đó, nỗi lòng đó, mỗi khi được diễn tả bằng những vần thơ cân đối, chữ nghĩa sít sao, âm vận nối kết khiến cho lòng ta cảm khái hơn, dạt dào hơn, hòa nhập hơn với bài thơ và qua đó, với tâm cảnh của tác giả hơn. Và cũng dường như, làm thơ theo lối cổ điển có một cái thú là nhà thơ phải động não hơn trong khi tìm chữ cho phù hợp với cảm xúc đã dành, mà còn phải tìm chữ cho phù hợp với cấu trúc chung và với âm thanh, vần điệu. Điều đó đòi hỏi nhà thơ phải biết đào sâu hơn cái “thể tính” của ngôn ngữ. Một chữ phải “chết” một chữ, khiến cho mất chữ đó đi, bài thơ hoặc câu thơ trở thành chênh vênh, lập lờng, không “đạt”, không “hồn”. Do vậy, khi hoàn thành, nó trở nên một chỉnh thể có giá trị tự tại của nó. Dở thì đành là dở. Hay nhất định là hay.

- Ta về - một bóng trên đường lớn

Thơ chẳng ai đề vạt áo phai
 Sao vẫn nghe đau mềm phế phủ
 Mười năm, đá cũng ngậm ngùi thay
 - Ta về như lá rơi về cội
 Bếp lửa nhân quần ấm tối nay
 Chút rượu hồng đây, xin rưới xuống
 Giải oan cho cuộc biển dâu này
 (TTY, Tuyển Tập, tr. 128)

Đây! Ngày trở về của người tù Tô Thùy Yên. Âm thanh quện lấy chữ. Ý đan lấy lời. Cảm xúc níu lấy vần điệu. Dễ gì thay đổi được một chữ “lớn”, một chữ “phai”, chữ “cũng”, chữ “rưới” hoặc thay cách gieo vần mà không làm tổn thương đến câu thơ, bài thơ, không khí thơ, và cái cảnh bi thiết của một kẻ trở về cô độc trên đường lớn!

Cũng cái cảnh trở về như thế, Khoa Hữu đã chọn kiểu diễn đạt “cũ càng” như trên để nói lên nỗi lòng của mình:

- Ta về mang dáng ngày phiêu bạt
 nếp da nhăn trí nhớ âu sầu
 như trẻ thơ cười trong tiếng khóc
 ta về làm chứng cuộc bể dâu
 - Quê nhà như cỏ hoang đồng nội
 như gió mùa thổi vuốt tóc mây
 quê nhà lời linh hồn - ta đợi
 ba mươi năm giải nỗi oan này.

*

Thơ Khoa Hữu, nói chung, như đã đề cập ở trên, “cũ càng” nhiều chỗ: cấu trúc, vần điệu, từ ngữ. Có nhiều bài thơ, anh đã dùng cả điển cố như đất Sở, đất Yên, Nhạn Môn Quan, đồng trụ chiết... Đã thế, nỗi buồn của anh, tâm sự của anh, nỗi bi phẫn của anh nào có gì mới đâu. Ai trong chúng ta chẳng kinh qua vô vàn đau đớn của cuộc phế hưng trong mấy chục năm rồi. Ấy thế mà, đọc thơ anh, ta vẫn cảm thấy có cái gì khác sâu hơn, xa hơn, tái tê hơn,

ngậm ngùi hơn, thâm thiết hơn nhưng gì ta vẫn thường biết, thường nghe, thường cảm giác. Đường như thơ của anh đã làm mới lại cảm xúc, mài nhọn thêm nỗi bi thiết, đẩy cao thêm nỗi oan khiên, khoét sâu thêm niềm tủi nhục. Tuy thế, ngôn ngữ cũng như tư tưởng anh không có gì cầu kỳ, bí hiểm. Bằng tài năng, bằng sở húng của mình, anh đưa thêm ý, thêm tình vào những điển cố, ngôn ngữ cũ, hiện đại hóa những hình ảnh, biểu tượng xưa, và ngược lại, “biên tái hóa” những tình, những cảnh hiện nay. Chúng pha trộn, lẫn quất, hòa vào nhau tạo nên những câu thơ, đoạn thơ rất thâm, rất đậm khiến ta ngán ngời:

- Đêm đã trắng sao ta còn thức
nhớ quân đi gió bạt oán cừu
bỏ áo trận xanh trời Vạn Kiếp
xếp ngọn cờ vàng áng mây thù
- Đất báo oán người gây chinh chiến
thay áo bào, súng trận, ta đi
thiên hạ tứ phương thù, đầy loạn
trắng chiêm bao đưa bóng ta về

Toàn bộ những bài thơ của Khoa Hữu là một chuỗi dài những tiếng kêu bi phẫn. Trăm bài thơ là một bài thơ. Một trường ca bi phẫn. Đó là một nỗi bi phẫn không cạn, không ngưng nghỉ, không mệt mỏi. Nỗi bi phẫn xuyên suốt phần còn lại của đời anh, xuyên suốt sự nghiệp thi ca của anh. Mỗi một giòng thơ, mỗi một đoạn thơ hay mỗi một bài thơ - dài hay ngắn - đều đậm đia bi tráng. Tôi có cảm giác như nhà thơ đi suốt non sông, vác nỗi bi tráng trên lưng như một phần thịt da của mình, một phần đời mình, cảm lặng nhìn, cảm lặng nghe, và cảm lặng cất tiếng kêu bi thương cho chính mình nghe. Tất cả quanh anh đều nhuốm vẻ bi tráng: bạn bè, người, vật, thân phận, ngọn cỏ, khu rừng, giòng sông, nắm mộ, người tình...

Qua đèo Hải Vân:

Ơi Hải Vân đèo cao trăm trở
cắt ruột gan từng khúc lòng ta
Đến biển Cà Mau:

Vào thăm thăm rừng gây thương tích
cây vô danh chết đứng đời ta

Sài Gòn:

Sài Gòn ơi, máu điều linh
trái tim thiên cổ trăm tình curu mang

Trên sông Cửu Long:

Chiều như thô huyết trên sông
đỏ loang sắc nước mây giòng trường giang

Ở Đà Lạt:

Lên cao dốc đứng cây ngòi
xuống sâu lưu lạc phận người về thăm

Qua trường nữ Gia Long:

ta về mù mịt thế gian
môi khô bật máu cười khan tiếng cười

Ban Mê Thuật:

ta về đỏ mắt hoàng hôn
rừng thay áo trận núi chôn mộ người

Về Củ Chi:

Củ Chi ơi, gạch ngói
người lính cũ về thăm
chiến trường xưa ngọn khói
lòng ta bia đá câm

Một trong những từ (và ý) được anh lập đi lập lại
nhiều lần dính líu đến *oan* và *oán*: *oan khuất*, *oán cừu*, *u
hồn*, *oan tình*, *hồn oan*, *giải oan*, *oan khiên*, *oán thù*, *oan
hồn*, *kêu oan*...

- những oan khuất đời con chưa hứa
- một ly cổ quận rót đầy oán sâu
- tối đất oan khiên đỏ hận thù

Các hình ảnh máu me, chết chóc cũng trở đi trở lại
nhiều lần: *biển máu*, *ngậm máu*, *trắng thô huyết*, *tắm máu*,
cầm máu, *nợ máu*, *bật máu*, *sắc mùi tanh*, *vết thương tươi*,
cắt ruột gan, *mũi giáo còn tanh*, *xé bật tanh hôi*, *xương cốt
người*, *nắm hài cốt*, *đao phủ*, *quỷ sứ*, *quật mồ*, *hạ huyết*...

- máu nào lăn lóc giòng thơ
- mũi dao đâm suốt tuyệt vời thế gian
- thu vàng vẩy máu trời kia

- lời máu đỏ ròng ròng phán xét
- mảnh da vàng thuộc đến chung thân

Nỗi oan khiên, phần uất, hình ảnh máu lệ bàng bạc hầu như trong tất cả các bài thơ. Nhưng tinh túy nhất, tài hoa nhất, cô đọng nhất và đánh động trái tim người đọc nơi sâu thẳm nhất, nằm ở những bài thơ bảy-chữ-bốn-câu. Có những bài rất dài: Trở Về, 17 đoạn ; Gửi n.b.t, 17 đoạn ; Sự Yên Lặng Của Cát Bụi, 27 đoạn ; Tượng Lính, 17 đoạn ; Kể Lưu Đà Trên Quê Hương, 21 đoạn.

Tôi cho rằng tài năng của Khoa Hữu biểu lộ rõ nhất ở những bài thơ vừa kể. Và cái *chất khoa hữu* đặc biệt mà tôi đề cập ngay đầu bài cũng nằm trong những bài thơ trên. Qua chúng, hầu như tất cả những oan khiên, day dứt, đớn đau, bi phần của người thất trận, của người lính thất trận, của người tù, của người mất quê hương ngay trên chính quê hương mình, được giải bày ở mức độ bi tráng cao nhất, rạn rụa nhất, sống động nhất. Nỗi bi phần của anh (hay của bạn bè anh, của đồng bào anh), theo lời thơ, theo hình ảnh trong thơ, theo nhịp điệu của thơ kết tụ, cô đặc lại trên từng câu, từng chữ, nâng ta lên từng bậc, lên mãi, ngút trời...Hồn thì *hồn suốt biển sâu* (tr.82), buồn thì *buồn dâng tới đỉnh, ta chạm vô cùng* (tr. 83). Nó là tiếng kêu đơn lẻ, thoát ra từ thân phận của một cá nhân, nhưng trở thành tiếng kêu trầm thống rợn người của cả một khối dân tộc, nếu không muốn nói là của toàn khối dân tộc bị hoàn cảnh nghiệt ngã đẩy vào một giai đoạn lịch sử bi thương nhất, trong đó chiến tranh, hận thù và oan khiên đeo đẳng hoài không dứt. Đã hẳn kẻ bại trận thì buồn đau, thì tủi nhục, thì căm hờn. Nhưng trong giai đoạn lịch sử vừa qua và hiện nay, cái buồn đau, tủi nhục đó vẫn có gì khác thường, có gì “không phải”, có gì dường như không thật. Hay nói như anh, có cái gì *oan trái, hàm oan, oan khuất*:

- Khối tư tưởng núi ngời hóa thạch
nặng nghìn cân đá chất hàm oan
ta hỏi cây, cây chờ giải thoát

đường lên đất lở đá hoang đường
 - Em hát cho Việt Nam dĩ vãng
 ba mươi năm rền cuộc chiến tranh
 mười lăm năm còn người bại trận
 còn ghê môi kẻ liếm máu mình.
 - Em hát ư hay lòng ta khóc
 từng bóng ba về gọi đêm đêm
 một triệu mộ phần xưa oan khốc
 một triệu người ly tán quê hương
 - Ta về như nổi oan này
 bóng ma vô định một ngày lại đi

Trong anh là sự hội tụ đến cực điểm của tâm thức người lính bại trận, của người tù chung thân, của người mất quê hương. Thêm vào đó là tình đồng đội. Theo tôi, những bài thơ nói về lính nằm trong số những bài thơ hay nhất của Khoa Hữu: Sự Yên Lặng Của Cát Bụi, Tượng Lính, Qua Đất Quân Trường Vạn Kiếp... Anh đi thăm nghĩa trang quân đội, thăm những chiến trường xưa như Cổ Thành, Củ Chi, các quân trường. Lòng anh trĩu nặng hình ảnh cuộc chiến tranh, trĩu nặng tình đồng đội. Trong chất ngất túi hờn, trong ngập ngựa kỷ niệm, anh vẽ lại một cách sống động cuộc chiến tranh tàn khốc mà anh và đồng đội anh đã từng tham dự. Hết chiến trường này đến chiến trường kia: Khe Sanh, An Hạ, Trảng Bàng, An Lộc, Ba Thu, Creck, Snoul... Hết người bạn này đến người bạn kia nằm xuống giữa chiến trường.

- Lên Creck, Snoul chiều vĩnh biệt
 xác tăng, thép súng cháy thành than
 xuống Ba Thu, đạn còn người hết
 tiếp máu ta rửa sạch chiến trường
 - Cây súng trận trả về hậu cứ
 phòng xác Tổng Y Viện lạnh nằm
 tấm ảnh bóc từ quân bạ cũ
 dán lên tường hẹn chuyển lại thăm

Đấy, bên ngoài, người lính Khoa Hữu mất hết,

nhưng bên trong, chiến trường xưa và đồng đội vẫn tươi rói kỷ niệm. Những người lính ấy *chất ngất* đời hai vai *trận mạc*, với *chiếc nón sắt quên* đời lẩn lóc và *tám thẻ bài* *đây lời đỉnh ước*, để rồi:

đất nghĩa trang chung ngày hạnh ngộ
mộ mộ bia lớp lớp bảo tàng

Kẻ còn sống thì thua cuộc chiến tranh, nên:
Ta làm thơ gửi thẳng cầm súng
hơn triệu thẳng bỏ súng đi đâu
đưa đến quê người đời lặn độn
ta quê nhà nhức vết thương sâu

Có lẽ đó chính là lý do sâu xa nhất khiến Khoa Hữu bất chấp tất cả để làm thơ:

Đất ấy của ta ta còn hiểu
đồng đội của ta ta còn đau
giấy mực đời chép ra, ví thiếu
lấy da này viết để tạ nhau

Vâng, *đất ấy của ta*. Anh ở lại trên quê hương của anh - một quê hương đã thống nhất, đã ngưng tiếng súng - nhưng khôn nổi trong tâm thức của một kẻ lưu đầy. Sống trong quê hương, nhưng như người biệt xứ. Quê nhà vẫn chỉ là nỗi nhớ vì *cá chậu chim lồng nhốt lịch sử*. Anh *nghe sấm truyền kinh ngọn gió rung*. Quê nhà anh bị *người ta phá ngôi đền họ, cướp nhà ta đất khói hương này, đòi nợ sống, đòi da người chết*. Bởi thế mà:

- Ta đi trắng huyết ràn rụa máu
tối đất oan khiến đỏ hận thù
- Ta đã sống khác gì thú vật
trả suu thân trả thuế linh hồn

Quê hương, cái thực thể ấy, với Khoa Hữu, chỉ chứa đựng toàn những mất mát, hoang vu và thù nghịch. Trong lòng anh, quê hương chỉ còn là một mong

ngóng vu vơ, một trông chờ bất tuyệt, một quê hương mà lịch sử bốn ngàn năm chỉ tóm lại trong một ngày với hình ảnh xác xơ, rách nát *ách bần cùng lũ lượt qua đây*. Tất cả chỉ là một cõi chết. Sài Gòn, nơi anh ở toàn là *những dấu chân nằm chết...những chiếc lá nằm chết... gạch ngói cũng nằm chết... lịch sử cũng nằm chết*, để chỉ còn trong anh:

...trái tim phần nộ

thở cùng hơi thở Sài Gòn ơi

Anh tự hỏi:

Về ư? ví còn nơi về được

ví ta quên hết chuyện đau lòng

xin làm con đẻ mền hóa kiếp

chôn bụi bời cất tiếng hát rong

*

Thú thật, viết về Khoa Hữu, tôi chỉ muốn trích thơ anh hơn là viết. Mọi giải thích, mọi quăng diễn, mọi nói quanh nói co... cho dài, hình như đều thừa ra so với tiếng kêu đứt ruột thoát ra từ những giòng thơ bi phần của anh. Thơ anh là tiếng kêu, tiếng thét, tiếng khóc, tiếng la. Chúng bật ra từ một oan khiên tưởng chừng như bất tuyệt, một nỗi đau thương vô xé trong tâm nín. Bởi thế mà thường thức thơ anh, theo tôi, không phải là thường thức chỉ cái thú đau thương, những tứ thơ hay, lại càng không phải là thường thức những hình ảnh đẹp, những ý tưởng siêu hình, hay những cảnh giới siêu nhiên, mà là đồng cảm với một tâm cảnh rất đặc thù của Khoa Hữu: đó là một bi phần không mệt mỏi, trộn lẫn giữa những oan trái, lạc lõng, mất mát không gì bù đắp nổi. Chưa có nhà thơ nào sống trong, nuôi dưỡng trường kỳ và bày tỏ lên - ngay trong một hoàn cảnh vô cùng nghiệt ngã của bản thân - một nỗi bi phần như thế. Chính ở điểm này, thơ anh đòi hỏi người đồng điệu. Không đồng điệu, có lẽ khó đến được với thơ anh. Riêng tôi, tôi không nghĩ là mình hoàn toàn đồng điệu với anh. Nhưng tôi hy vọng (và tin rằng) anh là một nhà thơ chân chính, chân chính với chính anh, với bạn bè anh, và

sau hết với non sông tổ quốc.

Tôi xin kết thúc bài này bằng cách trích ra một vài đoạn thơ khác nữa của Khoa Hữu mà tôi rất thích:

- Sẽ có một ngày trời không tuổi
tiếc thương ta đất cũng không già
một ngày, một ngày đích thực tới
trái tim này, em giữ giùm ta
- Em yêu, tóc dài thêm độ ấy
tiếng gà trưa dậy chỗ em nằm
thiếu thời em là hoa là trái
cỏ trầm hương mất lá dầm dẫm
Những cánh mai tung trời thân thuộc
vụt thời gian con én bay về
nắng xé lụa phơi mùa hạ trước
gốc phượng tàn còn dẫm tiếng ve

Một đoạn nữa:

Ta cạn lòng ta không biết khóc
hãy như hoa nở báo tin mừng
như tảng đá xanh núi bất khuất
như lời vô tận sóng biển đông

Bốn câu thơ sau cùng này không phải trích từ tập “Thơ Khoa Hữu”, mà trích từ một bài thơ mới nhất của anh in trên tạp chí Văn Học, số Xuân Mậu Dần 141, trang 44, tựa đề “Hong Hạc”.

Hãy như hoa nở báo tin mừng! Mong lắm thay,
giữa những oan khiên, bi phần, vẫn còn chỗ cho hy vọng -
dù là nhỏ nhoi chẳng nữa!

Trần Doãn Nho

Tạp chí Văn Học (Cali) số 144, tháng 4, 1998

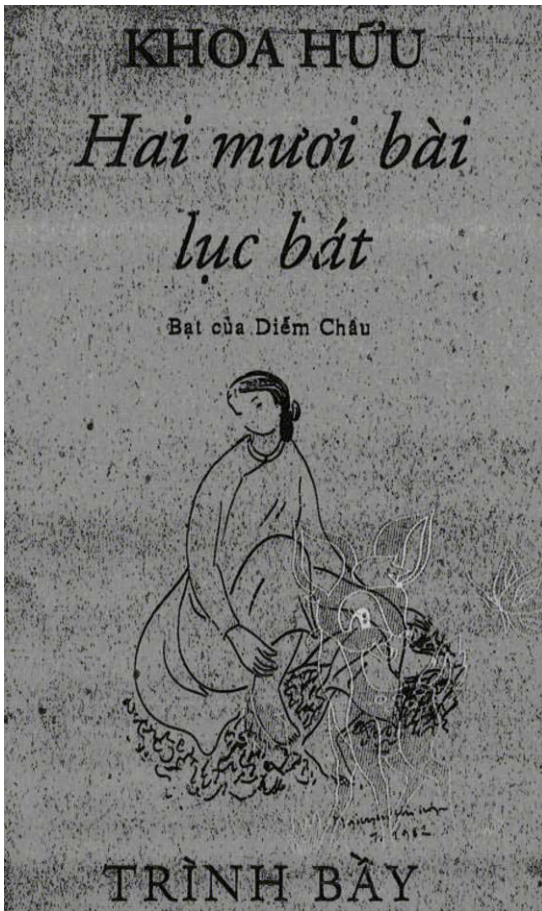
(1) Thơ Khoa Hữu, nhà xuất bản Văn Học, California 1997

Lục bát như một tín hiệu

Người viết: **Diễm Châu**

KHOA HỮU là bút hiệu của một người hoạt động văn nghệ tại miền Nam Việt Nam từ những năm 60 hay trước nữa (?) Chủ trương giai phẩm *Góp Gió*, anh đã cho đăng một bài thơ dài của tôi vào những năm tháng ấy. Trong trí nhớ lúc này đã bắt đầu mịt mờ của tôi, anh vẫn xuất hiện như một chàng trai sức vóc với sắc diện luôn luôn hồng hào và một tiếng cười trẻ trung làm rung rung hàng ria mép đa tình! Tôi và các bạn tôi, Thế Nguyên, Đình Trần Nguyễn (sau này là Đình Phụng Tiến) và có lẽ cả Vũ Kinh và Tạ Quang Trung nữa, đã hợp tác với anh trước khi chúng tôi khởi sự tờ *Văn Mới* với nhà xuất bản Hoa Phương Đông... Tất nhiên những nỗ lực của anh, của chúng tôi, chỉ như gió đồng nội trước cơn bão báo thời đại. Tôi không rõ anh đã gặp phải thứ bão nào trong cuộc đời sau đó. Nhưng bóng anh trong đầu óc bọn bè của tôi mờ dần. Những diễn biến buồn và thảm hại liên tiếp đổ ập lên đầu chúng tôi, và tôi đã tưởng anh, cũng như bao người thân khác, đã mệnh một trong một cánh rừng hoang vắng nào... Thời gian qua đi như một loài thú vô thừa nhận...

Cho tới một ngày tôi nhận được, từ Paris, một bài thơ gửi tặng ký tên Khoa Hữu. Nhìn nét chữ sắc gọn trẻ trung tôi đã tự hỏi: Khoa Hữu, Khoa Hữu... là ai? Tôi đoán anh là một người bạn trẻ ở quê nhà và đã viết một bài thơ ngắn gửi lại người bạn trẻ ấy! Sau này, những người bạn chung của chúng tôi đã cho tôi thêm một vài chi tiết về “người bạn trẻ”, và như thế, *người chết đã sống lại*, tôi đã tìm được một chiếc bóng thương mến cũ.



*

Anh Đỗ Mạnh Trí của báo *Tin Nhà*, của nhà xuất bản *Tin* ở Paris, gửi cho tôi bản sao một xấp thơ của Khoa Hữu, với mấy dòng ghi chú: "... Bản chính viết trên những trang giấy học trò rất mỏng và nghèo nàn. Chắc Khoa Hữu còn làm nhiều thơ khác?..." Anh cũng nêu thêm lý do khiến Khoa Hữu đã gửi cho anh đa số những bài trong xấp thơ nói trên: "Ảnh biết tôi thích thơ lục bát..." Tôi lục lại trí nhớ và chợt nhận ra Khoa Hữu thường làm thơ bảy chữ với vần điệu khá nghiêm chỉnh. Đã có một vài bài đăng trên

một tờ tạp chí ở miền Tây Hoa Kỳ vào những năm 80. Nhưng hình như Khoa Hữu chưa bao giờ làm thơ tự do. Tôi lựa ra những bài lục bát của Khoa Hữu và để dành những bài còn lại cho một tập thơ khác. Tôi muốn nói với người bạn vong niên của mình ở Paris: “Lục bát, không phải chỉ có mình anh thích...” Lục bát của những câu ca dao, lục bát của “lời quê chấp nhặt”, lục bát “thơ ta” trong lối nói của Tân Đà, lục bát của Nguyên Sa lúc sau này. Lục bát của biết bao người khác. Và bây giờ, của Khoa Hữu. Tất nhiên lục bát của Khoa Hữu có những điều *khác* với mọi người. Nhưng tôi không phải là nhà phê bình. Tôi không muốn so sánh. Tôi chỉ muốn nói tới những gì mình nhận được *như một tín hiệu*.

Lục bát của Khoa Hữu như một tín hiệu?

Đối với một người đã quen với kỷ luật... của lối thơ bảy chữ như Khoa Hữu, lục bát chắc chắn không phải là một thể thơ quá khắt khe gò bó. Thế nhưng, nói theo Đới Vọng Thư (1905 – 1950), một nhà thơ Trung Quốc, không ai ngu dại gì mà lại tự cắt chân mình cho vừa một đôi giày của người khác... Sau khi đã lựa chọn thể thơ này, Khoa Hữu, với đôi nét “phóng túng” trong âm vận, có lẽ đã muốn cho thấy mối quan tâm thực sự của mình không phải là hình thức, không phải là lục bát *như một thể thơ*, mà là một điều gì khác hơn thế: *hình thức như một ý nghĩa*, chẳng hạn. Khuôn mình vào thể thơ ấy, Khoa Hữu chắc chắn cũng không phải đã lựa chọn như nhiều người Sài Gòn của một thời nào: tự động từ bỏ những đôi giày êm ái của mình để... “xuống dép râu”. Và lại, lục bát cũng chẳng bao giờ là dép râu. Hay ngược lại!

Một nhận xét khác có thể soi sáng thêm: Dưới tất cả những trang thơ của mình, Khoa Hữu thường ghi mấy chữ “Sài gòn VN” (và ở bài chót, anh còn ghi thêm năm viết). Sài gòn ? – “một miền không biết tới mùa đông” theo kiểu nói quen thuộc của Lữ Phương? Sài gòn, một miền không bao giờ muốn biết tới cái lạnh lẽo của xa cách, chia ly, cô lập? Không, những hình ảnh này, dù có đáng để ý cách mấy, cũng vẫn thuộc về ngoại vi. Nếu nhiều người sống ở Tây

Phương nhiệm cái thói quen nhìn các tác phẩm văn nghệ lọt ra từ “thế giới bên kia” như những bản cáo trạng, những lời phản kháng, tố cáo, ... những “tài liệu xã hội” thuần túy – và như thế, đã mặc nhiên phủ nhận tính văn nghệ của các tác phẩm ấy, thì một khối lượng thông tin nào đó vẫn không phải nét thiết yếu của lục bát Khoa Hữu.

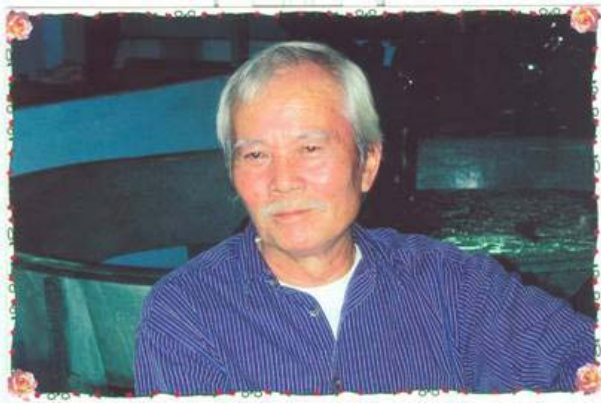
Dù sao, tất cả những nhận xét trên cũng vẫn chỉ chạy vòng quanh... Có lẽ hay hơn cả là trở lại với chính lục bát, với lý do thiết thực mà họ Đỗ đã nêu ra: Lục bát là một lối thơ quen biết hơn cả của người Việt Nam, một lối thơ được nhiều người Việt Nam ở bất kỳ đâu ưa thích, “thơ ta”... Tất nhiên, một món quà “lý tưởng” cũng không thể *chỉ là* một món ta ưa thích. Nó chỉ ra mối liên hệ giữa người gửi và người nhận, nhưng nó còn nhắc nhở một điều gì đó. Người lập tín hiệu có thể có muôn vàn điều gởi gắm. Tôi, một trong những người nhận, tôi muốn đọc thấy ở lục bát của Khoa Hữu một điều gì như nỗi nhớ, động lực khởi đầu cho một cuộc tìm lại những người anh em của mình ở một quê hương đích thực.

Nhân dịp này, tôi cũng xin được ghi lời cảm tạ Anh Đỗ Mạnh Trí và nhà xuất bản *Tin* đã dành cho tôi hân hạnh được in lần đầu những bài lục bát của Khoa Hữu.

Diễm Châu

Lộ trần 22-5-1994

Bạt tập thơ Hai mươi bài Lục Bát Khoa Hữu, Trình Bày xuất bản 1994, minh họa: Nguyễn thị Hợp, bìa: Huỳnh Dân.



KHOA HỮU

1938 – 2012

Nguyễn Thùỵ Song Thanh

Thi Thê²

*Người nằm đó
Bất động như núi
Im lặng như sa mạc
Hơi thở đã trốn thoát vào hư vô
Linh hồn lánh nơi nào trong cõi đời
Bay về nơi nào ngoài cõi trời.*

Về nơi mịt mù băng giá trắng
 Về nơi vô thủy vô chung vô cùng tận bảy sắc cầu vồng
 Hay cũng cô đơn bất động ngoài thiên nhai mộng muối tối
 đen.

Trước lúc lâm chung người đã thắng thoát nghĩ ngợi gì?
 Địa ngục thiên đàng
 Âm phủ niết bàn
 Nhân loại đều đã ném trái nơi trần gian
 Cần chi nghĩ tới

Dù sao người cũng sẽ xa lìa cõi lãng quên

Người nằm đó
 Lẻ loi như vầng trăng khuya lạnh lẽo nơi địa đầu
 Điều gì khiến người trở nên uy nghi
 Trên mọi uy nghi
 Điều gì khiến người trở nên thách thức
 Trên mọi thách thức
 Người ta sẽ đặt người vào cổ áo quan bằng gỗ giáng
 hương
 Người ta sẽ bó người trong manh chiếu lát đơn
 Sẽ khóc thương, tiếc nhớ, tôn vinh
 Sẽ quả trách, chê bai, sỉ nhục...

Thấy đều vô ích.

Người nằm đó
 Vầng trán kia mệnh mông lý tưởng
 Một ngày hòa bình một ngày công bằng
 Trái tim kia
 Còn đập mãi trên những câu thơ dở dang
 Hân hoan hạnh phúc
 Đau đớn ghen ngào
 Vì đồng loại.

Có phải người đang đi qua chiếc cầu vồng
 Mỗi trạm hành trình một vì sao

*Chắc người còn đi mãi ngàn thu sau
Vĩnh biệt.*

Ghi Chú: Bài thơ này của nhà thơ Nguyễn Thùy Song Thanh, bạn đời và là bạn văn của nhà thơ/nhà văn Khoa Hữu – Ngô Đình Khoa, đã được đọc trước giờ đưa tiễn người văn thơ Khoa Hữu về cõi nghìn thu.

Nguồn : <http://www.gio-o.com/NguyenThuySongThanh.html>

DI CẢO THƠ KHOA HỮU

Nhà thơ KHOA HỮU đột ngột qua đời vào ngày 5 tháng 4 năm 2012, có để lại một số bản thảo bao gồm thơ, truyện ngắn, truyện dài... Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ phổ biến lần lượt những tác phẩm trên. Để tưởng nhớ Anh, chúng tôi xin trích đăng một số bài thơ sẽ in trong một ngày gần đây.

Trình Kiêm
về hơn ba trăm năm sau

*

I /

Ta tìm người lên núi cô tú
chèo trái hoàng hôn đỏ khoác mây
hỏi hết nghìn năm tìm đá mộ
bát nước mỗi tương rượu rót say
chép choáng bóng rọi nghiêng đầu vác
đôi non xanh, quầng xanh, xuống ngàn
mây trăm năm lửa còn nung đất
đá tìn người xốt cội tro tàn.

Kiếm báu sọc một thớt tam huyết
vô ngựa tung, hi' thê sự cũng
quay mặt lại rừng mù lối tuyết
lá nào bay trong gió ngọc môn?

Ta tìm người hỏi cây ngọc tử
hỏi đá vua hoa có quân thần
chép truyện thuyết viết vô danh sử
cội nguồn ta như máu tử tâm

Thủ bút của Khoa Hữu

Thơ trước 1975 (dưới bút hiệu Ngô Đình Khoa)

Lính thú

căn cứ Bleyney mùa mưa nước nổi
sống ở bờ cao chung với kiến vàng
ngày nắng hạ cháy da làm lính mọi
đêm mưa cùng đào hố nước ở hang

nón sắt thay nồi thuốc bồi mỗi lửa
cơm dọn ra nửa sống nửa khô vàng
miếng được miếng không nuốt ngày sống vội
như nửa đây chết vội đến phiên chẳng ?

ăn nghỉ tiến quân chung giờ làm một
súng với ta thân thiết như tình
ngụm nước mát dành hành quân rất tuyệt
miếng giẻ khô phòng mưa súng rỉ han

người làm giặc từ bắc phương tràn tới
giáp trận súng tay cơm vắt muối vùng
miệng giải phóng lưỡi điều ngoa trăm tội
tim óc người chắt ngắt những lòng căm.

đêm thức ho khan ta chờ người tới
(nghìn đũa như ta nghĩ cũng nực cười)
người với ta bằng một còn một mất
súng đạn bày trò sống chết như chơi

ta bắt được người gọi tên vô sản
người bắt được ta gọi lính ngục quyền

khi xưa sống tổ tiên chung một họ
máu chia ngành giờ hết anh em

ta vượt biên đến đây làm lính thú
máu đổi xương đổi đất từng miền
thèm ngủ thèm ăn chưa bằng được chết
mộ đã yên giờ cỏ đã xanh lên.

tặng anh em TĐ 1/46

Ba Thu

Trú quân ba thu non một tháng
ngày ăn mấm ngóc tối di quân
tóc râu thậm thọt theo mưa nắng
mặt nổi mụn nhang da cóc ngu dân

hành trang mặc theo bộ đồ độc nhất
cấp số đạn dư đùa để nuôi con
quần áo rách xé tay chân thêm cụt
tắm vụn xà-rông cho giống diễn tuồng

khi trận mạc tiến theo đoàn xe sắt
sắt chảy như bùn đầu tiếc thân
tối ngủ đứng ngòi trong lỗ huyết
sớm sớm vờn vai mừng thấy ta còn

khi dưỡng quân khê khả dăm ly để
ngất ngưỡng say ta học nói tiếng Miên
quên chữ thánh hiền quên con quên vợ
ta như than lem luốc đủ trăm miền

ta như thế hồi những chàng du kích

sợ gì người ta e sợ chính mình

quân trú ba thu hơn một tháng
ghẻ cóc mụn nhang lạ nước thay da
tìm với óc hời ời còn chết được
ngày lui quân xin xác gửi quê nhà.

(trích từ Thơ Miền Nam trong Thời Chiến, Thư Ấn Quán
sưu tầm và xuất bản 2008)

Lục bát

Ngủ ngon em nhé thiên tài
trong tim anh ngủ giấc muối đời nhau
ngực hồng đã thử cơn đau
anh qua chín cửa ngực sầu yêu em
sợi chùng tóc cô thiên nhiên
lược tay anh chải đã mềm lòng xưa
nghe mừng muôn ý hư vô
anh thêm ý sống anh bù ý vui
trái xanh xin nán cây người
mai sau chín rụng để đời tiếng than
mộng xin thề dấu môi hồng
máu xin hãy đỏ liền giòng đừng phai
hồn ta rộng đắp cho người
ý xô bật những lâu đài giam em.

Buổi trưa Kampuchea

Tìm em cái khát trưa nay
xin đôi giọt nước cho đầy tình thâm
cái vàng chưa thỏa Á Đông
cái đen thú tính cái hồng hân hoan
cái cùng gọi cái không tên

cái dư tội nghiệp cái niềm phận con
 tìm em cái ý lưu vong
 cái chia khép kín cái còn hờ hang
 mỗi ngời thu dọn bản thân
 tội ta con thú đã quên đường về

Khi về Việt Nam

Về đây vóc vạc hình mai
 ngày đi chiến trận đêm ngời cầm canh
 để râu để tóc lưu manh
 chơi dao chơi súng cho thành sát nhân
 sống bù ý buộc mưu toan
 tâm hao trí huyệt chưa tàn cuộc chơi
 về đây, cổ quái giống người
 cái thân tầm gửi cây đời phù sinh.

NGÔ ĐÌNH KHOA

(trích trong Khởi Hành số 75 ngày 15-10-1970)

Những bài thơ tiêu biểu sau 1975 (dưới bút hiệu Khoa Hữu)



sự yên lặng của cát bụi

*Ta cuối sông nghe nước tả oán
người đầu non như đá diên rồ
Chìm mỗi cánh dặm đường bóng bạn
khỏi chiều trông thẳng thốt tờ thư.*
Khoa Hữu

Ta thức trọn những đêm kinh giấc
đêm ơi, đao phủ hành hình người
ngày lên, mặt trời không có thật
những dấu chàm xâm những vết vôi.

Tháng hạ trong thịt xương ngấm độc
bước hưng vong điếm mặt da vàng
lại một nửa lưu tù rừng bắc
nửa còn theo sóng vượt biển nam.

Dọc mùa thu oan hồn xác lá
tro bụi bay khỏi ám vàng trắng
đường tên mới, ta, người cũng lạ
lời giáo gươm dậy cỗi đất bằng.

Đêm đông bịt mắt đi chân đất
áo da người thay áo cỏ may
trong toa tối tàu rung tiếng thép
túi đeo, dây thắt kẻ đi đày.

Mùa Xuân soi đời mình thấy bóng
ta nhật giùm ta sợi tóc râu
vết đạn xuyên vết thù đã nám
hẹn kiếp nào tìm thấy lại nhau?

Trái tim ta nghĩa trang đồng đội
dẫm bước chân lịch sử vô tình
hai lần chết giật mình tra hỏi
hai mươi năm mồ mả không xanh.

Trí nhớ ta những giờ báo tử
súng trường, áo trận máu còn loang
chết, chết trẻ chưa lần cưới vợ
vội vàng không kịp thấy mặt con.

Bông hoa đại bám bè củi mục
giữa dòng trong vất hổ bom sâu
mảnh khăn thấm vết thương chưa bạc
người trước đi để dấu người sau

Chiếc nón sắt quên đời lẫn lóc
lỗ đạn tròn khoét vết đau thương
người lính sau theo người lính trước
đất vô danh cây cỏ vô hồn.

Chất ngất đời hai vai trận mạc
bặt tin nhà, nhàu nát thư xanh

lính đã mỏi mong lời vuốt mắt
gió mây tan chút ước lưu tình

Lên Creek, Snoul chiều vĩnh biệt
xác tăng, thép súng cháy thành than
xuống Ba Thu đạn còn, người hết
tiếp máu ta rửa sạch chiến trường.

Trăm họ trăm dân nhà tứ xứ
đạn tri âm súng kết bạn đời
rượu nghĩa khí mềm môi sinh tử
giận nuốt vào nén để cảm hơi.

Một mẹ của con chung tất cả
quà quê hương nhận dưới chiến hào
đứa con lính gác đêm chưa ngủ
nghìn đứa nằm thao thức vì sao...

Mưa nắng mấy mùa thân đá đập
trăng viễn phương giục nhớ quê nhà
khuya rộn giấc ngâm câu lục bát
khẽ chập chờn như những hình ma.

Khói bếp Long Sơn, nước Vàm Cỏ
áo trận phơi đại đội trở về
bụi Trắng Bàng lửa trời An Hạ
gió đồng chưa khô áo lại đi.

Chẳng thích thân không nhà không cửa
mỗi đêm đào một hố trú chân
chén rượu nhạt ly cà phê chợ
hiếm đôi giờ cho trạm nghỉ quân.

Pháo lấp Khe Sanh, cắt đường Chín
những hung tin không kịp báo về
gió Hạ Lào cuốn cờ tường niệm
đá Trường Sơn đứng sững như mê.

Nào Huyền, nào Long người đi trước
 này Tín, này Nhâm anh về sau
 những cái chết buồn không nói được
 hồn ơi tra khảo những đêm đau.

Cây súng trận trả về hậu cứ
 phòng xác Tổng Y Viện lạnh nằm
 tấm ảnh bóc từ quân bạ cũ
 dán lên tường hẹn chuyển lại thăm.

Người đi tù giấc mơ kinh sử
 một hồn trắng treo bóng giang đầu
 gió Sài gòn tăng mùi thể sự
 nửa đời ta đắm nước sông sâu.

Ngày đi hiến máu cho An Lộc
 lính cũ đâu còn, lính mới quen
 vào đất chết buồn vui cũng hết
 bước chân ta cày xới đất lên.

Đàn quạ đói kêu trời độc địa
 lũ chó hoang tha miếng mồi người
 đứa chết ba ngày mắt vẫn mở
 đứa sống ba tuần thịt đã ôi.

Vận mệnh đùa ta giả như thật
 sỏi đá tan xóa dấu sinh tồn
 khi sống ở vàng da xanh mặt
 lúc thác về nắm đất nhà chung.

Ba năm sau - một ngày giải giáp
 ba năm em cũng đoạn tang chồng
 đèn hiu hắt bóng về trên vách
 đứa con đầu biết hỏi ba không?

Ba năm mẹ già hơn vóc vạc

trở gió trời nghe bước con về
 rừng thay mẹ canh mờ lưu lạc
 chớp bể mưa nguồn lấy lòng che.

Người lính trận bỏ tình đi mất
 bỏ trăm năm khói tỵ mây thành
 lòng nghĩa trang tiếc thương đã nhạt
 cả vòm trời như áo nửa manh.

Đất ấy của ta, ta còn hiểu
 đồng đội của ta, ta còn đau
 giấy mực đời chép ra, ví thiếu
 lấy da này viết đề tạ nhau...

tượng lính

Lịch sử không cho chúng ra những số phận khác



I.

Ta cầm súng thời làm lính thú
 dọc ngang ta nón sắt đội đầu
 Vết gót giày bạc phéch áo trận
 viên đạn đồng ngủ đứng trong bao.

Ta lính tác chiến quen liều lĩnh
 tháng phát ba mươi ngày hành quân
 ly rượu sáng cay lòng bè bạn
 bữa cơm chiều nuốt vội thương tâm.

Xem trọng xem khinh thằng lính trận
 tướng phải thăm lính ở chiến trường
 máu vinh quang nước mắt uất hận
 khóc thẳng về vị quốc vong thân.

Trái tim thư sinh gan trận mạc
 Cầm rậm râu dài tóc trên đầu
 quần rách gối oằn vai mơ ước
 nghỉ, ngồi gác súng chuyện đầu đầu.

Đêm mờ hôi đào gấp lỗ huyết
 buông xuôi tay ngó xuống phận mình
 giấc ngủ ngắn kề bên cái chết
 liệu mai còn thức với bình minh.

Bập bập trên môi điều thuốc tắt
 nóng mùa khô lạnh cóng mùa mưa
 bóng tối bùng mây thẳng nằm thức
 chuyện vài hơi khói chết không chừa.

Bạn thương ta ngòi bút thi sĩ
 còn thương ta chung bước đường cùng
 chết như đùa sống như bất kể
 chết cùng chia máu sống chia cơm.

Sáng lội ven sông chiều mé núi
 theo mặt trời đêm cũng là ngày

vui có lúc với giun với dế
buồn khi còn như cỏ như cây.

Vài ngày phép ta mang về phố
chẳng tình nhân, không ấm chỗ nằm
ngồi công viên nghe ma tình tự
tưởng mình âm phủ đã ngàn năm.

Đi chiến dịch xa biệt tổ quốc
bước viễn chinh đâu có ngày về
tay vuốt mắt những thằng về trước
máu còn nhớ máu lúc phân ly.

Nắng nhiệt đới khát khô cổ họng
đồng mưa dồn lũ ngập tâm can
mưa nắng đã hai mùa chiến trận
đêm chờ nghe quỷ sứ gọi hồn.

Tội nghiệp tin thư về đất hứa
chữ giống người nghiêng ngã cơn say
nỗi buồn ta hằn trang giấy ước
vội mắt nhìn mây lớp mây bay.

Tội nghiệp ta, tội nghiệp súng đạn
nổ như mê giải nỗi u sầu
sợi tóc treo tháng ngày vô hạn
vĩnh biệt nhau hẹn đề gặp nhau.

Đất nghĩa trang chung ngày hạnh ngộ
mộ mộ bia lớp lớp bảo tàng
nơi yên ngựa anh hùng mặt lộ
đã khắc tên lịch sử từng trang.

II.

Ta còn gì, viên đạn bắn sót
Mấy thằng còn, sống cũng phé nhân
chút nghĩa khí cũ càng non nước

những tấm lòng mai một thời gian.

Trong tư tưởng ta - ta đã thắng
mười năm thua đời tựa đá mài
hủy thịt da thành người dị dạng
mọi ruột gan để nổi bi ai.

Ta làm thơ gửi thẳng cầm súng
hơn triệu thẳng bỏ súng đi đâu
đưa đến quê người đời lặn đạn
ta quê nhà nhức vết thương sâu.

(nguồn: thơ KHOA HỮU, tạp chí Văn Học xuất bản năm 1997)

THƠ ĐỐT KHÔNG CHÁY

Một trang Tân ước

Tôi sống tin như không thể chết
lớp rêu mòn bám trên đá xanh
như mầm nhú bật trên cành cỗi
nứt đau thương sức sống trở bùng

Tôi sống bởi vì tôi phải sống
như trái đất quay như mặt trời
suốt năm tháng suốt cõi bạo động
vẫn xoay tròn chóng mặt một tôi

Tôi sống mất lòng bóng kinh sợ
người trông lên cổ sợi dây thừng
bấy nhiêu năm không ăn không thờ
mỗi ngày dây một thắt chặt thêm

Sự làm lẫn giữa sống và chết
giữa trắng đen giữa đêm và ngày
tội ác chiếm nửa phần thể giới
lừa lữ người thống khổ qua đây

Đêm tối mãi mãi đời chưa sáng
máu thay dầu đèn cạn đời ta
đất nước ấy cùng nhân dân ấy
nai lưng trần bồng đến xương da.
1992

Thư Sài Gòn

Ví ta có thể bị giết chết
tổ quốc ta thêm giọt máu hồng
thân thể là tro hay là đất
hạt bụi còn tư tưởng núi sông

Ví ta có thể bị thảm tử
mảnh vải đen bịt mắt bao đời
dây treo cổ lạnh lùng trên giá
hơi thở mòn tay vẫn chưa xuôi

Có thể ném ta vào ngục tối
bốn bức tường tâm trí như gương
soi tóc râu ở cùng tội lỗi
cõi trăm năm sống đã mỗi mòn

Trên ghế bạo hành ta loạn trí
quên con người, phẩm giá, quên ta
trang giấy rộng mở ra thể kỷ
bút mực nào viết đủ xót xa

Tắm lòng ta lưới gương hành thích

đường ta đi sự thật ta đi
 bạn bè ta đưa còn đưa mắt
 ngó sau lưng cỏ mộ xanh rì.

Phút tưởng niệm An Lộc

- *Không có quyền lực nào thay đổi được quá khứ.
 Tôi vẫn chỉ là một người lính ngày ấy. KH*

1.

An Lộc, An Lộc lời truyền hịch
 lính trận xanh lớp lớp giáp bào
 An Lộc, An Lộc thẻ trích huyết
 chết còn trùng mắt ngó trăng sao

Lửa khét thịt xương mùi gió thâm
 dựng tóc râu tua tua súng chờ
 chẳng anh hùng, lỡ sinh thời loạn
 mảnh da vàng phơi dãi nắng mưa

Vợ trẻ, em yêu hờn trong ngực
 cái hư vinh coi nhẹ lông hồng
 mỗi tác đất cuồng sinh cuồng sát
 lòng anh em quê Bắc nhà Nam

Đứa sớm bỏ mình không toàn xác
 vùi đất nông làm dấu mộ đường
 đứa hát cho quên, hát như khóc
 nước mắt sao cầm máu tổn thương?

Miếng cơm sấy chia ngày kiệt sức
 ngụm nước khe nuôi đứa sốt rừng
 cơn đau xé nước không là nước
 gạo dưới hầm sống chín ăn chung

Đưa chiến hào phu, thê tử thủ
 đem tóc tơ treo nặng nghìn cân
 đưa phá vây chặt chân, cắt cổ
 nhìn đạn bay pháo bắn tin mừng

Nắng bốc bụi tanh mùa hạ lửa
 gạch đá tan khói ám rừng già
 cái vẫy tay, nụ môi hoa nở
 mặt đầm đìa sắt lính biên khu

Phút đợi trông hả lòng gang thép
 trung đoàn đi một nửa không về
 cõi anh linh tiếc gì thể phách
 đất trời này núi xẻ làm bia

2.

Hai mươi hai năm một ngày nhớ
 một ngày thành đá đứng tro gan
 lịch sử đã thay tên, đổi họ
 chiến trường xưa, nắm cổ oan hồn...
1994

Viết về nhà thơ Nh. Tay Ngàn



Photo Thi Vũ, 1968

Nh. Tay Ngàn, tên thật Nguyễn Văn Nhĩ, sinh năm 1943, mất đầu tháng giêng 1978 tại Paris vào năm 35 tuổi.

Thi Vũ

Nh. Tay Ngàn, lập lòe trí nhớ

Tôi quen Nh. Tay Ngàn do tình cờ. Nhưng nhờ duyên văn nghệ. Năm đó, 1966, Phạm Công Thiện bỏ học từ Mỹ sang Paris sống lang thang. Tình cờ gặp Thiện chúng tôi làm quen rồi kéo nhau về ở chung nhà. Thiện bỏ tu, để tóc, mặc đồ civil. Từ những đêm say rượu ở Greenwich Village Thiện làm một bài thơ hay, mang tên Quế Hương. Trong ấy có câu:

*Trời mưa Nữu Ước cây mọc
Nhớ em trời mưa ngày tháng
Nhớ em đường hoang mái vắng
Nữu ước chỉ còn em trong giấc ngủ
Trên bến điện nghiêng nát
Tìm anh tràn máu
Con chim đã bay về rừng đạn
Em còn hát ca
Anh không còn làm tu sĩ
Anh chỉ còn em trong giấc ngủ
Anh chỉ còn máu để đổ vào tim em*

...
Sống với nhau một thời gian, giấc mộng văn chương và triết học bỗng nổi lên đùng đùng, dữ dội như cuộc chiến tranh ngút ngàn và bi thảm trên quê hương. Mọi ngày, sau khi xong việc ở Collège de France, tôi kéo Thiện ra công trường Contrescarpe uống cà phê, uống bia. Khi cơn say vừa ngấm, Thiện nói huyền thuyên về văn học bao la và giấc mộng thiên tài cho đến hai ba giờ sáng. Không vì khuya mà vì cận tử. Hai đứa bước thấp bước cao trở về phòng trọ ở đường Guy de la Brosse xóm La-tinh lục cơm

nguội ra ăn.

Chiến tranh bế tắc. Văn học bế tắc ở Hà Nội. Văn học bế tắc ở Saigon. Tôi rủ Thiện làm tờ báo văn học khác đời chơi, Thiện hăng hái tán đồng. Chúng tôi viết quảng cáo gửi về đăng trên Bách Khoa và Văn. Hai tờ rộng lượng không lấy tiền thuê đăng. Thiện chơi món độc chiêu, móc vào một câu: báo dành cho những cây bút mới, ai đã có danh và nổi tiếng xin miễn gửi bài tới. Đại loại như thế. Chúng tôi cao vọng muốn đặt lại tư tưởng Việt Nam qua tạp chí này. Nhờ Thanh Tuệ lo việc in ấn và phát hành ở Saigon. Tạp chí lấy tên một tập thơ của tôi: Hoa Nắng.

Rất nhiều bạn đọc trẻ trong nước viết thư hoan nghênh và đóng góp bài vở. Lùng lừng trên chiến tranh, giới trẻ thời bấy giờ xem như một hiện tượng mới mẻ, hấp dẫn, giúp họ thoát ly tiếng đại bác và trái sáng thường đêm. Nội tên Kinh đô Ánh sáng đã thu hút biết bao cơn mộng mị, đâu như bây giờ thế giới là khu làng với người Việt. Bài vở chuẩn bị xong, sẵn sàng cho hai số. Nhưng việc không thành, tạp chí chỉ là giấc mộng con.

Vào lúc chúng tôi đang gồng mình vùng vẫy trong giấc mộng con này, thì Thượng tọa Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh sang Paris dự hội nghị Unesco cùng giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch đến thăm tôi. Thượng tọa mời tôi về giúp Vạn Hạnh. Tôi nhận lời nhưng giới thiệu và đề nghị mời thêm Phạm Công Thiện. Thượng tọa e thẹn ngạc nhiên thốt lên *ủa chú Nguyễn Tấn* đây à! Rồi nhận lời tôi. Hôm ấy Thiện uống rượu say, mặt đỏ lừ.

Sự đời thường hai với hai thành năm. Một lý do khách quan khiến tôi không về được. Thiện cạo đầu, mặc lại áo tu. Mặt mày nghiêm nghị không cười đùa như trước. Một hôm tôi thấy bài thơ Quế Hương bị xé vứt vào sọt rác. Tôi lượm đọc thấy một chữ sửa trong mấy câu trên:

Trời mưa Nữu Ước cây mọc
 Nhớ em trời mưa ngày tháng
 Nhớ em đường hoang mái vắng
 Nữu ước chỉ còn em trong giấc ngủ
 Trên bến điện nghiêng nát
 Tìm anh tràn máu
 Con chim đã bay về rừng đạn
 Em còn hát ca
 Anh không còn làm thi sĩ
 Anh chỉ còn em trong giấc ngủ
 Anh chỉ còn máu để đổ vào tim em

...

Thiện về mang theo tất cả bản thảo Hoa Nắng để in như dự trù. Nhưng rồi Hoa Nắng đi vào hoàng hôn mộng mị, dù tịch dương vô hạn hảo...

Cùng thời gian lao xao lá ngô đồng ấy, thư Nh. Tay Ngàn gửi tới mừng vui tin tạp chí ra đời. Nhĩ tự giới thiệu sang Pháp du học ngành họa đồ kỹ nghệ, mong được gặp hai chúng tôi và hứa sẽ làm bất cứ chuyện gì nặng nhọc trong tòa soạn để đóng góp. Chúng tôi quen nhau từ đó.

Nh. Tay Ngàn, tên thật Nguyễn Văn Nhĩ, sinh năm 1943, mất đầu tháng giêng 1978 tại Paris vào năm 35 tuổi. Chiến tranh là tên tử thần theo đuổi Nhĩ từ tám bé. Nó đưa đẩy thi mệnh Nhĩ vào ngõ cụt. Cụt nhưng không kẹt trên bước đi khai phá của người thơ.

Hồi còn thiếu niên, cha Nhĩ theo kháng chiến bị Tây bắn vỡ sọ trên đồng. Nhĩ chứng kiến. Nhĩ đưa hai bụm tay bé nhỏ hốt khỏi não bầy nhầy bỏ vào sọ cha.

Phải chăng bụm tay ấy, khối não ấy đã đặt đề vào đầu Nhĩ thành dấu hỏi lớn không lời đáp xuyên suốt cuộc tử sinh?

Nhĩ ít nói, ít tâm sự. Đôi mắt nai đăm đăm. Tôi cũng là người ít nói, gặp nhau chúng tôi hỏi thăm qua loa về cuộc

sống rồi ngồi trầm ngâm. Nhĩ dõi theo một cỏi ngoài chẳng ai vào được. Một thứ sẵn đuổi nội tâm và độc thoại. Trục giác tôi cảm nhận, điều ấy làm an ủi Nhĩ. Theo niềm tin cây này Nhĩ càng trầm ngâm yên lặng như cùng tôi song thoại nơi thình không. Lâu lâu Nhĩ hỏi một vài câu về chuyện viết lách, văn học, các tác giả...

Có thời Nhĩ theo người bạn gái người Tây Ban Nha sang sống ở Madrid cho đến khi biết mình mắc bệnh lao mới trở về Paris chữa chạy. Rồi Nhĩ quay cuồng theo bệnh tâm thần, người ta đã nhốt Nhĩ vào nhà thương điên Villejuif, vùng phụ cận Paris, với cách đốt điện trên đầu điên cuồng hơn cơn điên. Đây là thời gian địa ngục, mà dấu vết còn lưu trong văn thơ Nhĩ. Ít ai biết.

Nhĩ làm thơ, viết văn và vẽ tranh. Có một lần triển lãm cá nhân tại phòng tranh Louis Soulanges trên đường Montparnasse.

Mối tình đầu của Nhĩ là Liên trong Nỗi Liên đen tối vô cùng, mà Nhĩ trở về Saigon thăm lại năm 1973. May mắn cho Nhĩ là Liên vẫn yêu Nhĩ thiết tha, muốn sang Paris sống cùng Nhĩ. Nhưng cuộc sống không tiền bạc, không nghề nghiệp, Nhĩ đành thúc thủ. Nếu không có vài ba người bạn học cùng lứa thương yêu giúp đỡ Nhĩ, có lẽ Nhĩ đã chết sớm hơn.

Tôi ít thấy ai say sưa viết như Nhĩ. Âm thầm. Cặm cụi. Không nói. Không ba hoa. Những chuyến viễn trình, những cuộc tình vật, những đêm đốt thuốc bên quầy bar với rượu rum từng ngum cay nhè... chỉ để dàn ra từng dòng chữ chân chỉ trang này sang trang khác. Có hôm tôi nhìn thấy trên 20 tập bloc, dễ cũng trên bốn nghìn trang, chữ nhỏ đều đặn. Từ chữ đầu đến chữ cuối không một lần mất kiên nhẫn, như một vũ trụ kiến kéo nhau đi thành hàng dọc. Khi thơ khi văn. Trong văn học Việt Nam có hai người không viết văn, viết thơ thành bài, mà dàn trải tới vô

tận dòng thơ văn không có dấu chấm. Đó là Bùi Giáng và Nh. Tay Ngàn. Văn và ý tưởng, thơ và ý tưởng trộn nhau như chớp với đá kết ngọc. Hết ông ẹo với quá khứ, không thời trang thế cuộc, không nép mình vào ca dao hay bốc khói trên chợ trời văn học. Đọc Nhĩ phải có mắt xanh với tấm lòng rớm máu thì mới cùng Nhĩ song thoai trong *"thế giới vốn nhỏ và hạt bụi muốn đau"*, khi nhà văn Việt Nam *"thấy ngu trước nhà văn quốc tế"*.

Nhĩ không thích văn thơ Saigon thời ấy. Nhĩ nói: *"Có thể vốn sống trong thời loạn ly của họ bị nghẹt nên sanh ra nhiều tánh ganh tị trách móc hoặc ghen ghét nhỏ nhen, bởi đó mức văn hóa trì trệ rồi rút lì vào ảo tưởng bất nhất kia"* (thư viết ngày 17.12.76). Nhĩ không ưa văn thơ tiền chiến và Tự lực văn đoàn, vì cho rằng: *"Giá trị họ ở trong tầng lớp sinh viên học sinh còn trẻ, thiếu sáng tác chứ không thể là giá trị vĩnh cửu cho chúng ta nữa, đành rằng mọi tư thế phê bình luôn toa rập với số đông. Ngay cả tôi hồi nhỏ cũng chẳng bao giờ ưa "Tự lực văn đoàn", tới nay chuyện xưa rồi, nhắc lại để tự mình thấy điểm nào đó không hay ho nữa"* (thư viết ngày 17.12.76).

Thoạt đầu Nhĩ thích nhóm Sáng Tạo, có lẽ vì chiều hướng đập phá cổ lệ văn chương. Nhưng không hiểu vì sao sau chuyến đi Saigon về, Nhĩ bất bình với Mai Thảo và một thiên tài khác mà Nhĩ ôm ấp trước kia.

Tôi cũng vì một thất vọng lớn trong đời, năm 1970 bỏ đi làm nhà in nuôi thân với tham vọng làm văn hóa qua nhà in. Những giấc mộng bạch diện thư sinh chỉ đem lại phương trình hai với hai thành năm. Không thành bốn. Bất ngờ tôi trở thành thợ in vì một sự phản bội. Chạy máy mỗi ngày 18 giờ để trả nợ. Cho tới năm 1975 nhà in bắt đầu mở mặt, thì chiến tranh chấm dứt. Nhưng hai với hai vẫn thành năm. Hai chữ nhân quyền bắt đầu nhỏ máu. Tôi sực nhớ năm 13 tuổi đọc hai bản kinh Kim Cang và Địa Tạng trong nhà lao. Thân phận tù nhân lúc nhúc, mồ hôi nhễ nhại trộn

lẫn mùi nhĩ thiên đường, dầu cù là, sau những lần tra tấn. Ngọt ngọt. Tồi tàn. Hôi hám. Bốn người quần thảo bốn người, bắt kẻ con nít, phụ nữ, thanh niên, cụ già... Ông chủ sự phòng tra ngồi sau chiếc bàn điều khiển. Ông bắt một người tù văn nghệ ngồi hát những bài ca kháng chiến cho ông nghe giữa tiếng la gào thâm thiết. Lúc ấy tôi có lời nguyện cứu thoát tù nhân nếu còn được sống sót.

Cuối năm 75, hết giặc nhưng miền Nam không có hòa bình. Tôi cùng một số anh chị em văn nghệ ở Paris họp nhau ra tạp chí *Quê Mẹ* với ngưỡng vọng bảo tồn và phát huy văn hóa Việt. Theo với thời gian, chen vào tạp chí những nỗ lực thông tin nhân quyền và cứu sống Người Vượt Biển mà đỉnh cao là chiếc tàu Đảo Ánh Sáng do chúng tôi khởi xướng ra Biển Đông vớt người.

Qua 1976, Nhĩ đến thăm tôi và phụ tôi việc bếp núc tòa soạn một thời gian. Bao nhiêu năm, Nhĩ vẫn như thế, chừng ấy áo quần đơn giản, chừng ấy trầm ngâm trên đôi mắt buồn, ít nói, không than van chuyện mình. Nhưng tôi biết Nhĩ rất túng thiếu.

Tôi hứa sẽ tìm phương tiện in thơ văn Nhĩ là điều Nhĩ cầu mong bao nhiêu năm dài. Chuyến đi Saigon năm 1973 là mong ước tốt đỉnh cho một tập thơ ra đời. Hẳn nhiên chuyện ấy chẳng xảy ra. Tạp chí *Quê Mẹ* kéo theo bao hoạt động dồn tới bất ngờ ăn hết lợi tức của nhà in. Sự phá hoại chiến dịch Một Chiếc Tàu Cho Việt Nam năm 1978, mà có kẻ đang tâm gọi là "Con Tàu Ma". Chúng tôi chống chọi cho tàu không thành ma, mà ra biển đông vớt người thực thụ. Vì vậy, đến năm 1982, nhà in vỡ nợ, bị tịch thu đem bán phát mại.

Những khó khăn ấy làm cho tôi thành tên thất hứa. Tôi không in được tập thơ văn nào cho Nh. Tay Ngân. Bài viết hôm nay là một lời tạ lỗi với Nh. Tay Ngân trên cao xanh kia.

Đầu tháng Giêng 1978, các bạn của Nhĩ gọi dây nói cho biết Nhĩ chết rồi. Một hôm, bà gác-dan (concierge) thấy mấy ngày qua Nhĩ không ghé lấy thư. Bà lên đập cửa phòng. Không nghe hồi đáp, bà lo lắng mở cửa xem thì Nhĩ đã nằm chết trên giường nhiều ngày. Lâu quá tôi quên, nhưng có thể là ở địa chỉ 16, rue Jean Ferrandi – Paris quận 6.

Các bạn hùn nhau làm đám. Thi hài đốt ở nghĩa địa Père-Lachaise, Paris quận 20. Dự tính sau này sẽ gửi tro về Việt Nam. Đường như Nhĩ có một người anh sống ở Saigon. Nghĩa địa Père-Lachaise còn lưu giữ những mộ chí của Gerard de Nerval, Chopin, Balzac, Alfred de Musset, Proust, Apollinaire, Pissarro, Oscar Wilde... Thời ấy, tôi viết mấy câu tiễn Nhĩ:

VIẾNG NHĨ

*Tay Ngàn
khua nhịp về đâu
Rừng thiêng vỡ một
ngấn sâu
rụng
hai
Nay theo bước nhỏ còn ai
Ta hơ tro cũ
tay dài dịu em.*

Nh. Tay Ngàn là một Van Gogh trong văn chương Việt Nam.

Paris, 8.5.2006

Thi Vũ

([nguồn://www.gio-o.com/ThiVuNhTayNgan.html](http://www.gio-o.com/ThiVuNhTayNgan.html))

Phạm Công Thiện

Lettre à un poète vietnamien avant son suicide...

Nh. Tay Ngân thân quý,

Tao vừa cho tái bản lại quyển *Ý thức mới*; dựa vào dịp tái bản lần thứ ba này, tao muốn viết đôi lời để nói lên những điều tao cần nói và đồng thời nói luôn với mày những điều tao muốn nói về mày, về tao, về tất cả bọn trẻ chúng mình.

Đây là lần đầu tiên tao viết thư cho mày và có lẽ cũng là lần cuối cùng; tao muốn dùng bức thư này để trả lời chung cho những người đã đọc quyển *Ý thức mới* của tao và đã khen hay chê về quyển ấy.

Khen hay chê, đối với tao, tao vẫn là tao, nghĩa là tao vẫn luôn luôn thay đổi từng giây phút: tao theo tao; tao thay đổi theo hơi thở của tao, theo dòng máu nóng hừng hực của tao. Nói như thế cũng có nghĩa là khen hay chê đều vô nghĩa đối với tao, vì tao vốn là một thằng kiêu ngạo và tao chẳng từng nói với mày rằng tao có thể làm bất cứ những gì mà con người đã có thể hay sẽ có thể làm được trên đời này? Shakespeare hay Goethe, Dante hay Heidegger, tao coi như những thằng hề ngu xuẩn. Tao có thể nói như thế được, vì ngày xưa tao đã từng tôn thờ những tên ấy như là những gì bất khả xâm phạm trên đời này. Ngay đến Héraclite, Parménide và Empédocle, bây giờ tao cũng xem thường, xem nhẹ; tao coi ba tên ấy như là ba tên thủ phạm của nền văn minh hiện nay; chưa nói đến Socrate, đó là một tên ngu dại nhất mà tao đã gặp trong đời sống tâm linh của tao.

Bây giờ tao muốn nói qua ý nghĩ của tao về quyển *Ý thức mới*.

Tao viết quyển *Ý thức mới* từ lúc 18 tuổi cho đến 22 tuổi. Bây giờ hiện nay tao vừa đúng 25 tuổi; mấy thời gian gần đây, tao thường nghĩ đến cái chết của tao. Tao thấy rằng nếu tao chết ngay bây giờ thì tao cũng chẳng hối tiếc một mảy may nào cả. Tao đã sống trọn vẹn với tao từng giây phút; tao đã khổ đến điên người, tao đã sợ đến run lên, tao có thể chết được ngay lúc này hay bất cứ lúc nào; đối với tao, thời gian chỉ là một hơi khói bốc lên hay một mùi thơm của con gái xông lên nồng ấm vào lúc ba giờ sáng; còn cái chết chỉ là sự sống bị lật trườn ra, như tao hay mày lật trườn con Nanou hay con Nicole tại xóm St. Denis ở cái thành phố Paris chó má này.

Tất cả những người quen biết tao đều nói rằng tao là thằng rùng rú, ích kỷ, kiêu ngạo, hoang đường, vô kỷ luật, vô lễ phép, ham ăn, ham uống, ham ngủ, ham “làm ái tình”; tóm lại tất cả những tật xấu của con người đều xuất hiện trong tao. Tao thấy họ nói đúng, nhưng nói ngược lại thì cũng đúng. Tao là một thằng mâu thuẫn cùng cực; muốn nói chuyện với tao thì đừng lý luận, vì tao có thể lý luận xuôi hay ngược gì cũng được. Chẳng hạn như mới hôm qua tao chửi André Gide, tao mắng Jean Paul Sartre nhưng ngày mai mày sẽ thấy tao ca tụng Gide đến tận mây xanh hay tỏ vẻ nồng nàn với Sartre. Tại sao tao không có quyền mâu thuẫn với tao?

Ừ, bây giờ tao hãy nói về quyển *Ý thức mới*. Tao không bắt mãi cũng không tự mãn về quyển này. Nó có đời sống biệt lập của nó, giống như một con tinh trùng của tao; nó nằm đó trong hồ tắm của đàn bà, nằm đó một cách biệt lập cô đơn, rồi trưởng thành, ra đời, mang tên, đi, đứng, thờ, rồi lại lặp lại tất cả những gì con người đã làm hay đã không làm trong bao nhiêu muôn ngàn năm. Nhưng thường thì

con tinh trùng ấy cũng chết, vừa mới sinh ra thì đã bị chết, vì đất mầu không dung dưỡng nó.

Tao không muốn phê phán quyền *Ý thức mới*, vì có bao giờ mày phê phán con tinh trùng của mày, hồi Nh. Tay Ngân?

Nếu bây giờ tao muốn viết lại quyển *Ý thức mới*, nhất định là tao sẽ viết mạnh hơn nữa, tàn bạo hơn nữa, phũ phàng hơn nữa. Tao đã thấy rõ ràng hơn bao giờ hết rằng tao không bao giờ nên hòa nhượng, không bao giờ nên làm hòa với cuộc sống này. Tao chỉ muốn nổ tung như mười triệu trái bom nguyên tử, rồi nằm ì lẩn ra chết bầy thối như một con rắn lửa, còn hơn là nhẹ nhàng thờ thề tình thương, nhỏ nhẹ lý tưởng cao đẹp, vân vân; tao muốn chửi thề với tất cả lý tưởng: tao chỉ muốn phá hoại và chỉ muốn phá hoại; tao cảm thấy gần gũi với những người tội lỗi hơn là với những thầy tu thánh thiện. Tao thấy rằng tất cả tội lỗi đều vô cùng cần thiết, vì tội lỗi chỉ là một ý niệm lường gạt và không có thực, cũng như chính đời tao cũng không có thực; cuộc đời tao hay cuộc đời mày cũng chỉ là những ngọn lửa của mấy cái diêm quẹt; đó là lý do cắt nghĩa tại sao tao hút thuốc quá nhiều và tại sao tao muốn bỏ hút.

Tao không thuộc vào nhóm nào, đảng nào, hội nào hết. Tao chỉ thuộc vào một chiếc lá; chiếc lá ấy là chiếc lá ngô đồng mà mày thấy rụng tại Place de la Contrescarpe, mặc dù nó hãy còn xanh mà đã rụng rồi. Mày đừng nghĩ rằng tao vừa đưa ra một câu văn thơ mộng. Không, tao thù ghét tất cả thi sĩ; thỉnh thoảng tao chỉ làm thơ để tán gái. Hoặc làm thơ để nhớ rằng Rimbaud đã chết trên gỏi mền quanh hiu, để nhớ rằng tất cả thi sĩ đã bỏ xa trần gian này và thời đại này là thời đại mà thi sĩ chỉ còn là thi sĩ khi thi sĩ dám làm tội nhân đứng ngoài vòng xã hội, ngoài vòng xây dựng lý tưởng quốc gia hay nhân loại.

Thi sĩ phải là kẻ đào ngũ, kẻ phản quốc, kẻ phản bội nhân loại. Thi sĩ phải là một bậc thánh tội lỗi, một thằng khờ,

một thằng điên, một thằng kiêu ngạo và ghen tị với Phật Thích Ca hay Chúa Giêsu. Thi sĩ phải là một thằng bất lực, vô danh, im lặng và ồn ào.

Hiện bây giờ, nếu viết lại quyển *Ý thức mới*, tao sẽ bỏ Clément Rosset, Ivo Andrić và Erich Fromm. Cũng có thể tao sẽ bỏ luôn Somerset Maugham, André Gide, Federico Schmidt, Aldous Huxley, Hemingway, Jean-René Huguenin.

Mới đây tao vừa đọc xong cuốn *Lettre sur les chimpanzés* của Clément Rosset (Gallimard xb. 1965), tao nổi giận muốn điên lên. Ngày trước, khi viết cuốn *Philosophie tragique*, Clément Rosset còn 20 tuổi; tư tưởng không thâm trầm, nhưng vẫn có hào khí mãnh liệt của tuổi trẻ; đó là lý do đã khiến tao cảm mến Clément Rosset; nhưng bây giờ, sau khi đã đậu thạc sĩ triết học và đã thành người lớn. Clément Rosset viết triết lý như viết bài luận rề tiền cho một học sinh trung học đệ nhất cấp. Quyển *Lettre sur les chimpanzés* chỉ đáng để dành cho khi vượn đọc, nếu loài khi vượn biết đọc chữ Pháp!

Còn Ivo Ivo Andrić và Erich Fromm, bây giờ tao thấy hai tên này hoàn toàn non nớt; còn về Somerset Maugham, André Gide, Federico Schmidt, Aldous Huxley, Hemingway, Jean-René Huguenin, tao thấy chỉ nên liệng họ vào cầu tiêu công cộng. Mới đây, tao đọc xong quyển *A Moveable Feast* của Hemingway, tao buồn muốn khóc được. Tất cả những ngọn lửa đều tắt: đó là bi kịch của thiên tài. Một lần nữa, tao lại hiểu thêm rõ ràng ý nghĩa chuyến bỏ đi của Rimbaud.

Còn trường hợp Faulkner, Nikos Kazantzakis, Kafka, Saroyan, Thomas Wolfe, Jean-Paul Sartre thì tao đã dứt nợ với họ rồi, những tên này chỉ đáng bỏ vào một xô tội ở công cộng, dành riêng cho những mục đàn bà có chữa, dành riêng cho đàn bà đọc những lúc sắp sinh con hay những lúc

chờ chồng đi xa trở về. Tao không phải là đàn bà; tao xin gửi những tên ấy về cho đàn bà.

Còn về Thiên tông, Nietzsche và Heidegger thì tao thanh toán xong mấy tháng nay. Tao gửi Thiên tông vào một phong bì tối khẩn đề địa chỉ của bất cứ một ngôi chùa nào ở thế giới này, như ngôi chùa vàng của văn sĩ Yukio Mishima ở Nhật Bản. Về Nietzsche, tao gửi Nietzsche về một tu viện Thiên Chúa giáo; còn Heidegger thì tao coi như là một tên đóng kịch tài ba, đóng kịch mà vẫn biết là mình đóng kịch, nhưng tao đã chán xem kịch. Đọc cuốn *Sein und Zeit* của Heidegger đến mấy mươi lần, tao chỉ thấy Heidegger là kẻ giải buồn cho tao một cách kỳ thú vào những lúc tao không muốn ngủ mà chỉ muốn thức để nhớ đến đứa con gái mà tao yêu lần đầu tiên, tên là Hương, mà Hương thì không bao giờ biết tao đã khổ về cô nàng gần 10 năm nay; cô nàng tên thực là Quế Hương; khi đọc *Sein und Zeit* của Heidegger, đọc chữ *Sein* ra là *Hương*. Còn trường hợp Charles Chaplin thì tao cũng không còn thấy cười được như trước. Tiếng cười của Charlot chỉ là một tiếng khóc lật ngược; tao chỉ muốn cười là cười, khóc là khóc, chứ không lật xuôi hay lật ngược.

Chỉ còn một người duy nhất mà tao vẫn kính mến, thương yêu và quý phục đến cùng độ; người ấy là Henry Miller, năm nay vẫn còn sống, sắp đến 75 tuổi rồi.

Tao cho rằng Henry Miller là thiên tài vĩ đại nhất của cả Đông phương và Tây phương trong suốt ba bốn ngàn năm văn hoá nhân loại. Tao cho rằng Henry Miller vĩ đại hơn Lão Tử, Héraclite, Parménide và Empédocle.

Như mày cũng đã biết rằng tao đã gặp Henry Miller tại California ở Huê Kỳ, Henry Miller nói rằng tao là Rimbaud đầu thai lại thế kỷ này! Tao không vui, cũng không buồn, vì tao tự biết rằng tao là ai và tao vẫn nghĩ rằng chỉ có tao mới có thể làm những gì mà Rimbaud chưa

làm được.

Về Henry Miller, tao muốn nói lên lời tiên tri tối hậu, từ năm chục năm nữa trở đi thì Henry Miller sẽ ảnh hưởng dữ dội đến nhân loại còn hơn Jesus Christ ảnh hưởng đến Tây phương hay Phật Thích Ca ảnh hưởng đến Đông phương. Lời tiên tri của tao như lửa đánh vào máu; tao mong mày sống dai và sẽ thấy những gì tao báo trước hôm nay.

Thời gian tao ở Huê Kỳ, tao đã bỏ học, vì tao thấy những trường đại học mà tao học, như trường đại học Yale và Columbia chỉ toàn là những nơi sản xuất những thằng ngu xuẩn; ngay đến những giáo sư của tao chỉ là những thằng ngu xuẩn nhất đời; tao có thể dạy họ nhiều hơn là họ dạy tao. Qua Pháp, tao đã sống nghèo đói thế nào thì mày cũng đã biết rõ rồi; những lúc tao nằm ngủ tại những vỉa hè Paris vào những đêm đông đói lạnh, những lúc đói khổ như vậy, tao vẫn còn cảm thấy sung sướng hơn là ngồi nghe mấy thằng giáo sư đại học Yale hay Columbia giảng cho tao nghe về Aristote hay Hegel, về Heidegger hay Héraclite. Tao đọc Heidegger hay Héraclite bằng máu với nước mắt; còn mấy thằng giáo sư ấy chỉ đọc bằng đôi mắt cận thị! Những thằng ấy hiểu gì về tư tưởng mà có thể dạy tao? Bây giờ, nếu có Phật Thích Ca hay Chúa Giêsu hiện ra đứng giảng trước mặt tao, tao cũng chẳng nghe theo nữa. Tao chỉ dạy tao, tao là học trò của tao và cũng chỉ có tao là làm thầy cho tao. Tao không muốn làm thầy ai hết và tao cũng không để ai làm thầy tao. Nếu tao biết rằng tao là thằng ngu thì tao sẽ đẩy cái ngu tao cho đến tận cùng, mày nghe rõ chưa?

Tao là thế nào thì tao đề là thế ấy, tao thay đổi theo sự thay đổi tự nhiên của đời tao, tao sống thì tao sống, tao chết thì tao chết, tao sợ thì tao sợ, tao không sợ thì tao không sợ.

Cách đây mấy tháng, tao đã đưa mày đi đến Square Rapp để gặp Krishnamurti; tao nghĩ rằng Krishnamurti sẽ giúp

đỡ mảy nhiều, giúp đỡ mảy trở lại mảy, trở lại sự cô đơn cùng cực của chính đời mảy để mảy đừng tự lòng gặt mảy bằng một mớ hình ảnh, một mớ danh từ thiêng liêng và cao siêu. Ngày trước, tao thường chép lại những quyển sách của Krishnamurti để có thể đi vào ý thức của Krishnamurti một cách sâu sắc hơn, nhưng bây giờ tao cũng thấy không còn muốn nghe Krishnamurti nữa, tao thấy nét mặt của Krishnamurti hay nét mặt của Sri Aurobindo là nỗi quẫn quại cùng độ của những người chịu đóng đinh giữa lòng đời.

Tao đã chết ứ máu trên cây thập giá, bây giờ tao hồi sinh, tao chỉ chờ lúc nào mọc cánh thì sẽ bay mất.

Mây là một thằng thi sĩ nghèo nàn; tao chỉ mới quen mây có mấy tháng nay, nhưng mây đã đối đãi với tao như ruột thịt; có lẽ vì cuộc đời mây đã mang quá nhiều túi nhục đau khổ của hồ thắm, nên mây đã nhận ra tao và tao cũng nhận ra mây. Mây đã nuôi dưỡng tao bằng tâm hồn trong sạch thơ mộng của mây, chẳng những thế, mây cũng còn chạy đi vay tiền để nuôi dưỡng tao bằng những bao thuốc *Gauloises*, những buổi ăn trưa và chiều, những đêm say rượu trác táng ở Pigalle hay những đêm khuya trụy lạc ở Strasbourg St. Denis, những buổi chiều lang thang lê lét qua vườn Luxembourg, những chiều mây trắng hoang mang dưới nhà thờ Saint Germain des Prés, những buổi cà phê đen đắng tim ở Montparnasse và những đêm rượu đỏ mưa men trên những hè phố quê người.

Nay mai, tao sẽ rời bỏ Paris để lang thang đến đất trời Ý Đại Lợi, Hy Lạp hay Tây Tạng hay bất cứ một dải đất mơ hồ nào ở cuối trái đất, tao vẫn còn giữ lại màu xám đậm đà ở Paris, trong đó có màu của đôi mắt mây, đôi mắt nửa đêm nửa ngày của *Ý thức mới*, của một thứ mây mai vừa hiện trên bầu trời sắp sáng, “một khung trời mừng mủ” như một làn mây đã gọi thế, phải không Nh. Tay Ngàn?

Paris, ngày 19 tháng 8 năm 1966

(nguồn: Tribu No 1, Phạm Công Thiện, Toulouse 1984)



LÊ THỊ HUỆ Paris Nhìn Lên ...

Một mình tôi đứng sững trước cảnh công nghĩa địa Paris đúng 5 giờ 30 chiều. Cánh cổng đã khép kín. Paris trời sũng xám thả những hạt mưa nho nhỏ xuống hè phố Rue Émile. Bập bập bình bình. Tôi quay gót và thả đế giày Danelle xuống hè phố, vừa đi vừa tương tư người đàn ông thi sĩ Nh. Tay Ngân không có mặt trong nghĩa địa của Baudelaire. Tôi đi về phía Raspail và ngó bầu trời đại lộ hoàng hôn mưa mưa lạnh lạnh đùng đục. Chắc mộ phần

của thi sĩ đã thượng lên trên trời. Tôi sẽ nhìn lên trời Paris trong những ngày Lễ Lá du hí ở đây.

Nh. Tay Ngàn, người thi sĩ trẻ Việt Nam chết chèo queo vô gia cư trên hè phố Paris, từng thổ huyết ra một bài thơ Nỗi Liên Đen Tôi Vô Cùng không giống như bất cứ một bài thơ nào khác của Việt Nam. Bài thơ khai mở cuộc viễn xứ trầm luân của những trí thức Việt sống dạt dờ lưng chừng giữa những bầu trời hải ngoại và những mặt đất ó đen chính trị thập thành đuối xua chúng tôi ra ngoài biên giới. Nh. Tay Ngàn thi sĩ trẻ Việt trôi dạt sang Paris chết non với cái đầu nhét đầy k k Tây Phương còn bài thơ tiếng Việt của hắn thì la đà trên nền trời lộng gió chưa tìm ra bến đỗ. Chết là phải rồi. Mặt đất không nơi cư trú cho những trí thức Việt Nam ty nạn hải ngoại. Những cái ranh giới địa lý lú lẫn bắt nhốt những tâm thức Việt nên những tâm thức Việt chịu không nổi nên chết để được bay lên trời. Phải còn một mệnh mông trời kia chưa chia biên giới chứ nhỉ. Bầu trời Paris chắc không phải là cái nghĩa địa Baudelaire góm ghieếc ở đại lộ Raspail này.

Nghĩa địa đóng cửa. Tôi về khách sạn ngủ một giấc và ngày hôm sau bầu trời Paris ứa mây đen mây trắng khi mưa khi nắng. Tôi đi qua nhiều đường phố xa lạ nhìn ngắm những cơ bắp đàn ông lưng lờ chiều lên những vòm lá xuân xanh của trời Paris tháng tư.

Nếu tôi chết tại đây và vào lúc này làm ơn hóa tro tàn rồi thả bong bóng *tung lên trên trời xanh tiếng hát*.

Lê Thị Huệ

Paris 4/4/2004

<http://www.gio-o.com/lethihue>

MỘT VỆT SAO MỜ

Chân Phương

Đầu thập niên 90 lúc mới dọn về ở Cambridge (Boston) tôi rất siêng lui tới thư viện Harvard-Yenching để sưu tầm thơ văn miền Nam trước 1975 trong mớ báo chí Sài Gòn cũ. Tình cờ một hôm khi lục lại mấy chồng bán nguyệt san VĂN, giữa vô số những câu văn điệu phần nhiều là lục bát tôi khám phá một bài thơ tự do của Nh. Tay Ngàn đăng trong VĂN số 25 (15-2-1965). Vừa bàng hoàng vừa thú vị tôi chép ngay vào sổ tay bài *Đón khúc của Liễu* với tâm trạng của kẻ đang khát bỗng được uống từng ngụm suối mát. Đó cũng là lần đầu tôi hạnh ngộ với sáng tác của thi sĩ này. Cái bút hiệu nửa mộc mạc nửa bí ẩn kia trở thành dấu hỏi ám ảnh tôi. Nh. Tay Ngàn, người là ai? Đang lưu lạc góc trời nào? Còn sống hay đã mất?

Tôi dò hỏi trong đám bạn hữu văn nghệ và ít lâu sau có người gửi cho tờ Quê Mẹ, (Xuân Canh Ngọ 1990), trong đó có nhiều trang văn xuôi Nh. Tay Ngàn và một tùy bút-tự sự của Phạm Công Thiện thuật lại cuộc gặp gỡ của họ ở Paris “*trong thời gian cả hai đều nghèo đói và chỉ biết sống hết mình với thơ văn nghệ thuật; cả hai thường lang thang suốt đêm trên những đường phố Paris, lúc nào có chút ít tiền thì la cà ngày đêm trong những quán café ở Montparnasse hoặc ở Montmartre. Cả hai đều say sưa viết, mộng và mơ bất tận. ... Có lúc dắt nhau ra bờ sông Seine, thông mấy chai rượu đỏ xuống nước sông, uống rượu say lướt khướt, ngâm thơ Lý Bạch và Nguyễn Du, đọc thơ Apollinaire ngay nơi chỗ ở xưa của thi nhân, ngó những cụm mây trắng ngập ngừng trên tháp chuông nhà nguyện Saint Germain-des-Prés, ngồi quán café ở Montparnasse vui cười ngó nhìn Jean-Paul Sartre dẫn cô đầm trẻ tóc vàng bước qua vỉa hè. ...*”

Rất có thể *Đơn khúc của Liễu* cũng như một số ít bài thơ khác đăng trên báo VĂN vài năm sau đó đã được tác giả chúng sáng tác trong thời gian nói trên vì chúng mang khá đậm không khí của thơ hiện đại Paris, đặc biệt là chất trữ tình bình dân Prévert và âm vang thời gian siêu hình Apollinaire như mấy câu sau:

Ba giờ trưa một khúc nhạc sâu

Un jour sans toi

...

Liễu ơi Liễu

Un jour sans toi

tiếng hát cuối cùng nhỏ xuống

gạch ngói hoang tàn hồn anh

(Đơn khúc của Liễu)

Dù chưa tìm ra tài liệu hay nhân chứng nào để hỏi cho biết ngày sinh tháng đẻ tôi đoán rằng thi sĩ lúc ấy khoảng 23-25 tuổi, cái thuở thanh xuân tràn trề hoài bão của chàng sinh viên VN say mê văn nghệ lại được đặt chân lên thánh địa của thơ văn quốc tế. Bị ma lực của thủ đô ánh sáng réo mời, tâm hồn tài hoa nhưng non bản lĩnh ấy đã hóa làm thiêu thân... “Nh. Tay Ngàn bỏ học kỹ sư không gian ở Paris, sống nghèo đói cả chục năm hoang liêu, suốt ngày chỉ làm thơ và chẳng bận tâm xuất bản. Rất ít nói và khiêm tốn, không bao giờ tự nhận là thi sĩ, dù đã làm cả ngàn bài thơ tuyệt diệu. ...Nh. Tay Ngàn... dám sống cho tới nơi trọn cả nổi đời nghệ sĩ hiu quạnh, từ chối đời sống khoa cử trường ốc, ..., vợ con, việc làm, nhà cửa ấm êm, cô độc đói rét lao cả thân mệnh mình vào thơ, và chỉ biết có thơ và thơ mà thôi.” Người Pháp có hai chữ POÈTE MAUDIT ngắn gọn để tôn vinh những kẻ chấp nhận mọi nguyên rủa của đời đời lấy sự thủy chung với Nàng Thơ. Hơn cả Hàn Mặc Tử, Bùi Giáng ... còn có thân nhân, đồng bào khi hoạn nạn, Nh. Tay Ngàn hoàn toàn tứ cố vô thân ở Pháp trong những năm tháng túng thiếu, nghiện ngập, lao phổi, điên khùng ... Không hiểu những bóng hình phụ nữ (gái Việt, đầm Pháp, đàn bà Tây ban nha) trong những trang

bản thảo của ông có an ủi, khỏa lấp được chút nào niềm tuyệt vọng và ám ảnh hư vô chủ nghĩa đã thấm vào máu thịt nhà thơ?



Ao Ba Om. Tra Vinh - Indocycling.com

*Rồi mùa thu rủ tôi đi xa
Tôi đi xa mãi tôi rồi
Nhắm đêm hoa rụng như ánh trăng
Tan mù mù trên miệt hải ngạn*

...

*Ánh trăng không thành như con huyễn mộng
của tôi và Liên hôm nay*

...

*Một mùa thu trước Liên xa
Không còn gì nhớ lại nữa đâu
Những hàng sao im nguyên ngày ấy
của con đường Trà Vinh sớm hôm*

Không còn gì ru nhớ làm chi

...

*Mười hai năm thành điệu gió mùa
Thổi lưu lạc mỗi hôm mù mắt
Trên hình bóng Liên xa và xa
Như hiện thân tôi trôi và trôi
Mãi mãi với muôn ngàn ánh sao giá lạnh
(Nỗi Liên đen tối vô cùng)*

Cũng nhờ bài viết nói trên của PCT tôi biết được hung tin trẽ trắng: “*Nh. Tay Ngàn đã chết từ lâu, ... chết lúc mới ngoài ba mươi tuổi, tự tử. Người ta tung cửa phòng anh và biết rằng anh đã chết bốn năm ngày. Ông bạn thi sĩ ở G. đã khổ công lắm mới tìm được cả ngàn trang văn thơ của Nh. Tay Ngàn. Cả một sự nghiệp thi văn vĩ đại hãy còn quanh hiu đâu đó mà chưa có ai hay biết...*”

Vài đoạn trích trong bài giới thiệu sơ lược này kèm theo mấy bài thơ dưới đây dĩ nhiên không thể đại diện cho sự nghiệp sáng tác của người quá cố. Hy vọng giới yêu thơ VN sẽ hợp tác để khôi phục lại tác phẩm, đặc biệt là thơ, của Nh. Tay Ngàn; đồng thời bổ túc cho một chương văn học sử VN hiện đại do những nhà thơ Việt từng sinh sống ở Pháp như Nguyên Sa, Cung Trầm Tưởng, Trần Hồng Châu, Nh. Tay Ngàn... tạo dựng nên và đang đứng trước nguy cơ bị phủ nhận hay quên lãng.

ĐƠN KHÚC CỦA LIỄU

ba giờ trưa một khúc nhạc sầu

Un jour sans toi

những chiếc lá tàn rơi không cần một làn gió

điều thuốc đốt lên hình bóng

và chợt tắt bơ vơ

kỷ niệm xuống đêm

ở chót vót của tuyệt vọng

anh im lìm nắm hai tay không

Un jour sans toi

người thủy thủ già rời bỏ biển khơi

chiếc tàu đã chìm

căn phòng nhuộm đầy bóng tối

mền gối bắt đầu rã mục

Liều ơi Liều

Un jour sans toi

tiếng hát cuối cùng nhỏ xuống

*gạch ngói hoang tàn hồn anh
cùng tiếc thương mọc lan trên đó*

*Un jour sans toi
một ngày người thủy thủ già
vô vọng chuyển ra khơi
Liều ơi Liều*

BÀN TAY

*trên cao xa kia nhớ nhung nàng chỉ còn mảng trời tím
lạnh.
buổi chiều tắt dần tắt dần tiếng chuông,
cây lá sẫm.
nàng vuốt lấy mặt nàng,
thấy ngón tay nàng ướt đầm.*

*những đón đau lớn theo đời nàng
nàng đếm mãi trên bàn tay
(ôi những ngón tay yếu ớt như côn trùng đơn chiếc)
còn thanh xuân nàng ư?
nàng hỏi sao mùa đông loài chim ủ rũ
ôi những chiều những chiều kéo nàng vào bóng tối
những xót đau khó hiểu của hồn chàng,
chàng đặt giữa vũng tay nàng,
chàng bỏ chàng đi;
rồi mặc tình cho con lóc bi thương cháy rục.*

*nàng vuốt lên thân thể nàng;
ôi bàn tay em đâu là cánh tay anh.
nàng hôn lấy hôn lấy từng chiếc móng.
ở cuối đêm khuôn mặt chàng xanh.*

CHIM

*một sáng thức dậy nàng biết nàng không còn tiếng hót
mặt trời nàng nhìn thẳng
cũng hóa đen*

*rồi mùa rét mang về nhớ nhung
lòng nàng mướt xanh
vết thương tự đẩy mừng lên
nàng muốn bay vào miền ấm áp của lòng chàng
nhưng cánh nàng đã mỏi
và bắt đầu nàng gọi
rừng chấp chùng
căn lầu vườn cây bốc cháy
đêm ơi đêm anh ơi anh*

CHÚ THÍCH

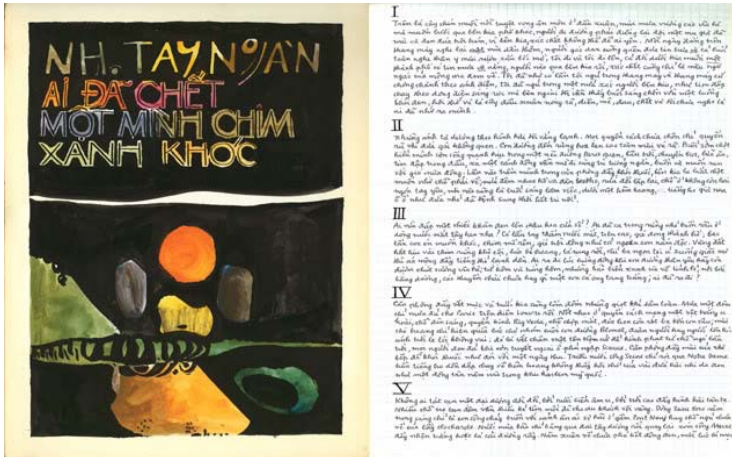
Giai phẩm Quê Mẹ (Xuân Canh Ngọ 1990) với tùy bút của Phạm Công Thiện, *Tuyết vẫn bay đêm cuối năm*, 83-87; và truyện của Nh. Tay Ngàn, *Ngôi như nổi gió reo cuồng*, 88-94, là tư liệu cung cấp nhiều thông tin quý về đoạn đời ở Pháp của nhà thơ. Bài trường ca *Nổi Liên đen tối vô cùng* trong Tạp chí Thơ 13 (Thu 1998), 17-23 bổ túc thêm vài chi tiết tiểu sử về giai đoạn thiếu thời và mối tình đầu (?) của Nh. Tay Ngàn ở Trà Vinh. Cảm ơn Trần Hoài Thư & Phạm văn Nhân đã sưu tập hai bài thơ *Bàn Tay*, và *Chim*, trong bộ tài liệu Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến, Thư Án Quán xb, 2006. (Bạn đọc nào có thêm tư liệu, thông tin gì về Nh. Tay Ngàn xin vui lòng liên lạc với tôi.)

Chân Phương

(Nguồn: <http://amvc.free.fr/Damvc/ChanPhuong/GioiThieu/MotVetSaoMo.htm>)

Nghĩ Về Di-Cảo Mấy Ngàn Trang Của Một Nhà Thơ Yếu Mệnh

TRẦN VĂN NAM



Hình bìa Ai Đã Chết Một Minh Chim Xanh Khóc do Nh. Tay Ngàn vẽ, và thủ bút trang đầu

Nhà thơ Nh.Tay Ngàn (tên thật, Nguyễn Văn Nhĩ, sinh năm 1943 tại Trà Vinh, mất năm 1978 tại Paris), du học tại Pháp từ năm 1965, có một số thơ đăng trong Tạp chí Văn trước 1975 ở Sài gòn. Thơ của Nh. Tay Ngàn có nhiều bài khó hiểu. Theo bài viết của nhà thơ Thi Vũ, chủ biên Tạp chí “Quê Mẹ” ở Paris sau năm 1975, thì nhà thơ Nh. Tay Ngàn còn để lại di-cảo khoảng bốn ngàn trang, viết bằng nét chữ nhỏ và cẩn thận, đóng thành 20 tập mà chính nhà thơ nhà báo Thi Vũ đã có thấy tại nhà thân nhân Nh. Tay Ngàn. Căn cứ vào thủ bút nhà thơ Nh. Tay Ngàn, ta cũng

nhận ra chữ viết nhỏ đều đặn của nhà thơ, điều đó có nghĩa là di-cảo chứa đựng rất nhiều, phải có nguồn cảm hứng dồi dào mới viết được chừng ấy trang giấy (Bài viết của ông Thi Vũ kèm với thủ bút của Nh. Tay Ngàn đăng trên mạng “gio.o”, nhan đề: “Nh. Tay Ngàn, Lập Lòe Trí Nhớ”). Nh. Tay Ngàn cũng có một thời gian ở trong nhà thương người bị bệnh tâm thần tại Paris và cái chết thật buồn do nhà thơ Thi Vũ kể lại như sau: “*Đầu tháng Giêng 1978, các bạn của Nhĩ gọi cho biết Nhĩ chết rồi. Một hôm, bà gác-dan (concierge) thấy mấy ngày qua Nhĩ không ghé lấy thư. Bà lên đập cửa phòng. Không nghe hồi đáp, bà lo lắng mở cửa xem thì Nhĩ đã nằm chết trên giường nhiều ngày*”. Nghĩ về nhà thơ này, ta không khỏi liên hệ đến thơ có nhiều câu khó hiểu mà theo ông Thi Vũ thì từ ngữ Nh. Tay Ngàn không là chữ nghĩa; liên hệ đến đời sống từng bị nhốt trong bệnh viện tâm thần ở Paris; liên hệ đến nguồn cảm hứng viết được mấy ngàn trang bản thảo (ta tin rằng ông Thi Vũ không nói quá điều này mà viết với lòng thành kể lại cái gì ông đã thấy, kể chi tiết về Nh. Tay Ngàn như để tạ lỗi “lời hứa in thơ” rồi không thể in một tập văn thơ nào cho Nh. Tay Ngàn lúc sinh thời). Ta cũng liên hệ đến nỗi bất mãn của Nh. Tay Ngàn về Văn học Miền Nam trước 1975 và bất mãn luôn nhóm Tự Lực Văn Đoàn thời trước 1945. Lúc ấy, Nh. Tay Ngàn vừa trẻ vừa không có thành tích văn nghệ gì lớn mà dám phê bình văn nghệ lớp đàn anh như vậy, có phải Nh. Tay Ngàn nói hồ đồ hay nhà thơ đã hé thấy một ánh sáng nào đó? Và tiếp theo, ta liên hệ đến sự kinh qua thảm khốc từ thời thiếu niên; Nh. Tay Ngàn đã chứng kiến người cha theo kháng chiến bị Pháp bắn vào đầu năm chết trên đồng; chính Nh. Tay Ngàn hốt khối óc bầy nhầy bỏ vào đầu cha khi quân Pháp bỏ đi. Kể những điều đặc biệt liên hệ đến Nh. Tay Ngàn như vậy, có nghĩa là người viết bài xin tự đặt giới hạn khi có đôi lời nhận định về thơ Nh. Tay Ngàn. Những giới hạn đó là: Sẽ không nhận định như đã thấy Nh. Tay Ngàn “một thiên tài chưa được người đời hiểu thấu”; sẽ tránh con đường tìm hiểu thơ Nh. Tay Ngàn không phải do từ ngữ chữ nghĩa mà

từ ngữ thuộc “*dụng cụ thăm dò cõi vô thức*” (theo Thi Vũ). Ta cũng không giả định phải chăng với vận số ngắn chỉ 35 tuổi đời mà tác phẩm còn tàng ẩn đến 4 ngàn trang thì có thể đây là một trường hợp tái sinh đầu thai từ một tiền kiếp, nhất là khi Nh. Tay Ngàn được sinh ra từ vùng có nhiều chùa chiền Phật Giáo Tiểu Thừa ở Trà Vinh. Và ta cũng đừng coi Nh. Tay Ngàn lại là một trường hợp “*phản kháng triết lý*” như Phạm Công Thiện đã từng lớn tiếng khinh chê gần hết triết học thế giới, vì Nh. Tay Ngàn cũng từng chê Văn Học Miền Nam và Tự Lực Văn Đoàn. Phạm Công Thiện lớn tiếng có tính cách triết lý siêu hình, còn Nh. Tay Ngàn phát biểu hơi “vượt quá” như vậy phải chăng vì thấy mình từng trải hơn đời về sự mất mát đau khổ chiến tranh, ngay từ tuổi thiếu niên. Tổng quát, ta thoáng thấy có những điều khá đặc biệt về đời sống và sáng tác của Nh. Tay Ngàn. Đó là những bài thơ khó hiểu mà ông Thi Vũ gọi là từ ngữ không thuộc về chữ nghĩa. Đó là mối tình quá sâu đậm với một thiếu nữ đã chết tên Liên khiến Nh. Tay Ngàn viết một bài thơ trường thiên 253 câu với vô số lần nhắc tới tên Liên; thơ tâm sự với người yêu đã chết mà từ ngữ cũng khá tối tăm khó hiểu. Đó là di-cáo 4 ngàn trang chỉ chít những chữ. Đó là cuộc sống có một thời gian bị bỏ vào nhà thương điên ở Paris. Đó là một mảnh đời chật vật khó khăn tại Pháp nhưng rất gắn bó với sáng tác văn thơ Việt, có lần trở về Việt Nam tính chuyện in ấn thơ truyện. Như vậy, Nh. Tay Ngàn thể hiện một trường hợp cũng đời thường mà cũng hàm chứa những bất thường của một người đặc biệt nào đó. Có phải Nh. Tay Ngàn là trường hợp luân hồi tái sinh từ tiền kiếp; hay chỉ như một thi sĩ đam mê sáng tác mong được có thi phẩm cho đời như bao nhiêu người khác. Người viết bài xin tự giới hạn chỉ nhận định khía cạnh cảm thức thơ theo cảm quan thông thường có tính chất sắc tướng hữu hình, nên sẽ không cố gắng tìm hiểu thơ Nh. Tay Ngàn như “*dụng cụ thăm dò vô thức*” hay “*có mắt xanh với tâm lòng róm máu thì mới cùng Nhĩ song thoai trong thế giới vốn nhỏ và hạt bụi muốn đau*” (Thi Vũ). Quả thật thơ của Nh. Tay Ngàn

khó hiểu, đúng là cần phải vận dụng tâm thức siêu hình nào đó thì mới biết những ẩn tàng tác giả muốn nói ra. Xin trích ra một vài đoạn thơ của Nh. Tay Ngân để ta thoáng cảm thức có cái gì tối tăm siêu thực như những điều ông Thi Vũ đã nhận định. Chỉ thoáng cảm nhận cái khó hiểu ấy mà thôi, dĩ nhiên không đi sâu vào thăm dò, vì sự thật ta không biết cách nào để thăm dò. Chưa hiểu gì, nhưng có lẽ người đọc cũng thấy một vẻ gì đó thuộc về ảo diệu thi ca:

... Dù sáu đời còn ba bốn tờ dạ khúc

Trên rừng lá phủ mưa

... Giữa bốn bức tường tôi thấy cái chết áo đen

Sự thêm muốn mỗi chiều đời xuống sâu hỏa ngục

... Hình ảnh cô ca sĩ da đen

Không nhớ Phi Châu lúc con đòi mỗi ngủ nơi biển cạn

(Trích bài: Thành Phố Chim Hồng)

... Nhưng tiếng người đã sa vào núi mệnh

Vì chiều đi lắt phát nước trên trời

... nơi phía đông Đá Dựng hỏi cây kè hồ ly ẩn

Gọi là gì người Thiên Mệnh máu xanh

... Một dòng nước Jucar tìm đâu hết chân động cũ

Rồi chia ba với cảnh quỳên gây

(Trích bài: tiếng phút sâu! rồi nay côi lú)

... Về côi sâu không phải hổ thẳm Vodong

Để tà xế là nơi quạ ngủ

... Thổi gió ráo giữa trưa kêu ve sâu riêng lẻ

Mình mình em qua bảy dốc cầu diêm

... Từ đây ván thô kèm hai mắt đục

Cạo mặt trời hết tóc còn bay

(Trích bài: trời ơi thiên! ngờ đâu cơm đời)

... Sau buổi chiều Liên chết bơ vơ

Sau con đường Trà Vinh ngày ấy đổ tới

Những mộng tưởng về phượng hoàng đất dương gian

Trở thành cỏ hoang trên lầu đài nền cháy

... Ước áo vàng sẽ về đây thành cội rễ

Máy phơi pha làm lại nước huyền châu
(Trích bài: Nỗi Liên Đen Tối Vô Cùng)

Trích một số câu thơ khó hiểu như trên, ta không có ý định sẽ đi vào phân tích siêu thực, hay dò tìm vô thức, hay trực cảm phát giác thiên tài, hay đề nghị tra vấn tiền kiếp tái sinh. Cũng không phải giả định tác giả làm thơ “hũ nút” để làm người đọc nể sợ dè chừng nghĩ rằng họ chưa tới trình độ thâm thấu. Tác giả từ Paris trở về nước tìm cách in thi phẩm thì thật trang trọng với thơ, với công trình mình sáng tác, không thể nghĩ tác giả viết giả những điều mù mịt để dối mình dối người. Theo thiển nghĩ thì còn rất nhiều những câu thơ vừa tối nghĩa vừa không gọi được chất thơ gì đó, không như những câu thơ lấp lánh trích dẫn ở trên. Điều ta lưu ý, đó là những câu thơ tuy một chút mờ nghĩa, nhưng đạt tới chất thơ theo ba cảm thức sau đây: Gọi cảm về mùa đông Paris - Gọi cảm hồn quê Trà Vinh của tác giả - Gọi cảm nỗi đau người yêu không còn trên thế gian. Như vậy, thơ Nh. Tay Ngàn mà người viết bài muốn đề cập đến ở đây giới hạn ở cảm thức sắc tướng không gian hơn là siêu hình; giới hạn ở cảm thức tình quê hương bình thường; giới hạn ở cảm thức chuyện tình đôi lứa tuy dang dặc niềm đau nhưng vẫn là sâu bi nhân thế. Độc giả có thể tìm đọc một số thơ của Nh. Tay Ngàn trên mạng “gio.o” và một bài thơ tình rất dài trong “Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến”, tập II (nhà xb. Thư Ấn Quán). Trước hết, ta đi vào cảm thức những câu thơ với không gian mùa đông Paris. Nhà thơ Nh. Tay Ngàn du học tại Pháp từ năm 1965, có một đời sống chật vật ở đây, và học ngành “họa đồ kỹ nghệ” (thành đạt hay chưa, không có thêm chi tiết trong bài “Nh. Tay Ngàn, Lập Lờ Trí Nhớ” của Thi Vũ). Phản ánh vào thơ Nh. Tay Ngàn, ta thấy thiếu vắng một Paris tình vui như trong thơ Nguyên Sa; nhưng cũng có một vòm trời nước Pháp thơ mộng như trong thơ Cung Trầm Tưởng; và vài nét tương tự về một Paris phảng phất triết học văn học như trong thơ Phạm Công Thiện:

... Tôi về mùa thu giữa lá Paris đau

*Có phải bông mai chỉ nở ngoài tất cả cánh cửa ngục tù
 Hỡi bãi chim rụng đầy lông trắng
 Tôi về mùa lá rơi
 ... Con mây cứ chiều chiều Paris khói
 Hình cô sinh viên buổi tối ngắm đèn
 (Trích bài: Thành phố chim hồng)*

*... Anh đi tìm em mất dấu
 Thành phố nào vô danh
 Những dãy lầu độc thoại
 Bỏ rơi anh ngoài ô
 ... Anh bắt anh phải sống
 từ ngữ đá hoa cương
 ... nửa đêm tàu khởi hành
 giục còi gọi mùa thu
 (Trích bài: đoản ca mùa thu)*

Về khía cạnh bình thường nữa mà ta cảm thức từ thơ Nh. Tay Ngàn, là dăm ba câu về quê hương Trà Vinh của nhà thơ. Quê hương này chỉ đôi nét thấp thoáng trong thơ Nh. Tay Ngàn. Nhưng ta biết nơi đây đượm màu sắc siêu hình của nơi chốn nhiều chùa chiền Phật Giáo Tiểu Thừa, nhất là những chùa vàng của người Khơ-Me. Chính từ nơi sinh quán của Nh. Tay Ngàn, nơi quy tụ gần như đồng đều người Việt người Hoa người Khơ Me với tín ngưỡng đôi chút dị biệt Tiểu Thừa Đại Thừa; với không gian đi đâu cũng thấy cảnh chùa có nét vừa chung vừa riêng của ba cộng đồng cư trú. Từ những đượm vẻ huyền ảo đó mà ta chột liên tưởng đến thuyết luân hồi tái sinh. Chỉ liên tưởng thoáng qua, ta tránh không đi sâu vào thăm dò hư thực. Mà cũng không cách nào thăm dò được khi cảm thức của ta chỉ là cảm thức sắc tướng thiên về cụ thể. Xin nhắc lại thắc mắc đưa tới ý nghĩ về tiền kiếp tái sinh: làm sao với tuổi đời chỉ có 35 mà nhà thơ Nh. Tay Ngàn dồi dào nguồn cảm hứng viết được đến bốn ngàn trang bản thảo chữ chi chít trong 20 tập giấy? Ngày nay, qua internet, ta thấy rõ có những thần đồng nói được nhiều thứ tiếng, sau khi chỉ cần

vài lần nghe phát ngôn. Học một mà lại biết mười: chỉ với cách ấy mới giải đáp được thắc mắc tại sao có thần đồng âm nhạc, thần đồng toán học, thần đồng ngôn ngữ... Ngày xưa, thiếu chứng kiến qua internet, ta bán tín bán nghi với giai thoại nhà thông thái Trương Vĩnh Ký nói được cả tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha... Ngày xưa, dù với tài liệu có uy tín còn để lại, vậy mà ta vẫn hoài nghi làm sao có thần đồng điều khiển được cả một giàn nhạc giao hưởng bên trời Âu. Về cảm thức tình quê trong thơ Nh. Tay Ngàn, ta thử nêu ra một so sánh. Ví dụ có dịp làm du khách thăm viếng Chùa Dơi SócTrăng: ta biết đêm đêm dơi về ngủ trong khuôn viên chùa và không bao giờ ngủ trong nhà dân ở quanh chùa; ta biết hiện tượng như thế mà thôi; không thắc mắc siêu hình về nguyên nhân nào loài dơi có sự lựa chọn như vậy. Ta cảm thức thơ quê hương của Nh. Tay Ngàn cũng chừng ấy những cảm nhận thiên về hiện tượng, dù có những lời thơ khá mờ tối ý nghĩa:

... Tôi nhớ cổ hương khi tiếng gà réo rít

Liên và cánh dơi Trà Vinh

Xuống mịt mù đời tôi khi con thuyền chìm trong bão

Giữ mấy phút hư vô reo lên

Lâu dài đây quạ khoang bên vòm liêu tịch

... Nơi Liên đã khóc đêm ngày

Trong mười hai năm Trà Vinh đây quạ

... Có phải chim Việt bay hoài trên màu hư-không tắt

Mỗi chiều đông cuối chân mây

Gọi quê hương mình bằng đêm móng nhọn

Đổi màu trên những hình hài

(Trích bài: Nỗi Liên Đen Tối Vô Cùng)

Ở thơ tình của Nh. Tay Ngàn, chỉ có niềm đau, đau vì người yêu không còn nữa trên thế gian. Nh. Tay Ngàn có một bài thơ dài “Nỗi Liên Đen Tối Vô Cùng”, gần như toàn là lời nói vào mịt mù để vọng thấu đến người con gái đã mất tên Liên. Trong đó loáng thoáng dấu vết thời thế những năm khói lửa kháng chiến chống Pháp qua câu

thơ “Đùa gió Thập Mười sang Cửu Long đầy máu”, tuy nhiên không thấy nói rõ Liên chết vì nguyên nhân nào. Nội dung bài thơ dằng dặc lời tâm sự với người đã chết, nhưng ý tưởng nhiều câu mơ hồ không rõ nghĩa. Có thể nói, mặc dù Nh. Tay Ngàn từ Paris gửi bài thơ về Sài Gòn đăng trong Tạp chí Văn thời ông Trần Phong Giao làm chủ bút, nhưng thơ Nh. Tay Ngàn có lẽ không phải từ một đột khởi sáng tạo. Thơ của Nh. Tay Ngàn vẫn nằm trong khuynh hướng văn chương tân kỳ khởi từ tờ Tạp chí Sáng Tạo ở Miền Nam sau năm 1956, nhưng không nghiêng về khuynh hướng Nguyên Sa mà nghiêng về khuynh hướng thơ mờ tối của Thanh Tâm Tuyền. Từ chủ quan cảm nghĩ như vậy, ta đề qua một bên những gợi ý có thể thơ Nh. Tay Ngàn thuộc về Thơ Siêu Thực, thuộc về Ân Chứa Vô Thức; hoặc khả hữu có Dấu Hiệu Tiền Kiếp Tái Sinh. Vậy xin trích dẫn điển hình hai đoạn thơ hay của Nh. Tay Ngàn; với chất thơ có được do còn nằm giới hạn nơi tình cảm đời thường của đôi lứa ngày xa nhau; và chất thơ có được do biết vận dụng từ ngữ ma lực làm thành những câu thơ đẹp tân kỳ:

*... Sau buổi chiều Liên chết bơ vơ
Sau con đường Trà Vinh ngày đổ tối
Những mộng tưởng về phượng hoàng đất dương gian
Trở thành cỏ hoang trên lầu đài nền cháy
(Trích bài: Nỗi Liên Đen Tối Vô Cùng)*

*... Chim cú cũ có lần thành ba con nhạn
Rời rời về rừng giữa mặt trời cao
Ai có nhớ cô Liên về hoàng tộc
Đường lê thê tôi gỡ phiền da mình
(Trích bài: trời ơi thiên! ngờ đâu com đời).*

TRẦN VĂN NAM

City of Walnut, California, tháng 4 năm 2012

Hồ Ngọc Ngũ

Đêm đọc thơ Nh. Tay Ngàn

Tôi chưa đến Vĩnh Long
 Nơi Nh. Tay Ngàn cùng đi dạo với người yêu thời mới lớn
 Nơi xứ sở của tình yêu và thơ ca nuôi dưỡng tâm hồn
 chàng
 Nơi không thể không sinh ra người lãng mạn cuối cùng
 Đã sống như một con người cô đơn
 Giữa bầu ốc bươu vàng ngổn ngang mùa nước nổi
 Đã chết như một nhà thơ
 Trên hoang đảo lòng mình

#

Tôi lớn lên
 Trong tiếng kèn trống xập xèng của vãn điệu ngũ ngôn
 Những câu thơ du dương ru ngủ
 Những câu thơ không thấy con người
 Không thấy nỗi buồn
 Không thấy niềm đau
 Nghe cay đắng một mùi thù hận
 Không có yêu thương
 Những câu thơ rơi vào quên lãng

#

Tôi đọc thơ Nh. Tay Ngàn nghe như tiếng dội từ lòng mình
 Không ai buộc cánh chim ở lại khi chưa tìm thấy bầu trời
 'Un jour sans toi'
 Thơ ca không dành cho cơm áo
 Thơ ca là của nỗi đau
 Tình yêu
 Và niềm tuyệt vọng

#

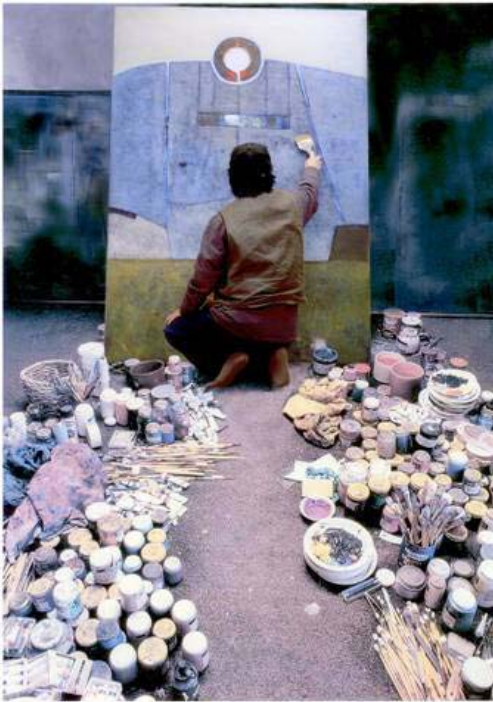
Khi mùa thu về ở Vĩnh Long
 Nh. Tay Ngàn đã mang tiếng hát bay trong vô tận

Đêm 04/05/2011

(nguồn: <http://hongacngu.vnweblogs.com/>)

thơ nguyên xuân thiệp

trong garage của đình cường



(Ảnh tư liệu của họa sĩ Đình Cường)

thời gian
người thấp lên những ngọn đèn đường ấy
không về nữa
bạn vẽ gì

trong garage
 tuyệt tình cốc
 tiếng còi tàu. mỗi chiều. đội trong đầu
 cùng với những mảng màu. những mảnh đời
 của sơn. của bụi giăng
 phạm công thiện
 lê uyên phương
 và ai nữa
 đã đi qua đời ta
 còn lại
 lon. và chai lọ
 những cái ly. trên bàn
 chiếc ghế. trống
 kêu
 người không về nữa
 hồn đá tảng
 bạn vẽ
 một mảnh trắng
 như lửa cháy.
 trên. đầu ngọn cây
 và
 đỉnh tháp cao
 đổ xuống tôi
 và rồi những bóng người. những vệt màu vàng. xuất
 hiện
 cầm những chiếc lồng đèn. đi trong mưa
 về đâu
 người thi sĩ ấy. nh. tay ngàn. đã chết
 một mình
 trong căn nhà trọ
 ở paris
 di cảo
 của người và bao bạn bè
 rồi gió sẽ cuốn đi
 bạn vẽ gì

thơ Đinh Cường

Muguet đầu tháng năm và lời ca treo cổ

*Như cái chết kẻ tội đồ
cầu đấng hoàng hôn*
(Nh. Tay Ngàn - Thành phố chim hồng)

Biên biệt đã bao năm
người chết trên gác trọ
giữa lòng phố Paris
thấy gì hoa trắng nở

chiều đi bộ rừng sau
Nh. Tay Ngàn thoáng nhớ
muguet đầu tháng năm
trắng chùm bông chuông nhỏ

lời ca blues quán quen
cảnh cây nào treo cổ [1]
Strange Fruit đầy đòn đau
quả lạ đầy nước mắt

lời ca như thiên thu
Billie Holiday bắt tử
mười hai điệu Liên sầu [2]
run đau đầy tiếng vạc

Harlem nhớ Orléans
căn nhà xưa lâu cũ [3]
muguet đầy vườn sau
áo phơi chiều tắt nắng

tháng năm muguet trắng
 chùm bông chuông tặng ai
 Trà Vinh đầy tiếng quạ [4]
 chiều oi tiếng hụ còi ...

*Chiều đi bộ qua Starbucks ngồi
 nhớ đến Nh. Tay Ngàn, 5 May 2012*

Đình Cường

[1] cảnh treo cổ hành hình người da đen trên cành cây
 trong ca khúc Strange Fruit (Quả Lạ), viết bởi Abel
 Meeropol, ông thầy giáo Jewish ở New York City năm
 1939, do Billie Holiday (1915- 1959) hát.

[2] Tôi có mười hai điệu Liên sầu
 Mấy ngày thơ em hẹn tôi như ánh trăng
 (Nh.Tay Ngàn - Nỗi Liên Đen Tối Vô Cùng)

[3] vườn sau nhà Đặng Tiến ở Orléans nhiều hoa muguet

[4] Nh. Tay Ngàn tên thật Nguyễn văn Nhĩ, sinh năm 1943
 tại Trà Vinh, mất đầu tháng giêng năm 1978 tại Paris



Thơ Nh. Tay Ngàn

(Sưu tầm)

THƠ PARIS

(Tập san VĂN số cuối cùng tháng 3 năm 1975)

**vừa ráo thôi nôl eden
mộ máu**

Bến đất người thiếu mộ
Trời mưa ơi mưa đến Nojamj

Trời nước mắt là mùa ráo lệ
 Hỡi mỗi thu điền
 Phái lá tím chếch vào chiều edenlap
 Người đi đâu từ cõi sấm truyền
 Mắt mắt Liên một Ròng tôi chết
 Mảnh chiêm bao chim lã với sắc gì
 Hỡi nước mắt hay cả mùa lá úa
 Và từ đâu Remmén jamón lo tos
Mắt người đứng từ tim
Tim eden ôi thấy em Ré

Nhường bao chốn lê thê
 Nước thương mây tôi đương ngồi nhớ Ròng
 Mùa xưa nước trong tên
 Bảy sắc đưa tôi đâu còn vết Ròng
 Mà thương quá em Liên
 Bồi trên cao Eden vừa lấp mờ
 Bầy phượng hoàng nhớ tôi đôi dummo
 Tiết muoluo tôi đêm và nước buồn
 Ngày xưa tôi mới tên Liên
 Tôi hôm nay tôi không còn nhớ gì
 Nào đâu quá xa xăm
 Mỗi hôn mê ai đi về khói đèn
 Llamos ôi xin điều linh từ kinh kệ
Nhiều đêm điên Liên không còn thấy Ròng
Ròng ơi đến Eden

Ban xưa màu áo tiêu điều
 Trời mãi dương tôi ca sấm chữ
 Dù nay tắt lời
 Ngàn đây đưa Rừng tôi ú mủ
 Nơi mộ thương tôi nằm bên Vodongg
 Rồi bên phía Nam Sa
 Kể ra đi hay ca bài bắc cầu
 Nơi chữ cuối mắt tôi đầy xương trắng
 Một chiều cao thương lại tóc Liên gãy
Tengo ya un seiremes, no que ti amerotè

Nửa đầu chấm ai ngờ nước đục

Dường bao kiếp lang thang
 Nước đi đâu ôi sao tìm kiếm Ròng
 Người Liên rã nơi đâu
 Tiếc xương khô đêm đêm nàng lá vàng
 Mùi tôi đã lên hôi
 Cố thương Liên đau trong vùng đất mờ
 Trời ơi nói đi em
 Chắc nay mai cơn mưa đà lấm bùn
 Nhiều xưa chết trên mây
 Nếu hôm nay mê hoang làm núi đồi
 Và đêm giữa ba mươi
 Bảy con sông đi đi về nước đời
 Nghèo ơi không áo cơm thiêu
 Chết đơn côi tôi đâu còn tiếc mình
 Từ đây có sao khuya
 Để Eden kêu tôi vào nước Djoj
Về đâu nữa bên Thương
Chắc vô vạm đêm nay làm nền đèn

Và khi lóng xương khô
 Bời hoang sơ kêu kêu đàn lá vàng
 Mồ tôi lá mau mau
 Mất dương gian tôi đang về phố người
 Chờ tôi có con tim
 Người vương nữ hô đèn Naadaj
 Nẻo về đường đã chắc thấy em đâu
 Mà thôi hỡi Ròng ơi
 Nhưng tiền thân lắt lung san địa nữa
 Dù mặt mã hay tên thành Ockhhan mong
 Để thôi nôi Eden là máu rồng
Từ nay nhớ ôi thương
Lá tứ thân bay bay vào cõi mù
Hoo Rùng tôi ai lay vào suối Ngân Trời.

ốc thối thân nước ruộng với lá tràm lu

Vườn sầu riêng sầu sầu riêng
 Một trăm cánh nhac rồi lúa chưa vàng
 Cạnh đầm lầy đĩa xôi đã thối
 Nắng tràn lưng Vàm Cống bông bèo
 Nơi dốc cạn bấy quạ ngày rít cổ
 Vườn sầu riêng tôi khóc với tên Liên
 Là con đòi hoặc em còn ngó tôi biết nói
 Miệt phố buồn vẫn lấy trần ai
 Hay tơ nhện lằm tằm nơi cát lộ
 Bóng mờ xa con nước chảy huyền
 Màn trời đất tôi cần ba con rắn lục
 Mẹ của tôi như chết với Eden rồi
Vườn sầu riêng nào hết thương Liên
Nếu mơ sớm cuộc lê trần bật qua tin cõi

Miệt Tây Dương vừa rước mộ Malaga
Bữa ăn sáng tên tù cắn lưỡi

Ngày xưa trở lại dốc cầu
 Bốn cửa động đã lay vào hố thẳm
 Mặt trời làm nô lệ của chiêm bao
 Tháng tám treo trăng
 Nàng Đê Đàm soi gương và chớm lệ
 Tôi ngó mình quên hết em Liên
 Nóng gió bắc là dòng mạ đi trên cánh cò chưa trắng
 Nhìn đi giấc hơi Đê Đàm
 Tôi đã mất mẹ cha từ rừng xưa lập mộ
 Quê hương tôi là Mệnh tắt lòng người
 Ngoài kia ai vừa rao bánh cống
 Hỏi ra tên không phải người tình mình
Vườn sầu riêng ôi không mở nổi tên Liên
Trưa trắng quá em vào nơi giờ tận nguyệt

*Sau một cơn gió ngẩn Malaga
Nửa mắt nhìn thấy. Ròng đã Rừng khô cháy*

Động Hào Âu đất lấp ngoài Hà Tiên
Nước hồ Đông có hai ngàn rấn ngọc
Chim biết đi sao chim việt mất chỗ rừng
Hò ơi là tiếc một quên mình
Trên bắc Tô Châu ba lần núi dựng
Ròng vì tôi hãy quên một tiếng Liên
Tên áo xám canh một dốc cầu dưới núi
Mẹ tôi kêu Ngàn hãy thương Huyền
Ôi nhớ quá con trăng nơi Thiên Trước
Người Mệnh Thiêng tu kín với chiêm bao
Ôi vàng võ như rừng tôi đã chết
Mà Tô Châu dạ khúc nói sóng hồng
Ai tắt thở tôi quỳ trên tim mẹ
Ròng ơi Ròng đừng quên một ngấn lệ xưa
*Vườn sầu riêng hồn đem một câu thơ
Thiên Thiên Mệnh đọc về cõi sám*

*Vùng mặt trời nô giỡn khói Malaga
Một cầu cũ đi qua thân Llamas*

Nếu trên cao cao quá của không gian mình
Mặt trăng đã là nơi hơi thở
Buồn như chim mà tiếng Việt lạnh hơi đồng
Đạo mua chước đem kinh tôi về đất
Ròng thương tôi xin cao hát cho Liên nằm
Ôi Liên ôi

**tiếng phút sầu!
rồi nay cõi lú**

Một niềm quên hôn gió mặt trời
Đất Barcelona đã chôn tôi chết

Có một ngày tôi nhớ quá Liên ôi
 Kẽ cụt chân vẫn còn bè bạn
 Mà nay già còm đã chọn xác tôi
 Một ngày soi gương tôi đau như nước mắt
 Có lẽ hôm nay *người chết rõ mặt mình*
Gracia de qué! No Ré es yo te muerto ay Ré qué

Mưa phùn chưa lấm Malaga
 Một ngàn cô Rej ca hết sông Elbre
 Nhưng tiếng người đã sa vào núi mệnh
 Vì chiều đi lất phất nước trên trời
 Rồi Tô Châu có hai ả phù dung tim
 Mặt trời đứng nhìn hoài mồ chưa xác
 Nơi phía đông núi Đá Dựng hỏi cây kè hồ ly ả
 Gọi là gì người Thiên Mệnh máu xanh
 Trời mưa đi dù nay đất người mất chỗ
 Ai đã quen màu tang tóc *giữa trắng vô vàn*
Como Yo ti muertoyo! Una Luna orez fumar

Trời mưa và xẻ cỏi Mancha xây
 Ai rao bán Sangtia có mùi Remedios
 Năm mật mã đèn Socuej rước quỷ mịt mờ
 Buồn thương quá trong đời một lá
 Giấc chiêm bao không mặc áo lạnh huyền
 Màn đêm tối vào ba khoen hổ thẳm
 Nương dâu xưa còn hai ả cầu ngang
 Rồi mưa hôm đem hết chuyến tử thần
 Trần gian quá *bụi nâu cầu thịt rã*
No si y Vez Vergas! Ya mè nun portarme

Trong mơ nếu lang thang
 Trời đêm nay sống cần câu sấm cũ
 Cửa vương thân chưa đọc cỏi rừng đen
 Một dòng nước Júcar tìm đâu hết chấn động cũ
 Rồi chia ba với cảnh quỳên gầy
 Biệt ly xa em cần con tắm mộng
 Nếu huyền sinh đừng vác củi về rừng

Người Thiên Mệnh đọc kinh balatuocos
 Hơi sáng sớm em còn yêu tình lá chầy
 Nếu thấy trời én vẫn quên mau
 Vườn ô môi long lanh môi tím lạnh
 Quỷ Orej nắm hết rừng xanh mưa
 Thuở tơ tóc hãy đèn soi màu sáng
 Gọi đi em *con nhái xanh bèo*
Ô Diosla nàda más! Que no ti besamoyo

trời ơi thiên! **ngờ đâu cơn đời**

Hôm nay tôi đã chết
 Nổi băng tâm em sống ở phương nào
 Cầm tay tôi tôi dẫn mắt Ròng đi
 Nước Ajaz bập bùng chim quỳên đất
 Nửa bóng hồ réo nguyệt vào điền
Ơi gió tắt bến quạ chiều

Gió thổi hoài đất không người Thiên cũ
 Chiếc cánh lu thấp mãi đêm rằm
 Tôi xin tìm cội rằng xanh trong chết
 Hò ơi đau ai ôm lấy tôi mòn
 Từ lóng nhỏ và từ xương bọc máu
 Bến tiêu điều con nước chưa phai
 Trong hơi tiếp bác sang bờ tương già
 Rồi cuộc đời đặt với mũi thờ ra
 Ai vừa bán cho tôi xu cháo lú
 Phải là Liên hay bóng là Ré
 Ôi thần vương mệnh cũ
 Về cội sâu không phải hổ thẳm Vodongg
 Để tà xế là nơi quạ ngủ

Liên ơi nổi phố rêu đèn mờ
Một mình em em đã sống với hoang xưa
 Nhưng đất mặn bóng thiên nuôi hơi thở
 Cuộc điên mê là áo thuở ban chiều
 Thổi gió rạo giữa trưa kêu ve sầu riêng lẻ
 Minh mình em qua bảy dốc cầu điềm
 Mặc kinh đọc còn anh sấm tan vào niêm rã
 Bên phong thiên là tả quyền tro
 Từ đây ván thô kèm hai mắt đục
 Cạo mặt trời hết tóc còn bay

Trời nửa xanh thầy tôi vừa *rọc áo sấm*
 Tôi thét đau hồn đã nhập ba ngàn
 Con nước Elbre chiếc xuồng đưa tôi mãi
 Kể gọi tên là giọng của Liên buồn
 Ngàn là tôi hay Ngàn tôi Liên sống đó
 Liên hơi Liên dù là nước quyện về miền
 Tôi chải tóc kẻ môi vừa nứt
 Bỗng mặt trời nghe sói tru tinh
 Đất như thấp với mùa tan tác lá
 Buồn hoen hoen ngấn đôi trong phố người
 Chim cú cũ có lần thành ba con nhận
 Rời rời về rừng giữa mặt trời cao
Ai có nhớ cô Liên về hoàng tộc
 Đường lê thê tôi gỡ *phiến da mình*.

Bàn tay

(Văn số 19)

trên cao xa kia nhớ nhưng nàng chỉ còn mảng trời tím lạnh.
 buổi chiều tắt dần tắt dần tiếng chuông,
 cây lá sẫm.
 nàng vuốt lấy mặt nàng,
 thấy ngón tay nàng ướt đầm.

những đón đau lớn theo đời nàng,
 nàng đếm mãi trên bàn tay
 (ôi những ngón yếu ớt như côn trùng đơn chiếc).
 còn thanh xuân nàng ư?
 nàng hỏi sao mùa đông loài chim ủ rũ?

ôi những chiều những chiều kéo nàng vào bóng tối.
 những xót đau khó hiểu của hồn chàng,
 chàng đặt giữa vũng tay nàng
 chàng bỏ chàng đi;
 rồi mặc tình cho con lốc bi thương cháy rục.

nàng vuốt lên thân thể nàng;
 ôi bàn tay em đâu là cánh tay anh.
 nàng hôn lấy hôn lấy từng chiếc móng.
 ở cuối đêm khuôn mặt chàng xanh.

Chim

(Văn số 20)

một sáng thức dậy nàng biết nàng không còn tiếng hót
 mặt trời nàng nhìn thẳng
 cũng hóa đen

rồi mùa rét mang về nhớ nhung
 lông nàng mướt xanh
 vết thương tự đẩy mừng lên
 nàng muốn bay về miền ấm áp của lòng chàng
 nhưng cánh nàng đã mỏi

và bắt đầu nàng gọi
 rừng chập chùng
 căn lầu vườn cây bốc cháy
 đêm ơi đêm anh ơi anh

mùa thu thành phố

(Văn số 28)

Một sớm thức giấc anh chợt nhớ ra mình đang ở trong một thành phố xa lạ

Anh chợt nhớ ra sau cơn mộng kinh hoàng em đã ngàn trùng mây nước kêu gào vô vọng nhớ thương

Đáng lẽ giờ này em đang nũng nịu trong vòng tay anh, mớ tóc đen mềm mượt, đôi mắt ngái ngủ dịu dàng và bên ngoài nắng ấm dọi qua song

Căn phòng vang tiếng em cười vui bữa ăn sáng mà anh nghe thấy cùng một lúc với giọng chim sẻ ca hát trên mái ngói

Rồi anh đưa em qua những cửa nhà thân thuộc, một cái dốc một chiếc cầu con sông chợ nhóm, vườn thú có những lùm cây xanh tươi hoa đỏ và anh rẽ tay mặt

Trên đường về nhà qua những con đường bóng mát anh thường huyết sáo

Đâu ngờ đến ngõ cuối cùng bây giờ anh ở đây với bầu trời xám trắng thấp, các cửa kính đóng chặt – đóng chặt ngàn đời, những ống khói đen sẫm

Anh lo sợ cho em trong những buổi chuông về bước nhỏ đánh thức mọi vật reo hò kỷ niệm

Anh lo sợ trong những chiều sụp tối gian phòng vắng lạnh bóng đêm lặng lẽ vây lấy em

Anh lo sợ ở cuối đêm anh trở về hình bóng chập chờn không sưởi đủ chuỗi ngày dài em đốt bằng ký ức

Em ơi, đâu còn ai cận kề bên em những giữa đêm mưa dưng không òa khóc

Làm thế nào có thể quên em những khi hoàng hôn sẫm mặt

Trong vườn Luxembourg anh ngó anh ngồi im một mình

Những hàng cây đơm vàng lá úa

Mỗi trận gió đem rơi từng chiếc u sầu

Những pho tượng hoen rỉ kia yêu nhau ngàn năm

Cặp tình nhân trong một góc hôn dài đắm đuối

Đâu như đôi ta phải vội vã xa lìa

Để những giọt nước mắt em anh chưa kịp lau
 Chưa kịp nếm đắng cay trên môi em đầu lưỡi
 Làn tóc rối tung không đợi anh kịp vuốt
 Để tháng ngày em xõa mộng thương đau
 Em ơi em, làm cách nào em giam giữ hoài con chim giữa
 lồng ngực
 Anh bay ra thương tích đầy hồn
 Em ơi em, những nắng mưa bên kia miền nhiệt đới
 Với âu lo chuông đồ gió về
 Em lụn tàn đêm gối chiếc bơ vơ
 Ôi mộng mị nuôi cuộc đời sao đủ
 Còn tương lai kia anh mang bỏ giữa rừng
 Em lạc lõng giữa hùm beo rắn rít
 Với thân gầy em chỉ khóc lóc van xin
 *

Làm thế nào có thể quên em được khi đèn đường bật lên
 vàng vờ
 Trong những nẻo quanh co phố lâu tẻ ngắt
 Anh tìm một vì sao như lệ mắt em
 Anh chỉ thấy một khung trời mừng mủ
 Và hai tay lạnh giá đã đầy.

ảnh tượng cuối thu

(Văn số 28)

Khi anh mệt mỏi leo lên ngọn đồi ở miền Orsay nghe
 chuyển xe lửa hú,
 anh dẫm lên lớp lá khô như giấc mộng tàn;
 nhớ lại khi xưa em là đồng bằng mỗi ngày anh núi rừng ao
 ước,
 muốn gặp nhau anh cất lời gọi vọng,
 em trao tình hoa đại động sương;
 giờ anh đã mờ xây xa vắng,
 ngóng về em tiếng gào còm cõi,
 chạm xác xơ mặt cỏ nám u buồn.

Khi những chiều anh đạp xe về thành phố và qua vườn
Luxembourg,
nhìn pho tượng trần truồng gục đầu ngó đất;
lá rụng dày thương nhớ trở vàng thêm.

đêm xứ lạnh

(Văn số 28)

Nàng nhỏ xuống trí nhớ những giọt lệ xanh
Mộng mị hoang vu tôi mọc dày nấm mốc.
Nàng thở trong tim những ngày tháng ấm
Tôi ôm nàng tay vắng hờ không
Cay đắng hiện lên như luồng gió lạnh
Tôi cuồng quay như trái bóng dưới chân.

Trong dĩ vãng móng tay nàng nhọn
Đêm trở mình tôi ve vuốt vết thương.
Và mắt nàng nửa đêm tỉnh tú
Triền miên rơi xa xót nhớ nhung.

đơn khúc của Liễu

(Văn số 28)

Ba giờ trưa một khúc nhạc sầu
Un jour sans toi
Những chiếc lá tàn rơi không cần một làn gió
Điều thuốc đốt lên hình bóng
Và chợt tắt bơ vơ
Kỷ niệm xuống đêm
Ở chót vót của tuyệt vọng
Anh im lìm ngắm hai tay không

Un jour sans toi

Người thủy thủ già từ bờ biển khơi
Chiếc tàu đã chìm
Căn phòng nhuộm đầy bóng tối
Mền gối bắt đầu rã mục

Liều ơi Liều
Un jour sans toi
Tiếng hát cuối cùng nhỏ xuống
Gạch ngói hoang tàn hồn anh
Cùng tiếc thương mọc lan trên đó

Un jour sans toi
Một ngày người thủy thủ già
Vô vọng chuyến ra khơi
Liều ơi Liều

cổ tích

(Văn số 28)

Xưa kia người mẹ sanh một đứa con trai
Bà nuôi chàng nuôi chàng ngọt bốn ngàn năm
Rồi một ngày nọ người từ trần
Chàng thì ốm yếu và khóc than
Từ đó cỏ sắc mọc xuyên suốt hồn
Còn trái tim chàng chứa thanh kiếm báu
Của người cha anh hùng

Với thanh kiếm ấy người ta cắt đầu chàng
Một dòng sông chảy qua
Với giọt máu tự trái tim chàng

Mỗi buổi chiều khi mây đen gieo mưa xuống
Mỗi buổi chiều khi biển thổi gió về
Chàng nhớ chàng thương

Người mẹ nuôi nắng chàng bốn ngàn năm khổ nhọc

Mỗi buổi chiều khi ánh nắng cuối cùng chui xuống lòng
biển

Những đàn chim phương bắc xa xưa bay về cùng bầu trời
tối đậm

Những đàn chim đau thương căm miệt

Chàng sờ lên vết máu

Bốn ngàn năm, bốn ngàn năm chàng đã tìm thấy tận hưởng
gì đâu

Duy hai giọt lệ động hoài trên gò má.

bữa ăn trong mines

(Văn số 31)

Mọi người làm đuôi đến chồng mâm

Người lấy vé cuối đến người đàn bà già phát dao muống

Bụng mâm đồ ăn vào tiếng khua

Bóng đèn mờ đau yếu

Những chiếc áo trên móc như người treo cổ

Thôi anh hiểu rồi từ khi anh cắt lấy miếng thịt

Người ta chẳng cần ngẩng đầu lên

Ai cũng một chiếc mâm cho riêng mình

Nhưng miếng thịt em cho anh ăn

Anh nuốt không trôi ghen hoài tiếc nhớ.

cuộc đi dạo

(Văn số 41)

Thị trấn ngủ muộn trong gió mặn

Buổi sáng bầu trời ảm ức mây
 Nh. muốn khóc cho nhẹ cổ họng
 Chàng đã cười với người bạn lúc nhìn hoa
 tulipe đỏ chói góc nhà nọ ngoài phố
 Khỏi hồn chàng rỗng như ống cống

Chợ cất hình chiếc dù xám
 Tiếng động bu quanh thân thể chàng thành bầy ong
 Những con hầu bắt đầu tắt hơi trước khi người ta cân bán
 Mùi thịt cá rất tanh nơi hai mắt chàng
 Chàng biến dạng cây khô biết chuyển động
 Đạo quanh các gian hàng
 Người ta nhìn soi mói
 Chàng tự hỏi
 Bầy ong chui các lỗ chân lông nhức buốt
 Mây đâu rồi Nh. ơi

Chàng vào nhà thờ giống con tàu đắm
 Nhà thờ tối om bằng ghế không người quì
 Bên kia đôi tình nhân thấp nền cầu nguyện
 Đôi tượng đen chờ ánh lửa tàn
 Chàng chiêm ngưỡng lạnh nhạt
 Ngày lễ Phục sinh hôm nay rồi đấy ư

Nh. trở lại con đường cũ
 Người bạn trở rằng hoa tulipe sao đẹp
 Nh. gật như vết thương còn máu
 Và ngồi bàn ăn chàng ăn
 Thịt với cá ở miệng
 Chàng đáp lời bà chủ nhà rất ngon
 Mùi tanh bò dần lên óc.

đi hành trong ngày

(Văn số 41)

Tôi bị đánh thức một buổi chiều dưới đường hầm
Chiếc métro ngừng rước người đứng chật
Chưa bao giờ tôi bị dồn nghẹt một xó như thế
Tôi vinh thân gì chính tôi đâu
Chưa bao giờ tôi thở nhọc nhằn bằng lúc này
Không khí sắp hết cho hai buồng phổi
Không lấy được một tiếng kêu
Dù để nhắc lại một chiều nào hò hẹn

Hành khách ừa xuống một trạm
Đùn tôi ra mặt đất
Vây lấy tôi giận dữ
Tôi la hét giữa phố
Lánh xa tôi để tôi yên
Óc yếu đuối nhìn lâu cao lộn ngược
Tư tưởng nằm úp mặt đường bừa bãi đá ong
Xe cộ tàn nhẫn
Anh cố quên viễn ảnh hải hùng một sớm mai
Chết cô đơn khu phố hẻo lánh
Em không hay biết gì nửa đêm bên ấy
Hẳn nhiên em tin anh đang sung sướng
Và bạn bè vẫn gắng đỡ đạt cao

Tôi leo mất thăng bằng lên khỏi hoàn môn
Chưa bao giờ tôi mẫn nguyện cho công việc
Hạnh phúc chỉ là sự tỉnh cờ hiểm hoi
Cả tình yêu anh coi một huyền tích
Hai đứa xuống trần tìm dấu chân nhau
Thành phố mô hình xoay vòng tròn
Người vật di dịch như đàn vi khuẩn trong nảo
Anh thèm muốn nổi chết dưới mắt
Làm sao có ngày ngưng chiến em tận mặt anh.

trời về đêm nay

(Văn số 46)

Trời về đêm nay ngập ngừng lệ mỏng
Em đốt cho anh điều thuốc nhớ em rồi
Tay lá lay say chom chớp làn mi
Tóc của gió thổi luồn ngực mộng
Nghe thâm thì em nói trong mơ

Trời về đêm nay hai tay anh buông thõng
Nào đâu những ngón ướm mềm mỗi tối đưa em
Không còn thơm nồng trên môi mặt trắng
Không còn lệ sương mai hoa cỏ đồng hờn giận
Mây là tên loài hồi ức hao gầy

Trời về đêm nay phố phường thanh rộng
Dòng nước sông Seine quăn quai dọa đầy
Trên dốc cầu một mình anh đứng
Gặp em bên kia hay tàn tạ bên này?
Anh không biết không tin không dám nhắc
Những cột đèn xanh đổ mực lên hồn.

một ngày đẹp trời tháng sáu

(Văn số 46)

Những trái anh đào chưa có dấu răng
Đàn chim reo mừng trong chòm lá
Những quả bom bày nụ cười ứng hồng
E thẹn như đôi má lần anh bạo dạn đặt môi
Sầu riêng và hoa hồng nở nửa đêm
Thơm ngon như trái măng cụt bên nhà
Tháng sáu em quên buồn phiền

Ngày tuyết phủ xa lắc xa lơ
 Đêm em hát
 Để tinh tú xúm lại ngủ
 Trên miền tóc không chải
 Anh gỡ chiếc mặt nạ của cuộc sống
 Chạm hai tay uống cạn nguồn lệ
 Suông sã trên ngực em
 Khiến những vì sao hốt hoảng buông mình lã chã.

vây hãm của cô đơn

(Văn số 51)

Một hôm đứa bạn thỉnh linh hỏi: mày có một lý tưởng nào để bám víu mà sống? Tôi cười ngất, cười đổ nước mắt mũi và ngạc nhiên vì vô số âm thanh giống kim nhọn châm lưng bùng hai tai.

Trong một quán ăn tồi tàn về đêm ở chợ Mouffetard, một người đứng tuổi bảo tuổi trẻ bây giờ sa đọa quên mọi bổn phận làm người; tôi làm thỉnh ăn hết tô phở, tô phở nhiều tiêu ớt cay bùng trong khi hấn hăng say chỉ dạy thương hại phương cách thành công cuộc đời – không có gì khó cả; tôi đứng dậy bắt tay và cảm ơn, hấn nói mến tôi, tôi hao hao giống đứa con hấn - thằng ngu đàn đờ đã tự tử vô cớ. Ra đường tôi sặc khói thuốc tới lợm giọng, tôi cáu giận thốt chửi hết sức tục tĩu. Con lộ tường vách xiêu vẹo tối đen; tôi vấp phải một tên say nằm lăn vệt hèm, hấn nhè nhè mời tôi uống hết chai rượu và hút hết gói Gitanes.

Những ngày cuối đông tôi sợ sách vở lạnh mặt bạn bè lang thang hết đường phố tui thân như con chó ghẻ. Xe cộ mờ

tốc lực đuổi bắt chực xô vào tôi ngầu nghiêng ngon lành.

Những người cảnh sát to lớn già nua rúc tu huyết inh ỏi, người từ các lầu đài mốc meo túa ra tưởng chừng trái đất sắp nổ. Tôi chạy trốn cho hết một đời, chạy trốn hoài hoài những tư tưởng mâu thuẫn địa đới, sự hành hạ muôn kẻ chung quanh. Ôi nếu được yên thân tôi mong làm thẳng cụt đầu.

Tôi gặp người đàn bà đồng hương nhăn nheo dưới tầng mây đông, bà đã khóc dễ dàng cho nỗi vong bật không hẹn về xứ sở, nhận một nơi chôn xa lạ của chồng con, thời gian rút rĩa dần dần trí nhớ.

Tôi ngủ vùi trên chuyến xe lửa ra ngoại ô, khối đầu hun hút hang động, tôi tựa quây như một hình nộm, cơn sốt lên cao, bóng đêm lan đặc. Ba giờ khuya có tiếng gà gáy, tôi chỗi dậy ngó trừng qua khung cửa tới khi bầu trời lộ màu trắng đục. Lúc ấy làn khói nặng nề trời lên từ đầu những ống khói ngọn cây đen trần trụi. Tôi lấy giấy viết ra trước mặt, nỗi cô đơn hắt cứa tỏa như tâm thể. Tại sao anh không viết cho em một bức thư vào những lúc này?

Khi anh yêu em.

Tình yêu như lửa đêm mùa hạ.

Chúng ta nhảy nhót tung bùng

Khóc lóc không thôi

Cho mối tuyệt tằm của tuổi trẻ

Anh tìm ra sự ngây ngất của một kiếp người

Bằng những dục tình không giam hãm

Bằng những đêm nhiều sao thật đẹp

Hay nhớ nhau mỗi sáng mùa đông

Tuyết bám đầy vai tượng.

nụ cười

(Văn số 58)

Lũ bò câu lưỡi héo má nhà đội tuyết
 Chúng sẽ chết trước khi nắng về
 Trong vườn Luxembourg jardin des Plantes
 giữa boulevard Saint Michel
 Trên tháp chuông trên ống khói
 Vùng nhiệt đới bên kia trùng dương sa mạc bão
 cát lòng vực thâm u
 Người ta yêu nhau chậm chạp chuyển xe mỗi
 Rồi quên hết sau đó

Khoảng ngực trần của em trời mùa đông
 Anh yêu em vô ngần lúc chập tối
 Muốn nói vạn lời cho sao hôm mọc
 Lúa vàng chờ lưỡi hái
 Tử thần chờ anh nhà cửa lảm lì
 Sao hôm sau áng mây ám thần trí anh kiệt quệ
 Anh sợ nằm trong căn phòng đơn đêm ngủ không được
 Ra đón em ngoài gió bắc tuyết rơi
 Chuyến tàu bị nạn ngoài biên giới
 Anh thầm hỏi ga nào có em
 Nụ cười ánh đèn khuya khoắt
 Người ta còn có thể yêu nhau nữa không
 Khi hồn đêm không nhắc nổi nụ cười

Lũ bò câu ngủ trên mái nhà
 Đêm nay chúng gắn liền tuyết giá
 Chết sung sướng địa phận thân yêu
 Rạng ngày những bà lão mũi lòng cho
 Con vật trông thấy thường ngày nơi khung cửa
 Ai biết anh sáng hôm sau

Khoảng ngực trần của em gió bắc
 Anh yêu em vô ngần dù đêm nay em đã quên anh

Anh còn đủ một giây hôn em ngủ ngon
 Dù cặn thuốc quệt lửa hết xăng
 Anh còn đủ một giây đốt nụ cười
 Thốt gọi tên người yêu dấu lần cuối
 Rồi quay lui về thân chết anh.

đoản ca mùa thu

(Văn số 62)

Bài thơ tình chưa kịp viết
 Mùa thu đã lấp đầy
 Anh tìm em mất dấu
 Thành phố nào vô danh
 Những dãy lầu độc thoại
 Bỏ rơi anh ngoài ô

Anh bắt anh phải thức
 bài thơ ném ra đường
 dưới mũi giày đau điếng
 Anh bắt anh phải sống
 từ ngữ đá hoa cương
 lời thơ nhung nhúc bỏ
 sợ gió mát trắng trong
 Anh buộc anh phải đi
 bất mãn và mất dạy
 nửa đêm tàu khởi hành
 giục còi gọi mùa thu
 mút thỉnh không quỵến rũ
 giờ gặp nhau bông bênh
 say sưa ly rượu lệ
 gầy yếu các vì sao
 triệu oan hồn le lói
 Anh buộc anh phải chạy

con chó mực hèn nhất
 cú quạ đuổi sau đuôi
 ai loa mồm chửi rửa
 anh bịt kín hai tai
 tiếng loa nổ điếc óc
 khói trào lựu đạn cay
 bể cong người rần rụa
 cầu cứu chẳng ai tha
 với được chiếc khăn xô
 chiếc lá khô còn sót
 của cây già đánh rơi
 lau hoài gương mặt nhót
 với nước hoa heo may
 Anh buộc anh phải yêu
 cho hết những huyết cầu
 cho tan hoang tuổi trẻ
 dù đang giữa mùa thu
 em đốt cháy trí nhớ
 vùng rú cười rẻ khinh
 xô anh xuống hỏa ngục.

giao thừa

Đèn trên kia âm quá
 Tôi đứng bên này hè
 Ngó lên hạnh phúc sáng
 Gió ê chề lộng bùng

Trời đêm nay báo hiệu
 Con bão đang trở về
 Cuối năm ôi mịt mù
 Kịp xuyên thái dương không

Đèn trên kia vừa tắt
 Kéo cao cổ áo sờn
 Mặt giấu trong khăn quàng
 Co tay trong đáy túi
 Tôi chân nhấc bước nặng
 Sầu theo vắn bóng dài
 Sầu mừng xanh mườn mượt

Người về đúng chuyến hẹn
 Nở ran pháo giao thừa
 Pháo lòng tôi tịt ngòi
 Về đâu xin mừng tuổi
 Trời đêm nay lạnh quá
 Nghĩ một đời mờ côi
 Trông gì tình bố thí

Phòng trọ chan bóng tối
 Ngồi đơn đếm thời gian
 Tôi sẽ khóc suốt đêm
 Ước nhang trầm hương thoảng
 Mãi đi không mái nhà
 Tôi sẽ khóc suốt đêm
 Ôi một hồn lạc loài
 Dẻo đeo một cuộc héo.

(Văn không rõ số)

Thành phố chim hồng

Nh. Tay Ngàn

Lời giới thiệu: Bỗng nhiên tôi nhớ Vũ Duy Trác ở Huế với một câu thơ duy nhất rớt trong đầu sau năm mươi năm bỏ Huế: “*Tôi đi trên tay tôi / tôi đi trên chân tôi*”. Thuở ấy chúng tôi cười vì chưa hiểu hết ngọn ngành siêu thực đông phương. Bây giờ sống giữa lòng nhân loại chợt thấy thi nhân nước mình rất lớn lao. Cảm giác này đã có lần đến với tôi năm 1969, khi nằm trong liêu chùa Bàn Long ở Vạn Tượng bên Lào tình cờ đọc và khám phá “*Chơi giữa Mùa Trắng*” của Hàn Mặc Tử. Tử không hề đọc Heidegger, và tập văn ấy Tử viết trong những năm 39-40. Nhưng Tử không thua kém Heidegger về thần trí và trực quan vi diệu. Gần đây trong nước bỗng a dua nhau tôn vinh Hàn Mặc Tử theo điệu bình luận *sol, la, do*, nông tác vũ. Khởi từ cái lão xung tộی Chế Lan Viên, người người lớp lớp xu xoa viết thuộی. Quên mất trước kia không ai khác họ từng hò hét dí đập Tử!

Biết bao thi nhân và biết bao thơ trong sáng, hồn hàm, bị chiến tranh thiêu rụi, bị hận thù và chủ thuyết vùi chôn. Vũ Duy Trác có còn sống không? Sao tôi không đem theo hành trang mình tập thơ chưa xuất bản của anh trên lộ trình kháng chiến đến phản chiến?

Ý ấy lóe lên khi tôi ngồi chọn thơ NH. TAY NGÀN, tên thật Nguyễn văn Nhĩ, đăng báo Tết. Một thời Nhĩ nổi danh với dòng thơ mượt lả đăng trên tạp chí *Văn* ở Saigon trước 75. Mấy tập thơ ôm ấp từ Paris đem về Saigon trân trọng đưa vào tay người chủ trương *Văn* và một người bạn ở Đại học Vạn Hạnh, nhưng không bao giờ được xuất bản. Làm du học sinh đến Pháp những năm 65, rồi bỏ học làm

thơ, viết truyện, vẽ tranh (từng triển lãm ở phòng tranh đại lộ Montparnasse). Có lúc phải vào nhà thương điên ở Charenton, ven đô Paris. Rồi chết cô quạnh trên tầng gác trọ số 16 rue Jean Ferrandi ở Paris quận 6, tháng giêng năm 1978. Để lại 26 tập truyện và thơ, chữ viết đều và đẹp như răng hạt bầu, từ mỗi trang đầu đến mỗi trang cuối. Nh. Tay Ngàn là một trường hợp lạ kỳ, đột xuất trong nền văn học đương đại Việt Nam. Mai kia các tác phẩm thơ và truyện ngắn của Nhĩ được xuất bản hàng loạt, Nhĩ sẽ có một chiếu riêng không ai tranh lẫn. Bởi chưa ai sống qua và thở hít khí hậu siêu linh muôn tượng riêng biệt của Nhĩ. Chỉ nói khía cạnh ngôn ngữ mà thôi, Nh. Tay Ngàn đã tạo dựng cho cá nhân mình một phong cách, và cho *từ ngữ* Việt những dụng cụ thăm dò cõi vô thức. Từ ngữ ở đây không là chữ nghĩa, mà là một *từ trường lời* đang giải hoặc mê lộ của biện thuyết nói năng vô lối, hay vãi chúc tụng hô. Những con chữ đã được *chân không hóa* thành hoa văn trên bia ký của nền trời. Ai là người dám thoát ly cảnh văn học chợ trời, đứng thẳng trên bình nguyên, nhìn xuyên đám mây trôi mà giải mã cái khảm khắc, chiếu rọi từ thân phận dùng thi văn ngồi vượt khỏi trầm luân?

Xin mời bạn đọc làm quen với ngữ điệu Nh. Tay Ngàn qua bài thơ “*Thành phố chim hồng*” dưới đây.

THI VŨ

Thành phố chim hồng

Thơ Nh. Tay Ngàn

Đám lá vừa xanh bên trường đại học cũ
Cành phượng không hiểu rụng bao nhiêu năm rồi
Những tà áo trong nắng ban mai

Trên tóc cô sinh viên chưa mờ với nắng
 Một đám cưới đơn giản vào cơn buồn tôi xoay
 Hình phạt tận mùa thu bên các xứ châu âu
 Không ai nói hôm nay đoàn quạ trên cầu chữ y nữa

Tôi về mùa thu giữa lá Paris đau
 Có phải bông mai chỉ nở ngoài tất cả cánh cửa ngục tù
 Hồi bãi chim rụng đầy lông trắng
 Tôi về mùa lá rơi



Trong bàn tay cuốn sách bạc màu
 Cuốn kinh đọc ngày đêm trong trường tiểu học
 Như cái chết kẻ tội đồ cầu đấng hoàng hôn
 Mà trước mắt các tà áo xanh mười sáu năm qua bị rách
 Mà mùa thu Paris cũng lá vai mình
 Nhưng cánh mù đã quạt xanh miền đại dương tím
 Bông mai thành chiều mở cửa giao thừa
 Không nghe nói bàn thờ tổ tiên bông trang xóm nhỏ
 Hồi bãi sa mù mỗi đêm sương
 Khi tôi không còn ánh nắng rạng đông
 Trò cười ban sớm hay cánh mun vượt nghìn hải đảo
 Tôi về không ngó ra vết bước tôi đi
 Tôi mua chuộc đời tôi trên trang giấy rẻ tiền
 Bằng sáu khúc da vàng thiếu đàn da đỏ
 Bằng lá khô rọi đấm hình hài
 Tiếng hát chiều xuân xưa bốc mờ hai bờ tường bọn mọi

Còn mùa thu mưa nhớ con sông vàng
 Người mẹ bỏ rơi tấm vải đen ở chiều chủ nhật
 Và đưa con bây giờ phải quét bàn thờ cổ nhân
 Dù sáu đời còn ba bốn tờ dạ khúc
 Trên rừng lá phủ mưa

Tôi vượt mặt cái chết của những tà áo non
 Cành lá Sài Gòn lúc trăng mười hai năm trắng động nắng
 Giữa bốn bức tường tôi thấy cái chết áo đen
 Sự thềm muốn mỗi chiều đời xuống sâu hỏa ngục
 Nhắm ngủ hơi mòn quên mặt trời tôi
 Trong bãi cỏ xanh cô sinh viên ngày nọ còn cười
 Tới chim đi mới hay bào thai trong cô đã khóc
 Rồi mùa hoa phượng lấm đỏ nhà thương
 Tôi vượt mặt cô với nửa ngón tay người nào không dám
 nói
 Tà áo xanh không rọi mùa thu tôi
 Mùa nắng mới chim đau với tin chiến sự trong tủ sách gia
 đình
 Tôi nhìn hai cuốn kinh đã rách dưới bờ cây nhà tu viện
 Sớm hôm kia quân đội chờ miếng ăn
 Với chuyến phi cơ có nhiều xác trẻ con tỉnh lý
 Những đám cưới quên hết tai nạn Sài Gòn
 Mùa nắng thiếu vài ba con ve sầu bay lên trời cao
 Để thềm cơn lạnh dưới mồ cô sinh viên buổi nọ

Tôi về cánh cửa đóng hết các cơn nhớ thu rơi
 Có phải bãi sa mù con chim trong vài thành phố
 Chim đêm chim hồn đỏ hóa hồng
 Bãi lầy chỉ xót thương những xác thôi nôi
 Như chiến tranh muốn ăn hết Sài Gòn vào buổi tối
 Còn trái tim nhịp lạ chưa rên
 Tuổi trẻ giấu sự tầm thường trọn đêm dưới nách cô ca sĩ
 Tuổi thơ muốn đặt giống già nua nơi chất lịch sử âm hồn
 Còn con mắt cô sinh viên vừa nhắm với bào thai
 Tôi về lúc Sài Gòn chỉ quên một kẻ nhảy qua cửa sổ
 Như bông phượng nở cả vườn hoa chưa hay đêm

Đã nóng đã hôi đã khô nghẹn móng con đại bàng
 Sợ hoài dân Việt mua thức chết
 Hình ảnh cô ca sĩ da đen
 Không nhớ Phi châu lúc con đòi mỗi ngủ nơi biển cạn
 Hình ảnh cô sinh viên thay áo sớm mai
 Làm tôi quên tên bạc tình trong lá cây trường đại học
 Dân Việt đã đi về nửa bãi sa mù
 Lá trên đôi hôn mê lá ấy mộng ngoài tim trắng
 Cửa gái đơn sơ đêm nọ buổi sau vườn
 Nhưng chiều cuối năm tôi nhớ khu vườn đã bị dội bom
 Tiếng hát da đen năm ấy cười vang một thương tích
 Tuổi trẻ muốn máu có mùi
 Không như mùi lá buồn đầu sao
 Tuổi trẻ không giữ khu vườn ma
 Với bàn thờ tổ tiên chưa gọi ra mặt hình hài vạn xuân
 trước
 Tuổi thơ dù vốn hỏa hình
 Nhưng hồi buổi chim bay về làng mùa thông trắng

Đám cỏ không nhớ nắng đã làm xanh
 Cuối đêm chim hồng đã khoét sâu trùng mắt dân Việt
 Nên cuối đời xứ sở luyện tim
 Hình phạt chỉ dạy đứa con nói về sự đời của ông già bói
 chữ
 Nhưng người mẹ chỉ giấu sữa giữa những ngày yếu mệnh
 qua
 Tới hôm bóng vờn tìm mộng
 Hình phạt không rõ cỏ đầu xuân
 Ánh máu vẫn đưa đưa hài nhi về hôn phím nhạc
 Ở đêm xe dẫn hai đám cưới hiền lành
 Không hiểu sau đó ai đã giết tên tình si cô ca sĩ
 Mà đàn dương cầm cứ nở những đóa mẫu đơn

Tôi mượn đời tôi dưới cánh thu sầu trôi mãi
 Ngày mùa tắt nắng con ga
 Tôi đi khô bóng côn trùng xóm đậu phộng
 Đàn trừ đỏ mắt với bụi xa xa

Con mây cứ chiều chiều Paris khói
 Hình cô sinh viên buổi tối ngắm đèn
 Chưa hiểu trong cơn dục vọng mòn bào thai thành con mắt
 khép
 Giữa đồng phượng mùa bãi trường nơi bãi đại học cỏ xanh
 Chuyến đời xưa tuổi trẻ từ chiều thứ tư tới trần gian buốt
 lạnh
 Cảnh tội gọn nếp con tằm
 Như hồn người mẹ bữa ăn nhằm trứng chết
 Với đứa con buộc tội ông bà
 Mà ngàn thu con đại bàng không muốn nghe Sài Gòn kể
 chuyện

NH. TAY NGÀN

(Nguồn: Giai phẩm Xuân Quê Mẹ số 149-150 – Tháng 2-1999)



Hai minh họa trong bài này do Nh. Tay Ngàn vẽ

NH. TAY NGÀN
Nắng Sài Gòn mê man từng phút
tạp ghi



Năm bảy mươi ba, mùa hạ, đất Pháp còn nóng vì tiết trời, tôi từ nhà thương điên Villejuif vào Paris, ý định không còn lạc quan chút nào nữa về bất cứ đời sống nào của bọn người xung quanh. Nhiều năm sống tại đất này tôi thường tự thương cho bản thân, những vết đen tôi không làm sao tẩy gột, từng đêm từng ngày dài. Tôi không có mộng, tôi không vui, thôi thì làm sao làm, sự bi đát vẫn là xây mộ

bên nghĩa trang - giữa người sống và khổ lụy kín bung bao giờ chẳng bầu riết trong giấc ngủ được. Một tháng sau tôi đáp phi cơ về lại Sài Gòn. Tôi ứa nước mắt. Tôi thù trái tim đã đập sai nơi một cơn đau xảy trong giấc ngủ. Tôi tự thấy mình đều bất lực nói về đời mình cho mọi người nghe, thấy dáng mình đều trường trần khi lầu chuông Paris rung nhẹ, giữa bàn tay và hơi thở mỗi giây luôn nhóp nhúa bụi đen mấy thời gian nào. Gần như trí nhớ tôi trở thành một cù lao bị tan loãng đi, mấy chốc sau nghe bên kia bắt đầu họp chợ, bán nhiều thứ khó định giá cả theo thói quen, lúc trực nhận ra, trước mắt đã thấy Sài Gòn, ý tưởng và tâm tư cuốn vào nhau mà tia nhìn vốn mù mờ sai lạc hẳn. Đến chiều tối, Sài Gòn lên đèn, một cơn mưa bất thần xua tôi vào cơn sốt. Nằm trong căn phòng chưa định ra mùi đồ ăn, tôi nhớ lại ở một nơi xa nào đó, một Paris và nhà thương điên đã nhốt mình, tôi buồn đến đau từng ngón tay một. Nửa đêm người gia đình kêu tôi dậy, tôi nói: “Trời Paris độc lắm. Dì đừng lo làm chi”; trong đầu và trong ngực tôi vẫn còn mù mù cơn nóng. Sáng ra dì tôi bảo tôi đã mớ, la rất lớn trong đêm rồi. Nhưng tôi cố thêm: “Trời Paris làm con mệt lắm, thôi dì lo ăn trước đi đi”. Tiếng kèn xe ngoài đường vừa nhắc nắng mai. Người ta ồn ào điều gì đó trước nhà tôi rồi. Tôi vào nằm lại trên giường, tôi ngủ mê man, đầu bị đau, tự nhủ đừng rên nơi cơn sốt nắng trời.

Tôi khổ lắm. Tôi mong đừng ai hỏi tôi về đời sống tại Paris. Đầu tôi bị lắc lư chứ bộ óc tôi đều bị bụi. Đừng hỏi tôi hoài về mùa đông có lạnh lắm không. Đừng hỏi chi hết để tôi quên chuyến métro ban đầu, vào khoảng năm sáu mươi bốn đó. Kẻ gây ác cảm bên một công viên ban đêm hoặc kẻ thù đi lính thời đại chiến thứ nhất. Nhưng đừng hỏi tôi hay nhắc tôi nữa về căn nhà nào xa thực xa, có tên là nhà thương điên Villejuif. Tôi nhục nhã lắm. Tôi thù đời như một thằng côn đồ bị té xe một cách vô tình vì trời mưa trơn trượt. Những ác mộng đen ngừ thế nào cũng khuấy đau trong xóm Pigale qua công trường Clichy rồi tới khu La tinh cả phê chiều.

“... Mà con thấy Sài Gòn bây giờ ra sao? Như hồi xưa hay

con nhớ nó đổi nhiều hay không?” Dì tôi dường như không hiểu tôi trả lời, ngay cả tôi cũng quên nhìn ra một thời nào phía trước, nhưng sau đó tôi có đáp: “Cũng vậy thôi, con đâu thấy đổi gì nhiều”. Và đúng lúc ngồi ngoài cửa ngó ra góc đường, tôi nghi ngờ những gì không thành thực bên trong, như cách quan sát một tô phở, cách xem nghề một người Tàu và nghiền ngẫm tâm địa người Mỹ. Một tuần sau tôi xin tiền dì tôi, rồi đường Gia Long qua ở Thị Nghè. Tôi nói với dì: “Bên Thị Nghè gần sông, mát mẻ, chắc con thì vừa khỏi bệnh chớ chẳng u mê như tuần rồi. Dì coi, ở Paris không phải mệt vì thời tiết đâu, đất họ cũng đông mà mình một thân, buồn bã lắm”. Lần khác gặp dì, tôi lại than y hệt: “Paris càng lúc càng độc chớ chẳng vừa đó dì”. Rồi tôi không cần dì tôi an ủi, như hồi còn nhỏ, tôi đi ra đi vô trong nhà, ngó trái ngó phải, lục kệt hộc để nhìn vài vật còn dấu ngày xưa; trên vách tường phết vôi thấy bức hình chụp, tôi độ dì tôi đã bị già nhiều hơn. Một hôm ngồi trước máy truyền hình, ngó lại sau lưng, dì tôi đã ngủ, trên tường, chiếc đồng hồ gỗ nhiều tiếng lạc đi. Tôi phong phanh hiểu giờ giới nghiêm ngoài đường vừa tới, ít người đi bộ trên hè và chỉ còn xe gắn máy phóng mau. Giữa tôi với tôi bấy giờ bị chia đôi những kỷ niệm cũ - dù mới đây có mười năm thôi.

Tôi than với L. rằng trong những năm cuối cùng tôi bị nhốt một cách đau đớn chứ chẳng như thư từ tôi nói với L. đầu Paris vốn chứa đựng nền văn vật lâu đời. Tuần sau dì tôi kêu về đường Gia Long, buổi trưa L. bỏ sở, thập thò rồi đứng khép sau cửa đợi tôi. Khi người nhà vào kêu, tôi trách L. nhiều lần, bảo đừng nên đứng đợi làm chi, trời nắng nóng, quen và thương nhau đã lâu. Lúc cùng L. đi ngang chùa Bà Đen, những kẻ ăn xin chia tay, nói điều gì tôi mờ mờ ám ám mà chẳng hiểu. Tôi ngó mau vào trong, không hiểu luôn giá trị của chùa này dù hồi nhỏ biết nó nhiều và đến nay đã hoàn toàn sửa sang khá cổ kính. L. nói: “Anh nhớ hồi đó họ ít bán bông lài, giờ thì đầy đường”, nhưng tôi kéo nhẹ tay L. để tránh xe, không nhớ ra ngôi chùa khác ở đâu và nhớ thứ gì mơ hồ như nhang

khỏi tan trên một đêm pháo cấm đốt. Khi L. đói, đường cử động bị lạc nơi xa xôi, nói đúng là không biết ăn tiệm nào và tiệm nào ngon cho cả hai. Phía trước chợ Bến Thành có một chỗ chúng tôi hay dẫn nhau tới ăn, bây giờ không khác mà đã đổi hoàn toàn chủ rồi, theo lời L. Đi dài qua đại lộ Hàm Nghi, ngó ngoái khu nhà thương thí, chút đóm hu như vội trèo ngang, tịch im, cầm nín bịt bùng. Người bán dọc khu Chợ Cũ đông, chen vào nhau bễ bộn, rất nhiều món đồ L. kiểm không thấy còn tôi lại đứng ngoài đợi một cách bồn chồn. Hàng Mỹ đa dạng lâu lắm rồi theo ý tính thời gian nơi tâm hồn tôi. Lát sau, tôi chạy tới nói với L. là đừng mua quần áo hay đồ đạc gì cho tôi. Cả hai tôi lẫn quần trong khu Chợ Cũ, xen vào đám đông, tự kéo mình theo tiếng động ồn ào vây quanh, tới chiều vào ăn một phần tôm nướng, trở về nhà nghe đàn em của L. báo xe chúng vừa bị ăn cắp hồi trưa. Căn nhà bị lục đục. Ba L. càng lo hơn theo tôi ngó ra. Tôi kêu ba L. bằng bác, nói: “Bác không đi chơi đâu sao bác?”, “Ồ, chút nữa bác sang kia”, rồi quát tháo mấy đứa con mình. Khi nắng tắt đi tôi mang trái cây cho gia đình L., ngồi nói chuyện buồn bán từ sáu năm về trước, rồi khi ba L. đi, tôi kêu đi tôi nên về vì hồi trưa có người ở Cần Thơ tới thăm. Buổi tối nghe vài bản nhạc Thái Thanh, nằm gần L., tôi chờn chờn mê ngủ. Tối hơn một dốc đen xưa, ý và sự mơ mộng của đời tôi đều bay chập chờn hơn, đúng là những con thiêu thân bắt toại. Xa xa đã nghe vài tiếng nổ dội vào mái nhà. Tôi khó nhận nơi tóc L. hôm nay có gì buồn hơn hay đau đớn hơn. Mười năm tôi thay tôi bằng máu độc. Đến một ác mộng vờn, tôi cười với ai vào lúc hùng đông lên Paris?

Căn nhà sau nhà L. là nhà vợ chồng có hai đứa con còn nhỏ, đêm chúng khóc to và cuối đêm, chúng cứ ho như bị suyễn. Tôi đoán trời đổi màu hoặc có bão ở nơi xa. Mỗi hôm nắng sớm lên, đưa L. tới sở rồi về bên đường Gia Long, ngồi vào bàn viết vài giây, đọc vài tạp chí hay quan sát các tờ báo lá cải, tôi lấy xe gắn máy chạy vắn vơ. Thường thường nhiều đường bị kẹt xe. Tôi có tánh hay kéo xe mình lên lề lúc xe nghẹt; buổi chiều người cảnh sát kêu

tôi lại hỏi giấy tờ, tôi lo âu ra mặt vội trình thẻ thông hành ra. Trong nhà tôi, hai người khác nói với tôi đừng nên quên đem theo giấy tờ lúc ra đường; thường hơn, họ hay hỏi tôi về đời sống sung sướng nước ngoài. Hôm tôi ngồi với dì tôi để nói chuyện với khách, dì tôi có hỏi đến những người Việt Nam tại Paris, nghe mấy người khách tiếp rằng con cháu họ cũng ở Paris và bên Đức nữa. Sau cùng tôi mới đáp: “Người Việt bên Paris khó có tánh tử tế với ai”, tôi tiếp: “Họ mê cái gì cái ấy đều là cấp bằng và tiền bạc, nếu tôi không làm về sau nữa”. Dì tôi chưa rõ điều đó khi hỏi tôi về những gia đình đã quen từ bên này; tôi ít phạm tới cách nói ra lời và đôi khi lỡ lời; tới chừng nói ra tôi đều đặt kẻ tha hương đều là con chiên vật chất hóa, bi quan đến độ bi đát trong lòng. Trí nhớ về mùa đông bị dư thừa nơi đảo xa, rêu trong hoang phế, trí nhớ ấy đều làm tôi bắt đầu sau cơn ngủ quên luôn luôn. Một ngày xưa thói sử. Một chiều bé tấc trong chiến tranh, cái gì vô nghĩa hơn bện thành lời mỗi ngày mỗi năm. Ở xa Sài Gòn, ngày tháng tự nhiên leo lên cán dao, thủ phạm giết kẻ mang tin yêu bao giờ cũng nằm sát trong bóng tối.

Tôi đi phát phơ ngoài hàng ba Nguyễn Huệ, xem sách, xem áo quần người ta bán, xem phim đã cũ hay vừa phát hành, lần thần nhìn qua bùng binh, lấy kiếng đen ra đeo, mua ba bao thuốc Dunhill, bật diêm đốt lên trong nắng. Ý định tôi đều bị lặp lại khi băng qua cột cờ Thủ Ngũ, ngắm nước sông, nhớ mây vàng, ăn ba trứng vịt lộn, lo vơ vẩn vài xe tuần cảnh hiến binh Mỹ chạy qua. Buổi trưa nào nắng lên cao, mặt trời khó ai ngó mà không hắt hơi. Nhưng tới chiều Sài Gòn đương mờ đi với lửa nắng, sự mệt nhọc đều do và chẳng cần sự than thở nữa vào đêm. Người sống và chiến tranh ăn tham đều đều gieo trong tàn bạo chứ chẳng ngồi ở xó để gọi nền văn minh, lửa và nắng cháy hòa vào nhau trên mồ hôi họ rồi chạy xuống những đe dọa khôn cùng trong sinh kế loạn ly. Ít khi nào tôi vào phòng trà nghe nhạc như xưa kia, đêm và Sài Gòn lớn vồn mây phủ lan qua ác mộng. Nhưng mà tự nghĩ, kẻ hỏi rồi tả chân điều linh ngày mai cũng bắt đầu tối mặt, kẻ đi lên ngai

vàng đang mờ kể với đồng tiền bị khô máu trong kia. Tôi bội bạc đến nỗi hay huênh hoang báo chánh trị đều là chất áo mực đầy óc nhầy của mọi người từ khi mới lớn. Sự đời không thấy sinh sản ra giống thủy chung dù làm ăn mảy trong một trăm năm của đời sống. Con nhớ không cần lên tới đồi Bửu Long, ngày trước, tôi và sự yếu thế sa trong cánh cửa nhà tu, khu đồi chỉ còn nơi điều lụy nơi Biên Hòa.

Nắng chưa tàn, chiếc xe bị nổ bánh. Đường Hùng Vương nay đã đổi từ dốc cầu Thị Nghè xưa kia. Tôi nằm đốt thuốc, vừa tắt một bản nhạc Thái Thanh ca, giờ lại tạp chí Sáng Tạo, tìm vài người tôi ưng đọc, tôi đọc. L. hỏi tôi: “Nghe anh nói với em anh quen ông gì làm báo Văn đó anh? “Báo Văn anh có lại tòa soạn họ hai lần rồi, em coi đó”. Tôi chỉ mấy cuốn tạp chí mua hôm qua cho L., ở bên kia nhà chột nghe một người chửi tục. “Ngồi lên đi anh, thấy anh già hơn hồi trước. Ngồi gần em nghe anh?” L. đợi tôi ăn, tôi khen đồ ăn ngon rồi ăn khá nhiều. Ý trong đầu tôi đều rần rộ khi biết mình đã quên cơn đói Paris. “Em không thấy vài tạp chí mới khác khác hơn báo Văn sao?” L. đáp: “Gần như báo chí bị kiểm duyệt quá đi anh. Em không thấy.” Khoảng giờ giới nghiêm, xe ngoài đường dần ra bớt, không khí loãng kín vào tâm tư mà ban ngày thành phố sôi trên các dòng cuồng tâm. Lúc nghe vợ chồng nhà bên kia cãi vã, tiếng vài con dơi bị liệm bên sông, sông Thị Nghè, tôi ít ngó tới bàn tay L., khói thuốc Dunhill cháy ngày đêm trên hai lỗ mũi tôi, các giấc mơ ước ao đường đã thành cơn mù sang cửa biển nâu. Đêm nằm cạnh L., tôi lo con mắt L. bị co giật nhẹ nhẹ, tôi không ngủ nổi. Mùa mưa mùa nắng đến rồi đi, tôi đến đâu tôi về, tôi đi đâu tôi khổ sở. Sài Gòn khi nắng đổ ngay cánh cửa nhà L., cả bụi bạc hà bụi sả cũng làm tôi sợ bước tôi đi. Không khi nào trí nhớ xẻ thành một hương thơm lúc nắng hạ, toàn nghe tin chiến trường bắt đầu khai bằng nhục nhã.

“Mộng anh à? Mộng anh giản dị, một ngày hai bữa ăn, một vài người bạn thân, một sức khỏe như mười ba năm về trước, em coi anh ra sao?” Rồi tôi kể vài thời tôi có bạn

thân ở Sài Gòn, tôi mơ hồ nói xa về tình bằng hữu; tôi và cánh tay cứ bị run đi, bạn bây giờ không còn kiếm ra đâu nữa; làm sao kiếm khi mười hai năm đều nghe bão đánh vào nôi? Tôi ngồi lên ghế đặt trước sân nhà L., bụi sả đứng im và hai cây vú sữa đã bị đốn. Ba L. không hút thuốc lá như hồi xưa. Cách ăn nói đều dè dặt và hiền từ, điều tôi ái ngại mà đầy cung kính bên trong. Khi ba L. đi ngủ, tôi nghe bước chân L. đi tới rất mau, ngồi gần, úp mặt vào tay tôi. Trời có trăng. Trăng thì bị che vội trên mây đen. Bên ngoài cổng nhà, tiếng chó sủa mau, bọn cờ bạc ngoài kia như lo có lính bắt. Đêm khuya tôi bật đèn vì vài con chuột cứ chạy vào phòng cắn nhau, kiếm khúc cây thì chúng đã băng qua cửa nhà, leo lên mái nhà khác. L. theo nắm cánh tay tôi, nhưng đi qua chỗ võng, con chó bắt sủa vang. L. nạt con chó. Nhà bên kia con chó cũng giật mình sủa theo. Trăng đã khuất sau dãy nhà. Đầu sông Thị Nghè thoáng nghe chậm chạp tiếng rà của xe tuần tiễu.

Đi tôi kêu tôi đi Cần Thơ. Một tuần sau tôi lo âu xin về Sài Gòn sớm. Tới Phú Lâm tôi và hai người khác bị soát giấy. Vài xe nhà binh nhiều lính đứng chặn các xe vào đường, còn những người đi bộ hay xe máy đều cũng bị hỏi vài phút. Nặng trên các cây me rọi xuống mấy ổ đường hư. Bọn lính và bọn côn đồ khó phân biệt như rom và rạ bên ruộng khô. Nhưng khi ngồi ăn với nhau, đi tôi không khỏi không lo cho tôi về lính. Có hôm tôi đang ăn cá hấp trên đường Phan Đình Phùng, tụi côn đồ đập lộn nhau chạy ủa ngay chỗ tôi ngồi, tôi tránh và vấp vào nôi đồ ăn, chúng làm rơi khá nhiều chén đĩa lúc xô xát. Về nhà tôi tức giận chúng hơn vì chẳng phải là không lo không khí bữa bọn mình bị vướng. Chủ nhật trời khô. Đường vài con lạnh xa xa đưa về. Trên cao mường tượng các khoảng không bị mê lâu năm. Đi dọc Thảo Cầm Viên, ngó qua bên kia chợ, tôi nói: “Em nên bỏ theo đạo Công giáo cho rồi”, L. cười rất nhỏ, nắm chặt tay tôi. Nước sông có mùi một nhà xác bị che bằng hoa phượng cuối hạ vừa qua; người ta chen chúc nhau sống đông đảo, Sài Gòn và con tim đều phải vá bằng mùi than van, như kẻ dưới tỉnh không nghề làm còn nằm

ngủ rất mê lúc nắng xoay qua tiếng bom trong rừng núi.
 “Em thấy anh đổi khác gì không?” - tôi hỏi rồi gượng gạo
 ngo qua một dốc cỏ đang úa xanh, trên tóc L., mười năm
 về trước vẫn còn mùi của một giấc mơ rất trong, L. đáp:
 “Em thích anh đem em theo với anh. Ở nhà không vui đâu
 anh”; tôi tự dưng bị đau trong ngực. Tôi nói thêm: “Rồi
 cũng khó cho anh, em không biết sao?” L. nghe được và
 tay hơi run đi.

Tôi tới báo Văn lần cuối cùng. Hôm nắng khỏe, tiếng
 đường Phạm Ngũ Lão bịt kín hai tai; tất cả động văn
 chương đối với tôi không xoàng như một ý thức duy vật.
 Đầu đường đã phủ bụi rồi khói xô lên. Nắng làm cháy mồ
 hôi, sôi trong các ý buồn bã mà từ Paris tôi bị lão đảo.
 Đúng cho tôi, tôi không nhớ đủ biến thân của loài người,
 vật chất chỉ có nghĩa theo lời và đơn độc lúc bội danh. Ý
 thức rồi cứ trực vào cơn nhớ, nào là tiếng tiền gieo bên tấm
 thảm cỏ, nào là đổi thay trên căn diện tồn sinh, tôi đủ ý rồi
 tôi bắt đầu chua cay với các con đường đầy người cư trú.
 Họ than tiền, họ đau về số tử vi, họ tin một ngàn thứ lơ lửng
 trong gia đình họ đòi với nhau. Tôi bị quên. Paris và
 Sài Gòn không xa bằng cơn nắng gieo qua mặt sông ngày.
 Tôi gặp một người bạn làm văn, nói rất ngại như chưa
 quen, sự lơ là kia bấy giờ làm tôi thành kẻ tàn bạo trong
 bản thể. Tôi mất tự do từ lâu. Ngày sau tôi và L. đến một
 nhà in, tôi nghe người chủ bảo giờ đây kiểm duyệt, khó ra
 sách lắm. Gặp hai người viết văn khác, tôi chỉ nói được với
 L.: “Anh thích viết văn mà lâu quá không in ra được, em
 xem, lúc anh đi, chỗ nào in được em biên thư cho anh”.

Đêm kia, từ giã đi tôi về nhà L., tôi tới đầu đường Nguyễn
 Du bị chặn xét giấy tờ. Xe lính làm tôi bắt đầu lo ra, hỏi
 vài người quen thì họ cũng lắc đầu than với nghề họ không
 đủ sống yên. Đêm ấy tôi ca nhạc với L., tôi không cười với
 đứa em của L. biết gảy đàn Tây Ban Nha, rồi thì tôi ra đập
 con chó trong nhà để nó đừng sủa. Đêm về sáng tôi vẫn
 còn nghe tiếng nổ trên không dội ngay vào ngực tôi. Con
 chó sủa lớn hơn. Đàn dơi đã môi cánh. Thần lẫn và chuột
 đều kì cả kì cách gây tiếng động. Sáng ra, uống với tôi một

chút cà phê sữa, L. hôn lên mặt tôi nhiều lần để đi làm. Ba L. hỏi han tôi về sức khỏe. Tôi đáp không có chi đâu và lát sau, bị quên tiếng cảm ơn theo thói Paris làm tôi ngượng. Nắng lên rồi nắng bạc xuống Sài Gòn. Chỉ trí nhớ thiếu một ám ảnh thần linh trên tiếng tim. Rồi tất cả bị mệt. Trí nhớ khô mà tâm hồn bụi ám. Sau các giác quan tạo ảo ảnh, thân và hơi thở bị nghiêng trên sông Đồng Nai. Nắng đi vào giọt mồ hôi tôi còm. Nắng reo ở đầu mũi thuốc súng. Những bản nhạc vô ý kia và vọng cổ tuôn mịt mờ theo tin chiến sự. Bầu trời không lộ một tuyệt đối bên cổng cây xanh, những lần nắng rụng thêm hoa phượng, chim sẻ hót liên tu, tìm con bồ câu chỉ hiểu Paris mới có. Những màu áo nữ sinh sữa soạn một mùa thi đã trôi qua, mong đợi sau cánh áo đức hạnh nào bấy giờ cũng phải hỏi tới cửa sau của căn nhà bị đốt, tiếng cướp xé đã lẫn trong sắc dương liễu đời xưa. Nắng không mờ những lối nhựa rỗ xe Honda, ngã ba ngã tư chịu mòn cùng khói và bụi, cùng tiếng bỏ bom vụng về; lính, lính, trai trẻ, gái trẻ, tiền, cái gì nữa sau đó đều xoáy như bên tâm linh đã thủng sâu lẫn máu đỏ bầm ở cuối một chiều tiếng tim bắt đầu loảng xa qua vòng không ảnh.

Đêm nọ trời mưa rào, tôi bắt đầu lên cơn ho và bị sốt. Ba L. khuyên tôi nên uống thuốc đi. Tôi lắc đầu, tỏ ý không bằng lòng lời khuyên. Đêm L. rờ ngực tôi tới thiếp ngủ. Con mệt đẩy tôi kết thành từng dây nhợ tối tăm, suốt đêm tôi khô cổ, đốt liên miên thuốc lá đến khi gà gáy sáng nhà sau. Những ngày khác, tôi kêu L. đi hoãn ngày về Paris như vé máy bay ghi trên đó. Con gió đêm tháng mười một nhuốm bão biển xa. Giữa một ảo vọng lạc loài, tôi và đám lá me bắt đầu xa cách. Sài Gòn cũng nắng và ồn ào nhiều hơn. Nhưng Paris cũng đau và buồn khổ hơn. Ngày thành cơn đói và ngày đời ồ ra như cơn nôn. Tánh bị quan khó làm tôi nhấn gửi ai khi cầm viết. Giữa tôi với số mệnh cầm bằng sợi tóc cháy khét trong quan tài. Còn lại hơn tuần, đi ngắm các tiệm sách quen, mua vài cuốn sách mỏng, sách dịch cùng suy nghĩ mình sẽ còn gì nữa trên cơn nắng đau đau. Mùa mưa mưa nhiều. Mùa mưa cũng nắng

đầy Sài Gòn chó đâu.

“Em lo lắm anh, Paris anh không có ai thân. Biết làm sao đây anh?” Nghe L. rồi, tôi không hát nữa; kéo tóc L. bảo L. ca cho tôi nghe đi. Nắng chưa dứt. Một bầu trời lơ mờ những ác mộng về sau. Nắng ở đâu mà Sài Gòn la lối như binh lính về thành? Trong bữa ăn, L. bật rung nước mắt, kín đáo đi ra rồi trở vào với tôi. Cả hai tôi chỉ còn bước đi trên các vỉa hè bán buôn nhiều đồ xa xỉ Mỹ Châu cùng các tiệm sách trước kia tôi quý. Đêm nào đó gần giới nghiêm, tôi thoáng thấy một kẻ bị xe đụng nằm ngay bên lề đường, mọi người tới chỉ hỏi làm sao đó đồng lúc một chiếc xe chở heo chạy ngang qua. Tôi bỏ vào nhà, mùi cứt heo làm tôi bị ho một cách vô khoa học. Năm gần tôi, tóc rơi buồn bã, L. không nói nhiều nữa mà như cố nhớ đã sửa soạn đồ đạc gì cho va-li tôi. “Anh hứa biên thư về em đều đều nghe anh? Em chờ anh để em qua Paris với anh”. Tôi nói Paris khá thì đời sống vui. Khá hơn sống sướng và dễ quên. Nhưng đêm đã đây. Sao trời ứa ra một mộng đời vô vọng. Cách đó xa xôi hơn, tiếng nổ chưa lại chỉ làm rõ những trò chơi không cần sự bắt đầu, các động từ trở nên bão rít. Tôi và Sài Gòn là cơn nắng của mùa mưa. Lá me, lá phượng vĩ, con ve sầu. Tôi và L., tôi và Paris ban đầu khó nhận ra nhau, hai tôi ở trong một cơn nắng mà chất khói bay từ nhựa thuốc lúc về đêm - xa thì xa quá, gần thì ôi thôi, nắng và hoa đã vòng xuống một chiều sâu vô chừng nơi Tây Tạng.

Hôm sắp lên phi trường, lính xét giấy tôi, tôi lo hơn, tôi nói: “Tôi sắp về lại Paris, đâu có còn ở đây lâu đâu”. Buổi trưa đi tiễn tôi, dì và L. thấy tôi còn ho nên rất thương hơn khi từ biệt. “Con coi con mệt vì đâu, con?”; tôi ngỡ dì tôi quên Paris, nhưng L. nói: “Dì ơi, anh bị buồn gì đó bên kia đó dì”. Rồi lúc bước ra trường bay, tôi chợt nhớ nắng đã ran cả phần lưng. Không có mây gió mà nắng đùa rất đau đôi lỗ tai. Trên máy bay tôi bần thần đánh rơi một tập báo Văn, lúc lượm lên, tay tôi chạm vào mâm đồ ăn cũng đổ theo luôn. Một lúc tôi bật nói nhỏ: “Đụ má chúng mày”; hơi thở với con người bắt đầu leo lên một chỗ nhiều mây

trắng. Sài Gòn không biết tôi có mặt một đêm sau chiến tranh. Và Paris, trời, tôi lập lại: “Đụ má chúng mày”. Tôi vốn còn trí nhớ khi tôi ở sâu trong một ác tà lửa cháy miên man.

Nh. tay ngan

<http://www.gio-o.com/nhtayngan.html>

SÁNG TÁC MỚI

TRẦN BANG THẠCH **BÓNG TỐI NGỌT NGÀO**

Buổi chiều cuối tuần, bệnh viện thật vắng vẻ. Các băng đá trong sân bệnh viện cũng nằm ủ rũ dưới tàn cây. Trời vừa chớm thu. Lá chưa thật sự vàng nhưng người ta đã thấy vài chiếc lá chết rơi ơ hờ trên ghế đá.

Những ngày cuối tuần bệnh nhân thường được thân nhân đưa về nhà để đoàn tụ với con cháu. Mấy tháng đầu khi mới đưa vợ vào đây, ông Kim cũng rước bà Kim về nhà hai ngày cuối tuần. Nhưng từ hơn ba tháng nay bà Kim không chịu về nhà. Bà không nói lý do gì hết, bà chỉ không chịu bước lên xe. Nài nỉ cách mấy thì bà cũng chỉ mỉm cười, làm thinh, ngó về hướng khác.

Ông Kim chú ý từ vài tháng nay vợ mình thích ra nơi công viên hơn là nằm trong căn phòng bệnh viện. Tại công viên bà Kim hầu như quên hẳn người chồng đang ở bên cạnh; bà còn có vẻ như không thích có ai ở gần để bà thông thả đi từ gốc cây này qua bồn hoa khác, lượm hòn sỏi này, nhặt chiếc lá kia. Có lẽ những chú sóc con trên cành cây hay những con chim sáo đậu trên các thành dựa ghế đá làm bà Kim thích thú nhất. Bà rón rén đến gần, nhỏ nhẹ nói chuyện với từng con. Chúng bay chuyền trước mắt bà như mời bà cùng chơi trò cút bắt. Có con chim vụt bay mất khi nghe tiếng chân bà từ xa khiến bà ngồi buồn trên ghế đá. Những khi ấy thì tốt hơn hết là ông Kim nên đứng xa mà

nhìn niềm vui lẫn nỗi buồn của vợ mình.

Hôm qua bà Tâm nói với ông Kim là chiều nay bà sẽ ghé bệnh viện. Đây không phải là lần đầu. Bà Tâm vẫn thỉnh thoảng ghé thăm vợ ông tại bệnh viện. Nhưng hôm nay thì tình cảnh hình như có cái gì khác. Hồi sáng, trên giường bệnh, bà Kim bỗng nắm tay ông Kim nói: *"Bỗng nhiên em muốn anh trở thành một con chim đi tìm một cành cây khác"*. Ông Kim chưa kịp suy nghĩ hay có một phản ứng nào thì bà Kim đã nói chuyện trên trời dưới đất, chuyện nào chẳng ra chuyện nào hết. Bà đã trở lại trạng thái nửa tỉnh nửa mê mất rồi. Vợ ông đã nghĩ gì trong một giây tỉnh thức để phát ra những lời nhắn gửi ấy? Ông Kim gọi điện thoại báo bà Tâm đừng đến bệnh viện hôm nay. Ông không nói là vì lý do gì. Thật sự thì ông cũng không chắc những gì ông đang nghĩ.

– Ông này kỳ há. Tuần rồi em đã không đến được thì hôm nay phải đến chứ. Lâu không gặp cũng thấy nhớ, không biết nó xanh xao vàng vố đến cỡ nào. Phải làm mấy món ăn chơi cho con nhỏ nữa, kéo nó thêm mà ốm o gầy mòn.

Bà Tâm vẫn hay chuyện trò thân mật như vậy, nhất là đối với bà Kim, người bạn gái mang tên Hồng rất thân từ thời trung học.

Ý muốn của bà Tâm nghe thật đơn giản nhưng hôm nay biết đâu sẽ có nhiều phức tạp. Đi tìm một cành cây khác? Vợ ông đã nghĩ tới điều gì đây? Bà đã biết hết những gì đang reo âm ỉ trong lòng ông? Tự dưng ông Kim ước ao trên đời này không có người đàn bà tên Tâm ấy; hay nếu có thì chỉ là người xa lạ với gia đình ông. Đàng này tự nhiên dòng đời đưa đẩy để hai người đàn bà ông yêu cùng có mặt trong đời ông ở cái buổi chiều xế bóng này; lại đang lúc vợ ông đau yếu.

Đầu óc ông Kim bây giờ sao quá rối bời. Cả tháng nay cuộn chỉ rối trong đầu óc ông càng ngày càng rối. Nhiều chuyện để suy nghĩ quá. Hết điều nọ xọ điều kia.

Ông suy nghĩ rồi quyết định. Quyết định rồi thay đổi. Bà Kim đang ngồi đó, trên chiếc băng đá dưới gốc cây sồi có tán lá rộng như cái dù giương trên cao. Chắc chắn vợ ông không giúp gì được cho ông rồi, bài toán khó quá. Một chút nữa đây bà Tâm sẽ đến. Ông Kim biết rõ tánh ý bà Tâm từ mấy mươi năm trước, khi hai người là đôi bạn nhỏ rồi khi lớn lên hai người yêu nhau. Mấy mươi năm sau gặp lại, người tình năm xưa vẫn dịu dàng, mềm mỏng, tánh tình đơn sơ, mộc mạc, hết lòng hết dạ đối với người quen kẻ thân. Dường như tánh tình người đàn bà ấy cả đời cũng chẳng có một chút thay đổi nào. Còn ông, con đường sắp tới sẽ đưa ông đi về đâu? Bài toán khó này chỉ một mình ông là tìm ra đáp số, không ai khác, càng không thể từ hai người đàn bà đang có mặt trong đời ông. Từ đây hành lang bệnh viện, ông Kim ngó ra phía cổng. Bãi đậu xe cũng thưa thớt. Ông không chờ nhưng mắt vẫn trông về hướng cổng. Chắc cũng đã gần đến giờ người đàn bà ông không mong sẽ đến.

Ở xa xa, bên cánh trái hành lang, trong bộ áo choàng trắng bà Kim ngồi đó như một gốc cây trụi xám ngắt, chỉ có đôi chân quơ qua quơ lại trên mặt đất như đang vẽ tranh, đôi tay thì khoanh tròn trước ngực. Mấy chú sóc, chú chim đi đâu hết rồi. Từ xa, ông Kim không thấy được đôi mắt vợ mình đang nhắm hay đang mở, thường thì bà nhắm mắt. Những khi tỉnh táo bà than phiền với ông là nhiều khi bà thấy đầu óc bà tối mò, dù có mở mắt cũng không biết mình đang thấy cái gì, tốt nhất là nhắm mắt cho thoải mái. Với đôi mắt nhắm và chỉ có đôi chân di động tới, lui, lòng vòng trên mặt đất quanh chỗ ngồi là bà có thể đi thật lâu, thật xa. Bà không nói bà đi những đâu và tưởng nghĩ những gì. Dù có gạn hỏi thì bà cũng không biết trả lời ra sao, nhiều lắm là chỉ ậm ậm ừ ừ rồi tâm thần trở lại trạng thái ngu ngơ trong cái xác không hồn. Từ hơn năm nay bệnh lẫm trí của bà Kim trở nặng, lúc tỉnh lúc mê. Bà Kim như đứa trẻ, lúc nhớ, lúc quên; mới chuyện trò thân mật với chồng rồi ngay sau đó bà chuyển câu chuyện sang

một đề tài hoàn toàn khác, không dính líu gì đến ông chồng đang đi bên cạnh, bà cũng không biết người đang nắm tay mình là ai. Ông Kim trách con bịnh ngặt tới với bà Kim quá sớm. Ở tuổi sáu mươi bà Kim bỗng nhiên bị mất hết tất cả sáu mươi năm sống đã qua và phần đời còn lại bà sống từng ngày trong cái chết. Những con, những cháu bà thương biết bao vậy mà lắm khi bà có nhận ra đứa nào đâu. Vò đầu thằng cháu ngoại mà cứ hỏi nó là con ai. Nhiều khi thấy vợ ngồi khóc ngon lành trên ghế đá mà ông không hiểu vì lý do gì; cứ làm ngơ để bà sống trong thế giới của mình.

Nghĩ tới vợ rồi ông Kim bỗng nghĩ tới mình. Ông muốn quên tất cả những gì đã xảy ra cho ông từ hơn một năm qua. Ông muốn mọi chuyện tan biến hết để tình cảm của ông không có một chút nào thay đổi. Dự báo thời tiết nói cơn bão đang ở ngoài khơi vùng Vịnh, đêm nay sẽ có cơn mưa to. Gió bây giờ thổi mạnh hơn. Trong ánh sáng của mấy ngọn đèn trong sân, ông Kim thấy mái tóc dài buông xõa của vợ mình bay theo chiều gió. Gió, gió hãy cuốn đi chuyện tình cũ bỗng trở lại từ năm qua. Chuyện tình ơi, hãy như là những xác lá khô nằm yên đâu đó trong vương vườn cỏ tích, hay là những thân lá ép kỷ niệm học trò trong tập lưu bút ngày xanh. Tâm, tại sao mình gặp lại làm chi để cả ba người chúng mình rơi vào một tình cảnh éo le? Thế giới rộng lớn quá mà, sao mình còn gặp lại trên mảnh đất xa xôi này làm chi? Từ bao năm nay, cuộc tình đã có nơi trú ngụ trong mỗi góc đời của mình rồi mà. Em thì vẫn như hồi nào, từ hơn bốn mươi năm nay vẫn ôm ấp một tình yêu đã mất, một mình mình biết, một mình mình hay. Nghĩ mà thương em hết sức. Tôi thì đang dật dờ giữa mộng và thực. Gần cuối đời rồi mà sao tôi còn đi dây giữa tình nghĩa vợ chồng và mối tình vừa trở lại. Từ ngày rời xa em, hơn bốn mươi năm nay có khi nào mà tôi không tưởng nghĩ đến em. Gặp lại em tôi như đứa bé vừa tìm lại món đồ chơi thân yêu bị đánh mất. Tôi không biết hiện tại tôi đang yêu em hay yêu một mối tình của thời mới lớn. Hay là tôi

đang tiếc thương từng giọt máu ứa ra từ trái tim thương tật của em hơn bốn mươi năm trước, khi tôi vội vã bỏ đi? Tôi biết tôi không là người tình tốt của em và không còn là người chồng chung thủy với vợ, tôi đang nhả tâm cửa những vết dao trên tâm thức bệnh hoạn của người đã sống với tôi hơn ba mươi năm nay.

Trong tôi bây giờ sao có quá nhiều tiếng gọi. Và tôi không tìm được một tiếng trả lời!

Một chiếc xe đang tiến vào cổng bệnh viện. Trời nhá nhem tối nhưng ông Kim cũng biết đó là xe của bà Tâm. Ông rời hành lang tới chỗ bà Tâm đậu xe. Đằng kia bà Kim vẫn khoanh tay ngồi trên băng đá, chân vẽ hình trên đất, mái tóc của bà bây giờ bao phủ cả mặt, làm thành một vũng đen trên màu áo trắng bệch. Một luồng gió làm mái tóc bà Kim bay ngược về phía sau, làm thành một dòng sông đen. Dòng sông uốn lượn như sóng tràn bờ.

– Em từ nhà anh đến đây. Mâm cơm tối đã sẵn ở nhà. Chốc nữa anh về ăn một mình nhé. Em dùng rồi.

– Cảm ơn em. Nhọc nhằn em quá.

– Em có làm cả chút “sương sa” cho Hồng, ăn cho mát. Lại có cả món canh bầu mà Hồng rất thích. Em đến thăm Hồng đây. Gặp anh sau.

Bà Tâm đi về phía bà Kim. Ông Kim trở vào hành lang bệnh viện. Ông không muốn nghe hai người đàn bà ông yêu sắp nói những gì. Có thể họ không nói gì hết về cuộc tình tay ba này vì vợ ông thì chắc không nói gì sau khi đã xa xôi, bóng gió nhả gởi mấy lời cần thiết với chồng mình; còn bà Tâm thì cứ vô tư như đang sống trong mối tình đơn phương mà bà đã đeo mang từ khi ông Kim bỗng rời xa thành phố. Khi mới gặp lại nhau sau mấy mươi năm xa cách, bà Tâm không ngại ngần gì mà không thổ lộ tâm trạng mình khi vợ chồng ông Kim hỏi về gia cảnh của mình:

– Thì vẫn một thân, một bóng. Sống như vậy cũng

hạnh phúc chán!

Hơn một năm trước đây, khi gặp lại vợ chồng ông Kim, bà Tâm reo vui như con nít. Rồi họ tới lui, thăm viếng nhau hàng tuần. Những kỷ niệm cũ làm họ thân thiết như người một gia đình. Khi biết bệnh tình mình trở nặng phải thường xuyên vào bệnh viện, bà Kim nhờ bà Tâm tới lui lo cơm nước cho chồng mình và chăm lo nhà cửa. Có lần hai người bạn gái nói đùa với nhau:

– Ê Tâm, mi đơn thân độc mã, sao không về đây mà ở cho vui. Thấy mi lo lắng cho tụi tao cả năm nay mà bất thương.

– Tao không làm thí công cho mi hoài đâu. Tao lo là lo cho con bệnh của mi và lo cho ông chồng già lão tội nghiệp của mi đấy. Dại gì mà làm "nanny" thường trực. Phải trả công bội hậu đấy nhé.

– Thì trả công bằng cái ông Kim già nua ấy, chịu không?

– Có mà thêm vào!

Rồi hai người bạn cười ngất như thời trẻ tuổi. Ông Kim cũng thấy vui lây.

Anh yêu dấu,

Em biết phải nói làm sao để anh tin những lời này? Nghe em nói đi anh. Em đang rất là tỉnh trí. Người bác sĩ vừa ra khỏi phòng với ánh mắt đăm chiêu, dường như ông muốn nói với em điều gì. Cô y tá vừa chích cho em mũi thuốc an thần. Em đang rất tỉnh. Em phải nói chuyện với anh trước khi một giấc ngủ dài có thể đưa em đi thật xa. Đi xa anh mãi mãi. Không xa hôm nay thì cũng ngày mai, ngày mốt, ngày kia. Không lâu lắm đâu anh.

Như anh biết đó, em vẫn hay nhắm mắt để sống cùng bóng tối. Trước hết bóng tối là của em, em muốn sống

trong bóng tối của mình lúc nào cũng được, không phải đợi đến đêm về. Nhắm mắt lại là em sống với con hẻm nhỏ ở khu cư xá Chí Hòa, nghe tiếng bánh sắt ngọt ngào nghiêng trên đường rầy và nghe hoài thành ghiền tiếng còi tàu mỗi sáng mỗi chiều để nghĩ tới những chuyến đi xa. Nhắm mắt là em thấy anh, người gia sư quần xanh áo trắng, mỗi chiều dựng chiếc mobilette nơi hàng ba nhà em, rồi bên kia chiếc bàn học, anh ngồi đối diện với em, em thấy trên đôi tròng kính cận dày mo của anh có đôi mắt em đang nhìn anh giữa những sin, những cos, những phương trình của bài đại số. Bóng tối có khi cũng cho em thấy lại những phút sống muộn phiền khi em tình cờ thấy anh tay trong tay với người ta trên hè phố Lê Lợi. Có một điều em cần nói với anh đây. Anh vẫn đang nghe em phải không anh? Bóng tối nhiều khi rất ngọt ngào, thơm tho, đầm ấm và vô cùng hạnh phúc anh ơi. Đó là khi bóng tối phả vào khắp cả châu thân em, luồn vào từng mạch máu em hơi thở người chồng bên cạnh. Hơi thở của anh đó. Nhắm mắt để được sống bên anh hằng phút, hằng giờ. Anh đi đâu, anh nghĩ gì thì khi nhắm mắt em vẫn có anh bên cạnh. Không ai chia sẻ được điều này với em đâu anh ạ. Từ lâu em biết anh không quên mối tình cũ. Bốn mươi năm tình cũ của anh làm sao có mặt được trong bóng tối của em khi em nghĩ về người chồng thương yêu của mình. Không gian, thời gian và con người chẳng làm gì chi phối được bóng tối của em. Bóng tối của em chỉ có một mình em là bạn. Em chơi với nó. Em sống yên vui, nồng nàn với nó.

Như vậy thì, anh yêu quý, ba mươi năm qua em vẫn hay nhắm mắt để sống cho mình. Em ích kỷ quá phải không anh? Em biết ngàn ấy năm sống bên em mà tình cảm anh trôi về hướng khác; có khi rất mật mù, xa lắt, xa lơ. Biết vậy mà em vẫn như người vô tâm, không một lần cố gắng nào để vun phân, tưới nước cho cây tình nghĩa vợ chồng mình. Chưa một lần làm người trồng bonsai chuyên nghiệp hướng dẫn những lá cành để cây bonsai tình yêu trở nên tươi tốt trong căn nhà êm ấm của chúng ta. Anh thì

vẫn sống ba mươi năm tội nghiệp bên em và hơn bốn mươi năm âm thầm, ngậm ngùi tiếc thương mối tình đã mất. Còn em thì dè sẻn từng chút bóng tối để sống thênh thang hạnh phúc với hơi thở ngọt ngào của anh.

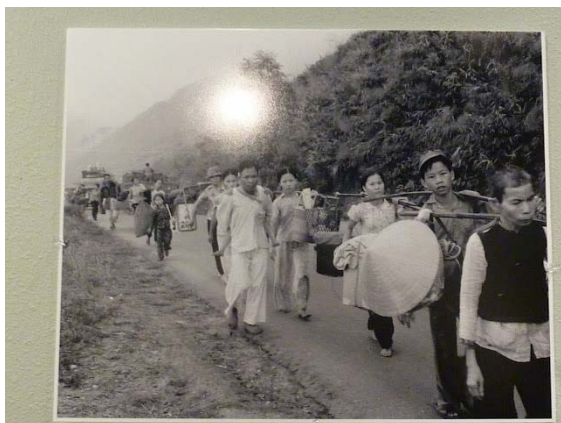
Bóng tối rồi sẽ tàn. Một ngày nào cái nhắm mắt cuối cùng của đời em sẽ tới, sẽ vùi trong huyết mộ. Người ta giấu dĩ vãng trong cái chết; còn em thì sống với thế giới ngọt ngào của mình, sống hoài cái hạnh phúc của riêng mình dưới những đêm sâu. Ngày rồi sẽ lên. Ngày lên để ánh dương rực rỡ chiếu sáng một mối tình, làm cho nó hồi sinh sau bốn mươi năm nằm ngủ trong giấc mơ dài. Anh, anh hãy đón lấy ánh sáng ấy và sống lại một thời đã mất.

Em không vĩnh biệt anh mà vĩnh biệt sáu mươi năm ánh sáng của em, ngay từ bây giờ. Thừa anh, anh yêu dấu.

Hồng

TRẦN BANG THẠCH

Đặng Kim Côn Tuyệt Lộ



... **T** rời nắng khùng khiếp, cái hàng một của đoàn người đi tản coi bộ không còn chặt chẽ, linh hoạt nữa. Họ gồm cả mấy ngàn người, đa số là thường dân và chừng vài trăm quân nhân đủ các binh chủng, từ Tây Nguyên thất tán về, vừa được tập hợp lại, dưới sự chỉ đạo của một sĩ quan cao cấp nhất còn lại ở nơi này, hướng dẫn né trục lộ chính, đi vòng vào trong núi, dự trù bọc sau lưng các trận đánh đang diễn ra ngoài đường chính, cũng như những hòng súng đang hăm hở dồn ra đó, chờ đợi những “chiến lợi phẩm” bất ngờ, mà may ra, những người đi tản nhếch nhác kia còn chưa bị mất mát ở dọc đường.

Đã mấy ngày họ lại tiếp tục hoang mang, rời rã bước. Nhiều người phải chậm lại vì mệt hoặc người nhà bị đói khát quá sao đó, cũng có người còn khỏe thì vượt lên phía trước. Những người còn đi được thì cứ đi, không kịp có thì giờ thương xót hay hỏi han một ai đó ngất xỉu ven đường do kiệt sức, hay đau bệnh. Nhiều người cầm đầu cầm cổ đi, khi dừng lại thì người thân của họ lạc đầu mất. Cũng có người nói người thân của họ mới chết, nhưng tất cả không ai còn được giọt nước mắt nào.

Mọi người càng lúc càng đi sâu hơn vào trong núi, cây cối mịt mù, không thể thấy nhau trong vòng năm, sáu mét. Suốt cả ngày họ không gặp nước uống, có đến hơn tám mươi phần trăm của đoàn người là không có mang theo bình đựng nước. Người ta nói mấy ngày qua, nhiều người đã từng đổi cả lượng vàng lấy một lon guigoz nước uống mà cũng không được.

Thêm nhiều người nữa không tiếp tục nổi hành trình. Một điều lạ (hay may?) là suốt mấy chục cây số đoàn người không ai đạp phải mìn bẫy, con rắn dài mấy cây số này cũng chẳng khúc nào gặp Việt cộng, chỉ có thỉnh thoảng nghe được ở những khúc đầu, đuôi bất chợt nào đó tiếng trực thăng hạ xuống và bay lên, những người biết chuyện họ nói là trực thăng trong mấy ngày qua đã bốc khắp núi rừng tốp năm, tốp bảy những ai may mắn phi công phát hiện được, nhất là gặp lúc họ đang đứng ở vị trí có chỗ đáp.

Nhiều người trong đoàn, do lúc nhanh lúc chậm, đã kể cho mọi người biết là vừa rồi, trước đó mười, hai, ba chục phút gì đó, một vài nhóm người khi phía trước, lúc đằng sau, hoặc đâu đó đã được trực thăng bốc đi. Không nhất thiết phải thuộc thành phần nào, dân quân quan lính gì cũng không ra ngoài sự chọn lựa của may rủi.

Chu cùng hầu hết các sĩ quan, đi cùng bộ chỉ huy, dưới sự hướng dẫn của một vị Chi khu trưởng, “Tổng Tư Lệnh” lúc này. Không ai biết chuyện gì đã, đang và sẽ xảy ra.

Cái máy PRC25 từ chiều hôm trước đến giờ không còn liên lạc được với ai. Người lính mang máy truyền tin rên rỉ với Chu:

-Máy móc làm gì nữa Trung úy! Em chịu hết nổi rồi.

Nhìn nó phờ phạc, vừa nhếch nhác bước vừa lấy tay lau mồ hôi, Chu cố động viên nó:

-Ráng chút nữa lên đỉnh coi sao.

-Đỉnh gì nữa Trung úy, người ta đi hành quân đâu phải lúc nào cũng nằm trên đỉnh.

-Hay có hết pin không?

-Dạ đâu có phản tai, phản chủ vậy, ông thầy. Mới có hơn

ba ngày chớ mấy. Em quăng cái cục sắt cà chớn này cho rồi, Trung úy?

-Ai phản nó chớ nó có phản ai đâu. Chịu hết nổi thì cũng đành vậy biết sao.

Được lời như cời tác lòng, anh ta tháo máy ra khỏi vai. Bất chợt anh ôm chặt cái máy, ngậm ngùi, rồi cũng... phải thế thôi. Anh quăng cái máy PRC25 vào bụi cây ven đường và cúi đầu đi.

Ngọn đồi không cao, nhưng cứ lên hoài, lên hoài cũng phải hơn cây số. Bất chợt có người hỏi Chu “Trung úy có phải là Thiếu úy Chu hồi trước ở... không?”, không kịp cười với câu hỏi “Trung úy có phải là Thiếu úy...” Chu quay lại nhìn, dù chưa kịp nhận ra ai, nhưng anh cũng không thể không thấy một cô gái đẹp, khá đẹp là khác, với gương mặt đỏ ửng vì nắng đang ỉ ạch trên vai một chiếc va-li. Có lẽ, đó là tất cả những gì quý giá nhất mà cô có. Bình thường những thứ ấy là của cải giúp cho đời sống của mình, nhưng lúc này, Chu nghĩ, mình có thể chết vì nó. Thấy Chu có vẻ suy nghĩ, cô ta nhanh nhẩu:

-Em là Kim Lan, Quán Nhớ...

Chu mừng rỡ:

-Ồ, Lan. Thiếu tá sao rồi?

-Dạ, cậu Chánh đi học tham mưu gì ấy. Mợ cháu em chạy chung, xe bị chặn đánh ngoài đường lớn, kính lằm, người ta kéo em nằm rạp xuống đường, đạn như mưa trên đầu, và máu ở đầu tuôn xối xả vào em, em tưởng mình bị gì, may quá, rồi mạnh ai nấy chạy, em giạt vào đây...

May quá, dự tính ngày thơ ban đầu của Chu cũng là chết hết mọi thứ cần thiết lên xe, khi cần, cứ đường chính mà chạy, gặp giặc thì đánh, không qua được thì chết. Thật quá đơn giản. Và nếu cứ theo kế hoạch đó, không biết bây giờ mấy thầy trò Chu đã ra sao!

Chu cũng có một chút quen biết Kim Lan, trước đây hai năm, còn ở thành phố Tây nguyên đầy ấp tình thân ấy, anh cũng hay lui tới quán café Nhớ của cậu nàng, cũng đôi lúc ngẩn ngơ nhìn theo bước chân rụt rè của cô nữ sinh lớp chín, e ấp chiếc cặp da với tà áo dài trắng ngoe nguẩy băng

qua giữa hai hàng ghế của khách café, mỗi sáng sáng trưa trưa chiều chiều đi học hoặc tan trường về. Có lần, tình cờ gặp lúc tan trường, Chu dùng chiếc Jeep, mời hết mấy cô lên xe, đưa về, trong đó có Kim Lan. Cho đến năm sau, Chu bị thương nằm bệnh viện, bạn bè anh đến bệnh viện đưa anh ra quán để thưởng thức đêm thơ nhạc, bất ngờ, một người quen trong ban tổ chức, không biết là có biết Chu đang ngồi lặng lẽ với đôi mắt không thấy đường, trong một góc hay không, đã đọc một bài thơ của Chu, gọi là “vì người hùng chiến trận”. (Lúc đó thành phố nhỏ này bình yên quá, nên sự kiện bị thương của Chu đã làm xôn xao cả thành phố. Hôm máy bay tải thương Chu về đến phi trường, một kỷ niệm nhớ đời là không biết người ở đâu mà đến đón đông như đón... quan lớn. Rồi từ phi trường, họ theo về bệnh viện, họ làm gì mà Chu nghe bác sĩ, y tá la lên: “Mấy người thương kiều đó là hại chết người ta. Giãn ra cho chúng tôi làm việc giùm chút đi...”).

Và nếu không có cái bài thơ của Chu được anh hoạt náo viên đọc, không có tràng pháo tay cuồng nhiệt sau đó, bạn bè Chu đã không hào hứng dìu Chu lên “sân khấu” đập cánh, ngâm một bài thơ nổi tiếng của Hữu Loan, đã được Phạm Duy phổ nhạc trước đó: Mầu Tím Hoa Sim. Có phải vì được tán thưởng, được yêu cầu “bis, bis” không mà hôm sau, Kim Lan mang quà đến bệnh viện thăm anh, thỏ thẻ là “mấy hôm trước em cũng có theo bạn bè đến, có hôm đi học về em cũng có ghé lại đây một mình. Anh cứ thêm thiệp hoài, kinh quá”.

Từ đó, ngày nào Kim Lan cũng đến, ở lâu hơn, không chỉ thăm mà còn chăm sóc cho anh ăn uống, dìu anh đi đứng hoặc dạo ra sân hóng mát. Năm đó Kim Lan học lớp mười. Sau đó người ta chuyển Chu đi quân y viện, xuất viện, rồi thuyền chuyển.

Con gái mỗi ngày mỗi lớn, hơn hai năm qua, trong trí óc Chu, Kim Lan vẫn chỉ là cô nữ sinh, hư ảo trong tà áo trắng học trò lớp chín, ngay cả năm lớp mười nàng đến thăm Chu đã lớn thế nào, đôi mắt mù năm ấy cũng chẳng lưu lại được chút hình ảnh nào mới hơn của nàng.

Thấy Kim Lan vừa nói vừa thở, có vẻ đuối sức lắm rồi, Chu đỡ hộ nàng cái va-li mà nàng đang vật lộn với nó, Kim Lan tha được vào đến đây cũng là một kỳ tích. Ngay cả Chu, đi ngăn ngăn còn may ra, đường dài e phải cậy vào một sức mạnh bí ẩn nào đó. Nếu là cái gì của Chu thì chắc mấy ông lính đã dành mang cho ông thầy, đằng này Chu tự nguyện lãnh nợ vào thân thì ông thầy cứ ráng mà gồng đi. Đã vậy, Kim Lan còn bám cứng lấy Chu, hai tay nàng bá cổ chàng, lết theo như một cái xác không hồn.

Trời đã oi mà lại không có gió. Phải gần cả tiếng đồng hồ mới tới đỉnh. Có lẽ cũng đã hơn 3 giờ chiều. Mọi người dừng lại cạnh những tảng đá và những gốc cây lớn, bên một con đường mòn nhỏ chạy xuống chân đồi. Lên được thì xuống chắc nhẹ nhàng hơn.

Nhưng chẳng đường lặng tĩnh bí hiểm phía trước đòi hỏi phải tỉnh táo và khỏe khoắn, mà cái bụng nước vừa dự trữ dưới suối đã hóc hác tuôn theo những giọt mồ hôi nên mọi người đều hạ ba-lô, va-li xuống để nằm, ngồi nhắm mắt dưỡng thần lấy sức. Chờ cho Kim Lan uống xong mấy ngụm nước từ chiếc bi-đông Chu đưa, anh xé bao gạo sấy duy nhất, mà trước đó anh nguyện chỉ đựng tới khi nào sắp phải chết đói, trút lại một nửa vào túi áo treillis của anh, còn thì Chu đưa hết cho Kim Lan, Kim Lan gói đầu lên va-li lim dim nằm bên cạnh, lờ mờ bốc từng nắm gạo sấy nhỏ đưa lên miệng nhai.

Chợt, hàng loạt đạn chất chúa và những tiếng “xung phong” thẳng thốt rít qua tai, nhiều xác người đổ ập ngay trước mặt Chu, anh chụp lẹ tay Kim Lan, hốt hoảng lao đại xuống vực sâu sau lưng họ, nhìn lên thấy cao chừng hơn ba mét, chón chờ những tảng đá to, chất chồng lên nhau. Chu không sao, nhưng Kim Lan thì không đứng lên nổi, chân nàng bị trặc hay gãy sao ấy, và bên cạnh họ, cùng bị rớt xuống, một anh lính khá to con, bị đạn xuyên qua đùi, máu trào ra thành vòi. Chu tháo gói băng cá nhân duy nhất băng lại cho anh ta, và động viên anh:

-Tiếng la không nhiều, coi bộ chúng không đông lắm đâu.

Người lính thều thào:

-Em mệt quá, Trung úy.

Tiếng súng như đã thừa thớt và có vẻ xa hơn, Chu nói với anh lính:

-Cố gắng lên, mình phải thoát ra khỏi chỗ này trước đã, nhưng anh chờ tôi một chút.

Một cách hết sức khó khăn, Chu leo lên mấy gộp đá chông chênh như dựng đứng trên đầu, chĩa búa trước đó, anh đã rút không thương tiếc như một trái sung chín nẫu. Với khẩu colt 45 lăm lăm trong tay, định có gì thì nã đại vài phát, rồi ra sao thì ra, Chu đã leo lên được chỗ cũ, nhặt lại được nửa bao gạo sây Kim Lan bỏ lại, còn cái va-li thì đã biến mất.

Chu lại vất vả leo xuống, nắm bóp cổ chân Kim Lan, hỏi nàng:

-Em đi được không?

-Dạ, em cố gắng.

Nàng rút rè hỏi Chu:

-Cái va-li của em...?

-Không thấy rồi, có gì trong đó?

-Gì cũng có.

Như an ủi Chu, nàng trấn an:

-Ngoại trừ anh và cái mạng em.

Chu gượng gạo nhếch miệng cười:

-Anh cũng thuộc về cái va-li?

-Dạ. Nhưng nếu em nhét vào đó được thì bây giờ anh không ở đây.

Quay sang anh lính bị thương, Chu nói:

-Tôi sẽ diu anh đi. Cố gắng chịu đau, rồi gì cũng qua mà.

Cả hai người nặng nề đứng dậy, nhấc thử mấy bước, Kim Lan nhắm mắt, nhưng có thể bước từng bước chậm được, hy vọng là không phải chân bị gãy xương, Chu nhắm phòng chừng phương hướng và rời khỏi gộp đá, cầm khẩu colt 45, quàng tay anh lính qua vai, nặng nề, rón rén từng bước. Chừng ba chục mét, anh lính đã lết hết muồn nôi, và Kim Lan, cũng cố bước theo nhưng tay thì cũng vịn theo vai Chu mà bước. Anh lính rên rỉ:

-Chân em sưng lên rồi. Em chịu không nổi nữa, Trung úy.

Mình chui vào chỗ nào nghỉ khỏe rồi tính sau đi.

Chu dìu anh ta vào lùm cây, và trấn an:

-Yên tâm mà, tôi còn, chú còn.

Anh ta lắc đầu, mệt nhọc:

-Không nổi đâu, trung úy.

Anh lính nằm dài trên xác lá khô, Kim Lan thì ngồi dựa đầu vào vai Chu, nhắm nghiền mắt. Anh vốc nắm gạo sấy đưa anh lính:

-Ăn một chút nhé.

Anh lắc đầu:

-Dạ không, em chỉ khát nước thôi.

Cái bi-đông của chàng đã cạn queo. Có tiếng bước chân bên ngoài, vạch lá nhìn ra thấy có mấy quân nhân mặc đồ Biệt động quân, đi cùng với mấy người đàn bà, họ đi nhanh, nghe chừng tiếng nước khua cách đó khoảng mười mét, cả ba người đều nhận định, con suối nằm ngược hướng họ phải đi. Anh lính bị thương lên cơn khát dữ dội, anh bảo:

-Em bò trở lại suối uống miếng nước.

-Không được đâu, ra máu nhiều đấy.

-Không sao đâu, em biết sức em. Mà có sao cũng đỡ hơn khát. Được uống một ngụm nước lúc này sướng hơn lên thiên đàng.

-Chắc chú phải hiểu chú hơn tôi, tôi dìu chú đi nhé.

-Dạ, thôi, em tự đi được. Trung úy dìu còn khổ cho em hơn. Trung úy dìu thì em phải đi, chân em nặng nề lắm, nhắc không nổi. Để em lết tốt hơn.

Chu nắm bàn tay anh ta, định đỡ anh đứng dậy, nhưng anh ta lắc đầu, đổi cách xưng hô, có vẻ anh lầm Kim Lan là vợ Chu:

-Anh ở lại lo cho chị, nếu thấy tiện em đi luôn đấy.

Anh ta móc trái lựu đạn đưa Chu:

-Cho anh một quả phòng thân. Em cũng còn mấy quả trong túi và anh móc thêm trái nữa ra cầm tay, nặng nề bỏ đi.

-Chú bình an.

-Anh chị bình an.

Chập sau, anh lính đã khuất hẳn, Chu không còn nghe

tiếng bước chân nào nữa. Tiếng súng vẫn tiếp tục vây quanh núi, phần hoang mang lo sợ, phần tiếng dội của vách đá, Chu có cảm giác như mình đang bị mất phương hướng. Chàng đỡ Kim Lan nằm gối lên đùi chàng, nàng mềm èo như con bệnh sắp chết:

-Em mệt lắm?

Nàng mở mắt:

-Dạ không. Nhưng mà nếu chết như thế này thì cũng đủ cho em rồi.

-Bớt nói bậy giùm. Nghi ngại cho cái chân bớt đau, tôi đi khó bị phát hiện hơn.

Mười phút sau, có tiếng hô lớn ở phía suối trước mặt:

-Đứng yên, giơ tay lên. Hàng sống, chống chết.

-ĐM. CẶc.

Một loạt đạn lạnh lùng tức khắc đáp lời, và có lẽ cũng không chậm hơn bao nhiêu, một tiếng nổ thẳng thốt, như ngay trước mặt Chu vang lên. Chừng 10, 15 giây gì sau đó, thêm một tiếng nổ nữa, cô đơn, tức tưởi bùng lên, rồi tất cả im bặt.

Chu đã hiểu. Không biết chú có kịp uống ngụm nước nào chưa? Không biết ngoài những tên bắt chú giơ tay lên có còn tên nào nữa không? Chú không còn phải đau đớn, nhọc nhằn lê lét nữa, không còn ai uy hiếp chú nữa, kể cả những cơn khát quằn quại đã hành hạ chú... Bất giác, Chu thọc tay vào túi áo mân mê quả lựu đạn của anh lính. Khi người ta cùng đường, khi sức chịu đựng đã cạn cũng dễ biến họ thành anh hùng. Rồi một ánh chớp qua đầu, Chu nhìn Kim Lan, đặt vội số mạng họ lên bàn cân... Chu cúi xuống hôn lên trán, lên má, lên môi Kim Lan, anh có cảm giác hai tay nàng khỏe lên, vít lấy cổ anh.

-Ngủ, em nhé!

-Dạ.

-Anh đã có lỗi với em phải không?

-Anh đi không nói với em một tiếng. Em nhớ anh.

-Anh xin lỗi.

Hình như có tiếng bước xa xa, không biết thù hay bạn.

Họ nằm lơ mơ, bên nhau, thăm thì hỏi nhau đủ thứ chuyện

về hai năm không gặp. Nước mắt Kim Lan mặn trên những nụ hôn tội nghiệp rất buồn, rất thấm thiết. Nước mắt như tức tưởi, như tiếc nuối những ngày tháng quá dài đã mất đi, mà lại tìm được trong hoàn cảnh đầy tuyệt vọng này. Nàng đang đuối quá, những giọt nước mắt như đang làm rã tan dần cả tinh thần lẫn thể xác nàng ra.

-Em đói không? Nhai chút gạo sấy nha!

-Không, em khát nước, em muốn nhai cái mặt anh.

Mắt Kim Lan ánh lên một chút tinh nghịch, đặt ngón tay lên môi chàng:

-Ăn từ chỗ này.

Chu ghé môi lại môi nàng.

-Ăn đi, rồi mình phải còn hơn ba chục cây số chết chóc nữa mới tới quốc lộ. Ráng ngủ chút cho khỏe, đêm tối vắng vẻ, trăng sao lên dễ nhầm hướng hơn.

Lại có tiếng người ồn ào phía suối. Anh đoán tiếng nổ khi này đã đánh động đến đồng bọn. Nếu bọn chúng cứ lảng vảng quanh đây, chắc anh và Kim Lan phải nằm im đây mà chờ chết.

Nói ngủ, nhưng cả hai đều không tài nào chợp mắt được. Căng cả mắt, cả tai để tập trung nghe ngóng động tĩnh bên ngoài. Thình thoảng có vài tiếng bước rụt rè, rồi mất hút, chắc là phe ta. Như vậy, hẳn là không còn một rình rập nào nữa.

Trời sụp tối thật nhanh. Rừng núi mịt mù, không nhìn đâu ra trăng sao. Tiếng thú rừng ồm ồm oách oách khắp nơi, làm họ càng cảm thấy nhỏ bé hơn trước thiên nhiên, nhất là thiên nhiên như đang đồng lõa với hoàn cảnh. Họ quyết định phải ngủ một giấc, có thú rừng hay người rừng gì thì cũng không còn chọn lựa nào khác.

Ngày nóng vậy mà đêm thì lạnh rất dễ, rất vội. Cái lạnh và sự sợ hãi đủ để người này muốn biến vào người kia. Giấc ngủ được trộn lẫn với tất cả mê say, lo lắng, mệt mỏi, rã rời, hoang mang, hạnh phúc. Có lẽ một trong hai người chột giật mình thức dậy, làm người kia trở giấc, nhưng cả hai đều có cảm giác cùng thức một lúc. Họ hôn nhau. Giá

như họ còn nằm chung với đoàn người di tản, giá như núi rừng chỉ là một cuộc dã ngoại thì chắc là, họ không nhớ tới phải ăn, phải uống. Họ không thể biết lúc này là mấy giờ. Trăng sao gì cũng bị che kín bởi tàn lá dày đặc trên đầu. Cái suy nghĩ ngây thơ ban ngày là hệ quả của sự non nớt, thiếu kinh nghiệm trận mạc của một người lính chỉ ở đơn vị yểm trợ. Cũng lỡ rồi, chỉ cần bình tĩnh để vượt qua. Dầu sao, có hai người cũng đỡ lẻ loi. Chu nói với Kim Lan:

-Em chờ anh chút, anh ra suối lấy ít nước. Mình phải khỏe khoắn mới lên đường được.

Kim Lan ôm chặt Chu, nụ hôn bối rối, lo lắng không muốn rời:

-Anh!

Chu ôm Lan, siết nhẹ, như muốn truyền cho nàng một chút nghị lực:

-Không sao đâu, anh biết em cũng khát như anh, chịu đói lâu một chút được, nhưng khát sẽ dễ làm cho người ta mất sức hơn. Nào phải mình cứ ở luôn đây.

Lan thì thảo:

-Em sợ... Ngoài kia nguy hiểm quá.

Nhưng còn cả những muôn trùng cái ngoài kia mà mình cũng phải vượt qua.

Thốt nhiên, Lan rùng mình nhớ tới chuyện người lính ban chiều, nàng ôm cứng lấy Chu:

-Khi nào đi thì đi luôn, em không khát.

Chu dỗ dành:

-Em giấu được anh sao, môi miệng khô cứng hết kia, không có nước coi bộ em không ngồi nổi, đừng nói là đi.

Lan gượng dậy, và quả đúng như Chu nói, cơn khát ngột chịu được kia, bất chợt như muốn bốc lửa trên từng hơi thở gấp, cố gắng để Chu không nhận biết, nàng chụp nhẹ tay Chu, nhắm mắt gục đầu lên vai chàng:

-Anh muốn em đi thì em đi được mà. Em không để anh đi một mình ra ngoài đó đâu.

Nàng cố mở mắt, nín Chu đứng dậy thử, bỗng thấy cây cối loạng choạng nghiêng ngả, nàng lao đảo ngã bịch xuống đám lá khô. Chu hốt hoảng đỡ nàng nằm xuống, hơi nóng

từ nàng tỏa ra như muốn sưởi cả núi rừng đang gồng lên vì cái lạnh tai ác về đêm, anh kêu nhỏ:

-Chết, em phát sốt rồi, nằm đây... nằm đây, mình phải có nước em ạ. Yên tâm mà, anh là lính mà.

Lan vẫn nhắm nghiền mắt ôm hôn cánh tay Chu, đang sờ soạng trên mặt nàng. Chu lại cúi xuống hôn Lan:

-Anh đi đây.

-Dạ... Không lâu, anh nhì? Em hồi hộp quá.

-Anh trở lại ngay mà.

Chu khe khẽ từng bước, nhưng đôi lúc chân anh cũng giẫm phải một vài cành khô răng rắc, hoặc đạp trên mấy viên sỏi xào xạo. Không sao. Bước chậm chút. Con suối đã lấp loáng ngay trước mặt. Anh để ý, không thấy xác của người lính và xác những người trên núi bởi tiếng nổ lựu đạn hồi chiều. Anh nhìn trước nhìn sau, cúi xuống nhúng cái bi-đông vào dòng suối, việc đầu tiên là uống đầy một bụng nước. Rửa mặt, múc cho đầy bình lại, quay lưng về chỗ Kim Lan. Chúng ta sẽ ăn chút gạo sấy lấy sức, rồi tiếp tục hành trình. Cố gắng thôi, em nhé. Lúc nào mệt thì chúng ta lại chui vào bụi rậm nghỉ ngơi. Chậm chút cũng được, chỉ cần ra tới đường chính, rồi ra sao thì ra, anh sợ cái âm u bí hiểm của rừng núi quá rồi. May mà chúng ta có nhau trong tình cảnh này...

-Đứng lại, giơ tay lên!

Mấy ánh đèn pin hai bên hông anh quét thẳng vào mặt Chu:

-Sĩ quan hả? Đứng im. Nhúc nhích là nát sọ.

Chu bàng hoàng đứng im. Mấy mũi súng nhích gần tới, hai tên bẻ quặt hai cánh tay anh đè xuống, lục túi lấy cái bóp, khẩu colt và quả lựu đạn, trối thúc ké anh lại.

Xong chúng lôi anh dậy:

-Mày tên gì? Trung úy gì? Đơn vị nào.

Anh chưa kịp trả lời, một tên có vẻ là chỉ huy, thúc báng súng vào hông anh, bảo mấy tên kia:

-Dẫn nó đi. Cẩn thận. Có gì, bắn bỏ!

Đặng Kim Côn

Là Những Sớm Tinh Mơ

Buổi sáng ấy có em làm sớm lại
 Trắng tươi xanh rữ hết bóng đêm mờ,
 Sương trên mắt mọng lên môi ân ái
 Như chưa bao giờ đêm già nua.

Như sẽ mãi là hừng đông thiếu nữ
 Nắng hẹn hồng ung ứng rất xa kia
 Em sẽ rải lên ban mai tình tự
 Thuở thơ trinh chưa biết bóng trắng khuya

Tinh mơ nhé, mịn màng như yêu dấu
 Mặc sau lưng đầu đó nỗi buồn theo
 Đêm đen ngọt những bờ môi chớm nụ
 Sớm mai đây phía trước bóng thương yêu

VỀ QUÊ

Truyện **Nguyễn Lê Uyên**

Mặc cho vợ con ra sức ngăn cản, ông một mực không chịu sống thêm một ngày nào nữa ở góc phố ồn ào, khói bụi. Cả đời, ông đã bươn chải nuôi vợ, dạy con. Giờ chúng nó đã thành đạt, có thể tự bay nhảy như con chim đủ lông đủ cánh, không cần phải có ông bên cạnh bảo vệ, nhắc nhở... nữa. Ông đã nghĩ, đã nói thì làm cho bằng được, không ai ngăn nổi. Với lại, chuyện về quê chỉ có mình ông hiểu tại sao phải về quê. Ông giấu kín. Mãi mãi sau này, vợ con ông cũng không thể biết được mối liên hệ giữa ông và ngọn đồi thoai thoải úp mu rùa kia.

Trước ngày quay về “chôn cũ”, con cháu kéo về chật nhà, đưa đứng, đưa ngồi, đưa bấu vào thành ghế làm như không có mảnh gỗ bào nhẵn bóng đó thì cả tấm thân chúng sẽ đổ sập xuống nền nhà vậy. Chúng hỉ mũi. Chúng sụt sịt. Chúng meo mào như thể ông sắp bước về cõi ma quỷ.

Đứa gái lớn, bông trên tay thằng cu tám tháng tuổi:

-Làm sao mà ba tự lo cơm nước?

Ông nghĩ bụng, phàm đàn bà con gái mở miệng là cơm là gạo. Ông ngó bộ mặt rì rì của nó, mỉm cười.

Thằng kè:

-Tuổi cao, sức yếu, tối lửa tắt đèn, lỡ có chuyện gì kêu ai. Chòm xóm thì cách nhau một dặm hủ!

Bản chất thằng này, từ nhỏ đã thực dụng. Nó nói cũng chí phải. Nhưng ông tự biết sức lực của mình. Ông tự biết phải làm gì. Ông nghĩ, mày nên sống tử tế, có trước có sau với mọi người thì tốt hơn. Phải từ từ điều chỉnh lại cách sống.

Con út thì meo mào:

-Ba là cái kho sống (ý nó muốn nói là quyền từ điển sống), có chuyện gì biết hỏi ai. Ai khuyên nhủ tui con nên làm cái này, không nên cái kia. Tại sao thế này, thế nọ... Ba ở lại

đi. Vắng ba, con như mất hẳn cái đầu, cái tay...

Nó là đứa út. Nó sinh ra đúng vào thời thổ tả, sau khi ông từ trại giam trở về, phải ăn độn khoai sắn, bo bo, không đào đâu ra đường sữa nên nó nhỏ xíu, đỏ hỏn như con mèo cạo sạch lông. Bà mẹ đỡ đẻ tay chân đen thui, móng tay đầy cáu ghét gào lên: “Trời đất, tám lạng là hết số!”. Con bé cũng la ngán ngất, giọng thoi thóp như có ai chịt ngang cổ họng nó. Ông rót nước mắt. Ông đào đất lật cỏ để nuôi nó, vừa phải trình diện hàng tuần với địa phương. Rồi nó cũng lớn nhanh, phổng phao như trái bí, trái bầu, da thịt hồng hào. Không ai kể lại cho nó nghe, nhưng hình như có một thứ tình cảm thiêng liêng như loại sóng trời và nó nhận ra. Đó là những lúc nó đau ốm, nằm liệt giường, hai vợ chồng thay nhau canh giữ suốt đêm. Có thể nó nghe tiếng những giọt nước mắt lăn ngập ngừng xuống má ông. Có thể nó thấy trái tim run rẩy của mẹ nó? Nó dành cho cha mẹ một thứ tình yêu đặc biệt, không tìm thấy ở hai đứa kia.

Bà vợ thì thần thờ. Ngồi im không mở miệng. Mấy chục năm theo ông về xứ xương rồng, bàn chải bụi cát nhiều hơn lúa gạo, bà đã nhẫn nhịn, chịu đựng. Nay chịu đựng thêm chút nữa, đâu có sao. Nghĩa vợ chồng vẫn cứ dày, không đỏ thắm nhưng không nhăn nheo, dùm đó!

Thằng chồng đứa lớn, về làm rể nhà này hơn ba năm, nhưng nó biết rõ tính khí của ông hơn ai hết, bởi nó có mối liên hệ rất bằng quan, nó nhìn nhận mọi sự theo cách của dân gian: tối mình, sáng người. Nó đứng ngoài nên nó thấy hết. Nó biết có can ngăn cũng bằng thừa. Tốt nhất im lặng để giữ mối dây cha vợ con rể cho tròn trịa.

Bữa ông rời phố, vợ con làm bữa tiệc nhỏ nhưng y như rằng ông đội lốt Kinh Kha sắp qua đất Tần! Ông bỗng đưa cháu tám tháng tuổi, vừa uống rượu vừa giỡn nựng nó. Ông mở giọng ồm ồm hát ru. Nó nhoẻn miệng cười lại ông. Nụ cười thơm mùi sữa.

Bữa tiệc chấm dứt sớm. Ông hôn cháu rồi trả lại cho mẹ nó. Ông ôm đứa gái út, vỗ vỗ lên vai: “Con yên tâm, ráng làm tốt công việc ở sở. Học thêm được cái gì thì nên học.

Kiến thức không bao giờ thừa”. Ông quay sang hai đứa lớn, thằng rể và vợ: “Lúc nào cảm thấy thiếu khói bụi, thiếu cảnh ồn ào sẽ về ít ngày, chứ lo”. Nói và ông ra cổng, leo lên chiếc xe tải nhỏ đã chờ sẵn, không ngoái lại. Ông ghét cảnh khóc lóc, bịn rịn.

Lúc xe ra khỏi ngoại ô, hướng về phía núi, giữa cánh đồng lúa mênh mông, hao hút, ông cảm thấy như mình vừa thoát ra khỏi trại tù, như bay theo Từ Thức bay lên cõi tiên. Gió lồng lộng. Không khí ngọt lịm trong hai buồng phổi. Bầu trời trong xanh. Những lũy tre hao hút vây chặt làng xóm nằm rải rác, chen vào những cánh đồng như nét sổ của mấy thằng cha sính chữ tàu!

Ông thực sự bứt ra khỏi cảnh áo cơm. Ngồi trên xe ông cứ tùm tùm cười hoài đến nỗi thằng nhỏ lái xe không hiểu ông vui mừng vì chuyện gì?

Quê ông là một căn nhà sàn nằm phía đông ngọn đồi, hướng ra khúc sông lớn. Trước sân là một tảng đá dựng đứng, cao gần bằng nóc nhà trên lưng chừng đồi. Trước có cây đa cổ thụ, bộ rễ ôm kín tảng đá. Nhưng rồi nó biến mất trong một đêm mưa nào đó, chỉ còn những cành nhánh, bộ rễ rỉ máu trên thớ đá sần sùi và vệt bánh xe lõm sâu kéo dài ra mặt lộ. Cây đa và tảng đá là sự sống và cái chết đối với ông. Vì vậy không thể mặc lòng rời xa chúng.

Nay thì những bộ rễ rỉ máu đã đâm lên những cây non, xúm xít bao quanh như đàn chim Lạc trên mặt trống đồng. Cây đa của ông đã phục sinh.

Ngày đầu tiên “về quê”, ông ra bãi đá ven bờ sông tìm ba hòn đá có hình dạng như trái xoài muông, đưa lên góc bếp làm ông Táo. Ba cái đầu cong cong chụm vào nhau, tròn tru. Ông ôm củi khô, nhóm bếp, đặt ấm nước lên. Khói bay khắp gian nhà thơm lừng, cay cay. Hơn ba chục năm trôi qua, ông mới có cảm giác mới mẻ này. Không phải khói, mà là mùi hương của đất trời tụ lại. Không phải chỉ có đất trời, mà mấy chục anh em ngoài kia thở ra lớp khí trắng văng vắt, vờn quanh ông. Những lợn khói bay lên, đùn lại, chờn vờn không muốn tán ra. Chúng bơi lội quanh ông, ve

vuốt ông, hôn vào má ông. Ngọt ngào và cay sè. Lửa đỏ đít ấm. Nước sôi tắm. Âm thanh reo lên như giọng reo ngoài xa kia, ngày nào, nó làm ông xao xuyến, bồi hồi. Ông nhấc ấm, tráng bình chén, pha trà mang ra đặt lên chiếc bàn làm bằng những mảnh gỗ thừa ghép lại. Đây là thứ đồ vật có chân cẳng duy nhất trong gian nhà. Ông ngồi xếp bằng trên sàn, chuyên trà từ bình ra tách. Cả thấy ba tách, tính theo đơn vị chục, như ba mươi người lính dưới quyền, đã vĩnh biệt ông ở chỗ tảng đá dựng đứng. Những tách trà đặc sánh màu vàng mật. Khói nước bay trên mặt tách, chờn vờn như thể họ đang điều qua mắt ông, đưa tay lên vành nón sắt chào ông. Họ tươi cười, rạng rỡ. Họ trẻ trung, gan lì. Người lính có bộ râu quai nón nói: “Ông thầy, đụ má cho tụi nó một trận, chạy hoài tụi nó lờn mặt”. Không “cho một trận” cũng không xong, bởi đám dân chạy giặc, lẫn vào đoàn quân, đang hốt hải bên kia bờ. Phải rồi, đây là trận cuối cùng. Ba mươi sáu người hiền ngang bám vào tảng đá, chống trả cả chục đợt tấn công. Bọn chúng từ trên đỉnh núi phía mặt lộ đội xuống cơ man đạn pháo, tưởng có thể nghiền nát tảng đá dựng. Bọn họ ào lên và ngã xuống. Hết đợt này đến đợt khác. Những cơn mưa đạn rải xuống như vãi cát, nhưng cái chốt cuối cùng trên đường tháo chạy không vỡ. Tiểu đoàn chỉ để lại ba mươi sáu người (số kia bảo vệ cho SD và đám dân) chống đỡ suốt một ngày, chỉ vì cố gắng để đoàn người bên kia sông có thể xuôi về thị xã an toàn. Họ chạy bộ. Họ gồng gánh. Họ bu kín quanh các xe GMC. Đám đông hỗn độn như con trăn bị thương tích, cổ trườn ra hướng biển, trong khi bọn đang ở trên đỉnh núi kia cố ngăn họ lại để bắt cho được ông Chuẩn Tướng đang co giò chạy với lính. Ba trăm thước từ chân núi xuống tảng đá là bãi cát trắng phau, giờ nhuộm đỏ. Nắng quái buổi xế chiều hực lên chói gắt. Đó là lần cuối cùng ông nhìn thấy máu của đám người trên đỉnh tuôn ra như suối. Và ba mươi người lính của ông, sau đó cũng ngã xuống, dưới chân tảng đá. Chiều xuống thật nhanh. Bóng tối đậm đặc. Bọn ông còn đủ thời gian vuốt mắt, xếp ngay ngắn các chiến hữu xuống giao thông hào,

lấp đất trước khi rút êm qua bên kia sông. Lúc bì bõm trong giòng nước, Hạ sĩ Th. chửi thề: “Đù má, hèn có ngày gặp lại tụi mày”. Người ướt sũng. Bụng đói. Sáu con người còn lại lằm lũi bước xuôi. Nước mắt ông chảy dài. Chưa bao giờ ông để lính chết nhiều và thua một cách tức tưởi như vậy. Đó cũng là những giọt nước mắt cuối cùng trong cuộc đời binh nghiệp.

Nắng lóa sáng trên mặt sông. Những cánh buồm trắng ngược dòng, lướt nhẹ. Quả cầu lửa đằng đông nhô cao dần. Ông bung ba tách trà bước xuống bậc thang gỗ, chậm rãi quanh tảng đá, rải xuống từng tách một.

Ông không hề dựng ngôi miếu, không hề thấp nhang. Nhưng mỗi bữa ăn sáng chiều, những bữa rượu, uống trà, ông đều thông thả nâng ly rượu, chén cơm ngang mày, mời họ. Ông nhớ những đứa em gan lì. Tụi nó chịu chơi, mỗi đứa hạ gục cũng hơn mười mạng chẳng hề biết đánh đấm là gì, giống như lũ thiêu thân lao vào ngọn đèn. Những con thiêu thân cháy xèo xèo, rụng xuống, rụng hoài nhuộm đỏ cả mặt cát trắng phau. Ông không biết những đứa em ở nơi nào để đưa về quê. Xới lên thì ông không nhớ. Thôi thì đây chính là quê hương chung của những đứa em và của ông nữa. Xúm xít bên nhau. Gần cuối đời ông chăm sóc chúng nó trước khi bay theo chúng. Chúng nó đã đối đãi với ông bằng cả tấm lòng trong lửa đạn. Giờ thì ông đang yên ổn, sao có thể quay mặt làm ngơ với chúng. Sao xứng đáng là ông thầy?

*

* *

-Chị ơi, quê nào nữa mà ảnh về?

-Quê nào! Đó là quả núi rộng cỡ hai ba mẫu tây. Ông cất ngôi nhà có tám chân cột cao lêu khêu, y chang nhà người Thượng. Ông đẽo một khúc cây to, gác lên sàn làm cầu thang. Mỗi lần muốn lên, chị phải bỏ dép bỏ guốc, lom khom bò lên như mèo trèo cây. Trong nhà mới ớn. Không có bàn ghế, giường tủ gì ráo. Trống trơn. Một góc nhà ông làm bếp, củi chất thành đống. Nồi niêu đen thui. Chỗ ăn,

chỗ ngủ, chỗ nấu nướng thương lương. Không khác gì nhà đồng bào Thượng mà hồi năm lên thăm ởng trên Kontum chị từng thấy.

-Anh sinh hoạt làm sao?

-Sao nữa, mình ên. Tự lo. Sống kiểu người tiền sử!

-Trời!

-Nói nào ngay, từ ngày ởng “về quê”, da dẻ hồng hào, trông phơi phơi yêu đời hơn lúc ở dưới này. Có lẽ do không khí trong lành. Hồi đầu tụi nhỏ cũng bức, nhưng không dám nói. Khi chúng lên, tận mắt nhìn thấy “cơ ngơi”, chúng đâm thích, nói: “Đây là sự chọn lựa đúng đắn của ba”. Trước thì mười bữa, nửa tháng chúng mới lên. Nay đúng vào mùa nắng nóng, tuần nào cũng lên ở với ởng ngày chủ nhật, bày ra ăn uống, tắm sông. Nghĩ lại cũng thấy vui vui.

-Chị không có ý định lên ở với ảnh?

-Không. Thấy cảnh quanh vắng đó tôi không chịu nổi. Tụi nó đòi bắt điện, mang lên bếp gas, tủ lạnh, máy giặt... ởng gạt phất, nói: “Hồi ba còn nhỏ xíu đâu có mấy bếp ga tủ lạnh, sao vẫn sống tới nay”. Sống cả đời bên nhau nhưng không bao giờ tôi đọc được ý nghĩ của ởng.

Tôi hỏi đường đi. Chị nói cứ con đường chính của thị xã chạy miết lên đường đi Tây Nguyên, chừng ba chục cây, dòm bên trái, chỗ khúc sông phình cong, chú thấy căn nhà chông chơ trên ngọn đồi như mu rùa, là quê ởng đó.

Tôi phóng xe đi. Buổi chiều hơi nóng từ mặt đất bay ra càng nóng dữ. Một chút gió hiu hiu từ biển thổi lên không đủ mát. Tôi cảm cổ chạy như thể buổi chiều sẽ tắt nhanh, bóng tối sẽ phủ trùm lên mọi vật chung quanh. Các loại xe tải chở sắn, mía cũng tranh nhau chạy, bụi tung mù mịt. Mặt đường trơn lở từng đoạn dài, nham nhở. Mương nước chạy cặp theo con lộ, mùa khô trở đáy, lộ ra cơ man nào là rác. Rác đủ loại, cả xác súc vật bốc mùi.

Anh hơn tôi quá con giáp. Tôi biết anh rồi thành thân nhau bởi anh cả tôi cũng là lính cùng binh chủng. Anh tôi chết đúng ngày hai bên đặt bút ký hiệp định Paris. Về phép, anh kêu tôi đưa ra mộ. Anh quỳ trước mộ rất lâu, rồi đứng lên

đưa tay lên vành mũ chào vĩnh biệt, không nói câu nào.

Ngày ra tù, anh xơ xác, gầy rộc, xanh xao khác với hình ảnh trước kia, một sĩ quan xuất thân từ Võ bị Đà Lạt. Anh bắt tay làm lại từ đầu, nhưng đâu cho có làm gì, ngay cả khi bước chân ra đường, ngồi quán cà phê... anh luôn chỉnh tề, nói năng chuẩn mực...

Tôi dòm mặt số đồng hồ xe. Đã ba chục cây. Ngó ra phía sông, chẳng thấy ngọn đồi nào. Chạy một đoạn khá xa nữa. Đúng là có ngọn đồi cây cối phủ tràn, không thấy căn nhà, nhưng có bãi cát nổi liền con lộ và ngọn đồi.

Tôi phóng xe xuống, thấy anh đứng ngẩn ngơ dưới chân tảng đá. Anh ngược nhìn, ngạc nhiên rồi chạy lại ôm chầm lấy tôi trong tư thế còn ngồi trên yên.

-Quý hóa quá. Mà sao chú biết tôi ở đây? – Nói và anh kéo tôi lên gác.

Khúc gỗ khắc từng nấc đúng là khó leo lên. Nó chông chênh, gần như mất thăng bằng và có thể rơi xuống lớp sỏi bên dưới bất cứ lúc nào.

Căn gác rộng mênh mông, trống trải. Anh kêu tôi rửa mặt, chỉ khạp nước chỗ góc sàn rồi loay hoay bung ra niêu cơm. Trên chiếc mâm gỗ có chai rượu, đĩa cá khô, rau cải trời, chén muối ớt và đĩa đậu chiên. Chỉ có vậy.

Anh nháy mắt:

-Thịnh soạn hơn gấp trăm lần so với những ngày ngồi tù.

Cả hai ngồi khoanh tròn ở hiên sàn. Khúc sông trước mặt mờ đục và tối dần. Anh đốt cây đèn bão và treo lên. Bóng tối lơ mơ, nhá nhem khó có thể nhìn rõ mọi vật trước mặt.

Anh cười:

-Chút thôi, khắc quen. Không những thế mà chú còn cảm thấy thích thú nữa đấy!

Anh rót rượu ra ba chén đất nung màu gan gà, dùng những ngón tay kẹp lại, nâng lên. Anh thì thầm gì đó rồi đặt xuống, quay sang tôi:

-Nào, mời chú.

Tôi bung chén đưa lên nói kính anh.

Hết chai rượu nhỏ, anh đứng dậy, lui cui trong bếp, khua ròn rột. Quay ra lại một chai rượu đầy.

Chúng tôi ngồi đến khi trăng lên. Trăng mười tám vàng ối, tách dần từ lớp màn sậm bờ bên kia, treo lơ lửng trên không. Mặt sông trở màu bạc trắng. Ánh trăng dội sáng khắp gian nhà sàn. Không gian này, tôi có cảm giác như chìm đắm vào thế giới hội họa phương Tây thế kỷ XIX. Tôi say nức với màu trắng, sông nước và tiếng chim đêm, tiếng côn trùng, tắc kè và ve bên ngoài kia.

Tôi mạnh miệng:

-Sao tự dưng anh lên ở đây, một mình?

Anh nắm chặt ly rượu trong lòng bàn tay.

-Vợ con, chú nữa, ai cũng hỏi tôi câu này. Biết nói sao. Nó sẽ không hợp lý với mọi người đâu.

-Nhưng ít nhất cũng phải có một lý do nào đó chứ?

-Hẳn nhiên.

Và rồi anh kể cho tôi nghe mọi chuyện.

Ngon đời này không phải là ngẫu nhiên. Nó cũng không phải để làm dáng, hay tệ hơn là một sự chọn lựa từ những bất toàn trong đời sống xã hội suy đồi, đã xuống cấp nghiêm trọng. Chuyện đó hãy để lịch sử phán xét. Chú thấy khung cảnh này, y như rằng tôi cố tình quay lại thời gian cách đây một thế kỷ? Không điện đài, không một vật dụng tiện nghi nào của thời điện tử, kể cả nhôm nhựa có mặt trong căn nhà này. Nó trống không đến lố bịch đối với nhiều người. Phải, tôi quay lại chỗ khởi đầu, sau khi tôi đã làm tắt cả mọi chuyện cho cuộc đời, kể cả vợ con tôi. Tôi đã hoàn thành cái trách nhiệm cao cả, thiêng liêng đó. Nhưng còn một trách nhiệm khác, lớn hơn, cao cả hơn tôi chưa làm xong. Đó là những đứa em của tôi dưới chân tảng đá kia. Ba mươi mấy năm chúng nằm im ở đó, mang theo sự lạnh lẽo khắp người tôi. Tôi nghĩ hoài, đắp lên một ngôi mộ thì sẽ gặp rắc rối. Còn thân nhân chúng ở đâu làm sao tôi biết được? Chi bằng, gần cuối đời, tôi về đây ở với chúng, chăm sóc chúng. Nói chuyện với chúng. Tôi tin chúng nghe tôi nói. Cũng như nhiều đêm chúng đến bên tôi, nói với tôi, bất kỳ lúc trời sáng trăng hay đêm mưa rả rích, gió phàn phật buốt mặt: “Ông thầy, đệ mẹ ngon chưa. Ít nhất cũng bốn chục thăng ngà rập bởi trái mìn claymore

em lượm của tụi bộ binh quăng lại. Hữu sự hữu dụng ông thầy!” Rõ ràng đó là giọng thằng Hạ sĩ T. “Ông thầy, cho bắn yểm trợ để em băng qua chỗ lượn khúc sông. Em núp dưới đụn cát tùm cho được một thằng lôi về, coi nó là đơn vị nào, bao nhiêu quân để còn biết mà chơi”. Đó là tiếng binh nhì M. cái thằng coi mạng sống như cỏ rác. “Coi kiểu đánh của nó, đúng là bọn thảo khấu táp nham, chẳng hiểu cút gì về chiến thuật. Em mà cầm quân, mấy chục mạng của ông thầy, em hốt sạch. Ủi trời... ông thầy, em...”. Đó là giọng của Thượng sĩ nhất S. từng lên nắm đại đội trưởng ở trận Hoài Nhơn. Anh rất ân hận là không làm sao đưa nó lên sĩ quan, bởi viết thư cho vợ, nó còn phải nhờ anh em viết hộ. Một chữ cần không bẻ. Nhiều bữa, giữa đêm khuya, tôi nghe tiếng thì thào, nho nhỏ, phải gắng lắm mới nghe trọn câu: “Ông thầy, sim chín rồi. Đám cu xanh bay về ông thầy cho tụi em mỗi đứa một con. Nướng với muối ớt rừng, làm một xị đế, ghen ông thầy!” Sáng ra, tôi lên chỗ trồng sim. Đúng là sim chín mọng, nhưng chim xanh đâu chẳng thấy. Mà có đi nữa, tôi biết bắt làm sao? Tôi thấp thỏm đứng ngồi không yên, y như có thằng em bị ngã trước mặt, giờ tay kêu cứu mà không làm sao bỏ ra lời vào được. Bí quá, tôi chạy xuống xóm, nhờ người đi lùng mua đủ ba mươi một con. Mặc đến cỡ nào cũng phải mua cho bằng được. Chú biết sao không? Cuối cùng cũng đủ số (dư mấy con tôi cho người đi mua hộ), ra tay nhô lông, thui sạch sẽ, mổ ra xát muối ớt, lấy cành khô chất đồng trước tảng đá kia đốt thành đồng than đỏ rực, nướng, rồi bày ra: Ba mươi một con chim nướng và ba xị rượu. Tôi ngồi đó, uống với chúng suốt đêm, đến say mềm, ngã đầu xuống khúc đuôi tảng đá ngủ. Khuya có người lay gọi: “Ông thầy ơi, cu xanh ngon, rượu ngon. Nhưng đây là cu xanh ông thầy đi mua ở đâu mà. Sao ông thầy tiếc với bọn em?” Tôi giật mình, mồ hôi rớt ra hột hột. Thức đến sáng vừa lâm râm xin lỗi chúng. Tôi đâu tiếc, chú? Nhưng mà chim ở đâu trên trăng sim trên mỏm đồi này? Ngoài mặt trận, một người lính ngã xuống, tôi thấy đau nhưng không đau bằng chuyện tôi không làm được với chúng lúc này. Sau đó thì

đêm nào tôi cũng nghe tiếng cười như bắp nổ, tiếng vỗ tay, tiếng hô xung phong. Tôi phải ra chỗ chân tảng đá, ngồi xuống hứa với chúng, mùa sim chín, hễ có chim về là tôi bắt hết cho tụi nó...

-Có khi, chỉ là những ám ảnh bởi tình cảm sâu nặng của anh với đàn em?

-Có thể. Nhưng đầu đó chỉ là ám ảnh hay sự thật, tôi vẫn thấy mình có tội. Rất đáng tội với chúng.

-Hỏi có khi lại không phải, nhưng em thắc mắc hoài, gần chục năm tù nhưng tại sao anh không chịu đi như những người khác?

-Đi đâu – Anh hỏi lại – Á, à... tôi hiểu. Chú nói qua bên kia chớ gì? Không đời nào. Hỏi tôi đi tu nghiệp mấy tháng về tham mưu bên đó, có một hôm ngồi bên câu lạc bộ, một thằng sĩ quan Mỹ nói: “Tại sao đất nước mày mà lại bắt chúng tao đổ máu?” Tôi dần chai whisky: “Mày đi mà hỏi lão tổng thống và cái quốc hội nhà mày đấy. Mày không muốn, tao cũng không muốn, nhưng đám tài phiệt của chúng mày muốn thế. Tụi nó muốn đổi máu chúng mày để lấy tiền, hiểu chưa, đồ ngu!” Cũng vì chuyện này, nên dù có bị đày đoạ thế nào tôi nhất định không làm dân lưu vong, để khỏi phải nhìn thấy sự khinh bỉ của chúng đối với mình.

Hồi Mậu Thân, chúng biết mười mười rằng các thành phố sẽ bị tấn công trong đêm giao thừa, nhưng chúng bịt kín thông tin, bỏ mặc, chẳng thêm đếm xỉa gì. Rồi vụ Hoàng Sa, hạm đội 7 cách đó mấy chục hải lý, không những không tiếp ứng mà còn ngăn các chiến hạm của mình trên đường ra chiếm lại đảo. Chú coi, ai bán đứng miền Nam này? Tụi khốn nạn đó còn tung tin biển Đông không hề có mỏ dầu, rồi một ông tiến sĩ địa chất của mình vuột đuôi “biển Đông có dầu mỏ, tôi sẽ đốt mảnh bằng tiến sĩ”. Cả một lũ vô liêm. Chính chúng đã giết anh em mình. Nhớ đến những chuyện này, tôi đau khổ vô cùng...

Anh ngửa cổ trút cả ly rượu vào miệng, nhìn sững ra khoảng trắng mênh mông trước mặt. Tôi nhìn thấy khuôn mặt anh nhăn dùm lại như thể nó được đeo từ khối đá

granite, nham nhở. Chưa bao giờ tôi trông thấy khuôn mặt đau đớn tột cùng đến vậy và cả hành động bùng ly rượu, ngửa cổ trút vào như một tay bợm nhậu, anh cũng chưa từng làm thế. Tôi thấy cả người anh co rúm lại như muốn vỡ tan, chảy ra thành chất lỏng sền sệt, đen sẫm loang dần trên mặt sàn gỗ.

Trăng gác lên mái nhà sàn. Anh đứng dậy:

-Chú buồn ngủ thì ngủ trước đi.

Nói và anh lững thững xuống thang. Tôi thấy anh đi vòng qua tảng đá đứng lại hồi lâu rồi bước lên phía đồi. Bóng anh mất hút trong ánh trăng sáng vắng vặc, bị nuốt chửng giữa tiếng côn trùng nhộn sắc như chiếc móc câu muốn kéo ánh trăng xuống sát mặt đồi và xé rách nó ra.

Nguyễn Lê Uyên

████████████████████

Nguyễn Dương Quang

Ở biển, khi xa người

Gió chiều nay thổi về đâu
trái tim say đắm lao chao cuối ghềnh
Vói tay cao hết sức mình
núi cao nguyên xuống để nhìn thấy em

Duồng, 1969

Sồi và Đá

Tác giả: **Nguyễn thị Hải Hà**



Ở miền trung du của tiểu bang New Jersey có một khu rừng đá. Nơi đây cây và đá sống chung với nhau. Những tảng đá to như tòa nhà sống chung với những viên sỏi nhỏ bằng đầu ngón tay. Cũng trong cánh rừng này có một dòng sông toàn đá. Gọi là dòng sông vì người ta có thể thấy rõ ràng hai bờ sông và lòng sông trũng xuống. Điểm đặc biệt của dòng sông đá này là người ta chỉ nhìn thấy đá mà không thấy nước. Đá trong dòng sông là loại đá tảng, to - bằng mặt cái bàn ăn, nhỏ - bằng cái bánh xe, có tảng nhiều góc cạnh sắc bén, có tảng nhẵn nhụi như được giũa mòn.

Người ta không nhìn thấy nước trong dòng sông nhưng vẫn nghe được tiếng nước chảy thật sâu bên dưới những tảng đá này. Hai bên bờ sông là hai hàng cây sồi và bạch dương nhỏ lưa thưa. Người hiếu kỳ hay nghịch ngợm có thể bước nhảy trên những tảng đá chen chúc này và lần sang bờ bên kia.

Xen kẽ giữa rừng đá mênh mông này có những cây cổ thụ rất cao. Thường thì đá nhiều hơn cây, tuy nhiên, có một vài nơi cây nhiều hơn đá. Mọc trong rừng này đa số là cây sồi. Ở cuối dòng sông đá là rừng bạch dương, cây gầy và thấp hơn. Gần dòng sông đá có một tảng đá cao chừng hai mét, chiều dài nhất chừng năm mét, chiều ngắn nhất chừng ba mét. Ở mặt đá hướng đông có một chỗ nứt, từ nơi ấy mọc ra một cây sồi, thấp hơn và gầy hơn những cây sồi chung quanh. Ở gần gốc, cây sồi có đường kính chừng nửa mét, chiều cao chừng vài chục mét.

Sồi, vì mọc ra từ khe nứt bên hông tảng đá nên thân hình nàng đẹp và gầy gáp chín mươi độ trước khi vươn lên trời xanh. Khi Sồi nhận biết sự hiện diện của nàng thì cũng biết tảng đá đã có mặt từ bao giờ và nàng khác với mọi cây sồi khác ở chỗ nàng mọc ra từ lòng tảng đá và nàng có một tấm thân tạc nguyên. Nàng và Đá dính liền với nhau tuy hai mà như một.

Sồi và Đá sống bên nhau rất thân thiện. Họ chấp nhận sự khác biệt giống phái và tuổi tác của nhau cũng không hề chất vấn sự liên hệ tình cảm với nhau. Sồi trẻ trung hơn và tình cảm của nàng thay đổi theo mùa. Mùa xuân nàng mặc áo màu lá non, nghiêng cánh rung rinh trong nắng. Hoa của nàng màu xanh lục, nhụy hoa là một vòng vương miện màu cam. Sồi thông minh, nhưng khổ một nỗi là nàng quá mơ mộng và lãng mạn đến độ thường hay thương mây khóc gió. Nhất là mỗi khi thu về nàng trút lá âu sầu.

Sồi tâm sự với Đá:

“Em muốn bay.”

Đá nghe điều này đã nhiều lần cũng như hiểu được nỗi lòng của Sồi. Ông nhỏ nhẹ khuyên nài, “Em là cây sồi em không thể bay. Chỉ có chim mới biết bay thôi.”

Sồi bướng bỉnh, “Nhưng gió và mây cũng bay đấy.”

Sồi thảm thì, “Nhưng em không phải là gió là mây. Mây cũng không biết bay chỉ nhờ gió đưa thôi.”

Sồi nghiêng đầu, những đóa hoa nắng trên vai nài rơi xuống lung linh trên phiến đá. “Thế thì em cũng nhờ gió đưa em đi.”

“Cô bé ngốc ơi, em là cây, mọc rễ vào trong đất, gió không thể đưa em đi được.” Đá cố giải thích cho Sồi hiểu. “Mỗi loài mỗi vật có số phận riêng của chúng. Trường hợp của em càng khó khăn hơn vì em đã ăn luôn vào khắp ngõ ngách trong thân thể tôi. Cuộc đời của chúng ta đã gắn liền với nhau. Em bay đi thì tôi làm sao đây? Tôi không thể bay và tôi cũng không muốn bay. Cuộc đời của tôi là ở đây, gắn liền với khu rừng đá này. Tôi đã ở đây từ thiên cổ và sẽ mãi ở đây cho đến thiên cổ.”

Đá không muốn làm Sồi buồn thêm nhưng lời Sồi nói làm ông rất đau lòng. Ông biết Sồi muốn bay đi để tìm con chim Scarlet Tanager. Ông hiểu nỗi đắng cay của người bị bỏ lại.

Khoảng rừng này nằm trên đường bay của đoàn chim thiên di. Hằng năm vào tháng Mười Một ngỗng Canada, vịt Mallard đầu xanh và sáo sậu bay về miền Nam tìm hơi ấm thường ngừng cánh ở khu rừng này. Và khi xuân về chúng quay trở lại mạn ngược Bắc để sinh con đẻ cái. Lũ chim là niềm vui của Sồi. Nàng yêu tiếng hót của loài chim, nhưng khi chúng véo von trò chuyện với Sồi, chúng cũng thả nhiều bãi phân hôi hám lên người của Đá. Đó là nguyên nhân của sự bất hòa giữa hai người.

Bản tính của Đá rất trầm lặng. Ông ít nói đến lắm li nhưng ông rất giàu tình cảm.

Đá nuôi nấng Sồi từ khi nàng chỉ là một hạt mầm bay lạc trong gió rơi vào chỗ nứt trên người ông. Ông nuôi nàng bằng nước thấm vào những kẽ hở trong người ông. Mùa đông ông ủ nàng bằng hơi ấm mặt trời rơi lên thân thể ông. Bão táp mưa sa lật đổ những cây sồi chung quanh nhưng nàng có thể nép vào ông mà sống vững vàng. Bao giờ gió có thể lật đổ ông thì gió mới có thể đưa nàng đi. Biết như thế nên Đá không sợ sẽ mất Sồi nhưng buồn vì biết tìm nàng đã thuộc về con Tanager màu đỏ.

Con chim ấy có bộ lông thật đẹp và tiếng hót của nó thật mê hồn. Cứ mỗi lần Tanager đến là Sồi trông mượt mà hẳn ra. Nàng thay áo xanh thành áo vàng lá loi rún rẩy theo điệu nhạc thu. Tanager đậu trên vai nàng kể bao nhiêu chuyện ở đời xa biển lạ. Mỗi lần nói chuyện với Tanager Sồi thấy hạnh diện mình là loài cây. “Cây cối thường mang cho tôi cảm giác được xoa dịu, cứ nhìn những hoa nắng của cây tôi có cảm giác gần gũi với cuộc đời. Những cây trổ hoa trắng làm tôi có cảm tưởng đang ngắm nhìn cô dâu mặc áo cưới. Mỗi lần nhìn cây ngã tôi thấy buồn như nhìn người chết. Trong cây, nhất là Sồi bao gồm tất cả vẻ đẹp trên đời, đây là nơi loài chim của Trời đến nghỉ ngơi, làm tổ, và ca hát.”

Mùa xuân từ phương Nam bay về phương Bắc, tiếng kêu của đàn ngỗng trời Canada rơi theo gió đến tai Sồi: “Sồi ơi, tôi rất yêu những đóa hoa màu xanh nở đầy trên tóc nàng. Hoa của nàng đẹp không thua gì những thứ chúng tôi nhìn thấy khi bay ngang một khu rừng ở phương Nam đây những kỳ hoa dị thảo, cây chuối nở hoa trông giống như đàn chim kết đủ màu, lan rừng đủ loại có những hoa lan giống như bộ cặp màu xanh lá cây, và trái ca cao đeo lưng lẳng trên cây màu vàng như những trái đu đủ chín.”

Sồi rướn người ngóng theo đàn ngỗng: “Ở lại đây nói chuyện với tôi tí nữa đi. Ồ! Các bạn nói toàn những điều tôi chưa nhìn thấy bao giờ, hoa chuối, chim kết, hoa lan, bộ cặp, đu đủ là cái gì, hình dáng thế nào. Sao bay đi vội

thế?”

Đàn ngỗng đáp vọng lại: “Chúng tôi đến cái hồ gần đây để săn cá và ốc. Và để tránh tổ điều hâu trên đỉnh núi kẻo chúng sẽ giết chúng tôi.”

Sòi buồn bã: “Ước gì tôi có thể bay theo các bạn!”

“Mời bạn nhập bầy với chúng tôi, càng đông càng vui.”

Một con vịt Mallard đầu xanh lịch sự đáp lời.

“Ôi! Đá bảo tôi là loài sòi tôi không thể bay,” Sòi nói chân thật.

“Này Sòi, Đá không biết chứ ở Bắc Âu, có một loài cây biết đi tên là cây Èn. Loại cây này rất lười biếng nên đi rất chậm, nhanh nhẹn thông minh như Sòi nếu quyết tâm học thì có thể bay dễ dàng như chúng tôi.” Sòi âm thầm nuôi mộng biết bay, nhất là sau khi con chim Tanager có bộ lông màu đỏ rực và giọng hát tuyệt vời không quay về. Có con chim báo với nàng là Tanager gặp một nơi vừa ý và ở lại nơi đó. Sự vắng mặt của Tanager tạo một chỗ trống trong tim nàng. Mỗi lần gió bắc lùa vào chỗ trống ấy buốt nhói.

Đã từ lâu Sòi mơ ước những chân trời xa, và bờ biển lạ. Nàng muốn nhìn thấy những thành quách được khắc trong núi đá, những mái nhà ngói cong bên bờ Hàng Châu, những con cò lêu phêu chấp chới trên sa mạc bốc khói, hay nàng Tô Thị đứng ôm con trên hòn Vọng Phu. Đàn bồ câu bay ngang thành phố New York kể rằng tháng Chín năm ngoái chúng nhìn thấy một nhóm người chiếm cứ quảng trường trước công viên Zuccotti biểu tình chống sự chênh lệch quá to lớn giữa người giàu có và người nghèo; và khi mùa xuân năm nay trên đường về bay ngang Washington D.C. chúng gặp lại nhóm người ấy đang chiếm quảng trường trên đường Pennsylvania. Sòi muốn tận mắt xem những điều hay ho ấy. Mơ ước được viễn du cộng thêm nỗi nhớ Tanager ngày càng nung nấu trong lòng nàng.



Để học bay, Sồi cần phải lớn mạnh, nhưng thân hình của Đá không còn chỗ để dung chứa nàng. Càng lúc nàng càng cảm thấy nghẹt thở vì sự bao vây, kèm tỏa và sức ép của tảng đá. Hằng đêm khi những ngọn rễ của Sồi cấu xé gặm nhấm thân thể của Đá để rút chất bổ dưỡng, Đá ngậm ngùi thở dài: “Ta nuôi dưỡng nàng để nàng có thể mọc cánh bay theo người khác mà chẳng hề đoái hoài đến mạng sống của ta. Sao nàng không hề nghĩ là khi ta vỡ thành trăm mảnh thì nàng sẽ không còn nơi nương dựa nữa. Thân nàng là thân thể tật nguyên, đứng thẳng còn không được thể mà đòi bay!”

Cuộc đời oan nghiệt ở chỗ Sồi càng muốn lớn nhanh, rễ của nàng càng ăn sâu vào Đá, thân thể nàng càng nặng nề, càng không thể bay như chim. Nàng càng lớn sức ép của Đá càng đè nặng lên thân thể nàng và ngược lại Đá cũng đau đớn vì rạn nứt. Cả hai cùng đau đớn và nghẹt thở. Nỗi nhớ Tanager trong Sồi ngày càng tăng. Nỗi xót xa của Đá

nghĩ đến khi ông mất nàng cũng trở nên nặng nề. Cả hai ngày càng trở nên già cỗi.

Một chiều, có con chim gõ kiến, lông lấm tấm trắng đen, có cái mòng màu đỏ như hoa mẫu đơn, làm Sồi nhớ đến màu lông của Tanager và khuấy động nỗi thèm muốn biết bay của Sồi. Gõ kiến nói: “Nếu Sồi cho tôi đục một lỗ trên thân của Sồi để làm tổ tôi sẽ giúp Sồi mọc cánh để bay như chim.”

“Ồ! Việc ấy thì đâu có gì khó khăn. Bạn Gõ Kiến tí hon ơi, tôi có một chỗ trống trong thân cây, trước kia chứa trái tim tôi nhưng từ khi Tanager không về, chỗ trống ấy vẫn làm tôi nhức nhối. Nếu Gõ Kiến không chê thì xin cứ tạm dùng. Tôi sẽ mang ơn Gõ Kiến suốt đời nếu bạn giúp tôi mọc cánh.” - Sồi trả lời.

Gõ Kiến bảo Sồi tự rụng lá biến một nhánh cây thành cái gai thật nhọn. Gõ Kiến còn dạy Sồi một bài hát rất ai oán và bảo rằng nếu Sồi hát bài này thành công, Sồi sẽ được giúp mọc cánh. Bài hát theo gió bay đi, lời lẽ làm cảm động loài chim Thornbird. Loài chim này suốt cuộc đời rèn luyện tiếng hót; khi tiếng hót đã chín mùi Thornbird sẽ lao vào một cây gai nhọn để thăng hoa. Khi mũi gai đâm thấu trái tim, Thornbird sẽ hót một bài hay nhất trong những bài chim hót. Máu của Thornbird sẽ nhập vào cây và biến thành đôi cánh như cánh chim.

Cần cù, quyết tâm và nhờ may mắn, Sồi được nhiều người giúp đỡ để thực hiện mộng ước biết bay. Giọng hát của nàng kêu gọi loài Thornbird về giúp nàng mọc cánh hàng năm. Những sợi dây tầm gửi mọc trên thân nàng, đan chặt nhau như những lọng dù. Sồi tự đục rỗng thân cây để người nàng có thể nhẹ nhàng lao theo cơn gió.

Đá cổ ngăn cản Sồi. Ông nói: “Em thật là điên cuồng. Từ trước đến giờ chưa có cây nào thoát ra khỏi mặt đất mà vẫn còn sống. Định mệnh của loài cây là gắn liền với mặt đất. Trong trường hợp của em là gắn liền vào tôi. Em bay lên rồi em sẽ đi đâu? Đất trời mệnh mông làm sao em tìm cho

ra chú Tanager nhỏ bé ấy? Và cho dù em có tìm được hân ta thì hân cũng đã yên phận với một nàng chim nhỏ bé nào rồi, đâu còn chỗ nào cho em. Tại sao em không ở lại cùng với tôi, chấp nhận số phận đã được đặt cho cây và đá.”

Sòi suy nghĩ rất lâu, rồi nói: “Nếu Sòi ở lại, đến một ngày nào đó Sòi sẽ già mà Đá thì muôn đời vẫn trẻ như thế. Sòi sẽ chết với một mơ ước không bao giờ được thực hiện thì cũng như sống mà chưa bao giờ thật sự sống. Nhưng nếu Đá muốn thì Đá có thể bay theo cùng với Sòi. Nhìn nè, Sòi đã có nhiều cánh, thân hình đã trở nên nhẹ, lá đã biến thành lông dù, Sòi chỉ cần một cơn gió mà thôi.”

Đá buồn rầu: “Tôi biết làm gì bây giờ. Tôi từng nghĩ tôi là người bảo vệ và nuôi sống em nhưng bây giờ tôi e rằng tôi sẽ trở thành người cầm tù em hay ít nhất cũng là gánh nặng của em. Tôi cầu chúc em thành công nơi xứ người. Nếu rẽ của em không giữ nổi tôi thì tôi sẽ rơi xuống và trở thành trăm ngàn viên đá khác. Đá có nhỏ hơn thì cũng vẫn là đá và cũng im lặng với nỗi sầu sâu kín.”

Mùa đông năm ấy, có cơn bão về. Nhiều cây trên rừng đá bật gốc ngã rạp. Cây sòi và tảng đá cùng biến mất. Chỗ của tảng đá là một cái hố tươi rói và to tướng. Theo đúng định luật tự nhiên, cây sòi và tảng đá sẽ rơi xuống mặt đất một ngày nào đó ở một nơi nào đó. Có thể khi rơi trở lại mặt đất, tảng đá và cây sòi vẫn còn là một khối, cây sòi vẫn sống nhờ chất sống của tảng đá, cho đến ngày cây sòi chết đi và nếu may mắn gặp điều kiện thuận lợi cây sòi cũng sẽ trở thành đá. Cũng có thể tảng đá rơi xuống vỡ tan rồi biến thành nhiều tảng đá khác và cây sòi bay mãi mãi trên không trung. Điều quan trọng là Sòi đã vượt qua khỏi số mệnh dành sẵn cho nàng, trong một khoảng thời gian nhất định nàng đã bay và tảng đá cũng cùng bay với nàng.

Nguyễn thị Hải Hà

HOÀI ZIANG DUY

Bàn tay, có điều chưa nói hết

Năm xưa anh cầm lấy tay em
 Năm ngón tay nồng nàn nổi nhớ
 Tình yêu trong chiến cuộc trao nhau
 Khác gì thân gác trọ
 Ở một thuở vào nơi gió cát
 Có giữ được bao lâu
 Bàn tay ước vọng thanh bình
 Trong đôi mắt chia xa
 Ngày về

Nhớ một lúc anh cầm lấy tay em
 Tay không dung già từ vũ khí
 Khi chiến tranh ngơ ngác ngã xuống
 Hòa bình mặt lạ đứng lên
 Có lòng người vui rộng mở
 Có tiếng bi thương cuồng nộ
 Cùng tàu khúc ở một không gian
 Con đau chiều hấp hối

Đâu ai tưởng có một ngày thật thà
 Một ngày người không giống ai
 Một ngày không như mọi ngày
 Đặt đề số phận chúng ta
 Chung cùng
 Cộng nghiệp

Em đã sống cùng anh thời khắc qua đi
 Cầm như kinh nhật tụng đi qua, đi qua
 Có nghe thấy tiếng thầm tự hỏi
 Ở đâu có bàn tay quê hương?
 Để lúc tủi lòng níu lấy

Khóc dùm dẫu bề tang thương
 Giòng lệ khô là lúc nhìn nhau
 Rõ mặt

Năm này anh cầm lấy tay em
 Năm ngón tay đau khi tiết trời trở lạnh
 Bàn tay xưa một thời chở che
 Đã già theo
 Nhọc nhằn tủi nhục
 Ngày lớn dần đêm cũng thay tên
 Như tình ta sống gần hơn trước
 Có biết buồn, cũng buồn theo vận nước
 Giỡn chiêm bao mà sống thật với lòng
 Một đời người,
 Nửa kiếp sống lưu vong
 Biết bao mùa rừng cây xanh
 Trút lá

Hôm nay ta cầm lấy tay nhau
 Cũng có lúc buông rời
 Sau
 Trước
 Khi lẻ loi mới biết xa rời hẹn ước
 Đâu ai hiểu hạnh phúc gần
 Ở một bàn tay
 Không tưởng là mình
 Không là của ai
 Ở một lần vuốt mặt

HOÀI ZIANG DUY

Hành Trình Về Đến Trái Tim

Cam Li Nguyễn thị Mỹ Thanh



Tranh Bảo Huân

1

Ông Paul vui vẻ nhận con vịt làm từ bắp cải thảo rất khéo. Con vịt có thân mình mập mạp, đôi cánh xếp thẳng xuôi theo mình, còn đôi chân thì “tác giả” đã khéo léo giấu chúng mất rồi, cũng không sao, con vịt đang bơi nên giấu chân dưới mặt nước chẳng? “Mặt nước”, chính là cái nền đĩa màu xanh lơ.

Tôi quen ông từ buổi đó, cái đêm văn nghệ gây quỹ của một tòa soạn báo dành cho người gốc Việt. Ông là một trong số rất ít những người không phải gốc Việt tham dự. Ông chưa nói với tôi tại sao ông có mặt. Những người trong ban tổ chức thì chắc biết nhiều về ông. Riêng tôi, tôi muốn ông chỉ là bạn của tôi, thế là đủ.

Tôi thấy mình có một cảm tình rất tự nhiên đối với ông, ngay khi ông đứng lên ghi danh xin tặng một số tiền và nhận món hàng mỹ thuật rất “nhà bếp” này. Số là có một nữ sinh tình nguyện làm hai con vịt trắng tinh bằng cái bắp thảo để tặng cho ban tổ chức trưng bày rồi sau đó... xỏ số. Nhưng rồi cuộc xỏ số đã không diễn ra mà lại biến thành một buổi quyên góp. Ai muốn tặng bao nhiêu thì tặng, tùy hi. Và dù số tiền tặng là bao nhiêu, người ghi danh đầu tiên cũng sẽ được nhận món quà trong số những món quà được đưa ra. Khi ông Paul đứng lên để nhận con vịt, ông không thể bung bằng cả hai tay. Một tay, vâng, bàn tay phải của ông, không thể sử dụng được. Tôi, từ trong một nhóm khán giả ngồi gần đó, đã nhanh chân chạy đến bung món quà giúp ông.

Và như thế, sau vài câu hỏi han thông thường, chúng tôi quen nhau.

2

Tôi ghé thăm ông Paul sau giờ tan sở. Ông đang đứng trước giá vẽ. Ông vẽ bằng tay trái. Còn bàn tay phải yếu ớt của ông chỉ để làm những động tác phụ. Căn phòng trong khu chung cư đủ nhỏ để bề bộn những vật dụng của ông. Tôi dọn nhanh những khung vải, những tấm giấy to vào một chỗ, rồi đến sau lưng ông để ngắm bức vẽ đang dở dang của ông. Ông vẽ một người phụ nữ. Dáng người thanh mảnh, hơi gầy một chút. Mái tóc dài. Chỉ mới có khuôn mặt nhưng cũng làm cho người xem đoán chừng đó

là một cô gái đẹp.

Ông bảo tôi tự lấy nước uống. Tôi đi đến tủ lạnh. Chỉ vài lần đến đây, tôi nay đã xem mình như người nhà của ông rồi.

Tôi chợt nhớ tuần tới là sinh nhật của mẹ. Mà cũng đã lâu tôi không gọi cho mẹ. Tôi móc điện thoại ra và gọi về. Mẹ có ngay ở đó. Tôi biết mẹ vẫn ngồi nơi bàn làm việc, dù mẹ về hưu đã hơn hai mươi năm rồi. Sau lưng mẹ là một giàn kệ sách. Sách ngập tràn, như một thư viện. Tôi từ thuở bé đã từng chơi trốn tìm với mấy anh chị em trong cái rừng sách đó. Và cũng vì ham chơi trong ấy, tôi đã trở thành một con mọt sách. Tôi lớn lớn một chút, mẹ chỉ cho tôi những sách phải coi. Mẹ là giáo sư dạy Sử. Và đương nhiên, tôi làm con mọt trong một lô sách Sử.

Mẹ hỏi tôi:

- Thế bao giờ con mới chịu về cho mẹ gặp?
- Dạ, mẹ ơi, cho con thông thả chút...
- Bao giờ con mới thông thả? Bao nhiêu năm nay rồi, mẹ con mình chỉ gặp nhau trong hình. Con đợi lấy vợ, rồi sinh con, và chắc đợi sinh đủ chục rồi mới về hờ con?
- Không phải...
- Hay con đợi mẹ mất rồi con mới về?

Vẫn những câu trách móc đó. Tôi nghe mắt tôi cay xé. Mẹ ơi, mẹ không hiểu đâu!...

Nhưng tôi giả vờ cười thành tiếng rồi chào từ giã mẹ, nói rằng tôi phải đi làm.

Khi tôi trở lại thì bức vẽ của ông Paul đã tạm xong. Người phụ nữ trong tranh đã rõ nét. Gương mặt là của một thiếu nữ tuổi đôi mươi. Ông Paul vẽ không sắc sảo như một họa sĩ nhà nghề. Nhưng cái hồn của bức tranh như đang thấp thoáng. Ông nheo mắt với tôi:

- Tôi vẽ theo trí nhớ, cậu em ạ!
- Thật sao? Một người quen của ông?
- Phải.
- Một người con gái Việt Nam?
- Đúng.
- Xinh quá!

Ông Paul cười thú vị:

- Cậu khen nét vẽ của tôi, hay khen người con gái?

Tôi ngơ ngác, luống cuống, rồi chống chế:

- Ờ... thưa... cả hai ạ.
- Cậu khôn thế?

Ông và tôi cùng cười vui vẻ. Cũng không có gì lạ, ông Paul thường tham dự những buổi sinh hoạt của cộng đồng Việt. Ông bảo lúc đầu ông được mời, sau dần dần ông mến. Ông biết ăn món ăn Việt, biết hát cả nhạc Việt. Có lần ông bảo: “Đúng ra tôi phải là người Việt”.

Tôi trở lại với bức tranh. Tôi tò mò, không ngăn được mình hỏi:

- Cô gái này đang ở đâu hở ông?

Ông Paul giật mình, hỏi lại:

- Cậu muốn biết?
- Vâng.
- Cô ấy không có ở đây, cô ở xa lắm!
- Tiểu bang nào hở ông?
- Cô ấy ở Việt Nam.
- Ủa, ông có đi Việt Nam?
- Không... À, có, nhưng rất lâu rồi, đã hơn bốn mươi năm.

Tôi lại càng thắc mắc dữ. Tôi hỏi nữa:

- Vậy cô gái này...???
- Lúc đó, cô ấy như thế này.

Tôi thôi hỏi. Tôi hiểu. Đây là một hình bóng cũ của ông.

Mẹ tôi đẹp lắm, ít ra là đối với riêng tôi. Cái vẻ đẹp của

người phụ nữ miền tây, nó ngồ ngồ, đáng mến lắm! Tôi là con trai, lại ham mê sách vở, suốt ngày vùi đầu trong đống sách Sử của mẹ, ít chú ý đến chuyện mỹ thuật. Nhưng hồ như từ khi tôi biết suy nghĩ, cái hình bóng thân thương của mẹ đối với tôi đã là tất cả. Mà tôi đâu phải là con một. Mẹ còn có cả bảy con. Đứa nào đứa nấy phá như quỷ sứ.

Tôi đi xa mẹ đã lâu, hơn hai mươi năm rồi. Ngày tôi đi, mẹ còn khỏe, đến nay mẹ đã tám mươi. Những năm đầu tôi xa nhà, đối với tôi như là đi đày. Tôi chỉ có thể viết tay những lá thư và gửi bưu điện về cho mẹ. Thư đi mất gần cả tháng. Gọi điện thoại thì tôi không dám nghĩ đến. Sau này, tôi tận dụng phương tiện “tối tân” như viết email, và giá cước điện thoại cũng tương đối khá rẻ, tôi mới gọi điện thoại cho mẹ thường xuyên. Chưa hết, gần đây tôi còn biết mua cái webcam để mẹ con tôi có thể “gặp” nhau.

Chính nhờ vậy mà tôi muốn khoe với mẹ về “người bạn lớn” của tôi. “Bạn vong niên” đấy! Ông Paul. Tôi mở webcam lên và bảo ông Paul ngồi bên cạnh tôi. Mẹ đã xuất hiện rồi! Tôi giới thiệu họ với nhau:

- Mẹ ơi, đây là ông Paul, bạn mới của con. Ông Paul, đây là mẹ tôi.

Hai người chào nhau. Mẹ nói tiếng Anh cũng rất giỏi nên câu chuyện khá trôi chảy. Rồi mẹ hỏi tôi:

- Cái bức tranh sau lưng con, là do ông Paul vẽ ư?
- Dạ phải.
- Trông đẹp lắm con à!
- Dạ. Mẹ thấy... có quen không?
- Không. Mẹ chỉ thấy đó là nét của người con gái Việt Nam.

Mẹ lại nói lời khen ông Paul về bức vẽ. Ông cảm ơn. Thế là xong một cuộc trò chuyện.

Tôi mang cái laptop ra chỗ khác để tiếp tục hàn huyên với mẹ mà không gây vướng bận cho ông Paul. Mẹ hỏi tôi:

- Ông Paul ấy... ra sao hử con?

- Ông tốt lắm mẹ à! Ông là cựu quân nhân, giải ngũ lâu rồi. Ông thích sinh hoạt trong cộng đồng người Việt ở đây lắm. Chuyện gì cần đến sự giúp đỡ là có ông.
- Ông đặc biệt mến người Việt hờ con?
- Dạ.
- Con có biết gì thêm về cuộc đời của ông ấy không?
- Dạ không. Khi nào ông ấy thích nói thì ông tự nói, con không muốn hỏi. Con thấy ông có vẻ buồn buồn thế nào ấy!
- Mẹ cũng thấy vậy. Thôi, mình hãy tôn trọng những gì mà người ta chưa muốn thổ lộ với mình, nhé! Mẹ đi nghỉ đây! Già rồi, làm cái gì cũng không ngồi được lâu.

Tôi lại cảm thấy mình có lỗi. Mẹ sắp nói lên nỗi buồn xa con. Mẹ ơi, mẹ có biết không???

4

- Tôi là một cựu quân nhân. Cậu đã biết rồi đấy! Và chiến trường tôi tham dự là Việt Nam. Lúc tôi sang đó, chắc cậu còn ở tận đâu đâu.
- Vâng. Ông đáng tuổi cha tôi.
- Phải. Cha của cậu... có ở với cậu không?
- Không.
- Ồ, vậy xin lỗi... ông ấy ở đâu?
- Tôi... không biết.

Ông Paul có hơi ngập ngừng. Nếu là tôi, tôi cũng sẽ ngần ngại: “Cha của cậu còn sống hay đã chết?”. Tôi không muốn để ông thắc mắc lâu, vì cho đến nay ông cũng đã tâm sự đôi điều với tôi về ông. Tôi nói:

- Ông Paul, tôi không biết mặt cha tôi.

Rồi tôi khựng lại. Ông cũng như hững đi trong một tích-tắc. Có tiếng thở ra nhẹ nhẹ nhưng tôi đã kịp nghe. Tôi nhắm mắt lại. Hình như tôi đã nói ra một điều mà từ nhỏ đến nay tôi rất ít khi muốn nói: “Tôi không biết cha tôi là ai”. Rồi bỗng nhiên tôi có cảm giác ông Paul đang nhìn tôi.

Tôi mở mắt ra. Thật vậy, ông đang nhìn tôi chăm chú. Tia mắt ông lạ kỳ.

Giây lát sau, ông Paul hỏi tôi, giọng thật nhẹ:

- Cậu chưa từng biết mặt cha?

Tôi lắc đầu. Có một nỗi gì đau nhói trong lồng ngực tôi. Nhìn ông Paul, bỗng dưng tôi muốn thổ lộ như với một người bạn.

- Đúng ra là tôi không biết cả cha lẫn mẹ. Tôi lớn lên đến như bây giờ, vẫn thao thức về nguồn gốc của mình. Người mà ông nói chuyện đó, là mẹ nuôi của tôi. Khi tôi có trí khôn thì đã thấy mình là con của mẹ. Mẹ tôi có cả một bầy con hơn chục đứa. Là do bà nhận nuôi từ viện mồ côi. Tôi là một trong số đó.

Đôi mắt của ông Paul như có cái gì làm trĩu nặng. Đôi lông mày cau lại. Những đường nét của thời gian như hằn sâu thêm trên trán ông. Ông lầm bầm:

- Bà ấy thật là một người quá tử tế.
- Phải, một bà mẹ tuyệt vời, ông ạ. Bà là nhà giáo. Bà dạy Sử. Tôi không hiểu vì sao mà bà lại có một tấm lòng lớn lao như vậy. Bà là con trong một gia đình của một vị quan cáo lão về hưu, muốn con cháu mình tiếp nối sự nghiệp giáo dục. Vậy mà bà chỉ có được tôi là đứa con nuôi mê sách Sử. Mấy người kia chỉ thích chuyện khác. Bà yêu thương tôi lắm, thường giảng giải cho tôi nghe về những sự kiện trong sử Việt. Tôi có trí nhớ khá tốt nên những cái mốc lịch sử tôi hầu như thuộc nằm lòng.
- Tôi thật rất ngạc nhiên đấy, cậu à!
- Không ai nhìn tôi mà nghĩ rằng tôi là người yêu Việt Sử đâu, ông Paul. Tôi không có vẻ gì là Việt Nam cả, đúng không ông?

Ông Paul gật gù đồng ý.

Tôi nhớ Việt Nam da diết. Tôi nhớ mẹ và mái nhà thân yêu trong khu phố cũ kỹ ở Sài Gòn. Tôi nhớ mấy anh chị em khác cha khác mẹ cùng lớn lên, học hành, chơi đùa dưới một mái ấm. Mẹ tôi, vâng, mẹ của chúng tôi là mẹ chung. Bà ôm từng đứa, từng đứa chúng tôi từ cô nhi viện về nhà. Bà không biết cha mẹ của từng đứa là ai. Bà chỉ quen biết với viện trưởng của cô nhi viện, người cứu mang chúng tôi. Dưới mái nhà thân yêu của bà, chúng tôi lớn lên như một cái xã hội nhỏ. Có đứa ngoan ngoãn, có đứa hung hăng, có đứa hiếu động, có đứa trầm lặng... Nhưng chúng tôi đều hiểu được rằng mẹ đã hy sinh rất nhiều để trọn vẹn làm một bà mẹ chung. Bầy con thì đứa trắng, đứa vàng, đứa da đen. Mẹ ôm hết, ôm hết. Vòng tay của mẹ bao la lắm! Cho đến ngày chúng tôi tạm gọi là lớn khôn thì bà cũng vừa đến lúc cần nghỉ ngơi. Từng đứa, lại từng đứa, đi ra khỏi mái ấm. Tôi là đứa ở lại cuối cùng. Không phải vì tôi nhỏ tuổi nhất, mà bởi vì tôi không muốn lìa xa mẹ. Nhưng cho đến một ngày, mẹ bảo tôi hãy đi, như những anh chị em khác. Mẹ nói tôi là đứa thông minh nhất, cần bay nhảy, cần có nơi chốn để học hành. Và con đường duy nhất mà mẹ chọn cho tôi, là con đường đi Mỹ.

Tôi đi Mỹ. Tôi đi Mỹ theo chương trình con lai.

Và quả thật, mảnh đất lành đã đón tôi. Dù phải trải qua những ngày cô đơn, lo lắng, nhưng tôi không còn có cái cảm giác sợ hãi của một đứa trẻ lớn lên bị phân biệt đối xử như ngày xưa. Tôi không còn lo bước vào lớp bị bạn bè bắt nạt, thầy cô la mắng. Tôi, tuổi đôi mươi, tự bước những bước đi vững chãi. Tôi đi học. Tôi ra trường. Tôi có việc làm. Nhưng tôi vẫn không quên sử Việt. Là bởi vì tôi vẫn là người Việt. Tôi là con của mẹ.

Rất nhiều khi tôi băn khoăn tự hỏi tôi là ai. Bởi tôi không biết cha mẹ ruột của mình. Tôi từ đâu đến? Tại sao tôi có mặt ở cô nhi viện? Những ngày làm bạn với ông Paul, tôi

lại càng khắc khoải nhiều về những câu hỏi ấy. Chưa bao giờ nổi ao ước gặp lại, hay ít ra biết tin tức về cha mẹ ruột lại to lớn, thúc giục như vậy.

Cũng thật tự nhiên, một hôm ông Paul tâm sự cùng với tôi, như thể ông cũng đã thấu cảm được những ý nghĩ của tôi. Ông bảo ông rất muốn tìm lại những người thân của ông. Tôi ngồi yên lặng nghe ông kể. Khi ông sang Việt Nam, đó là vào khoảng thời gian khốc liệt nhất. Ông quen một nữ cứu thương, người đã cứu ông ra khỏi nguy cơ hoại tử của bàn tay phải bị trúng đạn. Ông và cô ấy yêu nhau. Tình yêu hiền hòa nhưng cũng rất mãnh liệt. Ông bảo sẽ cưới cô khi ông giải ngũ. Cô nghỉ phép về Huế để thăm nhà. Và cũng là để nhận những lời mắng chửi từ gia đình vì cô đã để mang thai với một người ngoại quốc. Ông thúc giục cô hãy trở vào Sài Gòn, cùng ông tiếp tục phấn đấu cho một cuộc sống mới. Nhưng ông đã bất tin cô. Chiến cuộc xảy ra. Cô đã biến mất.

Tôi khóc. Một đấng nam nhi phải khóc khi được tâm tình với người bạn vong niên. Như là tôi đang khóc vì chuyện mình.

Tôi nghe có một bàn tay đặt lên vai tôi, an ủi...

6

- Dậy đi con! Dậy đi con!

Tôi dụi mắt, ngơ ngác. Nghe như tiếng mẹ gọi dậy mỗi sớm chuẩn bị đến trường. Tôi định thần. À thì ra là tôi nghe tiếng chuông điện thoại, vào cái giờ rất quen thuộc ngày xưa được mẹ gọi dậy. Nhưng bây giờ bên nhà là đêm. Mẹ thường ngủ sớm, lại ít khi gọi điện thoại cho tôi, chỉ chờ tôi gọi.

- A-lô, mẹ hả? Sao mẹ gọi con vậy? Mẹ có khoẻ không?

- Mẹ khoẻ. Nhưng con à, mẹ có việc này muốn nói

với con ngay.

- Sao mẹ?
- Hôm qua tự nhiên mẹ nhớ lại một gương mặt rất quen. Nó nằm ở đâu trong trí nhớ lơ mờ, không rõ rệt. Mẹ không nhớ như nhớ một người thân hay một người bạn. Mà là gương mặt của một người đàn bà tuổi khoảng năm mươi, nhưng lại có nét rất giống người con gái trẻ trong bức vẽ của ông Paul con ạ!
- Con chưa hiểu mẹ ơi, người đó có liên quan gì đến mình không?
- Không, mẹ không quen người đó. Nhưng cái ánh mắt người đàn bà đó trông theo mẹ, như đã vào nằm trong vô thức của mẹ mà mẹ không biết. Cho đến hôm qua, khi mẹ thấy gương mặt ấy nổi lên, mẹ đã không cầm được và chạy đến cô nhi viện. Mẹ năn nỉ viện trưởng lúc này cũng đã quá già yếu, cho mẹ biết lai lịch của một đứa con của mẹ. Bà lục lại giấy tờ và cho biết đứa bé này được giao cho viện bởi bà ngoại của cháu. Bà đã đưa cháu đi một đoạn đường thật xa, từ Huế vào Sài Gòn, cốt để tránh tai tiếng. Bà ngoại đã dứt đứa trẻ ra khỏi tay người mẹ của cháu. Khi biết đứa bé đã được mẹ nhận nuôi, bà trở về Huế. Nhưng sau chiến cuộc Tết Mậu Thân ấy, bà không còn trở lại viện nữa. Viện trưởng chỉ có chừng đó thông tin.

Tôi nuốt nước bọt, nói khó khăn:

- Mẹ ơi, xin mẹ hãy kể tiếp.
- Cái ánh mắt của người đàn bà đó, mẹ dần dần nhớ ra, rõ nét con ạ! Người đàn bà đứng ở một góc rất xa, nhìn về phía mẹ con mình. Đôi mắt xót xa, hồi hận, van lơn, nhấn gửi...
- Mẹ con mình hờ mẹ?
- Phải.
- Đôi mắt của bà ngoại con, phải không mẹ?
- Thăng con của mẹ thật thông minh.

7

Ông Paul đã nghe tôi kể lại câu chuyện. Chúng tôi chỉ có chung những chi tiết thật ít ỏi, là loạn ly, đưa con lại, người con gái ở Huế. Là gia đình không chấp nhận cuộc tình của hai người trẻ lúc ấy. Là thời điểm Tết Mậu Thân. Rồi thôi. Không có một giấy tờ gì hay một bức ảnh nào làm bằng chứng. Có thể là gia đình ngoại tôi cũng đã không còn. Tuổi ấu thơ của tôi như một dấu lặng trống trải. Có thể cuộc hành trình tìm về cội nguồn của tôi sẽ phải dừng lại.

Tôi lén nhìn ông Paul. Ông đang đi đến bên bức vẽ. Bàn tay ông sờ lên khuôn mặt của người con gái. Tôi thấy được một trời yêu dấu qua bàn tay phải yếu ớt đó. Và khi ông quay lại, tôi thấy đôi mắt ông đầy lệ.

Tự nhiên tôi thấy tôi ôm chầm lấy ông, trong một cử chỉ không chủ ý. Tôi nghe được trái tim của ông đang đập. Ông hỏi tôi:

- Ta có thể làm cha của cậu không?
- Có thể, ông Paul.
- Chúng ta cũng có thể chỉ là người đựng nước lã mà thôi. Chuyện của cậu, chuyện của tôi chỉ là một trong vô vàn những mẩu chuyện đau thương của cuộc chiến. Một điều đơn giản mà khoa học ngày nay có thể dễ dàng giúp chúng ta tìm ra sự liên hệ.... là DNA đấy, cậu em ạ!
- Vâng, thưa cha.
- Nhưng ...
- Nhưng thưa cha, cho dù có là thế nào đi nữa, con cũng xin được làm con của cha. Bởi cha và con đã “tuần dưỡng” nhau rồi!
- Ta đồng ý, con trai của ta!

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh
Tháng 5, 2012

Bán Con Bằng Internet

Tác giả: **Xiaolu Guo**

Nguyễn thị Hải Hà dịch

Đây là những lý do tại sao Weiming và Yuli phải bán con của họ trên internet, đứa bé chỉ mới nhìn thấy ánh sáng cuộc đời được năm ngày.

Yuli vẫn còn đang đi học, năm thứ nhất trường Đại học Kỹ Thuật Chongqing. Đối với một cô gái nhà quê mười tám tuổi, tai tiếng này thật là khổng lồ; gần như chắc chắn là cô sẽ bị đuổi học và đánh mất tất cả thì giờ lẫn tiền bạc cô và bố mẹ đã đầu tư để đưa cô đến vị thế ngày hôm nay: trên đường đi đến một nơi có cuộc sống tốt đẹp hơn. Cô đã lừa dối tất cả mọi người – từ vị giáo sư chủ nhiệm của ban học đến bạn học cùng lớp và bạn chung phòng nội trú. Với tất cả những người này, cô bảo cô bị bệnh viêm gan và cần phải ở nhà một thời gian. Đó là sau khi cô thành công trong việc giấu cái bụng càng lúc càng to dưới cái áo khoác thùng thình suốt năm tháng trời. Và bây giờ, trong một phòng phụ khoa tồi tàn và nhộp nháp ở ngoại ô của Chongqing, cô cho ra đời một sinh vật tí hon khóc gào ồm ồm.

Yuli là một cô gái có quyết tâm. Cô sẽ học hành, lấy mảnh bằng tốt nghiệp và bắt đầu nghề nghiệp ở một thành phố lớn. Cô sẽ không nuôi con lúc này. Do đó, cô sẽ không hé lộ điều này với bất cứ người nào ở làng quê của cô, một vùng sơn dã gần Sichuan nơi nguồn lợi tức duy nhất là trồng ớt, vì người ở làng quê hay quan trọng hóa việc lập gia đình và sinh con một cách quá đáng. Nếu họ biết cô vừa sinh ra một đứa con trai, họ sẽ tức tốc đến Chongqing và sẽ làm bất cứ việc gì để giữ đứa bé lại. Trí óc của Yuli

rất minh mẫn và quyết tâm, trong lúc đứa bé đang ngậm núm vú của cô với khuôn mặt nhỏ bé và ướt nhem. Cô sẽ không giữ nuôi nó.

Người yêu của Yuli, Weiming, có một động cơ rất đơn giản khiến cậu đem bán đứa con của hai người: không tiền. Weiming là người cùng làng với Yuli. Hai người biết nhau rồi yêu nhau từ thuở thanh mai trúc mã. Làm đàn ông mười chín tuổi, cậu cố gắng vất vả tự nuôi sống mình trong cái thành phố này kể từ khi cậu rời bỏ quê nhà để đi theo người yêu. Cậu không thể tưởng tượng ra cách nào có thể giúp Yuli trả học phí, gửi tiền về gia đình ở quê nhà, đồng thời nuôi một đứa trẻ. Không thể được. Cậu đã làm hai mươi bốn giờ một ngày, hai việc: ban ngày cậu rửa dọn sạch xe, làm công cho cả tư nhân lẫn công sở, ban đêm cậu đứng cạnh cửa, làm gác-dan cho một tiệm nhạc karaoke. Cậu chỉ được ngủ từ ba giờ sáng đến bảy giờ rưỡi sáng. Cậu thấy kiệt sức kể từ ngày cậu đến thành phố này; mắt cậu mờ đi vì thiếu ngủ và trí óc cậu mù mịt như đám mây thường xuyên lơ lửng trên sông Yangtze. Tuy nhiên, cậu hiểu rằng để giúp người yêu và gia đình ở quê, cậu phải làm việc như một con lừa. Con lừa có thể ngủ trong lúc đứng, và Weiming cũng phải học cách ngủ như thế. Cậu không có sự chọn lựa nào khác. Cậu cũng chẳng than phiền gì.

Thế là đôi tình nhân trẻ đồng ý đem bán đứa con của họ trên internet. Yuli học kỹ thuật computer ở Đại học, cô biết cách mua bán kiểu này. Những thứ người ta thường bán là máy móc, đồ vật như ti-vi, máy nghe nhạc Walkman, xe đạp, máy chụp ảnh, đôi khi một quyển sách bị cấm. Dem bán một đứa trẻ bằng xương bằng thịt không phải là chuyện bình thường.

“Nhưng có gì khác biệt chứ?” - Weiming nói - “Bán một đứa bé cũng giống như bán một chiếc xe, chỉ có một điểm khác nhau là giá tiền. Nếu Trung Hoa có thể bán một ít dân sang Tây phương, thì ở đây sẽ có ít người bị đói khát, và chúng ta sẽ có nhiều tiền hơn.”

*Muốn bán một đứa bé trai khỏe mạnh – 8000 yuan.
Liên lạc với: 13601386243*

Con số ấy là số điện thoại di động của Weiming, cậu được giao cho cái điện thoại này là nhờ công việc cậu làm ban đêm. Mặc dù cả hai đều biết 8000 yuan là món tiền quá nhỏ bé cho một đứa bé trai khỏe mạnh, họ lý luận là đa số dân ở tỉnh nhỏ không giàu và họ thì đang vội vàng tổng khứ thẳng bé đi, đòi giá rất thấp có thể giúp mọi việc tiến hành dễ dàng và nhanh chóng hơn. Và Weiming cũng nghĩ đến việc người yêu của cậu có thể tiếp tục mang thai nếu cuộc mua bán này tiến hành êm xuôi.

Sau khi đặt mẫu quảng cáo lên mạng, Yuli cho đứa con trai bú sữa và thay tả ướt cho nó. Điều làm cô lo lắng là nếu không đưa đứa bé đi sớm, cô sẽ bị hụt kỳ thi cuối khóa, và cô sẽ không được cấp bằng tốt nghiệp.

Mẫu quảng cáo trên internet chứng tỏ có hiệu quả. Chỉ vài giờ sau, điện thoại bắt đầu rung liên tục. Vài người đầu tiên muốn biết có phải đây chỉ là chuyện đùa làm cho Weiming nóng nảy la mắng họ. Cậu không có thì giờ để đùa giỡn chuyện đời, cậu đang cần tiền. Nghe chừng như cậu là một thương gia gắt gỏng, cậu mắng lại là nếu họ không có ý muốn mua thì cậu sẽ cúp điện thoại, trong khi ông chủ cau có của cậu đang chửi rủa đằng sau lưng cậu.

Nhưng sau đó, một người đàn bà có giọng nói run run giải thích trên điện thoại là bà ta ở một làng duyên hải gần Qingdao, bà ta đã bốn mươi sáu tuổi, chồng bà ta ốm nặng, vì thế họ không thể có con, bây giờ ông chồng của bà vừa qua đời, và bà muốn mua đứa bé, con trai là lý tưởng lắm. Giọng bà có vẻ lo lắng.

“Bà có khả năng trả 8000 yuan tiền mặt luôn một lần không?” - Weiming hỏi vội vàng.

“Vâng. Nhưng trước tiên tôi muốn xem đứa bé có thật sự khỏe mạnh không đã.”

Weiming bảo đảm với người đàn bà con trai của cậu hoàn toàn khỏe mạnh và cậu sẽ gọi lại cho bà sau khi cậu thảo luận với người yêu. Weiming biết cậu không nên

đồng ý ngay lập tức với người đầu tiên tỏ ý muốn mua. Qua mặc cả, giá bán có thể tăng lên.

Sau một vài cú điện thoại chẳng vào đâu, một cặp vợ chồng gọi điện thoại từ Wenzhou, một thành phố kỹ nghệ phồn thịnh ở địa hạt Zhejiang. Họ muốn nhận được đứa bé càng sớm càng tốt: “Chúng tôi có thể đáp chuyến bay đầu tiên đến Chongqing và gặp cậu.” Đôi vợ chồng này nói cùng lúc nhưng dùng hai cái điện thoại khác nhau. Weiming biết họ là chủ một xưởng giày ở Wenzhou, họ giàu có nhưng không thể có con.

“Thật tình, tôi có một số khách hàng tỏ ý muốn mua. Ông bà làm thế nào để thuyết phục tôi chọn ông bà?” - Weiming hỏi, rõ ràng ám chỉ một cuộc đấu giá. Đôi vợ chồng là những thương gia tinh ý; ngay lập tức họ trả giá đứa bé gấp đôi.

Cuộc thương lượng hoàn tất. Weiming được trả 16.000 yuan tiền mặt. Nhưng cậu không muốn đôi vợ chồng này đến Chongqing, nơi cậu và Yuli đang sống. Để tránh sự khám phá của láng giềng, bạn học của Yuli hay những người đồng nghiệp của cậu, họ đồng ý gấp đôi vợ chồng ở một thành phố không ai biết đến họ: Shanghai. Địa điểm gặp gỡ sẽ là công viên Nhân Dân Shanghai, ngày hôm sau vào lúc bốn giờ chiều ngay trước cổng của công viên.

Đôi tình nhân trẻ vợ vội vàng cái túi xách, trùm quần đứa con đang ngủ và vội vã đến nhà ga để đón chuyến tàu hỏa kế tiếp đến nhà ga Shanghai. Cả Weiming và Yuli chưa từng được đi tàu hỏa vì thế họ thích thú lắm, như trẻ con, trên ghế ngồi, hăng hái nhìn ngắm tất cả các nhà ga mỗi khi tàu hỏa chạy ngang, hình dung họ sẽ có ngày làm việc ở Shanghai, cảm ơn số tiền 16.000 yuan ấy. Thịnh thoảng, Yuli cho thằng bé bú, nhưng cái sinh vật bé bỏng quạu cọ này dường như không thích chuyến đi nên cứ khóc gào suốt buổi. Tất cả hành khách đi chung đều biết và đều ghét đôi tình nhân trẻ này. Có một lần, người soát vé cũng đến hỏi là họ có cần được trợ giúp gì về mặt y tế hay không.

Sau mười bốn giờ đồng hồ, đôi tình nhân trẻ đến nơi,

nhọt nhọt và mệt mỏi, trong thành phố Shanghai rục rờ. Yuli hoàn toàn thần phục. Người dân ở đây xinh đẹp hơn, theo đúng thời trang, nhà cửa cao ráo hơn và sang trọng hơn ở Chongqing. Nhưng Weiming đang đói; cậu không thể thưởng thức cái thành phố mới mẻ này, cậu đói lả và càng cảm thấy mình bất lực trên những con đường đông đúc của Shanghai, hơn là ở Chongqing. Họ vào một tiệm hoành thánh và mỗi người ăn hai tô. Weiming ngốn ngấu thêm nửa con vịt quay. Thức ăn được tiêu thụ nhanh chóng, thô bạo, trong im lặng; nhưng đứa bé thỉnh thoảng ho trong vòng tay của Yuli, không ai hiểu tại sao.

Hai mươi phút trước khi bốn giờ chiều, Yuli và Weiming đứng trước cổng sắt của công viên Nhân dân Shanghai. Đứa bé lại khóc và Yuli phải đưa đưa đứa bé trên tay liên tục, mệt mỏi, cho đến khi thằng bé ngủ thiếp đi.

Đôi vợ chồng chủ xưởng giày Wenzhou đến đúng giờ. Cả hai chừng ba mươi lăm và trông có vẻ khiêm tốn hơn là giọng điệu của họ khi nói chuyện bằng điện thoại với Weiming. Cậu nghĩ trông họ còn có vẻ thiếu ngủ hơn cậu, đầy mệt mỏi. Nhưng ngay khi họ nhìn thấy đứa bé trong tay của Yuli, cặp mắt của đôi vợ chồng bắt đầu lóng lánh. Mắt của họ dán vào đứa bé như là nam châm. Người đàn bà không thể dần được nên kêu to: “Thằng bé đẹp làm sao! Kháu khỉnh quá, đáng yêu quá.” Chồng của chị duỗi ngón tay cứng nhắc, có lẽ vì đã quá cần mẫn đánh bóng những chiếc giày trong xưởng, và sờ đôi má hồng hào và vuốt ve mái tóc mềm của thằng bé. Anh ta có vẻ yêu mến thằng bé. Người đàn bà đỡ lấy đứa bé trên tay Yuli, ôm nó, và bắt đầu mang cảm giác của người mẹ khi đứa con trai ngủ yên trong vòng tay.

Thằng bé thức giấc sau giấc ngủ ngắn, đôi mắt của nó mở to đăm đăm nhìn người đàn bà xa lạ cứ hôn hít nó và nói những câu bằng tiếng Wenzhou khó hiểu.

“Thế còn tiền thì sao?” Weiming cẩn thận hỏi.

Người đàn ông mở cái cặp da, lấy ra một cái bao nhựa màu xanh dày nặng, nhưng không đưa ngay cho Weiming.

Thay vào đó, anh ta nói:

“Hãy vào bên trong công viên. Chúng tôi cần kiểm soát xem đứa bé có khỏe mạnh đúng như cậu nói không.”

Hai cặp vợ chồng đồng ý và cùng vào trong Công viên Nhân dân. Trời tháng Năm, những cây liễu xanh ngắt, khóm trúc óng mượt, hoa nở rộ. Vài người già đang tập tài-chí. Trẻ con đang thả diều, với ông bà của chúng chạy theo phía sau.

Đứa bé đang ở trong tay đôi vợ chồng Wenzhou. Thay phiên nhau, cả vợ lẫn chồng kiểm soát thằng bé thật kỹ lưỡng, sờ soi nó như một đôi giày vừa mới làm xong; họ lật sấp thằng bé, xem lỗ tai, mắt, mũi, ngón tay, chân, ngón chân, ngay cả mông đằng sau và phía trước. Cũng thật kỳ lạ, bây giờ đứa bé lại không khóc. Nó dường như thích thú với việc được chú ý bất thành linh, và nó bắt đầu cười thành tiếng. [1]

Cuối cùng, người đàn bà Wenzhou thỏa mãn và hỏi đôi tình nhân trẻ:

“Cô cậu đã đặt tên cho bé chưa?”

“Không. Chỉ khi đăng ký trong bệnh viện chúng tôi gọi nó là Wei Yu. Đó là cách kết hợp họ của hai chúng tôi.” - Weiming trả lời.

“Như thế, chúng tôi sẽ chọn cho bé một cái tên thật đẹp, cái tên tốt nhất mà một người đàn ông có thể mang.” - Người đàn ông Wenzhou nói bằng giọng hào hứng.

Họ tìm một chỗ vắng vẻ trong công viên, một cái hồ chung quanh viền bằng những cây liễu lá sum suê. Ở đây, không ai có thể quan sát và nhìn thấy chuyện gì xảy ra. Nước hồ trong veo, người ta có thể nhìn thấy đàn cá vàng đang bơi lội dưới đáy hồ. Sen trong hồ mọc rậm rạp, chuồn chuồn chập chờn trên mặt hồ. Người đàn bà Wenzhou tình nguyện canh gác và ra ngoài chỗ khác. Người đàn ông Wenzhou đặt cái cặp da lên mặt đất và lấy cái bao nhựa xanh ra. Cầm một bó tiền Weiming bắt đầu đếm, rất cẩn thận. Thỉnh thoảng cậu lại kiểm soát để xem có phải là tiền giả không.

Lâu quá, mà chỉ mới đếm được nửa số tiền. Người đàn

ông Wenzhou bắt đầu mất kiên nhẫn và Yuli cũng thấy nóng lòng. Cô đặt đứa bé xuống đất, đối diện với hồ, và bắt đầu cầm một cọc tiền khác lên đếm.

Sau một thời gian thật im lặng đến căng thẳng chỉ có tiếng giấy sột soạt, họ cùng đi đến kết luận: đúng 16.000 yuan, không gian lận. Weiming bắt đầu thu gom tiền, khi bất thành linh có tiếng hét.

“Con tôi đâu rồi?” - Yuli bắt đầu khóc vì hoảng hốt.

Cả ba người nhìn chung quanh nhưng chẳng thấy đứa bé đâu, chỉ có cái cặp da trống rỗng nằm trên mặt đất.

Người đàn bà Wenzhou vừa quay trở lại. Khi bà ta đến gần, nét mặt của bà biến sắc. Mọi người nhìn theo hướng mắt của bà về cái hồ yên tĩnh. Khi ánh mắt họ ngừng trên mặt nước, họ thấy đứa bé chết đuối trong im lặng, nhẹ nhàng rơi xuống đáy nước trong veo của một cái hồ xinh đẹp.

Xiaolu Guo sinh năm 1973 ở một làng đánh cá miền Nam Trung Hoa. Bà đã xuất bản bảy quyển sách kể cả truyện dài *A Concise Chinese – English Dictionary for Lovers* (được đề cử cho giải Orange bộ môn văn truyện), *Twenty Fragments of a Ravenous Youth*, và giải *UFO In Her Eyes*, quyển này đã được xuất bản thành sáu ngôn ngữ. Bà viết và đạo diễn bộ phim *She, A Chinese* và *How is Your Fish Today?*

[1] Ý kiến của người dịch: Chi tiết này không hợp lý. Trẻ sơ sinh (năm ngày) may ra có thể nhoén miệng cười nhưng chưa biết cười thành tiếng.

Tuyệt Linh

MỘT MÌNH

Khi về bước nhỏ chao nghiêng
 Lân tảo ngộ đồ còn riêng góc trời,
 Chừng như có chút bồi hồi
 Mai sau biết có ta, người, trăm năm?

Khi về trời đất thanh xuân
 Tháng năm cỏ biếc xanh ngần dáng hoa.
 Khẽ khàng rũ bụi đường xa
 Ngờ đâu lòng cũng chợt sa giọt tình!

Ra đi về lại vẫn mình
 Giở trang lục bát ghi tình hướng xưa!

5/2010

NỖI BUỒN CÒN NGUYÊN

Làm sao viết đoạn thơ xuân
 Tim đau nắn nốt, hoài công, dối hờn
 Tôi xưa tôi chạy quanh hồn
 May ra gặp lại nỗi buồn ươm thơ.

Căng tình trên sợi dây đu
 Phận tôi phờ phạc phù du chốn nào
 Người từ một bữa môi trao
 Là thôi, thôi thế lao đao cuộc tình!

Ra đi về lại cũng mình
 Tóc tơ này biết buộc tình nơi đâu?
 Đành thôi bóng tượng non cao
 Như tranh điêu khắc xanh xao một đời

Tôi xua hồn chạy quanh tôi
 Tìm tôi thiên cổ tìm tôi rửa mòn
 Tìm tôi tìm đại héo hon
 Trăm năm thì vẫn nổi buồn còn nguyên!

2011

ĐINH THẮNG

TÔI NGHE TRONG CÔI ĐÁ VÀNG*

(Cảm tác từ CDV của nhà văn Nguyễn thị Thanh Sâm)



Người đàn ông bạc bẽo
 Đi mãi chẳng thấy về
 Nắng chiều lụn song khuê
 Người đi ôm Tổ Quốc

Không dễ dàng chi hay
 Mai đi. Ừ. Mai đi
 Mai về. Ừ. Mai về
 Tiễn nhau như đêm gở
 Nên thà cứ đi không
 Ước mơ. Trời lỏng lẻo
 Đi nào chẳng nhớ thương
 Hương cau mùa hạ cũ
 Xa ngái rồi mây thu
 Em trôi trên sợi tóc
 Mẹ ngồi phố quanh hiu
 Con chim từ quy hót
 Gọi hoài đỉnh nước non

Giá chi như hèn mọn
 Không mộng giải bùa thiêng
 Bè cong hồn kháng chiến
 Oan khiên mặc máu hồng
 Tiếc thay cây tên độc
 Thí nghiệm một trò chơi
 Tội tình chi? Em chết
 Đường này đúng hay sai?
 Sông khuya về nhà mẹ
 Còn lại chỉ cảnh mai
 Vất lên khăn bông mỏng
 Màu này mẹ thích không
 Mẹ ơi, đêm lỏng lẻo
 Ngồi viết điều trần khuya
 Đèn con mẹ thấp sáng
 Bây giờ mẹ ở đâu
 Mẹ đi nào ai biết
 Con chết nào ai hay
 Hoang sơn người bạn thiết
 Mồ lạnh cười thiên thu
 Nửa đêm nghe đập cửa
 Tiễn người chẳng giải oan
 Bàn tay không vấy máu

Chắc gì không dối. Gian?
 Mùa đông trên suối cạn
 Em đi đắp ân tình
 Con mưa nào phụ rầy
 Xô em về lặng thinh
 Cầu treo không qua nữa
 Từ chối đời bụi bay
 Em đi về cõi khác
 Chết sáng nào ai hay

Tự do. Như mưa vỡ
 Tan tác giữa bờ đê
 Nhà em hương gió núi
 Em về có phải không
 Bên sông đồn quân giặc
 Sương giá mờ giăng giăng
 Bên nay chờ trừ tịch
 Sao muộn vì lẻ loi
 Hàn huyền đôi câu nói
 Ra đi chẳng trở về.

Đinh Thắng

Dallas tháng 4/2012.

*CỒI ĐÁ VÀNG là tên của một truyện dài tuyệt vời đã bị
 lãng quên của nhà văn NTTS. Tôi đọc được truyện này từ
 PHAY VAN qua TQBT số 51. Xin cảm ơn TQBT, PHAY
 VAN và tác giả.

TRẦN THỊ NGUYỆT MAI

Nỗi nhớ

Xếp tất cả nỗi nhớ
 Vào trong tim yếu đau
 Trả lại anh hết thấy
 Thư xanh thời yêu nhau

Em đốt cho cháy đỏ
 Những bản án tình yêu
 Ném đá vào hơi thở
 Giày vò bóng liêu xiêu

Nhan sắc thời con gái
 Năm tháng đã cày sâu
 Anh đi đừng ngoảnh lại
 Cuộc tình chẳng còn đâu

Hãy quên nhau. Thật quên.
 Chẳng còn gì để nhớ
 Tôi ơi! Đừng yếu mềm
 Để tim tràn lệ nhớ...

Hòn sỏi còn vô duyên
 Làm mặt hồ chao vờ...

Vết thương

Đặng Đình Túy

Nội thất. Chạng vạng tối.

Căn phòng ngủ không đèn. Chỉ lò mờ đây đó những chấm lân tinh xanh đỏ nơi có những vật dụng điện tử: máy nghe nhạc, đồng hồ báo thức, màn ảnh truyền hình... Một người nằm trên giường. Chăn gối lệch lạc. Chiều xuống đã lâu được nhận ra qua làn cửa kính mờ mờ. Hình như bên ngoài có cơn mưa nhỏ. Tiếng nhạc từ chiếc máy thu đặt trên cao phát một bản nhạc Việt không lời quen thuộc. Người nằm tựa mình. Y cố nhắc mình trôi lên cao một chút nhưng bất lực. Cùng lúc, có tiếng kẹt cửa, báo hiệu một người khác vừa vào nhà. Kẻ nằm trên giường lên tiếng.

Ông: Mình ơi! Có phải là em đây không?

Có tiếng đáp vọng.

Bà: Vâng, em đây. Em vừa về tới thôi.

Tiếng guốc cao gót vang vọng rõ dần cho thấy kẻ ấy đang vượt qua một hành lang dài. Cuối cùng thì cửa phòng bị xô ra, lộ rõ một khuôn mặt thiếu phụ. Đẹp, tuy đã đứng tuổi. Bà bước hẳn vào phòng, thấy người bệnh đầu tụt quá thấp bèn đưa tay giúp y ngồi đầu lên cao và đặt y nằm ngay ngắn lại. Đoạn bà ngồi xuống chiếc ghế đặt cạnh giường, nhìn vào mặt y toan nói một điều gì đó nhưng tự dừng ngưng lại. Người nằm nhắm mắt một lúc rồi bỗng lên tiếng.

Ông: Mình chịu khó thay cho anh đĩa nhạc. Hình như chiếc đĩa ấy nó ở trên cùng. Có bản “Rồi Mai Tôi Đưa Em” của Trường Sa...

Người đàn bà đứng lên làm theo lời yêu cầu đoạn quay về chỗ ngồi. Đĩa nhạc được phát ra hai ca khúc rồi mới đến lượt bài ca ông muốn nghe. Giọng nam trầm và thật thà, không pha phách kiêu cách. Hai người cùng nghiêng tai lắng nghe.

Bà: (mỉa mai) Một kỷ niệm yêu đương đau đớn cũ?

Ông: (mệt mỏi, bất đắc dĩ) Kỷ niệm đau đớn nhưng không phải yêu đương. Ray rút vì một cái chết. Con cháu X. đấy mà.

Bà: (hụt hẫng bất ngờ, tìm cách nói lãng) Em bật đèn cho anh?

Ông: Chớ! Cứ để tôi thế này kéo... (giọng kể lẽ mơ màng)
 Lúc anh lên đến nơi thì đã liệm xong. Chị ngồi đó, bên cạnh quan tài. Anh chẳng biết làm gì giúp chị đành lại ngồi bên chiếc bàn con nơi cháu –anh đoán– đã ngồi hàng giờ, thậm chí hàng ngày. Có chiếc cửa sổ nhỏ mở ra, mình nhìn thấy những rặng sản mì trồng thành hàng, ngút mắt. Đất đỏ. Xa một chút là núi. Núi gần thì chẳng xanh màu chàm, cũng chẳng rõ màu lá mà xám nhờ nhờ. Trại cải tạo cách xa đấy, nghe đâu khoảng hai cây số. Ngồi một lúc thì anh nảy ý lục soạn xem có dấu vết gì trong đồng sách vở của cháu, dòng chữ nào tiết lộ trạng thái hoang mang đã xô đẩy nó đến chỗ lựa chọn phút cuối liệm linh đó. Không thấy. Chỉ toàn sách là sách. Cuối cùng, anh kiếm ra cuốn sổ tay, tưởng đó sẽ là đầu mối những ghi chép, nhưng không, chỉ là cuốn sổ ghi việc phải làm hàng ngày, nhất là việc mua sắm. Trên đó chợ xa lắm, hình như đến cả mười cây số, phải đón xe lam. Chỉ để mua mắm, muối, ngũ cốc về trộn thêm vào gạo, ăn dần. Trang chót của cuốn sổ có chép lời một bài hát, Rồi Mai Tôi Đưa Em.

Bà: Vì vậy mà bài hát đã ám ảnh anh tới giờ?

Ông: Nó như chìa khóa của một ngăn tủ. Mở ra thì có thể tìm thấy lại mọi sự trong ấy dù tinh thần bài hát chẳng dính dáng gì với hoàn cảnh bi thảm đó cả. Nhưng bây giờ thì nó dính dáng đấy... nó trở nên dính dáng một cách mật thiết...

Căn phòng chìm vào yên lặng, chỉ có tiếng nhạc, nhưng giờ đã là một bản khác. Một lúc lâu. Người đàn bà đứng lên, uể oải.

Bà: Em đi thay áo quần đây (đổi giọng sần sọc làm ra sôi nổi) Anh muốn ăn gì tối nay?

Ông: Anh chẳng biết nữa. Anh có được phép không-ăn-gi-cả không? Phụ lòng em nhỉ?

Không có tiếng trả lời, thấy không khí chùng như căng, ông vội làm hòa.

Ông: Hay là em cho anh vài lát biscotte phết bơ cộng một ly sữa là ổn rồi.

Bà: (ngập ngừng khá lâu) Mà em cũng phải ăn nữa chứ. Cả ngày...

Ông: Nếu vậy thì anh xin theo em, bất cứ régime nào anh cũng thích hợp được

Bà: (rời phòng, vừa đi vừa nói, giọng xa vắng hờn dỗi)
Anh ngoan lắm, cái ngoan chỉ tổ giết chết mọi vun quén, dựng xây!

Ông: (nói một mình) Thế là mình bị kết án ngay vì lỗi không-được-phép-không-có-ý-kiến.

Đoạn cuối câu ông nói lên to dần, dường như muốn kẻ vừa ra khỏi phòng nghe thấy được.

(Giả thử đây là một đoạn phim thì chỗ này nên để màn ảnh hoàn toàn tối trong vài mươi giây. Rồi sáng lại. Trong lúc đó có những tiếng động lách cách của bát đĩa báo hiệu việc chuẩn bị bữa ăn tối).

Người đàn bà bước vào, bật đèn, tay bưng chiếc khay thức ăn, loại khay dùng khi ăn trên giường có bốn chân thấp.

Bà đặt tạm chiếc khay xuống, sửa soạn thể ngồi cho người bệnh. Chợt thấy giòng nước mắt trên mặt ông, bà không dùng khăn, chỉ đưa tay chùi.

Bà: (cười, không hàm ý chế nhạo nhưng có vẻ đã quen với phản ứng đó) Lại sụt sùi đây mà!

Đặt khay thức ăn, bà đưa vào tay ông dao và nĩa, xong ngồi xuống ghế chờ ông đưa thức ăn vào mồm.

Một lúc.

Bà: (nghiêm trang trở lại, giọng kể lể như tiếp nói những điều chưa nói hết) Tụi em là bạn của nhau – thân lắm – trước khi em biết anh. Nó chỉ kém em một tuổi. Tuổi Thìn cao số lắm anh. Không phải tin nhảm đâu, thật đó.

Ông lặng lẽ ăn không nói lời nào cho đến khi xong miếng cuối cùng, đặt muống nĩa xuống và bưng ly nước uống cạn. Bà đứng lên đón khay mang đi.

Ông: Tình yêu là một thứ tham lam nung nấu dài ngày

nhưng tình dục thì chỉ là một tham lam bất chợt.

Bà nắn nã để nghe cho hết câu, nhưng không nói gì, rồi ra khỏi phòng. Khi quay lại, tay không. Lại ngồi xuống cạnh giường.

Bà: Lúc nãy anh nói vậy là có ý nghĩa gì?

Ông: Có nghĩa rằng tham lam tình dục chỉ là một tai nạn. Trước một giây không có “nó”; sau một giây là thoát khỏi rồi.

Bà: Nhưng chỉ mới thoát được một lần, nếu sự tham lam cứ có dịp để được lặp đi lặp lại...

Ông: Ai lặp lại?

Bà: Hắn.

Ông: Như vậy là em đặt mình vào trường hợp kẻ chủ động mà anh thì nghĩ đến vai trò kẻ thụ động. Thông thường, chủ động thuộc về phái nam. Đây, ngược lại; ngược lại đồng nghĩa với thua thiệt!

Bà: Nhiều lần nghĩ về tấn thảm kịch em cứ cho rằng nó tùy thuộc rất nhiều vào hoàn cảnh.

Ông: Tất nhiên. Của thời điểm đó. Của đất nước. Của gia đình. Của cấp độ yêu đương giữa đôi lứa. Của từng cá tính...

Bà: Không, em muốn nói tới sự việc cụ thể của riêng X. kia. Tại sao lại phải tự lưu đày như vậy? Chính mình đã tự trói mình vào góc kín nên dù việc gì xảy ra cũng không có cách xoay xở.

Ông: Nó đâu muốn thế. Chỉ vì có đến hai thân nhân trong trại tù: mẹ và chồng. Vả lại “sự việc” đã xảy ra trước đó, dưới kia, không phải trên này. *(Suy nghĩ, dẫn đo một lúc)* Vả lại... – thêm một lần “vả lại” nữa – nó là đứa kiêu hãnh. Tự lựa chọn và chấp nhận việc lên ở đây với điều kiện vật chất thật gian nan như cách sám hối cứu rỗi; nhưng rồi vẫn tự cho rằng chưa đủ... hay chẳng đưa đến đâu.

Bà: Điều đó anh đoán hay anh biết rõ?

Ông: Tất nhiên là anh chẳng biết rõ nhưng anh đoán dựa trên tính nết của cháu, một đứa trẻ lúc ủy mị thì ủy mị đến cho cả không tiếc chút gì mà khi cần cứng rắn thì cứng rắn đủ để có can đảm tung hê hết.

Bà: Kiêu hãnh nhưng chẳng tránh được sẩy chân

Ông: Khác nhau chỉ ở chỗ là dám nhận trách nhiệm hay không, sau cái sẩy chân đó.

Bà: Nỗi ần ức nơi em là không nhìn được mặt cháu (bạn) lần cuối

Ông: Lúc ấy em đang chờ chuyển bụng con bé út... Rồi sau đó mình trốn chạy, không phải chỉ trốn chạy lịch sử, đất nước, mà đào ngũ trước rồi rầm gia đình nữa.

Bà, ngồi trên ghế mỗi quã, gục đầu lên giường, bên cạnh ông.

Ông: Thật ra Thượng Đế không thêm thử thách người đàn bà vì khi đã làm thì chính đàn bà trực tiếp nhận hậu quả tức thì; chỉ có anh đàn ông thôi, anh ta bị thử thách về ý thức trách nhiệm. Anh ta có thể chạy trốn trách nhiệm trong khi Thượng Đế cười hề hề, phán: “Mày có chạy đàng trời!” Bằng không thì anh ta cúi đầu chịu tội. Và Thượng Đế cứ thông dong neho mắt theo dõi xem anh ta làm được gì...

Không khí trong phòng dần dần loãng đi, yên tĩnh chiếm cứ. Màu tối phủ dần. Ông chợt nhận ra bà đã thiếp ngủ.

Đặt tay lên cánh tay vợ, ông lay nhẹ.

Ông: Này, mình này! Em nằm lên giường đi, ngồi thế mãi chết!

Người đàn bà gượng đứng lên, mắt vẫn nhắm, đi vòng quanh giường, trèo lên phía bên kia, cạnh chồng.

Bà: (ngái ngủ) Em mê đi từ lúc nào nhỉ?

Ông: Từ lúc ...em không buồn nghe anh nói nữa.

Bà: Em vẫn nghe anh đây chứ!

Ông: Thế thì anh kể tiếp: tù trong trại mỗi sáng đi lao động phải ngang qua đây. Chị được giới quản giáo làm ngơ nên mỗi ngày con bé ra đứng nấp trong những bụi sắn mì chờ mẹ. Bà cố chùng chình đi đoạn hậu để nói vài câu với con, thăm nom, dặn dò. Toán đàn ông phía trước, ngược lại, đi dồn với nhau thành một khối, bị kiểm soát gắt gao hơn. Đầu họ cúi xuống, làm lúi; chỉ có một người trong bọn ngược lên, ném cái nhìn rất nhanh về phía con bé rồi quay ngoắt đi, nhưng con bé đã chuẩn bị đáng điệu...

Ông nghe thân hình người vợ bên cạnh cứng lại. Đường như bà nín thở.

Bà: (dặng háng thúc giục) ... như thế nào chứ?

Ông: Tư thế ấy con bé đã chuẩn bị tập dượt nhiều lần. Chắc vậy. Nghĩa là nó cố tình. Hai tay buông, hai bàn tay vòng lại phía dưới để thân áo đằng trước căng thẳng bày rõ chiếc bụng đã mụm múp.

Bà: Cứng đầu! Kỳ quái thật!

Ông: Anh thì cho rằng với thái độ như vậy, con bé đã quyết định. Và nó muốn chuyển cái thông điệp cuối cho người kia.

Bà: Chỉ nghe kể thôi mà em đau quá, anh ạ! Vừa đau vừa rộn. Vừa thương vừa hãi hùng.

Ông: Ở trời tây này đứng trước cùng một hoàn cảnh, người ta sẽ lựa chọn giữa hai giải pháp: hoặc hy sinh mối tình hoặc ném bỏ sinh vật chưa kịp thành nhân... Dù sao thì thân xác hai mươi vẫn quý hơn bất cứ thứ gì trên cõi đời này.

Bà rúc đầu vào ông, rùng mình luôn mấy cái.

Tiếng nhạc lại cất lên, bản nhạc cũ: “Rời Mai Tôi Đưa Em”.

(Giả thử là một đoạn phim thì cảnh cuối sẽ là hình ảnh chiếc giường của hai người nằm bị đẩy lùi xa và nhòe đi bằng cách thực hiện travelling của máy quay. Cùng lúc, màn ảnh truyền hình đặt trên chiếc tủ đối diện hai người bỗng sáng lên – từ từ, không đường đột – cảnh thu hình đám tang, có chiếc quan tài rất đơn giản do hai người khiêng hai đầu, theo sau là một người đàn bà và một thanh niên trẻ, áo quần tối tả, đầu chít khăn tang. Đám tang đi loanh quanh trên con đường đất rồi đến khoảng trống, một khu gò cao. Bọn người lùi húi đào đất. Cảnh này không cần kéo dài. Và cuối cùng là nắm mộ thành hình, trên nắm mộ có trồng cây chuối, gió thổi nghiêng vài tàu lá rách.)

Thư tình

**Nguyên tác : Lettera d'amore của Dino Buzzati (Ý)
Trương văn Dân chuyển ngữ**

.." Dino Buzzati sinh năm 1906 tại Belluno, mất năm 1972 ở Milano (Italia). Trước khi viết văn, ông là họa sĩ, nhạc sĩ và nhà báo, từng là phóng viên chiến trường và phụ trách mục phê bình nghệ thuật cho *Corriere della Sera*, một nhật báo quan trọng nhất nước Ý. Với **Sa mạc Tartari** (1940), tác phẩm đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, ông đã trở thành một trong những tên tuổi lớn của thế kỷ 20. Nhiều truyện dài của ông đã được chuyển thành kịch bản sân khấu, phát thanh và truyền hình. Truyện **Con chó gặp Chúa**, đã được trình diễn trên đài truyền hình Pháp.

Ông viết nhiều tiểu thuyết nhưng hình như thể loại yêu thích của ông là truyện ngắn. Chủ đề quen thuộc của Buzzati là những ám ảnh và nỗi bất an của kiếp người, sự chạy trốn thời gian, định mệnh, sợ hãi đối với hư vô, thất bại của sự sống, mong manh của tình yêu, bí ẩn của nỗi đau và cái ác..."

Bằng bút pháp độc đáo ông dắt người đọc ra khỏi cuộc sống thường ngày để bước vào một thế giới khác, rồi đẩy họ vào những sự kiện nghịch lý, ly kỳ và đầy bí ẩn. Bí ẩn vì nằm ngoài cánh cửa của đời sống thường nhật nhưng cũng có thể đồng hiện hữu với diễn biến thường ngày mà chúng ta đã vô tình không nhận thấy để cuối cùng phải

kinh ngạc, suy nghĩ... trong một niềm xúc động sâu xa."

Cuối cùng thì anh cũng đã về rồi đây, em yêu, và anh đang mong từng giờ là em sẽ đến với anh. Trong bức thư cuối mà tháng trước anh nhận được, em có nói rằng nếu không có anh thì em không thể nào sống được. Anh tin em, và đó cũng là tình cảm mà anh dành cho em. Đó chẳng phải là một sự cuốn hút định mệnh, mà cũng có thể là một sự trùng phạp hay sao?

Giữa một người đàn ông và một người đàn bà, thông thường thì, chỉ có một người yêu thôi. Còn người kia thì chỉ có nước chấp nhận hay chịu đựng. Nhưng trong chuyện chúng mình thì, may thay, niềm si mê thì giống nhau ở cả hai đũa. Bởi cả hai đều yêu nhau điên cuồng. Điều này thật là tuyệt vời, nhưng tất nhiên cũng có lúc làm mình hoảng sợ. Chúng ta giống như hai chiếc lá bị hung bạo đẩy cho gần nhau bởi hai ngọn gió nghịch chiều. Điều gì sẽ xảy ra khi chúng mình gặp nhau?

Bức thư này sẽ mất 48 tiếng đồng hồ mới có thể đến tay em. Từ mấy tháng nay, anh biết là em đã nói lời giã biệt bạn bè và chuẩn bị hành lý sẵn sàng để khởi hành. Để đến gặp anh, em sẽ mất khoảng vài ngày. Giả sử là em khởi hành vào ngày thứ bảy. Sau ba ngày, bắt đầu từ sáng thứ hai, anh sẽ chờ đón em.

Cuộc sống của chúng ta sau này rồi sẽ ra sao? Trong những năm tháng xa cách anh vẫn thường suy nghĩ đến cuộc sống chung của chúng ta sau này. Nhưng thú thật là những ý tưởng của anh đến giờ cũng chưa được rõ ràng. Cứ mỗi lần anh nhắm mắt hình dung, lòng ham muốn được có em trong đời lại cứ ập vào làm cho sự tưởng tượng của anh bị xáo trộn rồi gián đoạn.

Hôm nay, nhân cơ hội có được một phút bình yên, anh cảm thấy cần trình bày với em một vài điều. Dĩ nhiên là không cần gì phải thuyết phục em. Sẽ kinh khủng biết bao, nếu trong anh hoặc trong em vẫn còn bóng dáng của

sự nghi ngờ nào. Và anh hy vọng là trong suốt cuộc hành trình, khi đọc những trang thư này em sẽ đánh giá được một cách thật đúng tình cảnh và cơ hội của anh và em, trước khi chọn một quyết định không thể hủy bỏ.

Trước khi quá trễ, anh muốn xét lại những ưu và khuyết điểm của mỗi chúng ta, xem lại từng hoàn cảnh, khẩu vị, thói quen, ước muốn để xem tính tình chúng ta hợp nhau đến đâu. Trước đó em đã từng làm việc này chưa vậy?

Để bắt đầu, chúng ta xem qua địa vị xã hội. Em, một giáo viên Pháp Văn của một trường trung học cấp hai, còn anh là một nhà sản xuất rượu vang. Tóm lại, như người ta thường nói, anh là một nhà kinh doanh trong khi em là một người trí thức. Vậy thì khó khăn lắm, may thay, chúng ta mới có thể hiểu nhau, thật sự, và giữa chúng ta luôn có một rào cản, một hàng giậu chia cắt, mà dù cả hai đều muốn, nhưng rất khó thể vượt qua.

Em hãy nghĩ đến, thí dụ, chuyện bạn bè. Bạn bè của anh phần đông đều tốt và đường hoàng, nhưng đơn giản. Anh không muốn nói là họ dốt nát, bởi vì trong số đó có một luật sư danh tiếng, một tiến sĩ nông nghiệp, một vị thiếu tá về hưu. Nhưng trong bọn họ, không ai có những vấn đề phức tạp, nói chung là họ thích ăn ngon, hưởng thụ và thích nghe những chuyện mờ mịt. Trong những lần họp mặt với họ, anh đang hình dung là em sẽ ngập dài nhưng sẽ cố tình che giấu bằng một sự tế nhị của con nhà có học. Chắc sẽ rất khó cho em để có thể quen được chuyện này. Em là một người có tính khí, sự kiên nhẫn và độ lượng lại không phải là sở trường, và có lẽ vì cá tính này mà anh rất thích em. À, mà bây giờ em nghe anh nói nhé, nó chẳng liên quan gì đến những điều anh vừa nói: Nếu em có thể khởi hành với chuyến xe lửa đầu tiên vào sáng sớm của ngày thứ bảy, và sẽ đến chỗ anh vào tối chúa nhật, không phải là một điều tuyệt diệu hay sao?

Tâm hồn đồng điệu, em thường nói với anh như thế. Và anh cho rằng em có lý. Sự đồng cảm của hai con người không phải là sự giống nhau hay rất giống nhau.

Ngược lại: kinh nghiệm cho hay là chúng có nghĩa ngược lại. Như trường hợp của hai ta. Em là giáo viên tiếng Pháp, anh là nhà sản xuất rượu vang, thời gian mới quen em thường nói đùa và định nghĩa anh như thế. Anh sẽ nói với em rằng anh sẽ không bao giờ trở về Á Căn Đình (Argentina) nữa. Với anh thế đã đủ rồi. Anh đã bán tất cả những đồn điền thừa hưởng từ người chú ở Mendoza và từ nay anh sẽ không bao giờ rời quê xưa nữa, hay ít ra là hy vọng như thế. Bởi chỉ có ở đây anh mới cảm thấy mình hạnh phúc. Anh cũng biết rằng, sống ở miền quê, em sẽ phải đi về như con thoi để dạy học ở một thành phố gần nhà nhất sẽ làm em hoảng hốt. Và nơi đây, anh phải thú thật với em rằng đó chính là một vùng quê chính cống, một trăm phần trăm. Chắc chắn là ngay từ đầu em đã có ý khựng lại. Và đây rồi, ngay lúc này anh lại nhớ đến cái miệng của em, khi em bậm môi như đứa bé gái, như chờ đợi một điều gì. Em sẽ nói rằng đó là chuyện tâm phào, em sẽ lặp lại điều đó nhiều lần, nhưng anh biết là với đôi môi vừa hé mở đó có ẩn giấu những điều chưa nói. Và từ đôi môi ngọt ngào ấy, thú thật, là cũng vì nó mà anh rất thích em.

Còn căn nhà. Nhà anh ở thì khá lớn và tương đối đầy đủ mọi tiện nghi - mới đây anh vừa sửa sang lại ba phòng tắm - nhưng em cũng biết là nó rất khác ngôi nhà mà em từng ở. Các tủ, bàn... đều là thứ của các cụ nội, cụ tổ của gia đình anh. Thay đổi nó đi, thú thật với em, anh cảm thấy như mình có tội với tiền nhân, như xúc phạm đến lăng mộ của họ vậy. Trong khi em thích loại gỗ Gropios (viết như vậy có đúng chính tả không em?) Xin lỗi em nhé, nếu anh không viết đúng, em cũng biết là anh chỉ học đến lớp chín rồi thôi phải không... Còn em thì thích thứ divan kiểu mới, các ghế ngồi hiện đại, nhà treo các loại đèn chùm được thiết kế bởi các kiến trúc sư danh tiếng. Tất cả đều phải bóng láng, tiện lợi, thích nghi và phù hợp với hình-thể nhân-thân (ortopedique, người ta nói như thế phải không em?). Giữa tất cả các thứ bàn tủ cổ xưa này - anh cũng thừa hiểu mà - chúng ta không thể đòi là chúng phải

có “gu” (gout) hiện đại, em sẽ cảm thấy thế nào? Chỉ cần nghĩ đến các thứ mùi vị phát ra từ các căn phòng, ẩm ướt, bụi bặm và quê mùa anh thấy thật yêu thương em. Xin lỗi em nhé. Em sẽ cảm thấy cả người mình phủ đầy ẩm mốc. Em sẽ thấy mình như một người lạ mặt. Em sẽ tự khép lại như một con nhím biển. Nhưng này, em yêu ơi, hãy đến bên anh ngay đi. Mong em lắm rồi nè.

Giờ ta hãy xem về tính nết. Anh dễ dãi, cởi mở, vui tính, có khi hơi quá trớn, biết thế nhưng anh không kèm chế nổi. Còn em thì được giáo dục nghiêm khắc bởi các bà soeur người Pháp ở trường Saint-Etienne, em thuộc về một gia đình quý tộc mặc dù kinh tế đã suy sụp (em sẽ cho rằng anh rất phũ phàng khi viết huych toet chuyện này ra, nhưng hãy tin anh đi, tốt hơn là chúng ta cứ thẳng thắn như thế) quen sống trong một xã hội trí thức, tinh tế, thường đến những nơi mà người ta nói về những vấn đề nghệ thuật cao xa, về văn học, về chính trị (và cũng có những chuyện ngòai lề đôi mách nhưng luôn có vẻ lịch sự). Anh thì quê mùa, dù đã đọc các tác giả như Manzoni, Tolstoi và Scienkiewicz, nhưng vẫn phải thừa nhận sự thấp kém của mình về văn hóa. Còn em thì đầy thận trọng, dè dặt, khinh khỉnh, anh không muốn nói là kiêu kỳ (nhưng em có một làn da kỳ diệu, vuốt ve em anh luôn bị rùng mình, không biết đã có ai nói với em như vậy chưa?), em hình chiếc mũi dễ thương khi nghe một chữ dùng không đúng chỗ. Về sống với anh, em sẽ phải nghe rất nhiều lần những chữ dùng sai. Đó không phải là một điều tuyệt diệu sao em? Em sẽ phải hôn anh, làm cho anh thêm muốn và hờn dỗi.

Còn có một điều khác nữa. Em đã quen sống ở thành phố lớn. Có lần em nói với anh rằng với em thì tiếng động cơ xe hơi, tiếng hụ còi của xe cứu thương, tiếng rít ken két của xe điện có tác dụng như một thứ thuốc phiện, nó giúp công việc ban ngày của em được dễ dàng và làm cho giấc ngủ ban đêm được dễ đến. Tóm lại là em có tính khí của người đô thị, đầy điện năng, như người ta thường nói. Còn nơi anh đang ở thì trái ngược, có một sự tĩnh lặng

gần như tuyệt đối; nhiều khi làm cho anh cũng phải khó chịu (Anh bảo đảm với em là như thế). Ban đêm, còn kinh khủng hơn! Ta chỉ có thể nghe được tiếng cây, khi có gió, tiếng rả rích của những giọt nước rơi trên mái nhà, khi có cơn mưa, xa xa có tiếng chó tru, hoặc sủa khi trời có trăng. Không, em không thể nào quen được. Và anh đã tiên đoán là em sẽ rất căng thẳng, đáp lời nhát gừng, cẩu gắt và khó chịu. Em thấy sao, có vui không? À, anh báo cho em hay là tờ yết cáo hôn nhân đã được công bố ở nhà thờ từ lâu rồi. Đức cha xứ cũng đã đồng ý là sẽ làm lễ kết hôn cho chúng ta ngay cả sáng thứ hai, chỉ cần em đến kịp.

À, còn một chuyện nữa mà anh thấy cần nhắc cho em nhớ. Anh rất yêu bóng đá, điều mà em rất ghét và kinh tởm. Anh là cổ động viên của đội Juventus và tối chúa nhật, nếu đội bóng của lòng anh thua trận, anh ăn cơm cũng chẳng ngon đâu. Với các bạn bè, chắc em cũng hiểu được, là bọn anh sẽ mãi mê tranh cãi về trận bóng, có khi suốt cả tuần. Còn với em, anh nghĩ, là chắc em sẽ buồn nôn. Buổi tối có thể em sẽ nhìn anh bằng một cách khinh miệt, như người ta nhìn con giun đang bò trên mặt đất. Rồi có thể là chúng ta sẽ cãi nhau, và từ cái miệng rất xinh của em sẽ tuôn ra những lời khiếm nhã. À này, hôm đám cưới em có thể mời ai tùy thích, họ có thể ngủ đêm ở khách sạn Terme gần nhà anh, nơi đó tương đối sạch sẽ. Dĩ nhiên là anh sẽ trang trải mọi chi phí. Còn bà con của anh, anh thông báo cho em hay họ khoảng 40 người là ít nhất. Hãy đến với anh đi cùng, để anh có thể siết chặt em vào lòng, ôi thích làm sao khi em úp mặt vào ngực anh.

Đúng là có những thói quen trong thành phố rất khác nhau. Khi không đi xem chiếu bóng (à, mà em đã xem phim Waterloo chưa? Anh rất thích) chắc em sẽ đi thăm bạn gái phải không? Thảo luận về vấn đề học đường, chương trình giảng dạy, làm công tác nhóm và em và bạn cảm thấy mình là những bộ óc siêu việt, có phải vậy không? Buổi tối, hình như anh đã viết cho em rồi, là anh thích ngồi xem T.V., một thói quen đáng ghét phải không? Nhưng chẳng sao đâu, thỉnh thoảng anh cũng sẵn lòng đưa

em đi xuống phố hay chờ đi đâu đó, em yêu ạ. Bởi vì em từ chối xem TV, nhất là các thứ chương trình vô bổ mà bà gác-dan vẫn thường xem.

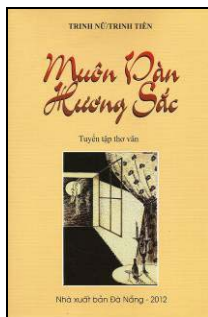
Nhưng sẽ có những buổi tối, tại sao chúng ta phải che giấu sự thật này, em cũng sẽ phải xem trận bóng đá với anh. Anh đang tưởng tượng rằng em sẽ nguyên rủa nó. Em sẽ ngồi thu mình trong một góc trên ghế đi-văng, và đọc Teihard du Chardin (không biết anh viết tên tác giả này có đúng không?). Này em yêu, em hãy lấy máy bay, hãy lấy phi tiễn liên hành tinh, hay chiếc thảm bay. Anh không thể chờ được nữa. Lòng anh nôn nao quá. Đến ngay đi, em yêu, anh xin thề với em rằng, chúng ta sẽ không thể nào hạnh phúc bên nhau.

Trương Văn Dân chuyển ngữ

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

Phụ trách: Phạm văn Nhân

(LTS: Trong tháng 4 năm 2012, chúng tôi nhận được một số tác phẩm do tác giả gửi đến TQBT. Chúng tôi sẽ cố gắng đọc, và rất trân trọng ở mỗi tác phẩm mà quý vị có nhã ý gửi tặng. Tuy nhiên vì trang báo có giới hạn, những tác phẩm trong và ngoài nước gửi đến chúng tôi nhận sớm sẽ giới thiệu sớm trong kỳ phát hành báo sớm nhất. Còn lại chúng tôi sẽ lần lượt giới thiệu sau trong những số kế tiếp. Sách báo nếu muốn giới thiệu xin vui lòng đề tên người phụ trách. Tòa soạn sẽ chuyển. Nếu không đề, chúng tôi xem như quý bạn không muốn giới thiệu. Trân trọng.)



MUÔN VÀN HƯƠNG SẮC: Tuyển tập Thơ văn của TRINH NỮ/TRINH TIÊN. Tập thơ dày 112 trang, gồm khoảng 60 bài thơ và văn sáng tác từ năm 1936 cho đến 2003. Do các con, các cháu nội ngoại thực hiện. Phụ lục/Tranh bìa: Đêm Tân Hôn do B.Đ Ái Mỹ. Một bài viết “Núi My Ê” của B.Đ Ái Mỹ (1971). Và hình chụp tập “Tình Thơ” (bìa và trang đầu) xuất bản năm 1944. B.Đ Ái Mỹ là ông Bửu Đáo Ái Mỹ, phu quân của Nữ Sĩ.

Thơ văn của bà xuất hiện vào năm 1937 trên báo *Trong Khuê Phòng, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Đàn Bà, Tam Bảo, Giác Ngộ, Liên Hoa, Tự Do, Tiếng Dội*. Có mặt trong *Hương Bình Thi Phẩm* của Hoàng Trọng Thước (1962),

Tuyển Tập Thi Ca Việt Nam Từ Thế Kỷ thứ 11 đến Thế Kỷ Hai Mươi của Huỳnh Sanh Thông (1966), *Nữ Sĩ Việt Nam* của Như Hiên - Nguyễn Ngọc Hiên (2005).

Được biết bà cùng với nữ sĩ Thụy An (Bắc), Mộng Tuyết (Nam) kết nghĩa chị em văn nghệ đại diện cho ba miền. Bà còn là nghĩa muội của thi hào Quách Tấn.

Bà tên thật là Nguyễn Thị Nuôi, sinh năm 1921 tại Thạch Thang, Đà Nẵng. Viết dưới nhiều bút hiệu: Trinh Nữ. Trinh Tiên. Tâm Tấn. Lan Xuân, Diễm Bút, Tàn Ngọc.

Bà cũng là mẹ của những nhà thơ, nhà văn: Thanh Nhung, Vĩnh Hảo, Vĩnh Hiên... một thời thành danh trên văn đàn miền Nam. Xin trích một đoạn của nhà văn Vĩnh Hảo viết về bà: “...Mẹ tôi là nữ sĩ thời danh từ cuối thập niên 1930, khi bà hãy còn là một thiếu nữ 16 tuổi, với bút hiệu Trinh Nữ, sau đó là Trinh Tiên, với những bài thơ tình diễm lệ, những bài thơ nói về thể thái nhân sinh, về thể sự, chiến sự, về nỗi đau của người dân yêu nước; và cuối cùng là Tâm Tấn với những bài thơ thấm nhuần Phật Pháp qua thi phẩm *Hương Đạo Hạnh*...”

Tập thơ do nhà xuất bản Đà Nẵng phát hành năm 2012.

Thành thật cảm ơn Hương Diễm đã gửi sách tặng.

▲ Ngoài ra, tòa soạn cũng vừa nhận một số tác phẩm sau đây được các tác giả gửi tặng. Xin trân trọng giới thiệu cùng quý bạn:

- **Cõi người**, tập truyện của Sâm Thương, nxb Thanh niên, 2012

- **Bàn tay nhỏ dưới mưa**, tiểu thuyết của Trương văn Dân, nhà xb Hội nhà văn (2011)

- **Mùa hè tươi đẹp** của Cesare Pavese, Trương văn Dân dịch, nxb Hội Nhà Văn (2011)

- **Về đâu mây trắng** thi phẩm của Cao Quảng Văn, nxb Thanh niên 2001

- **Huế, một nửa vàng trắng**, thi phẩm của Ngọc Anh Vỹ Dạ. Bản in giới hạn dành tặng những người yêu thơ

- **Hừng đông sau rừng**, thi phẩm của Nguyễn Thùy Song Thanh, nxb Thanh niên 2003

Giữa bạn đọc và tòa soạn

Tòa soạn thông báo:

- Danh sách tất cả các tác phẩm được xuất bản hoặc tái bản bởi cơ sở Thư Ấn Quán được cập nhật trên trang mạng:
<http://tranhaoithu.wordpress.com>

- Kể từ nay, sau khi tạp chí Thư Quán Bản Thảo được phát hành, chúng tôi sẽ thực hiện thêm phần E-Book (dưới dạng acrobat pdf) nhằm gửi đến các bạn ở VN nếu có yêu cầu. Vì lý do đặc biệt, chúng tôi xin được miễn gửi file theo dạng WORD. Mong quý bạn thông cảm..

Thư của cô Ph.B, ái nữ nhà thơ Nguyễn Đức Sơn (VN):

... Sau khi đọc xong cuốn TQBT (*) con rất thích, con cảm nhận các Bác giúp ba con làm được một việc rất lớn và tâm huyết các Bác dành cho cuốn sách đó quá nhiều, con biết rằng các Bác phải vất vả lắm mới hoàn thành được cuốn sách này, các anh em con vô cùng cảm động. Đối với ba con mặc dù không nói ra nhưng con nhìn thấy nơi ba con có phần khoái trí thích thú và vui sướng khi đọc lại những tác phẩm và những bài viết mà mọi người viết về mình. Đối với anh em tụi con thì các Bác đã âm thầm nói một nhịp cầu giữ chúng con với gia đình, tụi con rất trân trọng và cảm động về điều này...

- Thư của cháu đã chuyển đến những người trong ban chủ trương và thực hiện dự án. Cảm ơn cháu đã chia sẻ.

(*) Thư Quán Bản Thảo tập 50 chủ đề về Nguyễn Đức Sơn (tòa soạn chủ thích)

Thư của nhà văn Phùng Nguyễn (CA):

Có người trong nước muốn xin tập TQBT về tạp chí Bách Khoa. Anh còn thì gửi cho xin nhé.

- Sẽ gửi ngay. Chúc lành.

Thư của Th. Ng. (CA):

Cảm ơn anh thật nhiều. Hơn 30 năm, em đọc lại những bài thơ của Nguyễn Đức Sơn.

Và nhớ lại những ngày với bạn bè chia sẻ với nhau về bài thơ "Hột/thì le" của thi sĩ Nguyễn Đức Sơn. Không ai có thể đổi lại. Ngày đó em nghĩ đó như là một công án của thiền. Và bây giờ cũng như thế. Nguyễn Đức Sơn, Bùi Giáng, Phạm Công Thiện, Tuệ Sỹ vẫn sống mãi trong lòng những người yêu mến văn học.

Nhà văn Trần thị Ngh. (Paris): *Sẽ gửi số báo yêu cầu. Tình thân.*

Nhà văn Ban Mai: *Cảm ơn sự sốt sắng của BM. Bài viết cảm động lắm. Xin được để dành vào số viết về tạp chí Văn.*

Quà tặng của tạp chí Thư Quán Bản Thảo:

●**Sao em không về làm chim thành phố.** Thi phẩm của Lâm Vĩ Thủy, Huyền Trân xb năm 1963, Thư Ấn Quán tái bản tháng 5-2012. Trong lần tái bản này, có thêm những bài thơ do nhà xuất bản mới sưu tập. Tranh bìa Đinh Cường. In bằng loại giấy đặc biệt. Chỉ tặng khi có yêu cầu.

●**Bốn ngàn năm chen lẩn.** Tập truyện của Hoài Ziang Duy. Sách dày 278 trang. Thư Ấn Quán xuất bản 2010. Sách chỉ tặng khi có yêu cầu.

